

NGUYỄN - KHÁC - HIÊU

Tản - Đà văn - văn

TOÀN TẬP

NHÀ XUẤT-BẢN HƯƠNG-SƠN

THÂN-THỂ VÀ SỰ-NGHIỆP VĂN-CHƯƠNG CỦA THI-SĨ TẢN-ĐÀ

Muốn đáp lại nhời yêu-cầu của các độc-giả ưa đọc thơ cổ-diễn, lối thơ gốc rễ của nước nhà, và các bạn yêu văn thơ của thi-sĩ Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu, chúng tôi xin sưu-tập thêm và xếp đặt lại cho ra cuốn « Tản-Đà Văn-văn toàn-tập » này.

Theo thường lệ, ở đầu sách phải có một bài nói về sự-nghiep văn-chương và lịch-sử thân-thể của tác-giả. Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh được viết mấy lời đây : vừa đứng ở địa-vị người nội huynh, người thân-hữu, vừa đứng ở địa-vị nhà xuất-bản. Đó là chúng tôi muốn nói rằng : Nói về Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu tiên-sinh thì không còn sai nhầm gì về thân-thể và sự-nghiep của tiên-sinh ; mà nếu có giải-thích về tâm-lý thơ văn của tiên-sinh có lẽ cũng chẳng khi nào sai thù. Bài này cũng là để đính-chính lại những bài của nhiều người đã viết về tiên-sinh nữa.

Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiểu tiên-sinh sinh năm 1888 ở làng Khê-thượng, huyện Bất-bạt, tỉnh Sơn tây, một làng ở trên bờ giòng Đà-giang và xa xa cách một cánh đồng bát-ngát đến chân núi Tân-Viên.

Tiên-sinh là con giai cuối của quan án-sát Nguyễn-Danh-Kể. Ngài đồ cử-nhân, làm quan đến Niết sứ (1) thì về hưu : một học quan danh nho, liêm lại có tiếng đời xưa. Vì con quan to (triều-đình ngày trước có cách đền công khó nhọc và ưu-đãi các thế-gia, nên được tập ăm gọi là Ấm-sinh. Nếu học hành, đồ được kỳ thi ấm-sinh là vào trường Hậu-bổ học tốt-nghiệp thì lại được thụ hàm ra làm quan nổi nghiệp cha ông), Tiên-sinh vì thế được tập ăm, thuở nhỏ gọi cậu « Ấm Cứu », đến khi đi thi Ấm-sinh mới đổi tên là Nguyễn-Khắc-Hiểu. Lúc làm văn mới lấy biệt-hiệu là « Tân-Đà ». Trong bài thơ yết-hậu của Tiên-sinh thích nghĩa cái biệt hiệu ấy có ba câu rằng :

Ba-vì ở trước mặt. (2)

Hắc-giang bên cạnh nhà. (3)

Tân-Đà.

(1) Niết-sứ là quan Án-sát sứ.

(2) Ba-vì là núi Tân-Viên.

(3) Hắc-giang là sông Đà, nước lúc nào cũng trong đen.

TÂN-ĐÀ VẠN VẤN

Cái lối đặt biệt-hiệu xưa nay các danh-sĩ Đông-phương: Nhật-bản, Trung-hoa Cao ly, Việt Nam, theo Hán-học đều chung một điệu như nhau. Biệt-hiệu cũng là để lấy một nhĩa đối với đời, mà lại cũng là để biểu-lộ ý-chí ra với thiên-hạ. Xem hai chữ Tân-Đà, đủ biết chí cao viễn sàu dài của tiên-sinh, muốn cùng với non sông cùng tởp.

Quan Ân sinh ra tiên-sinh làm quan do chân khoa mục ra. Cũng như các nhà quyền quý khác ở Á-đông, ai cũng có cái quan-niệm « giàu của giàu con » làm một cái hạnh-phúc vô thượng, nên ngài cũng lấy sự « cả sông dòng chợ, lắm vợ nhiều con » làm một cái hay, một cái mà các nhà đại phúc mới có.

Vả cái thú ông Tô-Đông-Pha chơi sông Xích-bích, ông Bạch-Cư-Dị nghe hát bên Tầm-dương ; ông Quách-Tử-Nghị tiền thụ sinh đồ, hậu thụ nữ nhạc, vốn là vạn-sự phong-lưu của các bậc quan thần, ngoài việc bổn-phận ra cũng biết hưởng lấy khoái-lạc phong-nhã ở đời. Quan Ân cũng ở trong vòng Hán-học xuất thân, có vợ cả, vợ hai rồi. Khi gặp bà cụ thân-sinh ra Tân-Đà tiên-sinh, tuy lạc bước vào áng Bình-khang, song cũng là bậc nữ-tài học-thức, hát hay, thơ hay, người đẹp, ngài mới lại tính đến dương

kết tóc se tơ làm đôi bạn chung kỳ tri-kỳ. Khi gặp cụ bà là lúc ngài đương Tri-phủ Lý-nhân, nên cụ bà mới có cái tên là « bà Phủ Ba ».

Do tài thơ ca và tư-cách phong-nhã, cho nên bà cụ « Nhàn-Khanh » (con quan Phó-dò Ngự-sử họ Dương ở Vân-dinh, Ứng-hòa, Hà-dòng, lấy cụ Trịnh-Đình-Kỳ cũng chân cử-nhân ra Tri-huyện), mới cảm tình kết thành đôi bạn thân-giao, thơ văn trao đổi. Bà Nhàn-Khanh sinh được ra ông cử Trịnh-Đình-Rư và nhà văn-sĩ Trịnh-Thúc-Hiến quê ở Định-công, Hà-nội, có một tập thơ rất nhiều bài, chính tôi đã lấy tư-cách làm cháu ngoại cụ đem lục đăng vào « Nam-Phong tạp-chí ». Sau có người nhầm tưởng cụ Nhàn-Khanh với bà Huyện Thanh-Quan là một, đem hiệu Nhàn-Khanh ghép vào cho bà Thanh-Quan là không phải. Tôi muốn nói kỹ chỗ này là để biểu-lộ cho độc-giả biết bà cụ thân-sinh ra ra Tản-Đà tiền-sinh quả có nhân-cách tài-hoa đáng kính. Tôi xin lục ra hai bài thơ dưới để chúng ta cùng biết đến cái chân tài của bà cụ, có lẽ cũng do ở thai-giao mà tiền-sinh đã có hồn thơ ngay từ khi còn nằm trong bọc mẹ.

Thơ bà Nhàn-Khanh khi ở Vân-dinh gửi cho bà Phủ Ba thân-sinh Thi-sĩ Tản-Đà :

TẢN-ĐÀ VẤN VẤN

Ai lên Bất-bạt nhún nhe cùng,
 Nhún hời ai rằng có nhớ không.
 Nửa bước xa xa bằng mấy dặm,
 Một ngày đường-đặng vì ba đồng.
 Giọng thơ tri-kỷ say mê-mệt,
 Ngọn lửa tương-tư đốt cháy nồng.
 Khắc-khoài năm canh lòng luyến những,
 Thơ tình mờ mờ lại phong phong.

Thơ bà Phủ Ba thần-sinh ra Tản-Đà tiên-sinh đáp lại bà Nhân-Khanh :

Đêm qua vợ-vân chốn thư-đường,
 Mong-mỏi chung-tình chẳng thấy sang.
 Sáu khắc mơ-màng người hảo-hữu,
 Năm canh tơ-tướng chốn Đình-giang.
 Trông giăng bát-ngát thương người ngọc,
 Thấy nước long-lanh nhớ bạn vàng.
 Hai chữ « tương-tư » khôn xiết kể,
 Khỏi tình chi để một ai mang.

Còn nhiều bài, trong tập « Nhân-Khanh gia thi » chúng tôi sắp xuất-bản sẽ trích vào cả.

Chữ tình là chữ chi chi thế ?

Cũng có khi mà cũng có khi.

Hai câu hẹn-hò với cụ ông kẻ cũng đã đang yêu, đáng quý ; lai-láng biết bao nhiêu tình-cảm ái-ân !

Cuộc nhân-duyên với cụ Ân, cụ bà cũng sinh hạ ra được cả ông Nguyễn-Mạn, cũng tập ăm và thông giỏi Hán-văn, rất tinh-thông khoa Hà-lạc lý-số và thuốc Bắc, thuốc Nam. Không đồ trường Nam và Hậu-bổ, nên do chân Ấm-sinh ông mới ra làm Lục-sự về hưu. Ông thân-sinh ra hai nhà thơ trẻ tuổi : Nguyễn-Tổ và Nguyễn-Tuất, cũng có nhiều văn thơ róc-rất trên thi-đàn ngày nay. Nhờ có ông Nguyễn-Mạn, Tản Đà tiên-sinh mới thâm hiểu Dịch-lý, biết số Hà-lạc, sau này dùng để kiểm thêm tiền thơ rượu trong lúc « nghề thơ chẳng đủ nuôi thi-sĩ » vậy.

Ngoài ra, cụ bà còn có hai bà con gái, vì một sự không hòa trong gia-đình, cụ bà bước chân ra với bà gái út. Trước khi bà kết-plát với ông Phán Hòe thì bà cũng phải lấy hiệu là « Cô Trang », bất-đắc-dĩ đến đem thân con gái nhà khuê-các, đắp đổi tháng ngày bằng điệu phách câu ca !

Đối với việc cụ bà và cô Trang hành-dộng như vậy, Tản-Đà tiên-sinh lúc còn trẻ tuổi, ở với ông anh cả là Nguyễn-Tái-Tích (đỗ Phó-bảng, làm Tri-huyện, sau về giáo-thụ thăng Đốc-học), vốn nung-đúc ở trong đạo Khổng, Mạnh, lấy làm một sự không chính-đáng. Cho nên tâm-cảnh tiên-sinh cũng đã lúc nào cũng u-uất, đau-đón, buồn rầu, không muốn biết đến, không muốn nói ra !

Vì, tiên-sinh là một người đã lấy cái ý muốn làm « Á-châu Khổng-Phu-Tử chi-đồ » từ lúc bé, nên phạm cái gì trái với đạo-đức Khổng Mạnh tiên-sinh đều cho là một sự không trong sạch cả.

Nhất lại ở đời xưa còn chưa biết đến « chủ-nghĩa cá-nhân », người ta còn đếm xỉa đến giòng giống, ông cha, họ mạc ; việc cụ bà và cô Trang làm trái với thể chế thể-gia lệnh-lệ. một nghề « ca xướng vô loài ». Bấy giờ chưa ai biết trọng tài nghệ cá-nhân, biết thuyết « nghệ-thuật quan-hệ với nhân-sinh » người ta hùa cả nhau vào bài-xích việc xướng ca là việc giảng hoa đi bợm. Đứng trước hiện tượng ấy, Tân-Đà tiên-sinh thật khổ tâm, thật cay đắng !

Ấy chính cái mầm yếm-thể sau này có hồi bị mọc lên ở trong tâm-não tiên-sinh cũng là do cả ở hoàn-cảnh gia-đình ấy gây nên, mà trong văn-chương và tác-phẩm tiên-sinh mới có đôi bài chứa giọng chán đời vậy.

Cái giáo-dục ngày xưa là giáo-dục gây cho người ta trở nên hiền-nhân quân-tử, ở nhà làm hiếu-tử, ra nước làm trung-thần. Cái lối khai khoa thủ-sĩ ngày xưa, triều-đình thi chọn

lấy người bằng thơ, phú, kinh-ngiã, chiếu, biểu sách-văn ; chẳng lối văn nào là không có khuôn mẫu, âm-diệu. Cái lối dạy học của cụ Bảng Nguyễn-Tái-Tích, Đốc học Vĩnh-yên xưa rất là tinh-tế. Cụ đã là bậc đại-khoa hay chữ, cụ cũng muốn cho con em cụ sẽ trở nên đại-khoa hay chữ như cụ. Cái kết-quả ấy đã khiến các ông em nổi tiếng hay chữ cả. Ông Tú Nguyễn-Cổn, ông Lục Nguyễn-Mạn là hai ông anh Tân-Đà tiên-sinh cũng đều chiếm thời-danh về học văn Hán-văn. Cả đến rể cụ là ông Tú kếp Nghiêm-Thượng-Văn (1), con giai cụ là ông Tú-Nguyễn-Công-Ngọ cũng đều đỗ đạt thành tài. Trong trường học ấy. Tân-Đà tiên-sinh là người được cụ Đốc Nguyễn-Tái-Tích đặt cái hy-vọng Tiến-sĩ, Phó-Bảng đại-khoa vào nhiều nhất. Đến chính Tân-Đà tiên-sinh cũng đã tự-tín rằng mình sẽ là bậc đại-khoa, có thể kế chí phụ-huynh để sau này trả « thư-cừu » (2) cho nhà được.

Trong khi Tân-Đà tiên-sinh đang tòng học thì cuộc Bảo-hộ của nước Pháp đã xây vững-vàng trên đất nước Nam nghìn năm văn-hiến này rồi. Ngoài việc nhà nước đặt ra

(1) Đỗ hai khoa Tú-tài gọi kếp.

(2) Cái thú sách, coi sách là kẻ thù của ông cha, làm cho ông cha bị thua trận không đỗ, con cái phải giả thù là đỗ đạt lên.

các trường Pháp-Việt để lấy nhân-tài giúp việc bảo-hộ ra, việc học, việc thi cũ chính-phủ bảo hộ vẫn còn kính-trọng tập-tục nghìn xưa của người ta, chưa đã động đến. Chính-phủ còn đợi cho có bọn Tây-học mới đồng đảo ra, nhiều người tự giác-ngộ rằng : Cũ-học không thích thời nữa, bây giờ chính-phủ mới theo dân-nguyện mà cải lương lối học lối thi. Chữ quốc-ngữ khi ấy mới ban-bổ ra trong các trường Thông-ngôn, học nó lẫn với chữ Pháp.

Mấy thay ! thời ấy, sau trận Giáp-Ngọ, Nhật bản thắng Tàu, nhà Thanh phải chịu cắt đất bồi thường binh-phí : lại trận Giáp-thìn. Nhật thắng Nga : sĩ-phu Tàu xét thấy vua Minh-Trị cải cách trong vòng có 30 năm đã khiến cho nước Nhật bước theo Âu-hóa, trở nên cường thịnh, Khang-Hữu-Vy và Lương-Khải-Siêu — nhất là Lương-Khải-Siêu — sang học Nhật và du-lich các nước Âu-Mỹ, về làm sách, công-kích lối khoa cử Tàu, khen người Nhật lấy quốc-ngữ làm căn-bản cho nền giáo-dục khiến cho chóng khôn biết. Đọc những sách báo của Khang Lương viết, chính nhà nho ta các cụ cũng tự ra xin với chính-phủ bỏ khoa cử cũ đi để vui học theo tân học.

Song, vì, sách chưa có, lại người dạy cũng còn hiếm ;

nhà nước mới còn sửa đổi dần dần. Quan Đốc Nguyễn-Tái-Tích được cử về làm việc ở cục tu-thư.

Nhân nhà nước lại mở trường tân quy để dạy học trò chữ nho học quốc-ngữ và sách mới ở phố Gia-ngư (Rue tirant) Hà-nội, Tân-Đà tiên-sinh được theo anh về tòng học ở trường học ấy.

Phong trào cải-cách ngày càng thêm bùng nổ. « Đồng-kinh Nghĩa-thực », một trường tư của bọn cụ Cử Lương-Ngọc-Can chủ trương ; « Đăng-Cổ Tùng-Báo » của bọn các cụ Tam-Nguyên Đào-Nguyên-Phổ, Nguyễn-Văn-Vinh chủ trương ; « Đại-Việt tân-báo » của bọn cụ Vũ-Huy-Quang biến tập dưới quyền ông Babut người Pháp, hết thấy đều cố động lấy quốc-văn căn-bản cho nền giáo-dục và gây nên phong trào cải-lương học-vấn và canh-tân xã hội. Cái chí hướng chán đường khoa cử sĩ hoạn, sau này sẽ ra viết báo làm sách như Lương-Khải-Siêu bên Tàu và bọn Nguyễn-Văn-Vinh bên ta để có « bóng mây hơi nước đến dân xã » như bức thư của cô Chu-Kiều-Oanh trong « Giấc Mơ Con » của Tân-Đà tiên-sinh đã phát hiện ra ngay từ đấy rồi.

Nhất là sau khi bài luận « Âu-Á nhị châu hiện thế » của tiên-sinh làm trong trường Tân-quy được các quan Đốc quan giáo

và sinh viên đồng học tán thưởng, lại được một phóng viên báo Tàu ở Hà-nội gửi về một tờ báo Trung-hoa đăng vào mục xã-thuyết ký rõ tên Nguyễn-Khắc-Hiếu soạn, thì Tản-Đà tiên-sinh càng có chí « hòng bay bốn bể » lắm nữa.

Ấy cái sứ-mệnh làm sách làm báo, làm một nhà « văn-học kiêm triết-học ở xứ Đông-dương », làm một « cột đá vững chống giữ lấy đạo-đức Khổng Mạnh ở nước Việt-Nam » căn-cơ có từ lúc còn đầu xanh, tuổi trẻ, cho nên ngoài chữ Hán ra, tiên-sinh cũng giỏi chữ quốc-ngữ và học chữ Pháp một mình, thuộc các tiếng một trong Tự-vị Trương-Vinh-Ký rất nhiều.



Than ôi ! tạo-hóa gây ra cho người ta cái tình ái làm gì ! Thật vì nó mà lắm phen khiến cho anh hùng cũng còn nhụt khí, huống chi là một cậu học trò đa-cảm đa-sầu như Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu tiên-sinh lúc bấy giờ.

Chỉ vì ông anh là cụ Đốc Nguyễn-Tái-Tích trọ ở hàng Nón, cô Đồ-Thị bán sách ở phố hàng Bồ, dù chẳng nghiêng nước nghiêng thành, nhưng khổ mặt trái soan, da trắng, tóc dài, người nhỏ nhắn xinh tươi, có vẻ yêu kiều

ngoan ngoan, ăn nói dịu dàng, lễ phép dễ nghe, biết đọc chữ nho, chữ quốc ngữ — ngày xưa người con gái được thế là gia giáo đáng quý lắm, vì nữ học chưa mở mang — chủ trương một cửa hàng con con ; cậu học trò Nguyễn-Khắc-Hiến ta có một đôi lần dùng đến văn-phòng tứ bảo tiện lợi ; qua lại có dịp được gần cô và trao đổi với cô mấy lời mua bán. Bị cái điện mỹ nhân thu giật, thôi thế là :

*Chim trời cá nước duyên ai đó,
Vua đại kờn khôn chết dễ chơi*

Chết dễ chơi ! Nhi-nữ tình-trường, phong vân khí đoan !

Từ đây mà đi, đêm ngày chỉ cứ ngâm câu cổ thi :

*An đắc tỳ lưu thập vạn binh,
Hổ lang sào huyết nhất thời bình.
Quy lai, bất sách phong-hầu ấn,
Chỉ hướng quân vương mệnh ái khanh.*

Nghĩa là :

*Sao được anh-hùng mười vạn binh,
Hổ lang hầm tổ đẹp tan-tành.
Khi về chẳng lấy phong hầu ấn.
Chỉ đến thăm vua xin ái-khanh !*

Song le, người xưa thì ước không lấy ấn phong hầu, chỉ xin vua lấy cho được « người yêu » như trong bài thơ ; trái

lại Tân-Đà Tiên-sinh sau khi nghe chuyện cụ Nễ-Xuyên Nguyễn-Thiện-Kế (ông anh rể rất yêu mình, đồ cử-nhân ra Tri-huyện, xin nghỉ để về mở đồn-diên làm thơ làm sách, có chí ích quốc lợi dân to lớn) đến nói với Quan Phán Đổ, cha cò Ái-khanh, về thuật lại cho biết rằng : Ái-khanh cùng nghiêm phụ chỉ muốn được chồng được rể thì đồ Cử-nhân ra Tri-huyện mà thôi. Vì thế người ta thì « không dùng chỉ cái ấn phong hầu » mà Tân-Đà Tiên-sinh thì lại cần phải tranh lèo giật giải để cướp « lấy cái ấn Tri-huyện » cho được Ái-khanh.

Do đó, mà đã phải dùng cái bằng Ấm-sinh để thi vào trường Hậu-bổ, trường quan-lại mới có bài thơ :

Mỗi năm Hậu-bổ một lần thi,

.

Lại đến o-ran là bước khé...

Mình ơi ! ta bảo có thi thì...

Có thi thì . . . không thì . . . cho nên hóa o-ran là bước khé.

Đối với cậu hàn nho kiết xác tựa vào ông anh làm một chức lãnh-hoạn cũng chẳng có gì, chỉ còn hi-vọng xuống trường Nam đồ thủ khoa xong, vô kinh lấy cái Tiến-sĩ về để « cho

được Ai-Khanh » mà thôi ! Bao nhiêu cái tư tưởng lấy văn chương báo quốc, làm « mây gió trong đời » cho có « bóng mây hơi nước đến dân xã », đến đây cũng chỉ là một « giấc mộng con » ! Cái giấc mộng ấy bị sức giai-nhân, ái-tình nó làm cho « mây tan đá chìm » tất cả !

Nào có ngờ đâu ! đời người ta thường hay có những phản-động-lực đánh vào tâm trí : những việc bất như ý bao giờ cũng mười điều đến tám chín điều : khiến cho đương cười hóa khóc, đương tỉnh hóa mê !

Vì ai cho tớ phải lênh đênh !

Nặng lắm, em ơi ! một gánh tình.

Cái giấc mơ mờ mờ bạc lợng xanh, hờn hoa gươm khảm, đến khoa thi trường Nam bị bài văn-sách hỏi mẹo mà cậu học-trò quyết khoa thực-thà giả lời theo ý riêng mình, không hợp khuôn mẫu của quan-trường, thế là lại chỉ là một giấc mơ hão, mơ huyền, Sau tiên-sinh đã có câu : « Các sự bản trong đời không cái gì bản bằng văn-sách hỏi mẹo ! ». Văn sách hỏi mẹo ! Hỏi một đường, bắt người ta trả lời trái lại một nẻo khác. Nếu vô tình cứ theo ý câu hỏi mà trả lời xuôi đi thì sẽ bị xuất đề dù văn hay đến đâu cũng bỏ đi. Ấy, cái lối làm văn « bản

thử » như thế, nó đã làm cho quan trường phải gác bài văn hay ý-tưởng cao xa đi, không cho Tân-Đà tiên sinh đỗ !

*Bởi ông hay quá ! ông không đỗ,
Không đỗ ông càng tốt bộ ngông.*

Bài tự-trào đó, trong cùng hàm-xúc cả về tự-tín ở cái học-vấn yêm-thông của mình. Cái hủ-bại của lối khoa-cử, sẵn trong lòng khinh bỉ xưa nay, chỉ vì « tỉnh » mà đi thi. Không đỗ rồi ? Nếu có vị « tỉnh » mới lại thi nữa. Không còn vị gì nữa thì dầu còn thi mấy khoa nữa mới bãi bỏ đi, song thôi, Tân-Đà tiên-sinh nhất quyết thôi, không đi thi khoa nào sau này nữa.



Xem bảng đã không tên, thế là « đại-dăng-khoa » không được rồi. Còn « tiểu-dăng-khoa » là việc gây dựng cái tổ uyên-ương với nàng Đỗ-thị, cái hy-vọng độc-nhất ở đời, dấu cho phú-quý công-danh mà người yêu không có, âu cũng là đời bỏ đi. Cái óc nhà thơ nước nào, cũng vơ-vẩn như thế cả.

Cái miếng :

Mai không tên tớ, tớ đi ngay,

*.
Thì không ăn ớt thế mà cay.*

của ông Tú Trần-Tể-Xương ở Nam-dịnh vừa mới bị ném xong, về đến Hà-nội, thì lại bị một cảnh đau-đớn nhất đời người, đau-đớn bằng một triệu hồng thi : cái cảnh chính mắt được trông thấy, khi vừa đến thăm phố Hàng Bồ, định trông vào trong cái viện Quan-Âm để họa may được nhìn thấy bóng đức Phật bà của quả tim mình thờ xưa nay ; có chăng được hưởng khước thu-ba của người tiên liếc tới, miệng anh-đào của khách cung nga mỉm cười cùng ! Té ra người kia đương đóng vai cô dâu với bộ áo mới tân-nương bước lên xe cưới đi về nhà chồng ?

Đồ-Thị ư ? Có lẽ ta nhầm ! Thật rồi ! Lấy ai thế ? Cậu cả con Quan Huyện Nguyễn. Than ôi ! Người con giai ấy ta biết rõ mà : nhân cách, tài-hoa hoàn-toàn như câu chuyện :

« Thằng người ngáy cười con ngựa hay »

Ở bài Tản-văn của tiên-sinh trong tập « Tản-Đà Tản-văn » đã tả. Đến cảnh :

*Chị Hằng ơi, chú Cuội !
Con chú nọ cảnh mai !*

Khiến cho thi-sĩ lã-tã khôn cầm. Chết điếng đi ! Về nhà chỉ ngâm luôn câu :

Thương ai mà lại tiếc cho ai !

Thế là một mạch từ già nhà trọ, từ già Thăng-Long, đi lên Hòa-Bình, để tránh cái nổi :

Càng trông thấy cảnh thấy chùa càng đau !

Ở Hòa-Bình cũng không thấy thú gì — mà còn thú gì nữa — vẫn đau buồn, vẫn sầu khổ, dầu cho trước mắt hằng được nhìn những bức tượng :

Phất-phới cô nàng chiếc váy xanh.

Nhưng các cô nàng cũng không có gì hàn được cho mình vết thương trong q ả tim vừa bị xé tan, vừa bị đâm thủng ! Tiên sinh mới lại quay trở lại cổ hương định để ngắm cảnh :

*Nước rợn sóng Đà con cá nhảy.
Mây trùm non Tân cái diều bay !*

May có giải được sầu chăng !

Song, càng về nhà càng uất giận, vì tiên-sinh bấy giờ lại đâm ra oán cả gia-đình, cho rằng tại gia-đình không biết chu toàn hôn-sự cho nên mới có chuyện thất bại ở phố Hàng Bò như thế. Rồi, giận nhà, giận đời, giận người yêu, giận vợ giận vãn, thế là hóa điên.

Cuộc điên ấy thế nào ? Trong « giấc mộng lớn » cùng các sách của tiên-sinh tự-thuật, ta cũng đã thấy tự tiên-sinh tả lại rồi.



Ở quê ít lâu, tiên-sinh hết mê rồi tỉnh, tỉnh lại một chút, sực đến ông Tú Nghiêm-Phúc-Đồng ở Đốc-tín, Mỹ-đức, Hà-đông, một người bạn hiền lành, xưa nay rất yêu kính tiên-sinh, nên mới có cuộc cùng ông Tú Tiểu-Sinh, (biệt hiệu ông Đồng) cùng đi xuống ở chơi với sư cụ chùa Non-tiên thuộc làng Tiên-mai, gần Hội-xá, quê bà Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu sau này. Nhưng lúc bấy giờ Tiên-sinh cũng không ngờ đâu rồi mấy năm sau nữa lại có cuộc nhân duyên ấy, để Tiên-sinh làm ra bài hát :

Trắc lạc tiên-sinh thiên-hạ sĩ.

Khiến tu nương-từ họa trung-nhân,

Ngọn đuốc hoa tiên vạn lộc hồng tròn.

Sự ở chùa Non-tiên, chỉ là một cuộc chán ghét người đời, cho là lũ phàm-phu tục-tử, có óc mà tối tăm, không đáng cho ta tiếp xúc. Ta tìm vào nơi Phật nơi Tiên để hiện cái thần « trích tiên » ra :

Kiếp sau xin chớ làm người !

Lúc bấy giờ ở bình rượu, Tiên-sinh có đề câu thơ :

Dữ nhĩ đồng tiên vạn cô sần.

Nghĩa là :

Cùng với mi, ta đây tiên được cái sần muôn thừa.

Ồi ! cái sầu vạn cổ ? Hỏi cái sầu gì ?

Đã không có tri-kỷ ở hiện đại, ta tìm người tri-kỷ ở thiên-cổ, tế Chiêu-Quân :

Cò ơi, cò đẹp nhất đời !

.

Một đi từ-biệt cùng vua.

Có về đâu nữa ! đất Hồ nghìn năm !

Mà xanh còn dấu còn căm !

Bao nhiêu nước mắt khóc Chiêu-Quân, căm về « cái mờ xanh » của người « có về đâu nữa, đất Hồ nghìn năm ! » kia chính là khóc Đỗ-Thị, căm Đỗ-Thị. Tri-kỷ nghìn xưa đã tìm thấy ở Chiêu-Quân rồi, cũng chẳng thấy voi được chút căm hờn gì. Mới « nhớ người tình nhân có quen biết » :

Giữa đường cắt đứt mối tình như không !

Con người tệ đến nỗi thế, quên cả những lúc « tắc riêng kết cỏ ngậm vành » thì âu là tìm « người tình nhân không quen biết ». Rồi đâm ra nhớ người :

Đã sinh cùng nước cùng thì,

Cùng ta không biết mà ly hôn mình.

Đến khi có bà vợ trăm năm, có đàn con dưới gối, lại có duyên « rau sáng chùa Hương », « măng đa núi Ngọc » rồi, mà vẫn còn nhớ mãi « người không quen biết » ấy hoài :

*Ưa bốn bề hai hàng lựu ngọc,
Gầy ba thu một vốc xương mai.*

Ấy cái tình hoài suốt đời vơ-vẩn như vậy. Căn nguyên chỉ ở một cuộc « nhân duyên thất vọng ». Thế nhưng mà, dù có vơ-vẩn « nhớ người tình nhân không quen biết » suốt đời, thì nhớ chẳng qua cũng chỉ như vua Hán Vũ-Đế ngày xưa :

*Hoài giai nhân hề,
Thiên nhất phương.*

Nhớ người đẹp, tức là nhớ người hiền nhân quân-tử, người ý tưởng tuyệt đích của mình. Không hề có một lời nói câu văn đã động hay ám chỉ đến nàng Đỗ-Thị nữa. Đó là trong lòng tiên-sinh đã khinh bỉ người kia không phải là người tri-kỷ, người tuyệt đích của mình ; chỉ là một sự « mê đại » của mình nhất thời mà thôi. Trong thơ văn của tiên-sinh, ta cũng không thấy có bài thơ nào lưu tình hay thuật hoài với một chị em giang-hồ son phấn, cô đầu, con hát nào ! Những người ấy là người tiên-sinh thường được họ yêu luôn. Như vậy đủ biết cái quan-niệm về đạo-đức của tiên-sinh mạnh-mẽ là nhường nào. Cho nên ta có thể nói rằng : việc thất bại về tình của tiên-sinh, ấy chỉ là con tạo và tổ-quốc muốn bày ra để làm một cách gọi tỉnh giấc mê-đề-

hèn của tình-dục của người phạm tục có ở trong tiên-sinh, đánh thức tiên-sinh phải tỉnh dậy, mạnh-mẽ đứng lên gánh lấy công việc bồi-dắp nền quốc-văn cho tổ-quốc.

Nhờ có sự của ông anh rể, cũng như Mentor đối với Télémaque, cụ Huyện Nễ-Xuyên Nguyễn-Thiện-Kế (một bậc thi hào, có đến hơn trăm bài thơ trào-phúng công-kích đại-viên, tiểu viên đời bấy giờ. Vì sợ mất lòng các nhà đương đạo nên không ai dám xuất-bản), lại được nhờ cả sự khích lệ của nhà triệu-phú Bạch-Thái-Bưởi mời tiên-sinh với cụ Nễ-Xuyên về ở Nam-định, trong khi đó tiên-sinh mới đề ra được những áng tân-văn bất hủ, những vần thơ thần hợp với tiếng kêu trong muôn nghìn quả tim đau cảm ở đời.

Cái chí « bề rộng cá nhảy, trời cao chim bay » và cái muốn được người tri-kỷ, cùng bao nỗi bất-bình, bao nỗi không thỏa-mãn, mà phải ước mong đâu, cứ xem ở trong cuốn « Giác mộng con » của tiên-sinh là ta thấy cả. Cô Chu-Kiều-Oanh là người tình nhân trong mộng của tiên-sinh đã vì ta giải tỏ cái chí-hướng và phẩm-cách của tiên-sinh ; ngay cả cô Vân-Anh trong chuyện « Thề non nước » cũng là người đại-biểu những tâm hồn nhân phẩm của tiên-sinh. Sách « Thần-Tiên » của tiên-sinh đủ cho ta biết cái quan-niệm đối với tiền của tiên-sinh vậy.

Khi tỉnh giấc mê « tỉnh » là ngày ông anh Nguyễn-Tái-Tích tạ thế, lại cùng bà vợ bây giờ gây dựng gia-đình, tiên-sinh phải ra đời vật lộn với « cơm áo » và báo đáp quốc dân tổ quốc trong muôn một bằng cái « khởi tình con » rắp những sự « bồi lại bức địa-đồ rách » của ông cha.

Được cụ Trịnh-Xuân-Nham, cử nhân giáo thụ trường Hậu-bổ giới thiệu cho Nguyễn-Văn-Vĩnh tiên-sinh. Văn Tân Đà đăng trên « Đông-dương tạp chí », nhiều bài có về triết-lý, Quan Đốc trường si-hoạn Vayrac tiên-sinh cũng tay văn-sĩ đọc rất lấy làm thâm phục, lấy cái ẩm-sinh của tiên-sinh gọi cho vào trường Hậu-bổ học để mai sau có lối ra làm quan, lấy văn-chương tư tưởng để trị-dân giúp nước bằng cách thực hành. Song tiên-sinh chỉ cảm tạ ơn tri-ngộ mà cuối từ. Báo giới lúc bây giờ chưa phát đạt. Nguyễn-Văn-Vĩnh tiên-sinh cũng khó tìm được cách xếp đặt một chỗ ngồi cho tiên-sinh ở « Đông-dương tạp-chí ».

Nhân phong-trào cải-lương ca-kịch ở Bắc-kỳ mới nhóm lên, ông Nguyễn-Đình-Kao chủ rạp tuồng « Quảng-Lạc » Hải-phòng mới mời tiên-sinh về soạn các câu hát bộ cho bọn nhà nghề diễn cùng xếp các tích hát hay để công chúng xem. Ấy kịch văn « Tây-Thi » cùng « Lưu Nguyễn nhập Thiên-

thai » còn sót ít nhiều đăng vào văn tập này cũng là từ đó. Sau rập Nguyễn-Đình-Kao, đến rập « Thắng-Ý » Hà-nội, rồi đến chèo « Sán-Nhiên-Đài » ở ngõ Sầm-Công.



Khi « Nam-Phong tạp-chí » thành lập, đã tương hợp-tác được với Phạm Quỳnh tiên-sinh, nên đã toan :

*Rủ nhau quang gánh với đời,
Mà cho thiên-hạ chế cười cũng hay.*

Lúc đó là lúc đã xuất-bản được « Khởi Tình Con » thứ nhất, thứ nhì, thứ ba là văn vắn ; « Khởi tình » bản chính, bản phụ, « Lên Sáu » và « Lên Tám », « Đài Gương » và « Đàn Bà Tàu », danh tiếng đương vang lừng châu quận.

Trong khi đặc ý; tiên-sinh bèn cho lộ chân-tướng, biểu-hiệu ý chí mình bằng « Giác Mộng Con », bị Phạm Thượng-Chi tiên sinh ngộ nhận rằng : Tản-Đà tiên-sinh có ý muốn tranh thời danh với mình, bèn làm một bài bình phẩm « Giác Mộng Con » đánh đổ tiên-sinh : cho rằng « thân không bằng mộng, nên mộng cho cam thân ». Rồi Nguyễn-Văn-Ngọc tiên-sinh, theo ý Phạm Thượng-Chi tiên-sinh cũng công-kích lối văn điêu-luyện của tiên sinh, cho là chỉ đẹp lời

và khó cho người bất chước. Việc làm « Nam-Phong tạp-chí » vì thế không xong.

Từ đó tiên-sinh nghị-nhiên biệt lập Môn-trường. Những thơ « Còn chơi » và « Hầu Giời » cũng nhân thế mà có. Vả cũng vì trong nước chia ra hai phái Hán-học và Pháp-học mà ra.

Vài năm sau, ông Nguyễn-Huy-Hội cùng tôi, thàn theo ý-định của Nguyễn-Thống tiên-sinh, chủ-nhân tập thơ « Tắm Lòng Sơn », dựng thành ra tạp-chí « Hữu-Thanh », cơ-quan của « Trung Bắc-kỳ Nòng Công Thương tương-tế » mới mời tiên-sinh về làm chủ bút.

Vì tiên-sinh là một nhà thơ, khách rượu, không phải là người theo quy-củ tân-thời được, lại bất-đắc-chí với « Hữu-Thanh. » từ chức :

*Mới nửa năm trời báo Hữu-Thanh,
Biệt ly lai láng biết bao tình !
Chút tình hữu-ái bao thương nhớ !
Tiếng gọi đàn xa núi Tần xanh,*



Từ già « Hữu Thanh » về nhà quê ít lâu, lại xuống ở làng Văn-quán, Hà-đông cùng với hai ông Tú Nghiêm-Thượng

Văn, Đặng-Đức-Tò lập ra « Tản-Đà thư cục » ở Hàng Gai, dịch được *Thiên Quốc-phong*, *Kinh Thi*, sách *Đại Học*, soạn được cuốn « *Quốc-Sĩ Huấn-Mông* » theo lối sử biên niên đời cổ, phụ lời bàn giải rất có ích cho các nhà khảo-cứu về lịch-sử nước nhà. Ngoài ra có chữa sửa các sách tiểu-thuyết của người ngoài đưa đến xuất-bản, nên chú ý nhất là việc cùng ông Đoàn-Tư-Thuật dịch bản « *Tỳ-bà ký* » nhiều câu văn cảm-động, người đọc sách đến phải rơi châu. Song, lúc nào tiên-sinh cũng vẫn có cái tư tưởng :

Đem tài-hoa mà ai-oán với trần-ai !

Chẳng thù giầu hương sắc để lánh chơi ngoài cõi tục !



Nhưng vì sự sống còn, vì gia-đình, vì thể-nhi, nào có thể xuất thế-gian được. Cho nên cái đời « *Kiếp trước Đòng-Phương-Sóc* », cái đời « *Trích-tiên* » vẫn phải lăn lộn trong cõi tục hoài,

Song le, trời trao tay cho cái sứ-mệnh gây nền văn học cho « *nước tổ Hồng-Lạc bốn nghìn thu* » thì thực có như câu :

« Bước văn-chương chẳng nợ thì duyên ».

*Ma đưa lối quỷ đem đường,
Chỉ tìm những lối đoan-trường mà đi.*

Quanh đi quẩn lại, không soạn sách in văn thì lại viết báo, tiên-sinh xin phép ra An-nam tạp chí » rồi lật-đặt với tập báo ấy cho đến già. Thôi « cò vàng dẫu đỏ để-vương xuống » ở Hàng Lọng thì lại vào viết báo cho « Đông-pháp thời báo » với « Thần chung » ở Saigon. Từ già xóm gà Gia-định lại về thành Nam với ông Nguyễn-Xuân-Dương, chủ hiệu thuốc « Lạc-Long », lại ra « An-nam tạp chí » : trước tưởng « sông cái thuyền nan » nên thất bại, lần này « con tàu bản quốc » chắc bền hơn, gang thép sống với non sông mãi mãi. Không ngờ, thời gian cũng không lâu, lại lên Hà-thành cùng với ông Thăng-Long, rồi lại cùng với ông Ngô-Thức-Địch in đi in lại, rồi lại đến phải cùng ông Phó-Đức-Thành và ông chủ nhà in Châu-Tĩnh xuất bản báo ở Nghệ-an. Làm chung mãi cũng không được bền, lại phải rước An-nam tạp chí » về Hàng Da Hà-nội, lại tự chủ trương, giúp việc có ông giáo Nguyễn-Công-Hoan và gia đệ Nguyễn-Tiến-Lăng.

Tư bản chuồn chuồn, nhà thi-sĩ sống với cảm tình của quốc-dân cũng không được vững vàng bền dai, rồi lại tự đình bản để dịch Đường-thi cho báo « Ngày Nay » chú-thích truyện

Kim Vân Kiều và dịch *Liều-Trai* cho nhà xuất bản Tân-Dân, với giữ mục thi đàn trong *Tiểu-thuyết tuần san* cùng các tạp chí của ông Vũ-Đình-Long chủ trương, sửa mấy tập « Văn Đàn bảo giám » cho nhà bán sách Nam-Ký,

Sinh nhai đàm bạc mới tính đến cách xem thêm số « Hà-Lạc ». Chỉ vì « nghề thơ chẳng đủ nuôi thi sĩ » như đã nói ở trên.



Vì Phật-học tiên-sinh cũng có nghiên-cứu, cho nên khi Sư cụ Tổ Đình-Xuân-Lạc, trụ trì chùa Vũ-Thạch phố Gia-Long và Hòa-thượng Đỗ-Văn-Hy trụ trì chốn tổ Bà-Đá sắc-tứ Linh-Quang-Tự ở phố nhà thờ đạo Hà-nội, xuất-bản Phật học tạp-chí « Tiếng Chuông Sớm » lại lên tận Khê-thượng đón rước tiên-sinh về cùng với ông cử Trúc-Sơn Mai-Đăng-Đệ và tôi cộng tác việc tuyên-dương chân đạo Thế-Tôn.

Khi bấy giờ tiên-sinh cũng đã muốn phát đại-hoàng-nguyện toan cùng với pháp-giới chúng-sinh cùng được có *a-nước đa-la tam diệu tam bồ-đề* (trí-tuệ rộng rãi) để « *phàm hữu kiến ngã tướng văn ngã danh, giai phát bồ-đề tâm, vãng miên luân-hồi khổ* ».

Song, cửa thiền đưa muối, phải có Phật-Ấn mới lưu được Tô-Đông-Pha ! Lương nhà chùa không đủ cung cho thi-sĩ, cho nên tiên-sinh bái đắc dĩ lại phải già cảnh già chùa sau số tạp chí thứ nhất, lưu công việc kể tục nỗ-lực cho ông cử Trúc-Sơn Mai-Đăng-Đệ, với tôi. Rồi lại trừ tính việc viết sách và viết bài đăng các báo sau khi cho *An-nam tạp-chí* đình bản hẳn...



Thi-sĩ lúc nào cũng nghèo ! Nhưng quên hẳn cảnh nghèo đi, không biết mình là nghèo nữa. Lúc nào cũng vui, cũng hùng hồn, cũng thích thăng phóng-khoáng, cao-dật tự-tôn, cho nên chẳng lúc nào là không rung đùi với cái thú :

*Chén rượu canh tàn,
Tiếng gà đêm vắng,
Công danh sự nghiệp,
Dầu cho dọc nghìn thu, ngang tám cõi,
Không bằng cái thú ngâm câu thơ.*

(Bài tựa Thơ Tân-Đà)

Quả thực thế ! Tiên-sinh lấy cái thú « ngâm thơ uống rượu » làm vui, cho đến lúc nhẹ gót tiên-du.



Ồi ! Ta không được phép nói đến cái nghèo tiền nghèo của ở thi-sĩ Tân-Đà !

Thi-sĩ giàu lắm ! Giàu tình cảm, giàu nguồn thơ.

Cái di-sản của tiên-sinh để lại cho con cháu và quốc-dân chúng ta còn to lớn vô cùng gấp triệu tiền của các nhà vương hầu, các nhà triệu phú.

Vì của cải của người giàu sang không thể cho chúng ta chung hưởng được. Mà thơ văn của thi-sĩ thì người trong cả nước và cả thế-giới đều được hưởng chung !



Ngày 20 tháng tư ta (17 Juin) tiên-sinh tạ thế ở căn nhà số 71 Ngã tư Sở Hà-nội, để lại một vợ góa với tám con thơ cùng cái gia-tài to lớn quý giá không biết chừng nào là cái kho văn thơ, nguồn cảm hứng vô tận của nhà thi sĩ độc nhất, không tiền khoáng hậu (1) của nền Văn thơ Nam-Việt.

Ông Hà-Xuân-Tế và gia đệ Nguyễn-Tiến-Lãng viết nhiều bài về thân thế văn-chương của tiên-sinh đăng ở các

(1) Không tiền là trước không có, khoáng hậu là về sau hiếm có

báo *Tràng-An*, *La Patrie annamite* và *La Gazette de Huế* bằng quốc-văn và bằng Pháp-văn, cũng như tôi đã ký biệt hiệu Nam Chi và các biệt hiệu khác ở dưới nhiều bài nói về cái *chủ-nghĩa quốc-gia* với cái *chủ-nghĩa đạo-đức* của tiên-sinh ở trong *Việt Báo*, *Nam-Cường*, *Tràng-An*, *Độc*, vân vân... sau những ngày tiên-sinh đã hóa ra người thiên-cổ.



Ta hẳn còn nhớ rằng : sau khi cái tin Tân-Đà tiên-sinh từ già chúng ta « đem văn lên bán chợ trời » tung ra, các báo đều để tang, đều đăng tiểu-sử, đều tỏ lòng đau đớn vì đã mất một viên kiện tướng trong làng văn làng báo nước nhà.

Suốt Trung Nam Bắc đều có điện tín, thư từ, câu đối, diếu văn gửi về phúng viếng !

Nhiều bạn lại đem cả tiền đến tặng bà vợ góa thêm vào việc trợ tang.

Đám tang từ Ngã tư Sở ra nghĩa địa Quảng-thiện ở Thanh-xuân dài ba cây số đủ mặt người các giới trong xã-hội.

Từ đây hàng năm báo giới, văn giới cứ nhớ ngày giỗ làm lễ kỷ-niệm, đọc lại lịch-sử và diễn văn-

chương của tiên-sinh ở các Hội-quán *Trí-Tri*, *Khai-Trí* Hà-nội và các nơi.



Các bạn đọc ngày nay đọc lại những « Hữu Thanh », « An-nam tạp-chí » cùng những tập Tân-văn của tiên-sinh hẳn ai cũng phải công nhận rằng văn xuôi của tiên-sinh cũng có thi-diệu.

Trong những bài tiên-sinh viết ra, bài nào cũng như tiếng chuông, tiếng trống, dịp phách, cung đàn, có thể ngâm-ngã nhớ mãi được. Lời văn đã hay, lại toàn là những câu làm-xúc đạo-đức cao-thượng vốn có của Đông-phương ta. Đọc văn tiên-sinh thì thấy nhân-cách của mình được tăng cao lên, thân thể của mình trong sạch ra. Những bài luận về « Hán-học tinh-thần » ở *An-nam tạp-chí* cùng những bài luận về *Thiên-lương* ở trong tập Tân-văn của tiên-sinh, hết thấy cũng chỉ là những bài học dạy đời, khuyên người sao cho có luân-lý đạo-đức trong sạch.

Tiên-sinh muốn cho từ trẻ « Lên Sáu », « Lên Tám » đã biết yêu nước yêu nhà, nét-na đạo-đức, mà đến bạn khuê-các lúc nào cũng soi vào cái « Đài Gương » trong sáng với

gương thực hành vì đạo đức, ở các người « đàn bà Tàu » xưa (1).

Không những khuyên ng-rời, chính tiên-sinh lúc nào cũng thân thể lực hành. Bình-sinh chỉ sống một đời trong sạch.

Tiên sinh không có như các nhà thi, văn sĩ bán ngòi bút mà bán cả lương tâm cùng hạ cả nhân cách xuống để o bế, phỉnh phờ những kẻ trưởng giả, lấy tiền nhiều cho sung sướng cái đời vật chất.

Không ! Vì thế mà tiên-sinh mới nghèo tiền.

Chứ nếu tham phú quý ra, một cái ấm-sinh được gọi vào trường sĩ-hoạn học để làm quan từ chối đã đành; ngay ngòi bút đời bấy giờ cũng lắm người mua chuộc. Nhưng tiên-sinh không bán văn bằng cách mắt cả bản-lĩnh quân-tử cao-nhàn được !

Vậy chúng ta không phải chỉ yêu văn thơ của tiên-sinh. Chúng ta còn phải kính trọng cả về cái tâm-sự chân chính, cái

(1) *Đàn bà Tàu*, cuốn sách dịch bộ *Liệt-nữ* của Tàu ra có đề thơ từ thêm, sau tiên-sinh đổi làm *Đài gương truyện* nghĩa là truyện phụ vào *Đài gương*.

phẩm-cách thanh cao của tiên-sinh nữa. Có thể mới là người biết yêu chuộng sùng-bái Tản-Đà tiên-sinh vậy.



Tản-Đà tiên-sinh nghèo ! Nhưng, thực ra, không phải nghèo như ông Tú-Xương tả :

Trời nực mà ông ních áo bông,

.

Một đàn rách-rưới con như bố,

Mấy chữ nghèo-ngao vợ chán chồng.

Cùng là :

Vợ lăm-le ở vú,

Con tấp-tĩnh đi bời.

Không ! Cái nghèo của Tản-Đà tiên sinh : Con vợ dề-huê, không bao giờ đói rách. Lúc nào cũng đủ «chè, chén» ; đủ những miếng «ăn ngon».

Bè bạn, xã-hội không bao giờ bỏ quên tiên-sinh, để tiên sinh lâm vào cái cảnh nghèo xác nghèo xơ như người ta tưởng tượng đâu !

Cái nghèo của tiên-sinh là cái nghèo theo như cụ Huỳnh-Thúc-Kháng tả :

«Huy hào thiển thu ngạo Vương hầu»

Người ta hơn tớ cái phong-lưu,

Tớ cũng hơn ai cái sự nghèo.

Cái nhân cách thi-nhân của tiên-sinh là nhân-cách thi-nhân Đông-Á trăm phần trăm : sống với tạo-vật, với luân lý.

Tuy lúc nào nhìn lên giảng cũng gọi người Cung-Quảng rằng :

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi !

Trần-giới em nay chán nữa rồi.

Nhưng sau lại tự hỏi mình, hỏi lại Nàng thơ Văn-Anh ở trong «Thề non nước» rằng :

Đời đáng chán, hay không đáng chán ?



Thơ văn tiên-sinh có kỳ tứ đặc biệt không ai nghĩ được ra những cái đầu đề «Trời mắng» hay «Hầu trời» cùng «Trách người tình nhân không quen biết» v.v., lời lại điều luyện óng chuốt, dù văn văn văn xuôi, nghĩ kỹ rồi mới hạ bút, hạ bút rồi ngâm đi xét lại đến thuộc lòng câu văn ; viết ra rồi «thời sao» mãi, xét thật được mới để, khi đã để vào văn thì không còn ai thêm, bớt, đem lên, đem xuống, thay vào, lấy ra một chữ, một câu nào được nữa. Phạm-Thượng-Chi tiên-sinh đã gọi lối làm văn của tiên-sinh là «chạm lồng chạm tía», một tay thợ quá ư công-tế. Song, chúng ta phải

biết có như thế mới thật đạt đến cái đích tuyệt-đối của nghệ-thuật. Nếu không thế sao gọi được là văn-chương.

Người đời chỉ biết vắn-văn của tiên-sinh, vì nó là một thứ dễ nhớ, dễ cảm biết được. Người ta nhãng không để ý đến sự-nghiệp tản-văn của tiên-sinh. Không những ở trong những tập « Tản-Đà Tản văn », hay ở những cuốn « Thề non nước », « Giấc mộng lớn », « Giấc mộng con », « Tản-Đà xuân sắc », mà ở trong « Hữu-Thanh tạp-chí » và « An-nam tạp-chí » nghị-luận về các văn-đề hiện-đại cùng bàn nói về đạo-đức, luân-lý, dịch-thuật những văn hay lẽ phải ở các sách nhỏ rất có ích-lợi lớn-lao cho nhân-tâm thế đạo. Vì số đông người xem quốc-văn chỉ là xem để giải-trí, cho nên những món ấy chưa dễ đã dám sưu-tập lại xuất-bản ra. Nhưng ta phải biết ảnh-hưởng của tiên-sinh ở đương-thời trong phong-hóa nước nhà thật là to lớn sâu-xa lắm.



Người ta nhầm sai hay nông-nổi không có óc khảo-cứu và óc học-vấn, không chịu biết đến Tản-Đà tiên-sinh đủ các phương-diện. Người ta chỉ cho rằng « tình yêu » đã đánh thức « Nàng thơ » ở trong thiên-tài của tiên-sinh.

Người ta lại ngu-tối đến lấy những sự bông đùa ở « Phong Hóa » nói về sự uống rượu của tiên sinh cho làm một sự chê-bại. Mỗi khi nói đến tiên-sinh người ta chỉ nói đến cái nông, cái say, cái nhạc-điệu trong thơ văn của tiên-sinh. Chứ sự thực văn-chương của Tân-Đà tiên sinh toàn là « ký thác » cả. Trong cảnh « Sầu thành » ở « Giấc mộng con » ta đã thấy tiên-sinh thuật lại lời cô gái giang-hồ tả, với tiên-sinh rằng :

— Lắm lúc muốn nói không được nói, không muốn nói, mà phải nói, cho nên cũng mặt phấn son, lòng hoa nguyệt, mà ruột tằm đã thất như ngày chưa ươm.

Xem đó ta đủ biết những câu văn lời nói của tiên-sinh là thế nào ! Cổ-nhân có câu nói rằng : Đọc sách đọc đến chỗ không có chữ mới là người biết đọc sách và hiểu nghĩa sách vậy.

*Muốn ăn rau sắng chùa Hương,
Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa.
Mình đi, ta ở lại nhà,
Cái rêu thì khú, cái cà thì thâm.*

Song-Khuê nữ sĩ đã tưởng thi-sĩ thêm thứ rau dă:
Phật mà :

*Kính dâng rau áng chùa Hương.
Tiền đồ đờ tốn, con đường đờ xa.
Không đi thì gửi lại nhà.
Thay cho rửa khú cùng là cà thắm.*

Cái vận sự « nên thơ » ấy, đời bên có lẽ cũng hiểu cái ý thâm-thiết cao xa của nhau, nhưng ta hãy cứ cho là thể để cùng làm cho nhau được êm-dịu nỗi vất-vả đau-đớn về sự « Nhớ người tình-nhân không quen biết », trách tình-nhân mãi sao nỡ-tâm :

*Nước nhà ai để riêng ai nặng-nề.
Trông mây nước bốn bề lạnh ngắt.
Nhìn non sông tám mặt sầu cheo.
Đường xa gánh nặng xé chiều,
Cơn giông biển lớn mái chèo thuyền nan.*



*Đờn là đờn,
Thơ là thơ.
Thơ thời có chữ
Đờn có tơ.
Nếu không phá cách viết điệu luật,
Khó cho thiên-hạ đến bao giờ !*

Bá-Nha xa,

Lý-Bạch khuất...

. ,

.

Đời thời ngơ-ngẩn !!!

Thơ vẫn-vơ !!

.

.

Người ta đã nhầm đem liệt một cách ngạo-mạn Tân-Đà tiên-sinh với các nhà « thơ mới » ! Vì thơ của Tân-Đà mới thật là thơ của nước Nam, thơ của chúng ta vốn có, thơ thổ sản thật của nước nhà.

Còn những cái thơ mà người ta gọi là « thơ mới » ngày nay, không thể nào cho ta ngâm đọc nhớ mãi được. Nhất là lời thơ lủng củng không âm điệu bằng trắc gì, bảo là bất chước lối tây, khiến cho Tân-Đà tiên-sinh lúc sinh thời cũng đã chau mày nghiêng răng (1), mà đến Boileau tiên-sinh cũng phải tức cười nơi chín suối.

Người ta không thể lấy tiếng đọc âm của ta mà làm

(1) Xin xem bài « Thơ mới » của tiên-sinh in ở dưới tập.

thơ Tây được, cũng như người Pháp không thể lấy chữ Pháp mà làm thơ Đường luật hay văn lục bát ta được :

Đông-phương là Đông-phương.

Tây-phương là Tây-phương.

Hai bên không thể nào gặp nhau được.

Chúng ta đừng nên học lỗi nhỏ nhăng ngày trước lấy chữ Tây ra làm bài ca Hành-vân :

Autrefois, qu'est ce que vous dites ?

Maintenant, vous quitte, moi seule.

Ta thử đưa người Tây hay người Ta biết chữ Pháp xem hai câu này, không ai có thể đem để vào trong văn-chương Pháp được.

Thế thì ta sẽ tỉnh ngộ được ngay rằng : những câu thơ lỗi mới không thể để vào làm thơ của nước nhà được.

Ta sẽ vui lòng hồi cổ ưa chuộng thơ Tản Đà !

Ta càng thích xem, thích đọc, thích ngâm-ngã, thích được toàn tập để được có luôn luôn trong tủ sách, bên bàn văn, giữa sa-lông, cạnh giường nghỉ. Cần đến lúc nào là có ngay cầm tay để tiêu-khiển di dưông tính tình, khiến cho thần trí được du-dương, nhân cách được phong-nhã, tâm hồn được trong sạch cao-thượng.

*Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà đã quen.*

.
*Chồng người xe ngựa người yêu.
Chồng em khổ đui em chiều em thương.*

Sung-sướng thay ! Mỗi khi ta ngâm lên là ta nhớ, ta thuộc, ta cảm đến đáy lòng những lời nói, những điệu ca của ông cha ta đã càn đi nhắc lại đến tuyệt-đích rồi mới gảy nên khúc.

Thi-sĩ Tân-Đà được quốc-dân yêu kính, ưa chuộng, sùng bái ở chỗ tiên-sinh đã khéo dùng lời nói thường với những khúc điệu vốn quen của người nước mà ca hát những cái cảm tình riêng của mình, khiến cho ai ai cũng hiểu biết, cũng rung động được những tơ lòng...

Hà-nôi. 1/11/1944.

Hương-Sơn chủ nhân.

NGUYỄN-MẠNH-BÔNG.

BÌNH-KHANG CA-PHA

NHỮNG BÀI DO TÁC-GIẢ TỰ GIẢNG VĂN THÍCH NGHĨA.

*Vốn định in riêng ra để cho chị
em xóm Bình-khang học để hát.*

I

HÁT NÓI

1. — Trời nắng

Tình riêng trăm ngàn mười ngơ,
Ngồi buồn lấy giấy viết thơ hỏi Trời.

Xem thơ, Trời cũng bực (1) cười,
Cười cho hạ-giói có người oái-oăm !

Khách là nhàn giả ?

Cớ làm sao xuống-xã dám đưa thơ !
Chớ *Thiên-cung* ai kén rẻ bao giờ ?
Chỉ những sự vẩn-vơ mà giấy má !

*Chức-Nữ tảo-tùng giai-tế giá,
Hàng-Nga bắt-nại bão-phu miên.*

(1) Bực : Văn quốc-ngữ Tản-Đà ở sách « Lên sáu » đã có.
Ngoài ra lại còn nhiều văn mới khác của tiên-sinh tự soạn như Ờnh, Ừnh.
Ừnh, Ồch, Ồch, Ừch, Ừch. Tuy nhiên, những văn này rất ít dùng
trong « Tản-Đà Văn-Văn ».

Mở then mây quăng giã bức hồng-tiền,

Mời khách hãy ngồi yên trong côi tục.

Người đâu kếp trước *Đông-Phương-Súc*,

Ăn trộm đào quen học thói ngày xưa,

Trần-gian đầy mãi không chứa !.,.

GIẢNG NGHĨA. — Bài hát này, nói một người si-tình, viết thư chực về con gái Trời mà bị Trời mắng. Cho nên đầu bài đặt là *Trời mắng* ».

Bốn câu trước là tự nói tình-sự, nghĩa rằng :

Người đa-tình, nhân lúc ngồi buồn mà lấy giấy để viết thơ cho Trời. có hỏi một việc. Trời xem thơ, cũng phải bực cười cho là một sự oái-oăm thật đáng mắng.

Bắt đầu vào bài nói, chữ « Khách hà-nhân giả » giờ xuống, toàn là lời của Trời cả. Đại-ý trời gắt mắng về sự viết thơ ấy rằng :

Khách viết thơ là anh nào đó ?

Sao dám xuống-xã hỗn như thế ! Ở trên nhà Trời đây, tao có kén rể bao giờ đâu, mà dám đưa giấy lên để hỏi, sao mà vẫn vơ đến như thế ! Có hai cô con gái, một cô Chức-Nữ thì đã gả chồng từ bao giờ, còn cô Hằng-Nga thì chỉ ưa ngủ một mình như thế thì còn hỏi lấy ai ! Thôi, quăng giã thơ xuống, bảo anh chàng ấy đừng lồi thôi. Anh này trước đã có một lần ăn trộm đào tiên của tao, bây giờ lại quen cái thói cũ, đã đầy xuống trần gian mãi như thế mà còn vẫn không chứa !

THÍCH NGHĨA. — Bốn chữ « Khách hà nhân giả » có chữ sẵn ở trong sách Tẩu nghĩa rằng : Người khách đó là người nào thế ?

Hai câu chữ nhỏ, câu trên nghĩa là : Chúc-nữ đã gả sớm đi cho theo với chồng ; câu dưới nghĩa là : cô Hằng-Nga không quen cái sự ôm chồng ngủ.

Hồng-tiên là bức hoa-tiên đỏ, là cái giấy viết thơ sắc hồng.

Đông-phương-Sóc sinh đời vua Vũ-Đế nhà Hán ở bên Tàu. ông thực là tổ nghề khôi hài. Có sách chép rằng : ông Sóc ba lần ăn trộm đào tiên. Vậy ông tức là một vị tiên bị đày xuống hạ giới.

BÀN VẤN.— Bài hát này, đặc sắc ở sự khôi-hài ở ý-tưởng mà lời văn rất tự nhiên — Bốn câu mượn không nói rõ trong thư hỏi việc gì mà cái ý thư như sao người xem văn có thể hiểu. Bài là *Trời mắng* mà trước tiên hãy nói *Trời cười*, cười mà cười vì lẽ oái oăm. Thờì cái *‘‘mắng’’* cũng đã có hơi thấy. Bốn câu đó như sợi tơ buông thướt tha không chạm đất, mượn đến như thế là hay ! — Vào bài bắt làm ra nhời Trời, thật là mắng mà vẫn vui. Hai câu thơ dựng, tỏ ra trời không tiện lẽ gả. Một chữ «hãy» ở câu thứ 8, thấy rằng Trời tuy mắng, như còn vẫn có hy-vọng. Phần cuối dùng điển «Đông-Phương-Sóc» nói đến chuyện «ăn trộm đào» thời lại tỏ ra rằng cái viết thư oái-oăm như thế, kể thực có căn nguyên, mà không phải người phàm tưởng đến vậy. Văn tuy lãng mạn mà tự có khuôn phép, nào phải khôi-hài phóng-phuồng ru ?

2.— HỎI GIÓ

Cát đâu ai bốc tung trời ?
Sóng sông ai vỗ ? Cây đời ai rung ?
Phải rằng : Dì gió hay không ?
Phong-tình đem thói lạ lòng trêu ai ?

Khoái-tai phong đã !

Giống vò tình cây đá cũng mê-tơi.
Gặp gió đây hỏi một đòi lời,
Ta hỏi gió quen ai mà phăng-phất ?

Thử thị Đà-giang phi Xích-bích

Dã vò Gia Cát dữ Chu-Lang !

Ai cầu phong ? Mà gió tự đâu sang ?
Hay mãi khách văn-chương tìm kết bạn ?
Gió hỏi gió, phong-trần ta đã chán :
Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong.
Nền chẳng gió cũng chiều lòng.

GIẢI NGHĨA.— Bài hát này nguyên tự một khi tác giả đi chơi
mát ở trên con đường đi Đà-giang gặp cơn gió nổi lên, nhân thế mà

làm ra, tức là nhờ nói chuyện với gió mà phần nhiều là lời hỏi. Cho nên đầu bài đặt «Hỏi gió».

Bốn câu mở tả cái tình hình và khơi mào nói chuyện với gió, nghĩa rằng :

Cát ở đâu mà ai bốc ra để tung lên mù trời như vậy ? Sóng ở dưới sông, vì ai vỗ mà dữ ? Cây ở trên đồi rung có phải là vì gió hay không ? Sao mà đem cái thói phong tình lạ lùng để trêu ai như thế ?

Vào bài hát, vừa nói chuyện với Gió mà vừa hỏi nghĩa rằng :

Cơn gió nổi lên làm cho sóng đến đâu ! Dẫu những vật vô tình như loài cây, loài đá, còn cũng chuyển lay, lăn lóc mà mê tơi về Gió, hướng chỉ nữa là người. Vậy thời ta nay gặp Gió đây chỉ hỏi Gió một vài lời xem sao. Nói vậy rồi hỏi luôn rằng : Gió quen ai mà phăng phát đến đây vậy ? Chỗ đây là con sông Đà chứ không phải con sông Xích-bích, cũng không có ông Gia-Cát và ông Chu-Du nào ; thời có ai câu gió mà gió tự ở đâu sang ? Hay chỉ là mãi khách văn-chương mà tìm đến kết bạn đó ?

Lời hỏi gió đến đây, rồi lại ân cần nói chuyện với Gió rằng : Này gió hơi ! Cái bước phong trần lâu nay ta đã thấy là chán, nay muốn được như cánh con chim hằng chờ cơn gió to bốc cao lên đến chín vạn dặm để mà bay. Có được như thế chăng thời mong Gió cũng chiều lòng cho.

THÍCH NGHĨA.— Hai chữ «*Dì gió*» nguyên lấy chữ Tàu có chữ «*phong di*» nghĩa là Dì gió.

Phong tình nghĩa là phong-lưu tình-tứ.

Bốn chữ «*Khoát tai phong dã*» có chữ sẵn ở trong sách, nghĩa là . «*sóng đến đâu ! cơn gió thổi*».

Vô tình cây đá nguyên lấy ở chữ Tàu có chữ *Mộc thạch* và *tình* nghĩa là : «loài cây và loài đá là những vật không có tình».

Hai câu thơ dựng, câu trên nghĩa là . «đây là sông Đà-giang, không phải sông Xích-bích ; câu dưới nghĩa là : «không có ông Gia-Cát và ông Chu-Du nào ở đây».

Cầu phong là «cầu gió» tức là lấy ở điển «Gia-Cát cầu phong».

Phong trần là gió bụi, nghĩa nói người ta gặp lúc gian truân vất-vã.

Chim bằng chín vạn lấy điển ở trong sách Trang-Tử : con chim bằng là một thứ chim rất to lớn, cánh nó lúc bay mà xòe ra như đám mây rộng trời, vậy phải chờ cơn gió to từ mặt đất cao lên chín vạn dặm thì mới bay được.

BÀN VẤN.— Bài hát này đặc sắc ở chỗ văn có nhiều màu mà tinh thần hoạt bát.— Hai câu mở đầu tuy chưa nói gì đến chữ «gió» mà đọc lên nghe như thấy gió vậy. Câu mở đầu thứ ba hai chữ «Dì gió» tức là chiếu lên ba chữ «ai» ở trên mà hỏi rõ. Câu mở đầu thứ tư, chữ «*Phong tình, lạ lùng*» tức là chiếu lên những sự «*tung cát, vũ sóng, rung cây*» mà nói trách, cho được thấy rằng những sự gió làm đó, không phải là vô tình, Cứ bốn câu mở đầu ấy kể đã lạ nghĩa tự thành một bài văn. Vào bài, bốn chữ «*khởi lai phong dã*» lại như một cơn gió bắt đầu nổi. Rồi vừa nói chuyện vừa hỏi, lời văn rung động, thủy chung như một trận gió vậy. Trong bài dùng được nhiều những chữ «*phong tình*», «*phong trần*», «*cầu phong*», «*phảng phất*», «*cánh bằng chín vạn*», và «*rung cây*», «*bốc cát*», đều là màu gió cả, văn có nhiều màu chỗ nên vui.

3.— Cánh bèo

Bềnh bồng mặt nước chân mây,
Đêm đêm sương tuyết, ngày ngày nắng mưa.

Ấy ai bến đợi sông chờ,
Tình kia sao khéo lững lờ với duyên.

Sinh lai chủng đắc tình căn thiên,
Sự trăm năm hò hẹn với ai chi ?
Bước giang-hồ nay ở lại mai đi,
Nhưng ly hợp, hợp ly mà chán nhĩ !

Vị tất nhân-tình dai bạch-thủy,
Nhân tương tâm sự phó hàn huyên.
Đầu xanh kia trôi nổi đã bao miền ?
Thời trước lạ sau quen đừng ái ngại.
Khắp nhân thế là nơi khó hải,
Kiếp phù sinh nghĩ lại cũng như ai.
Ai ơi vớt lấy kéo hoài.

GIẢNG NGHĨA. — Bài bát này nguyên tự một khi Tác-già ở chơi trong nhà một người bạn soạn ở phố Rinh Hải-phòng, nhân

cảm thân thể của người son phấn ấy mà làm ra, đầu bài đặt là « cánh bèo », mượn bèo nói người vậy.

Bốn câu mở đầu, do mối cảm tình chân thực của Tác giả đối với nhân thể hiện có của người Bình-khang kia mà viết rằng :

« Cánh bèo kia, bèo bồng ở nơi mặt nước chân mây, dềm dềm thì sương tuyết, ngày ngày thì nắng mưa. Ấy không biết những ai đối với bèo, bến đợi sông chờ, mà sao bèo tựa như vô tình, cứ lững lờ không gần duyên đâu ? »

Vào bài, nói rõ cái thân thể của bèo vì sao mà thế, nghĩa rằng :

Nguyên từ lúc sinh ra trời phú cho cái rẽ tình rất nồng nết, cho nên sự trăm năm cũng chẳng hề hện với ai làm chi. Chỉ là bước giang-bồ nay ở chỗ này, mai đi chỗ khác, ly rồi lại hợp, hợp rồi lại ly, thật là đáng ngán vậy. Song nghĩ cho phải ra thời cái tình con người đời chưa hẳn đã bạc như nước lã cả, sao mà mình nỡ đem tâm sự bỏ ở chỗ đầm lạnh lùng kia cho đành ! Nay như cái đầu xanh kia trôi nổi đã bao nhiêu miền, trước lạ rồi sau cũng quen, nên đừng có lấy làm ái ngại. Nếu lại nghĩ cho rộng ra thời khắp cõi đời người đâu đâu cũng là nơi bể khổ, cái kiếp đời trôi nổi ai cũng như bèo cả mà thôi. Ai ơi vớt lấy kéo hoài.

THÍCH-NGHĨA. — « *Sinh lai chủng dắc tình căn thiên* » có câu sẵn ở trong sách. Nghĩa rằng : « Nguyên từ lúc sinh ra đời, trông được cái rẽ tình nồng nết. »

Hai câu thơ dựng : Cầu trên nghĩa là : « chưa hẳn tình con người đều là nước trắng cả ». Câu dưới nghĩa là : « sao nỡ đem tâm sự gửi ở nơi đầm nước lạnh lùng ».

Nhân thế là đời người.

Khô hái là bể khô.

Phù sinh là cái đời trôi nổi.

BÀN VẤN.— Bài hát này đặc sắc ở sự nói bóng. Văn là nói bèo mà ra thân thể người giang-hồ. Như hai chữ «*dầu xanh*» lại tuyệt khéo. Bốn câu mở, mới nghe câu thứ nhất, đã thấy bèo ngay, nghe cả câu thứ hai thời thân thể của bèo thực thấy đáng thương tiếc. Hai câu này xem với hai câu mở trên ở bài «*Hỏi gió*» có khi không kém nhau. Hai câu dưới nổi ra ý trách để khơi đầu vào bài.

— Vào bài, một câu chữ Tàu mượn cổ mà thật đắt. Toàn bài lấy câu ấy làm cốt. Chỉ là đồ cho số phận mà thôi. Rồi dó gỡ lại trách, trách lại yên-ủi đều để tỏ vô hạn thương tiếc. Tưởng không riêng một người ở phố Rính, mà phạm ai lặn ở xóm Bình-khang, lúc nhàn sâu xem chơi, đều dễ kêu thân thể cảm hoài vậy. Một câu sau hết, ý tuy trung hậu mà lời văn huôn quá! Nếu chữa đi được thời là hơn.

4.— Lại say

Say-sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thời hư vậy, say thời cứ say.
Đất say đất cũng lăn quay,
Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười ?



Say chẳng biết phen này là mấy !
Nhìn non xanh chẳng thấy, lại là say,
Quái ! Say sao ? Say mãi thế này,
Say suốt cả đêm ngày như bất tỉnh.

Thế-ngôn tế-từu chân vô-tích :
Ngã-dục tiên-sầu thả tự-do :

Việc trần-ai, ai tỉnh ai lo,
Say túy-lúy nhỏ to đều bất kể.
Trời đất nhĩ ! Cái say là sướng thế !
Vợ khuyên chồng, ai dễ đã chừa ngay ?
Muốn say lại cứ mà say.

GIẢNG-NGHĨA. — Bài hát này, nguyên vì Tác-già có hai bài trước. Bài thứ nhất là « Chưa say », bài thứ hai là « Say », làm đến bài này là thứ ba, cho nên đầu đề là « Lại say ».

Cái sự say-sưa, kể cũng là hư thật; nhưng hư thời biết vậy mà say vẫn cứ say. Vì sao ? Xem như quả đất đó cũng say mà lăn quay; ong Trời kia cũng say mà cái mặt đỏ gay, không thấy ai cười cả. Trời đất cũng đều say cả thời say chưa hẳn đã là hư.

Vào bài tả thực cái sự say, nghĩa rằng :

« Nhưng bạn này mà say, thật chẳng biết là phen thứ mấy nữa ! Chỉ cứ nhìn lên non xanh ở trước mắt mà chẳng thấy, thời ấy lại là say. Không biết say sao lại say mãi, suốt đêm ngày như bất tỉnh vậy. Vợ thời bảo rằng . « Cái sự say rượu thật là không có ích lợi gì ! » Nhưng ta muốn cho được khuây khỏa nỗi buồn, cho nên phải cứ uống. Thế nào là khuây buồn ? Vì rằng việc đời đã có những người tỉnh phải lo, say túy-lúy thời dù việc nhỏ hay việc to cũng đều bất kể cả. Ấy cái sướng của sự say là như thế, có trời đất cùng biết: chớ như vợ đòi khuyên chồng thời khuyên làm sao cho người ta chừa ngay cho được ! Thì lúc nào muốn say ta lại cứ say.

THÍCH NGHĨA. — « Nhìn non xanh chẳng thấy » lấy nghĩa ở trong văn say của ông Lưu-Linh có câu « Mục thị bất đồ Thái-sơn chi hình » Nghĩa là « Nhìn thật kỹ cũng chẳng thấy cái hình núi Thái-sơn ra sao ».

Hai câu thơ dựng, câu trên nghĩa là : « Vợ nói say rượu thực vô ích » ! Câu dưới nghĩa là : « Ta muốn tiêu-sầu hằng cứ tự-do ».

BÀN VẤN. — Bài hát này, đặc sắc ở sự lãng-mạn. — Bốn câu trước, hai câu trên chỉ là tả cái tình hoài lãng mạn trong lúc say. Hai câu dưới,

nhân sự lý tự-nhiên mà nói được cao-kỳ. Có người bảo là hay nhất trong vận-văn của tác-giả, đầu định ra chữ nước nào cũng hay. Hoặc thế. Văn bài, một câu thứ nhất cũng thấy ngay được nghĩa chữ « *Lạ* » Câu thứ hai điển cố rất thoát, lời lại giả dạn mà lịch-sự. Ba chữ « *Trời đất nhĩ* » ở câu thứ 9 thực chiếu lên hai câu tam tứ ở trước mà như muốn làm bạn với Tạo-hóa, rất có khí vị Trang-Chu. Đặc sắc của bài hát ở đó. Còn ngoài ra các câu khác lời văn bình-thường mà có nhiều chữ non. Trong *Bình-khang Tân-thanh* (1) kể có bài này lợi hại hơn cả. Tác-giả nào lúc nào lại say mà sửa lại những câu non kém, thời toàn bài mới có giá trị hơn.

(1) Tập bát á đầu thích nghĩa này Tân-Đà tiên-sinh định in riêng một cuốn đặt là « *Bình-Khang Tân-Thanh* » để cho cô đầu bát bài nào cũng được hiểu nghĩa.

5. — Đòi đáng chán

Người đòi thử ngẫm mà hay.
Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê !
Còn ai, ai tỉnh hay mê ?
Nhưng ai thiên cổ đi về những đâu ?



Đòi đáng chán ? Hay không đáng chán ?
Cắt chén quỳnh, riêng hỏi bạn tri-âm.
Giá khuynh-thành nhất-tiểu thiên-kim,
Mắt xanh trắng đổi nhằm bao khách tục ?

Giang hà nhật dạ nhân dai trọc :
Thiên địa lô-trung thực hữu tình.

Đón đưa ai gió lá chim cành !
Ấy nhân-thế phù-sinh là thế thế.
Khách phù-thế chữa rất câu «phù-thế»,
Người phong-lưu càng đượm vẻ phong-lưu.
Bức khăn hồng nâng đỡ hạt châu,
Chuyện kim cổ một vài câu phải trái :

Châu Nam-hải, thuyền chìm sông Thúc-ái,
 Sông Tiền-đường, cỏ áy bến Ô-giang !
 Ngẫm nghìn xưa, ai tài-hoa, ai tiết liệt, ai dài trang,
 Cùng một giấc mơ-màng trong vũ-trụ.
 Đời đáng chán biết thôi là đủ,
 Sự chán đời xin nhủ lại tri-âm.
 Nền chẳng nghĩ lại kéo nhàm.

GIẢI NGHĨA.— Bài hát này trích ở trong truyện «*Thế non nước*», làm ra lời một người quan-viên và một người cô đầu cùng đàm luận với nhau. Hai chữ «*Đời đáng chán*» là nhân lấy chữ ở đầu câu thứ nhất làm đầu bài, mà cũng là chữ trong bài vậy.

Bốn câu trước chỉ là nói «đời người vô-vấn không ra làm sao, để gọi ra ý đáng chán» nghĩa là : «Người ta ở trong đời, thử ngẫm mà thật lạ : trăm năm thời cho là ngắn, một ngày thời thường thấy dài ghê. Những ai còn sống ở đời đó, chẳng biết có là tỉnh, hay phần nhiều là mê ? Những ai đã qua khuất trong nghìn xưa, thì những người ấy đi về những đâu cả ! Nhân-sinh nghĩ thật vô-vấn vậy.»

Vào bài, từ câu thứ nhất đến câu thứ tám là nhờ người quan-viên nói chuyện bảo người cô đầu. Nghĩa rằng :

«Cái đời người ở thế-gian, vô vấn là như thế, thời có đáng chán hay là không ? Nhân cất chén rượu uống mà xin hỏi tri-âm xem sao ? Ngay như cái giá khuynh-thành của tri-âm một cười có đáng nghìn vàng, thế mà nay mặt xanh, má mướt trắng kén chọn đổi thay, biết bao nhiêu khách tục. Nghĩ chẳng hoài lăm rù à ! Sao biết những

người khách là tục ? À, vì nghĩ rằng : giang-bà mỗi ngày xuống kếm, thời người phải đục, mà mấy ai được trong ? Cùng ở trong cái lò của trời đất đúc ra thời cũng chỉ đến như miếng kềm miếng chì, mà ai là người có tình được ? Ấy những người khách chỉ là tục mà không có tình như thế. Thế mà đón đưa ai gió lá với chim cành, cái đời người là kiếp phù-sinh, chính như thân-thể tri-âm vậy. Nghĩ có đáng chán hay là không ? »

Từ câu thứ 9 đến câu thứ 12 là nhời chép chuyện nghĩa rằng :

Ông quan-vên ấy chưa nói dứt cái câu chuyện chán đời, thời người cô-dầu kia đã tỏ ra cái vẻ đau-đớn vì nỗi đời đáng chán. Khi đó chị ta rớm khóc, lấy chiếc mù-xoa đỡ nước mắt. Rồi cũng bàn luận về cái lẽ chán đời của các người kim cổ như những lời ở sau.

Từ câu thứ 13 cho đến hết bài, đều là nhời người cô-dầu cả, nghĩa rằng :

Nếu nghĩ đời là đáng chán, thời chẳng cứ gì những người trong xóm yên-hea, mà xem như nghìn xưa kia : Nàng Mỹ-Châu ở bể Nam-hải, nàng Phan-Thị-Thuần ở sông Thúy-ái, nàng Tây-Thi ở khúc sông Tiền-Đuống, nàng Ngu-Cơ ở bên sông Ô-giang lấy toàn những hạng người tài hoa tiết-liệt, dài trang mà cái thân thể nào có ra gì đâu. Chẳng qua cũng là một giấc mộng trong khe cửa trời đất. Vậy thời cái nhẽ đời đáng chán, chỉ cứ biết qua như thế thôi là phải. Còn như có nên chán hẳn hay không thời phải nghĩ kỹ lại kẻo mà có chỗ sai lầm đó. Xin thưa tri-âm ».

THÍCH NGHĨA. — *Thiên cô* nghĩa là nghìn xưa.

Tri-âm là biết tiếng, nghĩa là biết rõ nhau. Hai chữ này nguyên gốc

ở điển Bá Nha đánh đàn mà Chung-tử-Kỳ nghe sành. Đến khi Tử Kỳ chết, Bá-Nha đập vỡ đàn, rước hồ giấy, cho là cả đời không có ai biết tiếng đàn của mình nữa. Nay hai chữ « tri-đam » ta thường nói, tức là gốc ở đó, mà đại-khái lấy về ý biết rõ tài-năng tâm-sự nhau.

Khuynh-thành là nghiêng thành, nghĩa là có nhan sắc có thể làm cho người ta mê-say mà đến đổ nước nghiêng hành được.

Nhất-tiểu thiên-kim nghĩa là một cái cườì giá đáng nghìn vàng được.

Mắt xanh trắng, lấy ở điển ông Nguyễn-Tịch ngày xưa là bạn rượu với ông Lưu-Linh, ông tiếp đãi người có hai cách : ưa ai thời tiếp bằng mắt xanh, chẳng ưa thời tiếp bằng mắt trắng.

Hai câu thơ dựng, câu trên nghĩa là : « Sông nước mỗi ngày xuống kém cho nên người ta đều phải đục ». Câu dưới nghĩa là : « Trong cái lò của trời đất đúc cả thời ai là có tình ? »

Đón đưa ai gió lá chim cành, tức là lấy nghĩa ở hai câu thơ cổ của Tào : « *Chi nghinh nam bắc diều, diệp tống vãng lai phong* ». Nghĩa là : « Cái cành thời đón những con chim ở Nam ở Bắc, cái lá thời đưa tiễn những cơn gió khi lại khi đi ». — Hai câu thơ này, chính trong truyện Kiều đã lấy ý mà làm ra hai câu lục bát : « *Rập riu lá gió cành chim, sém đưa Tống Ngọc tới tìm Trương-Khanh* ».

Nhân-thế là đời người.

Phù-sinh là đời người trôi-nổi.

Phu-thế cũng là cái đời trôi-nổi.

Châu Nam-hải là lấy điển nàng Mỵ-Châu ở trong Sử ta. Nàng Mỵ-Châu khi xưa là con vua nước Thục quá tin người chồng mà làm mất

nước, bị vua cha chém chết ở bờ bể Nam. Tương-truyền rằng máu của nàng ấy trôi chảy xuống bể, những con trai ăn vào thành ra có ngọc, cho nên vùng bể Nam có nhiều ngọc trai. Châu là ngọc trai.

Thuyền chìm sông Thúi-ái là diễn nàng Phan-thị-Thuần cũng ở trong Sử ra. Chồng nàng đó là Ngô-Cảnh-Hoàn chết trận ở sông Thúi-ái, rồi nàng ngồi thuyền ra tìm mình ở khúc sông để chết theo chồng.

Sông Tiên-dương là lấy diễn nàng Tây-Thi ở trong Sử Tàu. Nàng Tây-thi khi xưa có nhan sắc tuyệt trần, sinh ra ở đất Việt, vua Việt lợi-dụng để đem sang cống Ngô, làm cho vua Ngô vì sự yêu quý nàng mà rời đến mất nước. Sau vua Việt đã đánh được nước Ngô, lại bắt Tây-thi bỏ vào một cái túi vứt xuống sông Tiên-dương (xem thêm ở truyện *Thề non nước*).

Cỏ di bến Ô-giang là lấy về diễn nàng Ngu-Cơ cũng ở trong sách Tàu. Nàng Ngu-Cơ là một vị mỹ-nhân rất yêu quý của vua Hạng-vương. Hạng-vương bại trận, Ngu-Cơ tự-vẫn chết, chôn ở bến sông Ô-giang. Vùng đó nhân thế mà mọc ra một thứ cỏ thơm rất nhiều, người ta gọi là cỏ « *Ngu mỹ-nhân* »

Vũ-trụ là trong khoảng trời đất từ xưa đến nay.

BÀN VẤN.— Bài bát này đặc-sắc ở chỗ lâm-ly, nhân vì thân-thể người Bình-khang mà man-mác đến cả thân-thể mọi người khác. Bốn câu miêu tả thấy đời người vô vãn, thật không có giá-trị. Trăm năm có thể cho là ngắn mà một ngày thấy dài. Cái sự dài ngắn đó chẳng qua ở tự lòng người ta mà thôi, thật không có hề gì chánh đáng cả. Cứ hai câu trên đó

thời cái lẽ đáng chán còn là có một nửa. Đến như hai câu dưới thời thấy rằng những người còn sống chưa hẳn những ai không mơ-màng mà những người chết đi thật mất dưới (dứt). Cái lẽ đáng chán ở đời lại chiếm đến quá nửa vậy. Trong bốn câu mười này chỗ dung-công ở hai câu thứ hai và thứ bốn phẳng-phát cũng vẫn là có khí vị Trang-Chu.

Vào bài, hai câu đầu nổi lên rất mạnh, tưởng như thấy một người khách rất ngang-tàng ngồi trên chiếu hát vậy. Một chữ «*riêng*», chân trọng, riêng thương tiếc bao bạn ân tình ! Hai câu thứ ba thứ bốn nói rõ ra cái thương tiếc cho người ngồi đó, mà như coi rẽ hết làng chơi. Đến hai câu thơ dựng giải về cái cố người ta ở trong đời cùng chịu chung một hoàn-cảnh nhờ thế cho nên ai nấy đều phải tục, thực là nhẽ thường. Chỉ riêng nghĩ cho thân-thể người Bình-khang, những sự đón đưa thật là không giá-trị mà trong cái đời người đáng chán lại là cái cảnh đáng chán thêm. Ấy hai câu thứ bảy thứ tám để thu-thúc toàn đoạn. Văn thực riết mà kể cũng bạo lời vậy. Một câu «*đón đưa ai gió lá chim cành*», tính chữ chỉ bằng nửa hai câu trong truyện Kiều mà lộn nghĩa cũng thế. Câu đó có chút giá-trị riêng. Mấy câu ký-sự ở khoảng giữa, lời văn lịch-sự, tả ra được một người cao đẳng ở trong xóm Bình-khang; tuy chưa biết giá khuynh-thành như sao mà cái vẻ phong-lưu thực đã đáng thương tiếc. Dưới đoạn ký-sự, chuyển xuống hai câu dẫn diễn lời của người Bình-khang, không những chuyển-tiếp đã nhanh, mà lời văn cũng phong-phú mà đẹp. Hai câu phán đoán đem các người quý giá trong nghìn xưa, nói được thấy thê thâm mà cái lẽ đời người đáng chán lại càng hiển-hiện ra mười phần. Ba câu sau thúc lại

lấy nghị-luận làm bêt nhẹ-nhàng, lỏng-lẻo, lời hết mà vị có thừa. Toàn bài, vừa văn-chương, vừa lý-luận, tư-tưởng nhà triết-học mà khẩu khí tài-tử giai-nhân. Trong văn-văn được như thế hiếm có ! Trong bát nói có như thế tuyệt hiếm !

II

CÁ SẮM

6.— Con cá vàng

Nước trong xanh lơ-lửng con cá vàng,
Cây ngô cành bích con chim phượng-hoàng nó đậu cao.
Anh tiếc cho em phận gái má đào,
Tham đồng bạc trắng mới gán mình vào cái chú Tây đen.
Sợ tơ hồng ai khéo se duyên,
Treo tranh tố-nữ đứng bên anh tượng đồng !
Chị em ơi, ba bảy đường chồng...

GIẢNG NGHĨA.— Bài hát này, chỉ là nhời chế người dân bà lấy chồng Tây đen, nhân ở câu thứ nhất có ba chữ «con cá vàng» mà gọi làm đầu bài. Nghĩa rằng :

«Cái bể nước trong xanh kia thời con cá vàng nó lội lơ-lửng ; cây ngô-đồng cành bích thời con chim phượng-hoàng nó đậu thật cao. Những vật quý-giá thời nên ở vào những nơi thanh-quý như thế mới là xứng

dáng. Cho nên anh tiếc cho em là phận má đào, chỉ vì tham đồng bạc trắng mà phải gán mình vào lũy chú Tây đen !

Sợ tơ hồng ai khéo se duyên mà chua độc như thế ? Nỡ đem bức tranh tổ-nữ treo đứng ở bên anh tượng đồng. Này những chị em ơi, người ta lấy chồng có ba bảy đường chồng, thì cũng nên nghĩ sự kén chọn thế nào cho là hay.

(Dưới câu kết đây, nguyên của tác giả còn có hai câu nữa : sau có người bảo nên cắt đi, chỉ để đến câu này là hết thì hay hơn. Nay ai hát bài này, nên cứ hát đến «*Ba bảy đường chồng*» là hết).

THÍCH NGHĨA. — Chim phượng-hoàng là một thứ chim rất quý, nó chỉ đậu ở cành ngô-dồng. Ngô-dồng là một thứ cây rất quý, xanh biếc, cho nên gọi là bích-ngô. — Bích là biếc.

BÀN VẤN. — Bài hát này đặc-sắc toàn ở chỗ dùng màu. Nhân một chữ «*đen*» là chính chủ ở trong bài; mà dùng được nhiều những chữ về các sắc như «*xanh, vàng, bích, hoàng, đào, trắng, hồng, tổ*» đề trang điểm lời văn. Cho nên trọng điệu hát sặc sỡ đẹp lời có bài này là nhất. — Có người bảo hai câu nhất nhì trong bài đây thực có giá trị hơn hết trong vạn-văn của Tác-giả. Vì nếu dịch ra chữ nước khác lời và ý vẫn hay.

III

CÁI LY

7.— Năm canh mỗi tình

(*Hành-văn sang Nam-ai*)

Nghiep phong-trần, nghiệp phong-trần, kén mặt tài-nhân,
sầu ôm gối, gối chiếc đêm xuân.

Chăn đơn sương lạnh, ngủi thương bóng đối mình, đem
tâm-sự cùng ai. Trông ngọn đèn canh tàn hiu-hắt.

Người trong mộng, niềm nguyện mong, giục xui lòng rõ-
ràng đòi lúa, phụng thành song, thành song. Mừng tạo-hóa
chấp mỗi tơ hồng. Tỉnh giấc cò phòng, dậy thành không, thành
không. Sự sát cầm chiêm bao thành không. Cò phòng u-uất,
ấy là bạn tri-âm !

Tri-âm cách nẻo phương trời, ai người nhủ hộ, gió đông
trênh niềm tây, đưa gửi mấy câu !

Ai say ngủ một mình đâu ? Trong giấc mộng chẳng hử tìm nhau ? Xa mấy dặm ngàn dâu, nghe nhận sầu thêm sầu.

Song thừa gió thoảng bên màn, ôm đàn tưởng vọng. Bóng trăng lại kè hiên, luống những đón tin, thôi chi nói mơ màng. Tiếng thần-phong nhắc gọi trời đông. Cái oanh, cái oanh vàng my đầu lại trêu ai, nhấn chiặng đôi lời. Tương-tư trọng, chề nhường khan giọng.

Ai biết nỗi sầu manh, muốn đưa mình lên hỏi trời xanh. Sao ông Nguyệt-lão mùn-thỉnh ? Năm canh mới tình

GIẢNG NGHĨA. — Bài hát này tả cái tình tự của một người hồng-nhan, từ đêm đến sáng, mong tưởng bạn tri-âm, cho nên câu cuối là *năm canh mới tình* mà nhân biểu lên làm đầu bài vậy. Nghĩa rằng :

Cái mặt phong trần sao mà khéo kén mặt những người tài tình như thế. Khiến cho mình đêm xuân không biết đem tâm sự cùng ai ! Chỉ có trông ngọn đèn hiu-hắt lúc canh tàn mà tự ngùi thương cho số phận vậy.

Cái người mà mình mong tưởng đó, chỉ là ở trong giấc mộng, mà như xui giục lòng ta, thấy trong mộng thành đôi thành lứa như con chim phụng-hoàng. Đến lúc tỉnh giấc trong buồng không thò ra không có gì cả. Những sự sắt cầm chỉ là chiêm bao rồi lại thành không, như thế, buồng không u-uất biết lấy ai làm bạn tri-âm.

Người tri-âm của ta khi cách nẻo ở ngoài phương trời, ai người nhấn nhủ bộ mình bây giờ ? Chỉ thấy cơn gió đông lay chập cánh rèm hiên tây mà ta nay muốn nhấn nhủ mấy câu.

Này hỡi ai say ngủ một mình ở đâu ? Trong giấc mộng biết có tên nhau chăng hử ? Từ đây đến chỗ ai đó, xa nhau biết mấy dặm ngàn dặm chỉ cứ nghe tiếng nhận lại thêm sầu mà thôi !

Ở chỗ cửa sổ thưa, cơn gió thoảng, vào hên màn trở dậy ôm đi mà ngồi để mong tường. Trông ra thì thấy bóng trăng soi lại kẻ hiên khiến cho mình như đón tin của ai.

Thôi ! Nhưng mà nói mơ mộng làm chi. Nghe tiếng con chim thần phong nó đã nhắc gọi mùa đông rồi. Trời đã sáng rồi. Con chim oanh vàng mây ở đâu bay lại chỉ trên ta làm gì, nào có nhấn được lời gì đâu. Cái khối tương-tư nặng nề cho nên uống chén chè như cũng khá giọng vậy.

Có ai biết cái nỗi sầu riêng của ta, thời xin mượn đưa ta lên hỏi từ trời xanh xem rằng sao mà cái ông Nguyệt-lão cứ làm thình, không đến đến chuyện se dây gì, để cho mình cứ năm canh vương mối tình hoài.

THÍCH NGHĨA. — Có phòng nghĩa là buồng không, trong buồng nằm có một mình.

Thần-phong là tên một thứ chim, cứ đến sáng thì nó kêu. — *Thần* là buổi sớm. *Phong* là gió.

BÀN VĂN. — Bài hát này đặc sắc ở chỗ tình tế. Suốt hai bài tiếp nhau, tả cái tình hoài của người hồng-nhan trong lúc đêm xuân, từ đèn đến sáng, mới mà sầu ốm gối, gối chiếc chần đờn, trông đèn hiu-hắt này là phần nửa đêm trở về trước, cái tình hoài trong lúc chưa ngủ mà

trần-trọc không yên. Từ chỗ « người trong mộng » cho đến « thành không, thành không », ấy là phần giữa đêm, cái tình hoài trong lúc thức ngủ mà chấp chờn chẳng định. Từ chỗ « sự đứt cãm » cho đến « là bạn tri âm » ấy là phần sau lúc giữa đêm. Cái tình hoài sau khi tỉnh dậy mà cãm cảnh huồn u-uất. Trờ lên đó là bài ca Hành-vân sang bài Nam, từ chỗ « tri âm cách nẻo » cho đến « luống những đón tin » nào là « gửi gió đưa tin, nghe chim nhận sầu, gió thoảng song thưa », mà « trở dậy ôm đàn, giăng lại kè hiên » mà « đón tin dưới bóng » ấy là phần nửa đêm về sau, chuyển gần về sáng, cái tình hoài sau lúc không ngủ được mà tưởng vọng càng thêm. Từ « Thót chỉ nói mơ mộng » cho đến « chề nhiều khan giọng, nghe tiếng thần phong thấy cái oanh vàng », ấy là phần trời đã chuyển sáng, cái tình hoài sau lúc hết hi-vọng mà chỉ còn sầu không. Từ « ai biết nổi sầu manh » cho đến « Nguyệt lão mần thình » ấy là phần trời đã sáng hẳn, cái tình hoài sau lúc hết hi-vọng mà chỉ có than thân giận trời. Bốn chữ « năm canh một tình » ở câu kết, thời là gói cả cái tình hoài từ đêm đến sáng. Chữ « năm canh » là kết. Chữ « tình » lại là kết — Hợp hai bài xem suốt, nhân sầu cảm thành tưởng vọng, nhân tưởng-vọng thành ảo mộng, thành thất vọng, nhân thất vọng lại hi vọng, lại sầu cảm sóng tình lớp lớp, như mặt nước hồ xuân, theo làn gió gợn, văn tả tình đến thế là hay.

IV

HÀI PÁN

8. — Thú ăn chơi (1)

Trời sinh ra bác Tản-Đà,
Quê hương thời có, cửa nhà thời không.

Nửa đời Nam, Bắc, Tây, Đông,
Bận bề xum-hạp, vợ chồng biệt-ly. (1)

Túi thơ đeo khắp ba Kỳ,
Lạ chi rừng biển, thiếu gì gió trăng.

Thú ăn chơi, cũng gọi rằng,
Mà xem chữa dễ ai bằng thế-gian.
Hà tươi cửa biển Tu-ran (Tourane), (2)
Long-xuyên chén mắm, Nghệ-an chén cà, (3)

(1) Bài này tuy không có đoạn giảng văn nhưng Tản Đà tiên có chú thích một cách rất rõ ràng và bàn rộng thêm ra, nên cũng cho mục này.

- Sài-gòn nhớ vị cá cha, (4)
 Cái xe song-mã, chén chè Nhất-thiền. (5)
 Đa tình con mắt Phú-yên, (6)
 Hữu tình rau bí ông quyền Thuận-an. (7)
 Cơm ngấm Chợ-lớn chưa tàn, (8)
 Tiệc xóc lại có Văn-bàn, Vũ-lao. (9)
 Chấn-phòng đãi khách cơm Tàu. (10)
 Con ca xứ Huế, cò dầu tỉnh Thanh. (11)
 Mán Sừng cái bánh trưng xanh, (12)
 Hoa-kỳ tiệc bánh Tin-lành nhớ ai. (13)
 Sơn dương, sò huyết Hòn-gai, (14)
 Đồng-sành cá đối, Giáp-lai lợn rừng. (15)
 Vân-quan, Hoành-linh xe từng, (16)
 Con tàu ca-nốt trông chừng Mê-kông. (17)
 Tuồng Bình-định, rạp Phú-phong, (18)
 Ở-nam nước mắm, tỉnh Đông chè Tàu. (19)
 Phong lưu chẳng thiếu dàu dàu,
 Nước non đưa đón khắp hầu gần xa.
 Nay về Bất-bạt quê nhà,
 Sông to cá lớn lại là thú ngon.
 Vắng bề bạn, có vợ con.
 Xa-xôi xã-hội, vuông tròn thất-gia.
 Trăm năm hai chữ « Tản-Đà »
 Còn sông, còn núi, còn là ăn chơi.
 Dở hay muôn sự ở đời,
 Mây bay nước chảy mặc gười thế-giap.

(1) Hai chữ đây cũng là nói về phần nhiều, không phải là sự toàn nhiên.

(2) Tàu biển qua cửa Tourane, người ta có đem những rọ hà lê bán thật tươi ngon.

(3) Tôi có qua chơi vùng nhà quê ở Long-xuyên, cùng ăn bữa cơm nhà một ông Chánh-tổng, nhiều thứ mắm thật ngon. — Cà pháo ở Nghệ an ngon có tiếng, tôi thường năng qua Vinh, thường được ăn.

(4) Thứ cá cha ở Sài-gòn nấu với trái thơm, ở Bắc gọi là quả dứa rất ngon, có một chỗ đặc điểm là cá béo mà không có sao mờ ra bát canh. con cá ấy người ta cũng gọi là con cá Sài-gòn vì duy ở sông Sài gòn mới có.

(5) Ở Sài gòn có nhiều thứ xe cho thuê mượn, bày thành hàng la liệt ở bến chợ để đợi khách ; xe hơi 4 đồng một giờ, xe song mã thời 4 đồng một giờ, khi mới vào ở Nam, tôi cũng có thuê mấy giờ xe ấy cùng gia quyến đi chơi riêng mấy chỗ bạn thân, phong-phú cũng nhàn-nhã — Hiệu cao-lâu Nhất-thiên ở Chợ-lớn là hiệu to hơn hết, người ta nói rằng cái nhà ấy là của quan Đốc-phủ Phương khi trước mà rồi sau bán lại cho người Tàu. — Chén chè Long-tĩnh pha với hoa cúc lớn mỗi chén 2 cái thật ngon ; ở đó mỗi vị khách pha riêng một chén nước không như ở Đông-hưng hàng Buồm Hà-nội.

(6) Tỉnh Phú-yên ở mạn nam Trung-kỳ, lý-sở là sông Cầu, con gái ở đó rất đa tình, mắt thật đẹp.

(7) Ông quyền Thuận an là tên lính gát ở Chấn-hải-quan tức cửa Thuận. Cầu này nên coi tường ở « Giác mộng lớn » chỗ đi chơi Thuận-an.

(8) Khi tôi ở Nam, có lần đi dự tiệc vui. đặt ở Chợ lớn có nhạc ca, một mỹ-nhân cất giọng. thòai là

*Tiếng sấm ăn-tinh bốn mặt ran,
Tướng quân chi tặc cánh hoa tàn...*

Thơ vịnh Kiều ở trong « Khố tình con » mà đọc theo giọng « ngâm thơ Sài-gòn » thốt nhiên được nghe kể cũng là một sự khoái ý

(9) Một khi tôi cùng đi chơi với ông Kiêm-lâm ở Bão-hà, là ông Trịnh-Xuân-Nhạc vào thăm trong miền rừng Yên-báy, qua nhà ông Chánh tổng Vũ-lao và sở quán châu Văn-bàn đều có đặt tiệc xóc : có gái thổ, một người hát, một người đổ rượu rất vui.

(10) Một khi tôi đi chơi Lào-kay, ông Phán đầu tòa Sứ là ông Nguyễn-Văn-Giai, có gia-quyển ở Chấn-phòng thiết bữa cơm đông đủ các ông bạn làm việc trong tỉnh, thức ăn làm toàn theo lối Tàu, bên ta ít làm đến.

(11) Hồi tôi thôi làm việc ở « Đông-pháp thời báo » ở Nam mà qua trở về Bắc, tới Bình-định lưu-liên khá lâu. một bọn con ca Huế cùng ở chỗ nhà hàng. Đêm thanh : kếp đánh đàn bầu, đào đánh đàn nguyệt, cùng họa nhau mà ca thiệt hay..

Một khi tôi ở Bắc vào Nam, qua Thanh-hóa, một ông bạn cũ là nhà tư bản ở tỉnh đó, lấy cô đầu danh ca bạn áo gấm, đem xuống chỗ nhà Quán-ca ở ngoài, hát tỉnh suốt đêm thật hay và vui.

(12) Cũng trong khi đi chơi thuộc vùng rừng Yên-báy, qua hạt Lào-kay ngủ ở nhà người Mán Sừng, hồi đó nhân dịp sau Tết, chủ nhân mang bánh làm bằng lúa non toàn-nhiên là xanh mà thiệt ngon. Vùng xuôi thường nói « Bánh trưng xanh » nghĩ như thế mới thiệt đúng.

(13) Ngày tôi làm việc báo « Hữu Thanh » có đến thăm một ông Mục-sư người Hoa-kỳ ở nhà Tin-lành, chủ nhân thiết ăn hánh, toàn là thứ bánh Hoa-kỳ cũng long trọng.

(14) Ngày ông Trịnh-Đình-Rư còn làm giáo học ở Hòn-gai tôi ra chơi, ông thết ăn cơm có cả thịt sơn-dương và sò huyết. Ở Bắc-kỳ có sơn-hào hải-vị đủ, có lẽ duy ở Hòn-gai.

(15) Khi ấy tôi ở Đồng-sành của ông Đỗ-Đình-Đạt, gần huyện Rào Hải-phòng, thường hay ăn cá dôi, cái đầu nó mềm mà ngon. Ngạn-ngữ ở vùng ấy đã có câu: « Bán ruộng dầu câu để ăn đầu cá dôi ». Làng Giáp-lai thuộc châu Thanh-sơn, tỉnh Hưng-hóa là đất vùng rừng. Khi tôi ở chơi nhà người bạn là con quan Tri-châu Thanh-sơn, có đi báo chim qua Giáp-lai, ông này là con rể của quan châu Thanh-sơn giữ lại ngủ : hôm ấy lại là ngày lễ cáo về việc kỵ của họ, có săn được con lợn rừng cao đến hơn một thước tây làm theo lời « lòng dăm » để cúng tế, tôi hôm trước cỡ lòng, sáng hôm sau cỡ thịt, hai bữa cỡ thật có giá trị thay.

(16) Núi Hải-vân có Hải-vân quan, núi Hoành-sơn có Hoành-sơn quan, là hai cửa ải của Thuận-kinh từ xưa để chống giữ Nam Bắc. Tôi từng có cùng đi xe hơi với ông Bùi-Huy-Tín qua những chỗ đó, đều có dựng xe lên trên quan-ải để du-quan.

(17) Trong khi tôi ở Nam giúp việc « Đông-pháp thời-báo » của ông Diệp-Văn-Kỳ, có thư ông cùng ông đi về chơi trong Cao-lãnh, thuộc tỉnh Sadec quê của Diệp phu-nhân, có lần đi chiếc tàu ca-nốt vượt qua sông Mê-kông kể cũng có hứng-thú không ít.

(18) Nghề hát tuồng nghe nói Bình-định, là hay nhất, cũng trong hồi tôi lưu-liên ở Bình-định, có qua Phú-phong, tôi đi chơi xem hát tuồng, con hát mũ áo ra-lạ, vừa tiền tiêu, vừa tiền thưởng cho bạn hát, hết 7 đồng bạc kể cũng có phong-thế.

(19) Nước mắm Nam-ô cách Tourane ít đường từ Huế vô thiệt là ngon, tôi có từng qua đó xuống xe vào hàng nêm nước mắm. Chè Tàu ở Bắc-kỳ thời Hải-dương có tiếng là ngon nhất. Tôi có bà con anh em làm việc nơi đó, dù khi tôi ở Hà-nội hay Sơn-tây, thường có chè Hải-dương gửi cho.



TIỂU DẪN

Tập «Bình-khang ca-phả» này tự Tản-Đà, tiên-sinh lúc sinh-tiền đã toan chú-thích các bài hát trên, lại giảng nghĩa kỹ-lưỡng cho cô đầu hát để nhớ và biết nghĩa những câu hát, nhưng đương soạn và chú-thích được mấy bài trên thì bận việc khác, còn để nửa chừng chưa làm xong và cho xuất-bản được, thế là tiên-sinh quy-ẩn. Chúng tôi để riêng ra và lưu nguyên cả cái tên «Bình-khang ca-phả» tác-giả tự chú-thích đặt trên tất cả các bài vạn văn của tiên-sinh là quý-trọng về cái công-phu trước-thuật chú-giải của tiên-sinh vậy.. Còn các lời hát và hát nói còn nhiều, xin xem các mục ở dưới.

HƯƠNG-SƠN

TẢN-ĐÀ TỬ TUYỆT

9. — Thuật-bút

Mười mấy năm xưa ngọn bút lông,
Xác-xơ chẳng bợn chút hơi đồng :
Bây giờ anh đổi lông ra sắt,
Cách kiếm ăn đời có nhon không ?

10. — Tương tư (1)

Quái lạ ! làm sao cứ nhớ nhau,
Nhớ nhau đằng đẵng suốt đêm thâu.
Bốn phương mây nước, người đôi ngả,
Hai chữ tương-tư một gánh sầu.

11. — Lưu-tình (2)

Dưới bóng trăng tròn tán lá xanh,
Nhớ chẳng ? Chẳng hỡi ? Hỡi cô mình ?
Trăm năm ghi nguyện cùng non nước,
Nước biếc non xanh một chữ tình !

(1) Nhớ người có lòng nhớ mình.

(2) Đưa cho người tình để lại làm ghi.

12.— Đi đêm day bóng.

Người chẳng ra người, ma chẳng ma,
Nào ai còn biết ở đâu ra ?
Đi đêm tưởng đã quen đường lăm,
Hồi lối công danh cũng mập mờ.

13.— Ai «nữ-quyền» ra mua ! (1)

Nữ-quyền hôm ấy tó rao chơi,
Ai bán mà mua của hiểm-hoi !
Một gánh giang-sơn cùng gánh lấy,
Thời chi, ai có tiếc chi ai ?

14.— Nghe cá.

Chiều mát ngồi xem đũa thả câu,
Nghe như lũ cá nó bần nhau :
Tham ăn nếu đã vào trong ngạnh,
Thời mắt tung-tăng chốn nước sâu.

(1) Bài này phụ dưới bài Hải-văn «Nữ-quyền» ở báo «An-nam».

15.— Khai bút

I

Năm Canh-Thân (1920)

Năm nay tuổi đã bốn mươi hai,
 Ta nghĩ mà ta chẳng giống ai,
 Khắp bốn phương trời không thước đất,
 Địa-cầu nhưng muốn ghé bên vai.

II

Năm Tân-Dậu (1921)

Năm nay tuổi đã bốn mươi ba,
 Ta nghĩ mà ai chẳng giống ta,
 Lo nước, lo nhà, lo thế-giới,
 Còn thêm lo nợ ! nghĩ chưa ra.

16.— Gió thu.

I

Trận gió thu phong rụng lá vàng,
 Lá rơi hàng xóm lá bay sang.
 Vàng bay mấy lá nữa già nữa,
 Hồ hững ai xui thiệp phụng chàng.

II

Trận gió thu phong rụng lá hồng,
 Lá bay tường bắc lá sang đông.
 Hồng bay mấy lá năm hồ hết,
 Thơ thẩn کیا ai vẫn đứng không.

17. — Đề «Khối tình con» thứ hai.

Một mối tơ tình buộc chết ai ?
 Bán văn buôn chữ kiếp nào thôi ?
 Ruột tằm rút mãi chưa thành kén,
 Có nhẽ lồi thoi suốt cả đời.

18. — Đề bài «Mẹ Vương-Lăng».

(Trong truyện Đài gương) (1)

Da mồi tóc bạc mẹ như ai,
 Như mẹ nghìn thu có mấy người ?
 Hầu trước năm đời con đến cháu,
 Thanh gươm bao ná giọt tình rơi.

19. — Đề sau bài
 « Hai người nghĩa Châu-Nhai »

(Trong truyện Đài gương)

Con chồng dì ghẻ truyện Châu-Nhai,
 Từ hiếu hai bên được cả hai.
 Mười hạt ngọc trai bao hạt lệ,
 Mấy hàng lệ ngọc báu hơn trai.

(1) Truyện «Đài gương» tức là quyển «Đàn bà Tàu» dịch sách «Liệt nữ» ra.

20.— Đề sau bài

«Mẹ hiền của họ Mang nước Ngụy».

(Trong truyện Đài-gương)

Tám con khác mẹ, mẹ thời chung,
Lòng mẹ con ơi, có biết không ?
Vinh-hiến một nhà ơn đức mẹ,
Làm gương mẹ ghê với con chồng.

21.— Đề sau bài

«Bà mẹ ghê có nghĩa».

(Trong truyện Đài-gương)

Hai con, con đẻ với con chồng,
Tình nghĩa đem cân một tấc lòng.
Nghĩa nặng cho nên tình phải nhẹ,
Suối vàng ai có biết cho không !

22.— Đề sau bài

«Bà Thái-Nhâm nhà Chu».

(Trong truyện Đài-gương)

Thay đổi Thương, Chu một cuộc đời,
Công cao sức cả biết bao người !
Ai hay cơ-nghiệp tám trăm đó,
Gây-dựng từ trong một bọc thai !

23.— Cảnh xuân nhà trên núi. (1)

Trời tối vườn Lương quạ lượn-lờ,
 Nhà đầu vút mắt, nóc lưạ-thưa.
 Cây xuân chẳng biết người đi hết,
 Xuân đến hoa còn nở giống xưa.

24.— Cảnh xóm bên sông. (2)

Buông cán câu thoi chẳng buộc thuyền,
 Bên sông trắng lặn giặc vừa yên.
 Một đêm gió thổi chờ trôi mắt,
 Nước cạn, hoa lau, chỉ một niềm.

25.— Đề «Khởi tình con» thứ nhất.

Ngồi rồi ăn không, nói gẫu chơi,
 Ai nghe, nghe gẫu một đôi lời.
 Hai mươi năm lẻ hoài cơm áo,
 Mà đến bi giờ có thể thôi.

(1) Bài này dịch Đường thi nhưng vì Tản-Đà tiên-sinh mới viết ở bản thảo chưa sao cả Nguyên-thị chúng tôi cũng chưa có thì giờ tìm ở Đường-thi lấy Nguyên-thị đối chiếu.

(2) Cũng như bài trên.

26,— Tết tự thuật (1)

(Khi An-nam Tạp-chí còn ở Hàng-Lọng)

Năm xưa tết nhất đã xuống-xuống !
 Tết nhất năm nay lại quá tuồng !
 Tiếng pháo nghe nhờ thiên-hạ đốt,
 Cờ vàng dấu đỏ để-vương xuống.

27.— Cái đòn cáng cùng người phu xe (2)

Đời thế, anh ơi, thế cũng khoe !
 Hết trò phu cáng lại phu xe !
 Văn-minh chừng mấy ki-lô-mét.
 Tiến bộ như anh nghĩ chán phê.

(1) Bài này là lúc Tân-Đà tiên-sinh làm An-nam tạp-chí gần một năm của nhà báo có cái cờ vàng của nhà vua và nhà báo có cái dấu mỗi khi đóng dùng son đỏ.

Đế-vương nghĩa đen là vua chúa, nghĩa bóng là người có chủ-quyền cao cả ở một sự-nghệp gì : Vua dầu hỏa, vua báo. Tiên-sinh tự làm Đế-vương của tập tạp-chí, vua báo nhưng «xuông tình» chứ không được như các vua tiền, vua của.

(2) Ở sau một bài Hải-văn. đầu bài là «Cái đòn cáng với người phu xe».

TẢN-ĐÀ YẾT-HẬU

(Một lối thơ hài hước)

28.— Tự thuật.

Văn-chương thời nôm-na,
Thú chơi có sơn-hà,
Ba-vì ở trước mặt, (1)
Hắc-giang bên cạnh nhà : (2)

Tản-Đà !

29.— Tình tiền.

Đa tiền mới đa tình, (3)
Ít tiền son phấn khinh.
Đi qua phố hàng Giấy, (4)
Trong nhiều cô cũng xinh :

Mãn-thình !

(1) Ba-vì là núi Tân-viên, có ba ngọn cao chót-vót, tiếng người bản-xứ gọi là ông Ba-vì, nói trên núi có ba vị thần thiêng.

(2) Hắc-giang tức sông Đà, nước lúc nào cũng đen.

(3) Đa-tiền là nhiều tiền, đa-tình là nhiều tình yêu.

(4) Hàng Giấy Đồng-xuân dưới gầm cầu sông Cái, xưa vốn là phố Bình-khang, các cô đầu danh-ca hát cho các hào khách mới đến tụ hội ở đây, sau mới dọn về cả ở Khâm-thiên.

30.— Sư cụ.

Chùa có ông lụ-khụ,
 Trông như cây cổ-thụ,
 Dưới cằm không để râu,
 Trên đầu có đội mũ :

Sư cụ !

31.— Gà thiên.

Gà thiên muốn đi tu,
 Chưa thuộc tiếng « nam-mò »,
 Cửa Phật chắc không hẹp,
 Cho nhờ chỗ chóp bu :

Cúc cu !

TẢN-ĐÀ BÁT CÚ

32.— Ngày xuân thơ rượu

Trời đất sinh ta rượu với thơ,
Không thơ không rượu sống như thừa.
Công-danh hai chữ mùi men nhạt,
Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ.
Mạch nước sông Đà tim rách-rách,
Ngàn mây non Tản mắt lơ-mơ.
Còn thơ còn rượu còn xuân mãi,
Còn mãi xuân còn rượu với thơ.

33.— Cảm xuân

Pháo nổ vui xuân rộn phố-phường,
Xuân về riêng cảm khách văn-chương.
Hồng phơi lóa mắt chùm hoa giấy,
Trắng nhuộm phơ đầu mái tóc sương.
Cành liễu đông tây cơn gió thổi.
Con tằm sống thác sợi tơ vương.
Xuân này biết có hơn xuân trước,
Hay nữa xuân tàn hạ lại sang ?

34.— Tân xuân cảm

(Định-sửu 1937)

Non sông như vẽ, cỏ hoa tươi,
 Xuân mới năm nay đã đến rồi.
 Chín chục thiều-quang trời ngó lại,
 Bốn nghìn lịch sử nước trôi xuôi.
 Tài-hoa khách cũ thơ còn hứng ?
 Kinh tế phen này tết có vui ?
 Trái đất vô tình lẫn-lộn mãi,
 Cuộc đời dâu bể biết bao thời ?

35.— Sầu xuân

Chầm chậm ngày xanh bóng nhạt đưa
 Xuân sầu hai độ rồi như tơ !
 Lao-xao nhà vắng chim tìm tổ,
 Ý-ộp hồ xa ếch đợi mưa.
 Rượu hứng thêm vui không sẵn bạn,
 Hoa tàn giục nghĩ chẳng nên thơ.
 Lạnh-lùng bốn bể âm-thư vắng,
 Muốn trách tri-âm lưỡng hững-hờ.

36.— Có mới nới cũ.

Rượu đào năm mới rót mừng xuân,
 Nhớ lứt năm xưa Sầu trước Dần.
 Bị gây lang-thang người thủy hạn,
 Thơ văn lặn-độn khách phong-trần...
 Hiệu hòng phá-sân bao nhiêu chủ,
 Ôn-dịch hành hung một ù thần.
 Cho hay (1) vận xấu đà qua khỏi,
 Vận-thái từ nay chúc quốc-dân.

37.— Thơ tự vịnh.

(Đem giao-thừa năm Quý-dậu với năm Giáp-tuất)

Sông Đà núi Tản đúc nên ai,
 Trần-thế xưa nay được mấy người ?
 Trung hiếu vẹn tròn hai khối ngọc,
 Thanh cao phò trắng một cảnh mai.
 Bạc tiền gió thoảng thơ đầy túi,
 Danh lợi bèo trôi rượu nặng nai.
 Giáp-tuất trời sai tiên-nữ xuống,
 Thiên-thu đặc-cách cái xuân dài.

(1) Không theo niêm-luật và thơ cổ-thể. Lối này chính Đường Thi ngày xưa cũng có nhiều bài như thế, văn chương đại gia không vì niêm luật làm bặt hẳn mất ý hay.

38.— Năm hết hữu cảm.

Đời người lo mãi biết bao thời ?
 Mái tóc xanh xanh trắng hết rồi !
 Sự-nghiệp nghìn thu xa vút mắt,
 Tài tình một gánh nặng bèn vai,
 Hợp, tan, tri-kỷ người trong mộng,
 Rộng, hẹp, dung thân đất với trời.
 Sương phủ cảnh mai năm giục hết,
 Ngày xuân con én lại đưa thoi.

39.— Sơ-thu hoài-cảm

(Làm khi « An-nam Tạp-chí » ở Hàng Lọng)

Lạnh lòng trưởng gấm báo tin châu.
 Trở dậy canh khuya khách tựa lầu.
 Ấy vẫn Nam Nam cùng Bắc Bắc,
 Hay là Á Á với Âu Âu ?
 Cho hay phong hội âu là thế,
 Mà cái văn-minh nó ở đâu ?
 Sơn-hải, hỡi ai người thế ước,
 Gió hiu, trăng lạnh tiếng ve sầu.

40.— Cái giếng yêu hoa.

Cái giếng yêu hoa lạ lạ đời.
 Mất xanh chưa lọt đã mê toi.
 Chim trời cá nước duyên ai đó !
 Vía đại hồn khôn chết dễ chơi !
 Xa cách ngoại trăm nghìn dặm đất,
 Ước ao trong sáu bảy năm trời.
 Cái mê vô-ích mà mê đại !
 Mê đại mê mê mãi chẳng thôi.

41.— Về quê nhà cảm-tác. (1934)

Lạnh-lẻo hồi thu chiếc lá bay :
 Gió đưa người cũ lại về đây.
 Ba-vì Tây-linh non thêm trẻ,
 Một giải Thu-giang nước vẫn đầy.
 Nam Bắc đã nèn người duyệt-lic,
 Giang-hồ đang chán vị chua cay.
 Mười ba năm (1) đó bao dâu bể,
 Góp lại canh trường một cuộc say.

(1) Tản Đà tiền sinh lang thang bầu rượu túi thơ đi khắp nước, xa làng vừa đúng 13 năm không về thăm nhà thăm họ, đến năm 1934 mới về làng một lần làm bài thơ này.

42.— Quê nhà chơi mát cảm hứng.

Con đường vô-hạn, khách đông tây,
 Ta nhớ ai mà đứng mãi đây ?
 Nước rợn sông Đà, con cá nhảy,
 Mây trùm non Tân, cái diều bay.
 Nặng như quả Đất mà xay được,
 Cao đến ông Trời khó với thay.
 Trời, đất, cá chim đều tự đắc.
 Ở đời ai dễ chẳng vung tay.

43 — Hoa sen nở trước đầm:

Trong đầm gì lại đẹp hơn sen,
 Một đóa kia kìa nở trước tiên.
 Mặt nước, chân trời, thân gái lạ,
 Đài xanh, cánh trắng, nhị vàng chen.
 Xôn-xao bay rối đàn con bướm.
 Đứng-đỉnh bơi xa một chiếc thuyền.
 Đã chót hồ-han khòn khép lại,
 Lại còn e nổi chị em ghen.

44. — Xem cô chài đánh cá.

Ngày ngày vô sự đứng ven sông,
Ướm hỏi cô chài cá bán không ?
Đùng-đỉnh ghe nan giòong Hát-thủy,
Phất-phơ tà áo ngọn đông-phong.
Thầy đồ bến nọ khéo chân ngó,
Bác xā nhà dāu sớt ruột mòng.
Cô cắt lưới lên bông bông tếch,
Lấy chi nuôi nấng cái, con, chồng ?

45. — Đêm xuông Phủ-Vĩnh

Đêm xuông vô số cái xuông xường.
Xuông rượu, xuông tình, bạn cũng xuông !
Một bức màn con coi ngán nỗi,
Một câu đố mảnh nghĩ dơ tuồng,
Một vùng giăng khuất đi mà đứng,
Một lá mành treo cuốn lại buông,
Ngồi hết đêm xuông, xuông chẳng hết,
Chùa ai xa điểm mấy hồi chuông.

46. — Trăm năm trọn đời người.

Sáu mươi nhân-thế, thế mà thôi,
 Tân-sử năm nay thiếu một rồi.
 Thế-tục thiên-thu, đường vạn lý,
 Gia-đình xã-hội, gánh hai vai.
 Đầu xuân đã thấy thoi đưa én,
 Cuối chạp rồi xem tuyết điểm mai.
 Hỡi khách đa tình ai đó tá?
 Cuộc cờ năm mới tính sao ai?

47. — Nhớ mộng

Giấc mộng mười năm, đã tỉnh rồi,
 Tỉnh rồi, lại muốn mộng mà chơi.
 Nghĩ đời lắm nỗi không bằng mộng,
 Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán đời.
 Nhưng lúc canh gà ba cốc rượu,
 Vai khi cánh điệp bốn phương trời.
 Tìm đâu cho thấy người trong mộng,
 Mộng cũ mê đường biết hỏi ai?

48.— Tự trào.

(Sau khi hồng thi ở trường Nam định)

Vùng đất Sơn-tây nầy một ông,
 Tuổi chữa bao nhiêu văn rất hùng.
 Sông Đà núi Tản ai hun đúc?
 Bút Thánh câu Thần sớm vãi vung.
 Chữ chữ nôm nôm nào kém cạnh,
 Khuyên khuyên điểm điểm có hay không?
 Bối ông hay quá ông không đỡ,
 Không đỡ ông càng tốt bộ ngông.

49.— Sự nghèo.

Người ta hơn tớ cái phong-lưu,
 Tớ cũng hơn ai cái « sự nghèo ».
 Cảnh có núi sông, cùng xóm ngõ,
 Nhà không gạch ngói, chẳng gianh pheo.
 Văn-chương rẻ ế coi mà chán,
 Trăng gió ham mê nghĩ cũng phèo.
 Kiếp trước nhớ sinh đời Hạ-Vũ,
 Mưa vàng ba buổi (1) chán xu tiêu.

(1) Theo truyện cổ về đời Hạ-Vũ bên Tàu mưa ra vàng ba ngày..

50.— Sự đời.

Gió gió mưa mưa đã chán phèo,
 Sự đời nghĩ đến lại buồn teo.
 Thối om sọt phẩn, nhiều cò gánh,
 Tanh ngát hơi đồng, lắm cậu yêu !
 Quần tía, đùi non, anh chiếc võ,
 Rừng xanh, cây quế, chú mừng leo !
 Phổ phường nghe có vui chăng tá ?
 Ao, mủ, râu, ria, mẩy đám chèo.

51.— Thăm thẳng bờ-nhìn.

Lơ lảo kìa ai đứng cạnh bờ,
 Trần-ai tri-kỷ đã ai chưa ?
 Ba thu mưa-gió người trơ mộc,
 Bốn mặt giang-sơn áo phất cờ.
 Được việc thế thôi, cày chẳng biết,
 Khinh đời ra đáng, gọi không thừa.
 Lâu nay thiên hạ vẫn minh cả,
 Bác mấy ngàn năm vẫn thế ư ?

52.— Muốn làm thằng cuội

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi !
Trần-thế em nay chán nửa rồi.
Cung quế đã ai ngồi đó chưa ?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn can chi tủi,
Cùng gió cùng mây thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế-gian cười.

53.— Kiếp con quay

Trời sinh ra tớ kiếp con quay,
Quay tít mù xanh nghī cũng hay
Lì-mít giang-sơn khi chóng mặt,
Đùng lăn thiên-địa lúc rời tay.
Lăng-băng thân-thế, đi đi, đứng,
Nghiêng-ngả quan-hà, tỉnh tỉnh, say.
Thân tớ ví to bằng quả Đất,
Cũng cho thiên-hạ có đêm ngày.

54.— Khách giang-hồ.

Khuất-khúc non sông lắm dịp cầu,
 Nhưng là gió Á với mưa Âu.
 Đòi chưa duyên-kiếp ai xanh mắt ?
 Khách chẳng công danh cũng bạc đầu !
 Cảnh cũ đòi phen thay chủ mới,
 Đường xa kinh nội suốt đêm thâu.
 Giang-hồ chưa đã bao nhiêu bước,
 Mà cuộc trần-ai mấy bể dâu !

55.— Chiêu-Hoàng lấy chồng

Quả núi Tiêu-sơn có nhớ công,
 Mà em bán nước để mua chồng.
 Ấy ai khôn-khéo tài dan-díu,
 Những chuyện huê-tình biết có không ?
 Một gốc mạn già (1) thôi cũng phải,
 Hai trăm năm lễ thể là xong.
 Hỏi thăm sư cụ chùa Chân-giáo,
 Khách cưới nhà ai áo mũ đông ?

(1) Lý là cây mạn, chỉ vào nhà Lý lúc mặt vận.

56 — Vịnh bà Triệu

Mê-linh khuất bóng gái còn ai ? (1)
Bà Triệu nhà ta cũng đáng tài.
Vùng-vẫy non sông ba thước vú,
Xông pha tên đạn một đầu voi.
Duyên trần chẳng chút tơ vương mối,
Nợ nước riêng mình gánh nặng vai.
Thua được cũng cho Ngò biết mặt,
Lam-sơn còn có gái tài trai.

57. — Đề «Khởi tình con» thứ nhất

Chữ nghĩa Tây, Tàu chót dở dang,
Nôm-na phá nghiệp kiếm ăn xoàng.
Nửa ngòi bút ngỗng ba-sinh lụy,
Một mối tơ tằm mấy đoạn vương.
Có kẹo, có câu, là sách vở,
Chẳng lẽ, chẳng lối, cũng văn-chương.
Còn non, còn nước, còn trăng gió,
Còn có thơ ca bán phố-phường.

(1) Nói hai bà Trưng đã quá vãng rồi.

58.— Đề sau bài «Nàng Tề-Khương» vợ vu Văn

(Trong truyện Đà-gương) (1)

Ly-biệt xưa nay nổi vợ chồng,
Ai hay nhi-nữ trí anh hùng ?
Quan-hà mười chén thay hàng lệ,
Khăn túi trăm năm chạm chữ tùng.
Vàng đá nát gan người ngọc tuyết,
Tang-bồng đưa gánh kẻ tây đông.
Yêu chồng nên mới khinh ly-biệt,
Những bạn thoa-quần có biết không ?

(1) Tức là sách «Đàn bà Tàu» dịch sách «Liệt Nữ» ở chữ nh

Bộ sách «Liệt Nữ» nghĩa là các bạn đàn bà của nước Tàu x
trung, hiếu, tiết nghĩa như thế nào, Tản-Đà tiên sinh đem chọn
những truyện nào có ích cho đàn bà ta dịch ra quốc-ngữ. Sau mỗi tr
lại có một bài thơ đề để cho người đọc dễ nhớ đến truyện. Sách ấy p
vào sách «Đài Gương» cuốn luân-lý, như sách «Nữ Tác», «Nữ Hu
dậy đàn bà con gái lấy các cái đạo-đức hay, sau thì đọc những tr
này làm để soi vào những sự thực để bắt chước. «Đài gương kinh
sách đây, «Đài gương truyện» là những truyện tiếp theo vào cuốn «Đ
gương», chúng tôi sẽ xuất-bản sau này đi đôi với cuốn «Đài gương»
xuất bản rồi.

(Hương-Son).

59.— Thơ đề

(Vở tuồng Tây-Thì khi in thành vở
thì bài này sẽ dễ đầu)

Nghiêng thành, nghiêng nước, trách chi ai ?
Gặp lúc chơi tuồng diễn lại chơi.
Vẫn có pha trò cho đủ lối,
Mực đem bôi nhọ khéo mua cười.
Ngắn dài sáu lớp mười câu hát,
Vui khóc năm canh một cuộc đời.
Cũng muốn thời đi, thời chữa rước,
Tài tình lụy lắm ! Bận tình ơi !

60.— Đề ảnh mỹ-nhân

Giang-nam riêng một cảnh bằng-lai,
Hồng-tía muôn ngàn hắt kếm ai.
Vẻ ngọc long lanh pha sắc nước,
Nhị non ngào ngạt lộn hương trời.
Ơn mong thánh chúa ngời lòng giận,
Tình nặng quàn-vương mím miệng cười.
Nhấn hời chơi hoa ai kẻ biết ?
Sang giàu ai biết, biết mà chơi !

61.— Cảm đề

(Đọc bài *thời-sự* « *Cụ Phan mới* »,
 một kẻ tham tòn ở Nghệ an, dâng « *An nam tạp chí* » số 5
 đã được tòa kiểm duyệt bấy giờ cho phép)

Thái-bình chưa rút tiếng kêu oan,
 Lại tiếng « kêu trời » ở Nghệ-an.
 Một phủ Anh-sơn trong mấy tháng,
 Mà tay Phan-tử lấy ba ngàn.
 Cũng phường dối nước, quân ăn cắp,
 Cũng lũ tàn dân, giống hại đàn.
 Lạnh lẽo hơi sương tòa tạp-chí,
 Lệ ai dạt-dụa với giang-san.

62.— Vịnh bức dư đồ rách

Nợ bức dư-dồ thử đứng coi.
 Sông sông núi núi khéo bìa cười.
 Biết bao lúc mới công vờn vẽ,
 Sao đến bây giờ rách tả tơi ?
 Ấy trước ông cha mua để lại,
 Mà sau con cháu lấy làm chơi !
 Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
 Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi. (1)

(1) Còn nhiều bài liên hoàn chưa sao lục được hết.

63. — Vịnh cánh hoa đào

Trời để trời nuông trời phải giầy,
 Dầu rằng bé-bỏng khéo kiềng khem.
 Trải bao đêm vắng cùng mưa móc,
 Vẫn một màu son với chị em.
 Cười trợn gió đông hăng-hải thổi,
 Thượng con bướm trắng phất-phơ thềm.
 Xin ai yêu đến đừng ham mó :
 Hề mó tay vào ổ nhọ nhem.

**64. — Xem tiểu-thuyết «Tờ chúc thư» (1)
cảm đề**

Thật có hay là mắc tiếng oan ?
 Kém năm trăm nữa đủ ba ngàn.
 Hơi đồng đã sạch nồm ôg lớn,
 Mặt sắt còn bìa miệng thế gian.
 Cùng bởi thằng dân ngu quá lộn,
 Cho nên quân nó dễ làm quan.
 Đào mà đào được nên đào mãi,
 Mềm cứng bây giờ đất Vĩnh-an ?

(1) Tiểu-thuyết «Tờ chúc thư» này nói chuyện một ông quan tham ở Thái-Bình của ông Ngô-Tiếp làm, đăng ở «An-nam tạp-chí» số 8, trang 18 (Hồi ở phố hàng Lọng) đã được tòa kiểm-duyet bấy giờ cho đăng.

VỊNH KIỀU

65. — Sỡ-Khanh

Sỡ-lá ai bằng cậu Sỡ-Khanh !
 Kiểm ăn lại ở đám lâu-xanh.
 Mảnh tiên « tích-việt » vừa khô mực.
 Con ngựa « truy-phong » đã phụ tình.
 Thôi với thanh-lâu người một hội,
 Chẳng qua hồng-phấn nợ ba-sinh :
 Bạc mười lạng bạc đời Gia-tĩnh,
 Để mãi ngàn thu tiếng Sỡ-Khanh.

66. — Thúc - Sinh

Hỏi Thúc-Sinh-Viên bé tội à ?
 Tường chi cả lẽ với trăng hoa ?
 Góc son ngồi bó trời thua vợ,
 Sân gạch quì đôi đi kiện cha.
 Tài-tử giai-nhân nhằm thế nhĩ ?
 Nhân-gian địa-ngục khóc chi mà !
 Lâm-truy, Vô-tích bao nhiêu sự ?
 Nòi giống thư-hương thế cũng là !

**67.— Thúy Kiều lúc ra tu chùa
Hoạn-Thư**

Sự đời lắm lúc nghĩ buồn tênh !
 Oan nợ chỉ theo mãi với tình !
 Nợ những chuông vàng cùng khánh bạc,
 Nay thòi má phấn với dầu xanh !
 Liều-dương mắt đứt chàng Kim-Trọng !
 Vô-tích lời đầu cậu Thúc-Sinh !
 Cái số đoạn-trường sao quái lạ ?
 Khéo xoay xoay mãi títt mù xanh !

68.— Thúy-Kiều hầu rượu Hồ-Tôn-Hiến

Tiếng sấm ân tình bốn mặt ran,
 Tướng-quân chi tiếc cánh hoa tàn.
 Đồi hàng nước mắt, đồi làn sóng,
 Nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan.
 Tổng-dốc có thương người bạc phận,
 Tiền-đường chưa chắc mã hồng-nhan.
 Trơ trơ nắm đất bờ sông nọ,
 Hồn có xa nghe mấy tiếng đàn.

69.— Tây hồ vọng nguyệt (1)

Hiu hát hồ tây chiếc lá rơi,
 Đêm thu vàng-vạc bóng theo người.
 Mảnh tình xẻ nửa ngày vì nước,
 Tri-kỷ trông lên đứng tận trời.
 Những ngán cảnh đa khôn quẩn quít,
 Mà hay mặt sóng cũng chơi-vơi.
 Ai lên cung Quế nhờ thăm hỏi,
 Soi khắp trần-gian, có thấy ai? (2)

(1) Bài này làm ra, là vì nghe nói có người thiếu-nữ tại Nam-dịnh tên là cô Nguyệt, thông biết chữ nho và yêu mến văn quốc-ngữ, có ra bài này để kén mặt tài-nhân : sự không biết có không nhưng thấy bốn chữ đề xinh đẹp hữu tình, nhân lúc cao-hứng nghĩ chơi : văn-chương quả có khách hồng-quần, cách mây nước cũng có phần thanh nhàn.

T.Đ.

(2) Trong toàn bài không có chữ nào trùng nhau và chữ «trăng» không dám dùng đến. là một cách trang-trọng dè dặt khách Hàng Nga.

T.Đ.

70. — Thơ thần

Phòng vãn lạng ngát bóng trăng mờ,
 Ngồi nghĩ thơ mà luống thần thơ.
 Chỉ thắm ai người tơ tưởng mới,
 Ruột tâm còn những vẫn vương tơ.
 Bụi nhờn mặt trắng (1) da đen sạm,
 Tuyết nhuộm đầu xanh, tóc bạc phơ.
 Thơ nghĩ chưa ra, già đã tới,
 Buồn chẳng ? Ai hỡi, bạn làng thơ !

71. — Ngày xuân tương-tư

Trách cái tầm xuân, nhả mối tơ,
 Làm cho bối rối mối tương-tư.
 Sương mù mặt đất người theo mộng.
 Nhạn lảng chân trời kẻ cội thư.
 Nghìn dặm dăm quên tình lúc ấy,
 Trăm năm còn nhớ mộng nghìn xưa.
 Tương-tư một mối hai người biết.
 Ai đọc thơ này đã biết chưa ?

(1) Bạch-diện (thư-sinh nghĩa là người học trò không có tài năng, chỉ trơ mặt trắng,

72.— Họa bài trên (xuôi văn)

Trách quân con tằm với sợi tơ !
Nhớ ai ? Mà lăm nổi sầu tư ?
Muốn đi tâu-quán chừng không bạn,
Ngó lại văn đàn cóc có thơ
Tóc bạc đã nên ông cụ thể,
Đầu xanh còn nhớ bạn tình xưa ?
Thuyền nan, sông cái, con tàu bể,
Bờ bến nào đâu đã đến chưa ?

73.— Họa bài trên (ngược văn)

Hỡi giống đa-tình đã biết chưa ?
Tơ tằm vương mãi tự ngày xưa.
Gió mưa bốn bể hồn theo bạn,
Vàng ngọc trăm năm túi nặng thơ.
Lửa đốt lòng son câu thể sự,
Giương soi tóc trắng nỗi sầu tư.
Thuyền nan sóng đánh, tàu than hết.
Giương cột, giăng buồm, một sợi tơ.

74.— Lại tương-tư

Thơ đề ba bức mực chưa phai,
Nay lại tương-tư, lại nhớ ai !
Cái giống đa-tình ta có một,
Mà người tri-kỹ đây không hai.
Đêm xuân những nào tơ tằm rối,
Ngày hạ thêm thương tiếng quốc dài.
Vấn-vùn đời người thương, nào, nhớ !
Đầu ai sao trách ruộm hoa mai !

75.— Nhớ chị hàng cau

Ngồi buồn đêm nhớ chị hàng cau,
Khoảng mấy năm trời ở những đâu ?
Khăn vải chùm hum lâu vắng mặt,
Chiều buồn che giữ có tươi màu ?
Ai đờng độ ấy lăm-răm mắt,
Tớ đã ngày nay lún-phún râu.
Bèo nước hợp tan người mỗi nẻo,
Cây ai mà nhắn một đôi câu.

**76.— Cái ruột con tằm, em ôi !
bối rối mà vò tơ (1)**

Cùng nong, cùng lá, những mong chờ,
Cái ruột con tằm bối rối tơ.
Trả nợ cho dâu là sự thế,
Thương tình đến bạn cũng buồn như,
Bồn-chồn chín khúc cơn mưa lạnh,
Đời-đoạn năm canh bóng nguyệt mờ.
Góm nỗi không chồng đau đớn lạ,
Để ai đêm vắng dễ眠 ngơ.

77.— Không chồng ai dễ sống chi lâu ?

Trăm năm những nguyên bóng trăng già,
Duyên nợ chàng ơi ! có thể a ?
Địa-phủ anh sao về mất mãi !
Trần-gian em có tội chi mà ?
Kìa con én trắng đâu đâu lại !
Giục cái thoi vàng chóng chóng qua.
Buồn quần mảnh trông, trông chẳng thấy,
Chồng ai vô-số lối đường xa...

(1) Lối «Phú-dắc» là làm bài thơ thích nghĩa một câu thơ câu hát nào cho nó truyền thần được rõ như nguyên cứ là hay.

78. — Ghẹo người vu-vơ.

Đầu ai sao tóc rối lung-tung,
 Chác hẳn vì chưng nổi tường chồng ?
 Cậu ấy đi đâu lâu thế nhỉ ?
 Phòng riêng hay vẫn hãy còn không ?
 Chẳng về xếp nếp trong buồng cử,
 Mà đứng bơ-ợt ở ngọn gió đông ?
 Muốn nói chuyện chơi, không có chuyện !
 Kia đàn con sáo nó sang sông.

79. — Đùa cô sư

Ấy ai đừng khuất bóng giảng mờ,
 Cô sử cô sư khéo thần thờ.
 Cửa Phật những mong tròn quả-phúc,
 Cõi trần sao nỡ dứt duyên tơ !
 Vải già, tiểu bé, đầu đầu cả,
 Chùa vắng, sân không thể thể ư ?
 Tóc dẫu không tu, đầu dờ trọc,
 Pác này ốm trọc cũng ra sư.

80.— Con gái hái dâu.

Anh có yêu em đứng lại mà ?
 Ở đây vắng vẻ quăng đường xa.
 Thuyền-quyền có ý trông theo thẽ
 Quàn-tử vô tình bước mãi a ?
 Rồi nữa rồng mây ra mỗi ngã,
 Còn dâu huê nguyệt nữa đôi ta ?
 Hỡi anh áo trắng cầm ô máy !
 Có phải nhân tình chớ vội qua.

81.— Bóp vú đau tay. (1)

Hàng xú đồn lên lăm chuyện hay,
 Con người như thẽ hóa non tay.
 Gớm cho cô bé già gan tẻ,
 Chết nỗi làng chơi phải miếng cay.
 Hùm đã biết hang sao cứ mó ?
 Chim chưa vỡ bọng dễ mà bay.
 Từ đây buộc chỉ thòi chừa nhé,
 Đừng dám chơi dao lại có ngày.

(1) Riều một cậu học-trò gheo gái bị gái đánh đau tay.

82. — Dao cầu đại chiến. (1)

Đâm nhau bút chiến cuộc chưa thôi,
 Đại-chiến dao cầu lại đến nơi.
 Phương thuốc hồi xuân chưa mấy lọ,
 Thầy lang lưu-huyết sẽ bao người.
 Nghệ-an Đặc-lập nào ai đó ?
 Nam-dịnh Thần-tiêu biết có ai ?
 Nhắc các bà lang xa kiếm chốn,
 Kẻo mà sút trán lại mang tai.

83. — Tháng ba không mưa.

Tháng ba thiên-hạ đợi mưa rào
 Đợi mãi mưa mà chẳng thấy nao.
 — Kinh-tế khó khăn trời tiếc nước,
 — Văn-minh hào nhoáng ếch trông sao.
 — Gió khan đập lá tan mây thúy,
 — Nắng mới hôn hoa sạm má đào.
 Lo nước, thương đời đêm chẳng ngủ ;
 Vùng đông trông đã ngọn sào cao.

(1) Đùa các ông lang dâng báo công kích nhau.

84. — Đêm tối

ù ù gió thổi bắc, tây, đông ?
 Đêm tối trông ra tối lạ lòng.
 Tạo-vật không tay mà hóa có,
 Phàm-trần có mắt cũng như không.
 Mơ-màng đâu đó bao dân chúng,
 Tò-điểm nào ai với núi sông !
 Đánh đuốc đỏ ai tìm khắp nước,
 Kiểm đâu cho thấy mặt anh hùng ?

85. — Theo voi ăn bã mía

*Chưa thơ thi của sư cụ chùa Đông-Liêm Nguyễn-Xuân-Dục
 ra đầu bài lấy vần "dơ"*

Ăn mía theo voi tiếng đến giờ,
 Vì chi miếng bã để trò dơ.
 Rón chân những chực khi vùi nhả,
 Rát lưỡi dành xơi cái ngọt thừa.
 Ấy đã theo đuôi thời phải hít,
 Còn đâu nên tắm nữa mà vơ !
 Nghìn năm bía miệng là câu thế,
 Những khách ăn tàn đã biết chưa ? (1)

(1) Sư cụ Đông-Liêm đã mất trâu còn bị lũ chức dịch lấy thế quan
 bắt nạt nhà chùa, nên ra bài thơ này treo giải thưởng nhờ Tản-Đà tiên-
 sinh chấm và làm cho một bài. (H.S.)

86.— Hủ nhơ lo mùa đông.

(Làm khi An-nam lập chí ở Nam định)

Lo đời chưa đã lại lo đông,
 Lo mãi cho mình hủ chẳng xong.
 Mặt nước khói tan chìm vía cá,
 Đầu non sương phủ dạn thân tùng.
 Trăm năm cuộc thế còn man-mác,
 Bốn bể thương ai lưỡng lạnh-lùng.
 Ngày ngắn đêm dài, đêm lại sáng,
 Đêm qua ai có bạc đầu không?

87.— Lo thời-khí.

Dịch-khí năm nay đã đến rồi,
 Láng giềng nghe đã một đời nơi.
 Có tiền sớm liệu mà cân thuốc,
 Vô phúc sau này khỏi quét vôi.
 Kinh-tế khó-khăn xoay hết đất,
 Văn-chương rẽ ở bán xa giờ,
 Tri-âm ai đó mau hồ giấy,
 Kéo đến dư-dò lại tả tôi (1).

(1) Bài này Tân-Đà thi-sĩ viết khi báo « An-nam » ra hồi thứ năm, lúc sắp cận tiền in báo.

88.— Sông cái, chiếc thuyền nan. (1)

(Đề « An-nam tạp chí » số 1 ở Hàng Lọng)

Thả chiếc thuyền nan bé tẻo-teo,
 Cũng buồm, cũng cột, cũng giầy leo.
 Nghìn trùng sóng gió, ba khoang nửa.
 Bồn mặt non sông, mọi mái chèo.
 Những hẹn nước mây thu mấy độ,
 Thử xem trời biển rộng bao nhiêu ?
 Con đường vô hạn vui chẳng tá !
 Mà hơi giòng sông tiếng nước reo.

89.— Chiếc tàu An-nam. (2)

(Bài này đăng « An nam tạp chí » hồi ở Nam-dịnh)

Bốn bể năm châu náo cuộc đời,
 Con tàu Bản-quốc, chị em ơi !
 Tắm thân dầm nước đà nên sát,
 Tiếng hiệu vang sông mới hét còi.
 Vồn-vã gió mưa cơn giục khách,
 Mênh-mông trời bể bước ra khơi.
 Hỏi thăm Âu, Mỹ bờ đâu bến ?
 Mở máy, quay guồng quá độ chơi.

(1) Đề báo « An-nam tạp-chí » do Tân-Đà tiên-sinh tự chủ-trương, ra số 1 ở phố Hàng Lọng Hà-nội.

(2) An-nam tạp-chí » trước có bài thơ « Sông cái chiếc thuyền nan »; nay có anh em giúp sức, nên tiên-sinh cho là chiếc tàu rồi vậy.

90.— Chơi Hòa-bình

Vì ai cho tớ phải lênh-đênh,
Nặng lắm ! ai ơi, một gánh tình !
Non Tượng trời cho bao tuổi lẻ,
Sông Đà ai vịn một giòng quanh ?
Lo-thơ hàng phố mười nhà đỏ,
Phấp-phới cò nàng (1) chiếc váy xanh.
Mỗi tháng chợ đêm ba buổi họp,
Ngọn đèn nha-phiến đốt linh-tinh.

91.— Chơi chùa Hương-Tích

Chùa Hương trời điểm lại trời tô,
Một bức tranh tình trải mấy thu ?
Xuân lại, xuân đi, không dấu vết,
Ai về, ai nhớ, vẫn thơm tho.
Nước tuôn ngòi biếc trong trong vắt,
Đá hóm hang đen tối tối mờ.
Chốn ấy muốn chơi còn mỗi gối,
Phàm trần chưa biết nhẩn nhe cho.

(1) Con gái quan Lang trên Hòa-bình quen gọi là « cô nàng »

92. — Đề báo « Hữu-Thanh »

(Cơ quan của hội Ai-hữu
Trung, Bắc kỳ Nông Công Thương)

Tạp-chí ra đời gọi « Hữu-Thanh ».
Chim tìm tiếng hạc mượn đề danh.
Dám đâu sườn núi kêu con phượng,
Âu cũng trên cành học cái oanh.
Nam Bắc hỏi ai đường tiến-hóa !
Đông Tây nào những sách văn-minh ?
Hai mươi năm triệu đồng thanh cả,
Hữu ái mong ai một chút tình.

93. — Mừng « Bắc kỳ Thời-báo »

(Do ông Kinh-Đài Nguyễn-Thống chủ-trương)

Báo-giới ba kỳ buổi cạnh tranh,
Tranh nhau bút sắt múa tung hoành.
« Bắc-kỳ » đồng nghiệp bao nhiêu bạn ?
« Thời-báo » ra đời lại có anh.
Dầu sắn mực đen cùng giấy trắng,
Nhưng sao nước biếc với non xanh,
Nam-thành tiến thủ cơ-quan mới,
Tương-tế mong ai một khối tình.

94.— Thơ tặng Phụ-nữ Tân-văn*Xuất bản tại Sài-gòn*

Ai rằng Nam Bắc cách đôi nơi,
 Cũng một non sông một giếng nòi.
 Hoa gấm cũ càng nguyên phẩm quý,
 Phấn son tô-diễm lại màu tươi.
 Mây râu ai hẳn không nhiều kẻ,
 Khăn yếm ta hay chẳng thiếu người.
 Bạc đánh còn tiền, thua cóc sợ,
 Đời chưa đáng chán chị em ơi !

95.— Gửi cho tòa soạn Đông-pháp Thời-báo*(Chủ-nhiệm là ông Diệp-văn-Kỳ)*

Xóm gà (1) tan giã rạng vừng ô,
 Tỏi đến Nha-trang, rượu một hồ.
 Trợ bút đã xin từ bác Diệp,
 Văn-chương để lại cậy thầy Ngô,
 Dám quên «Đông-pháp» người tri-kỷ ?
 Riêng nhớ «An-nam» bức địa-dồ !
 Hai chuyển chơi xuân Thịn với Mão,
 Đi ra còn nhận những đường vô.

(1) Khi Tân-Đà tiên-sinh vào làm «Đông-pháp Thời báo» ở Sài-gòn (H.S.)

96.— Gửi ông Tú-Mở Hồ-Trọng-Hiểu*Thi-sĩ của báo «Phong-Hóa» và «Ngày Nay»*

Tôi bác sao mà, bác Tú ơi,
 Cùng tên ta lại ở đôi nơi !
 Khói mây non Tân tôi gầy lấm,
 Bơ sữa thành Long bác béo hoài.
 Cốt có rượu thơ người sống nổi,
 Quẩn chi mưa gió cuộc đời trôi.
 Thơ này Hiểu gửi đăng «Phong-Hóa»,
 Hiểu có thanh-nhàn thử họa chơi.

97.— Sài-gòn nhớ bạn đọc-giả*Đăng An-nam Tạp-chí*

Nhớ ai chẳng nhớ những là ai,
 Mây nước xa trông luống ngậm ngùi.
 «Tạp-chí» mười kỳ duyên đã nhạt,
 «An-nam» hai chữ mực hồ phai.
 Ba thu ngày tháng la-dà uống,
 Bốn bể âm-thư vắng vẻ hoài.
 Bóng lặn tà-dương trời sẩm tối,
 Éch kêu đầy phố, tiếng xe hơi.

98.— Nhớ bạn diễn tuồng

Cô-tô tàn phá lạc Tây-thì,
 Tôi trở về quê, bác đổi đi.
 Một chén quan hà sơn «Thắng-Ý»,
 Cách năm mây nước đất Nam-kỳ,
 Nghĩ đời lắm lúc chân như giả,
 Mà cảnh trong tuồng hội cũng ly.
 Ly hội hội ly âu cũng thế, (1)
 Trăm năm ta nhớ bác Trần-Quỳ.

99.— Tới chùa Hương, đêm nhớ các bạn
ở Vàng-danh gửi lại

(Mỏ than Vàng-danh chữ Pháp gọi là Clotilde là một
 cái mỏ than lớn vùng Quảng-yên)

Một chiếc song-loan (2) cách mỏ vàng:
 Xe hơi, khách đã tới chùa Hương.
 Mơ màng sắt đá năm canh vắng,
 Quanh quất non sông mấy dặm trường.
 Tiếng cuốc (3) gọi luôn hồn mộng tỉnh,
 Ruột tầm thêm mãi mối tơ vương,
 Ai đi Uông-bí (4) nhớ thăm hỏi,
 Hai chữ «Vàng-danh» nghĩa cũ-càng.

(1) Câu này không chắc đúng nguyên văn. (H.S.)

(2) «Song loan» là một thứ xe của sở mỏ riêng để chở khách.

(3) Bài này làm độ tháng tư năm Bính-tý.

(4) Uông-bí là sở làm việc của mỏ than Vàng-danh.

100 — Nhớ bạn

(Ông Tú-tài Nghiêm-Phúc-Đồng ở Đốc-tín
Mỹ-dức, Hà-dông)

Vùng trăng thơ thẩn khéo trêu người !
Trông thấy trăng mà nhớ tới ai.
Nhớ lúc rượu ngon năm bảy chén,
Nhớ khi đèn vắng một dòi người.
Nhớ sân đứng tế người thiên-cổ, (1)
Nhớ chỗ nằm xem truyện Liễu-trai.
Muốn nhắn hỏi thăm ai nhắn hộ,
Chùa Tiên, sông Hát những ai chơi ?

101. — Nhớ trong Nam

Sau mười năm ở Nam về Bắc làm «An nam tạp chí»

Ngày dài, ta nhớ đất Nam-trung,
Mây nước xa trông cách vạn trùng.
Cánh nhạn bên trời không chiếc bóng,
Vùng trăng mặt biển đã mười dòng ?
Sài-gòn, Chợ-lớn ai qua lại ?
Thủ-đức, Xuân-trường (2) khách vắng đông ?
Ngồi nhớ người xa thêm nhớ cảnh,
Xa xuôi ai có nhớ nhau cùng ?

(1) Tế Chiêu-Quân ở sân chùa Non-Tiên thuộc làng Tiên-mai gần Hội-xá, sau khi Đỗ-Thị, người được tiên-sinh yêu, đi lấy chồng.

(2) Hai nơi náo-nhiệt ở Sài-gòn, có hồ tắm, có quán nam, khi ở Nam thi-sĩ Tản-Đà từng lên chơi rất lấy làm thích-thú. (H.Đ.)

102. — Đêm khuya nhớ bạn.

Nhớ nhà thi-sĩ Thù-Nguyên, Lục-sự Bắc-ninh

I

Nhớ ai như nhớ bác Thù-Nguyên (1)

Nhớ bác đêm ngày, bác nhớ quên ?

Kia nọ đầu non vừng thỏ xể.

Có chăng mặt bể ngọn trào lên.

Tháng ngày lăm lúc như thoi én,

Thân-thể đôi ta tựa chiếc thuyền.

Nhớ bác, xem thơ như đối mặt,

« Bút tình » như vương sợi tơ duyên.

(1) Ông Thù-Nguyên Bùi-Tứ, tác-giả tập thơ « Ngòi Bút Tình » vì thất-nội-trợ lại yêu bà em vợ song, nhạc-gia không tán-thành, cũng thất-vọng về mối nhân-duyên như chuyện thi-sĩ Âu-Dương-Tu bên Tàu, hoa thơm đánh cả cụm, mà có những tiếng kêu của quả tim đau đớn về vợ chết, lại đau đớn về em vợ sống mà không được xum-hạp, thật cả từ-biệt, cả sinh-ly ! Tập thơ có xuất-bản, nhiều bài hay lắm. (H S.)

II

Ay ai như nổi bác Thù-Nguyên,
Khoảng mấy năm trời một chữ « duyên ».
Chỉ thắm đã se, se lại đứt,
Giao loan mong nổi, nổi chưa liền.
Đêm đông đất khách ai là bạn ?
Gió thổi còi khuya ngủ chẳng yên ?
Nghe nói Âu-Dương còn truyện cũ,
Mà hay Nguyệt-lão nhớ hay quên ?

103.— Thi hậu-bổ bị trượt kỳ văn-đáp

Hồi Pháp-thuộc lập trường Hậu-bổ, sau đổi làm trường Sĩ-hoạn, chuyển dạy các bậc Cử-nhân, Tú-tài, Ấm-sinh, có cả Phó-bàng, Tiến-sĩ đổi về khoa-cử Hán-tự ; trường Nam-định học chữ quốc-ngữ, chữ Pháp, tập làm biên-bản, làm tờ trình, tờ bẩm bằng chữ Pháp, qua lớp dự-bị thi vào lớp chính-ngạch, học ba năm ra làm quan. Những người muốn đỗ phải đút lót mới được. Tân-Đà tiên-sinh vì không có lễ, nên làm ra bài sau này :

Mỗi năm Hậu-bổ một lần thi,
Năm ngoái, năm xưa tớ cũng đi. (1)
Cử, Tú, Ấm-sinh vài chục kẻ,
Tây, Ta (2) quốc-ngữ bốn năm kỳ.
Đĩa nghiên, lọ mực, bìa bao sách,
Thước kẻ, danh ghim, ngọn bút chì. (3)
Lại đến O-ran (4) là bước khó,
Mình ơi, ta bảo : « có thi thì...»

(1) Thi hai lần đều hỏng.

(2) Ta là chữ Hán, bây giờ gọi là chữ Ta.

(3) Các đồ thí sinh đem vào trường để thi.

(4) O-ran (Oral) là văn đáp.

104. — Măng con quốc tiêc xuân

Bài thơ ký thác tình-hoài cố-quốc, trách người nước chỉ khoe cái vinh-quang về lịch-sử cũ của Tổ-tiên mà không thấy hành-động gì về việc nước trong hồi Pháp thuộc ; « Đông-kinh Nghĩa-thục » vừa bị giải-tán sau được năm (1912),

Ai khuyên con quốc nó đừng kêu, (1)

Xuân đã qua rồi cứ gọi theo...

Sao cứ lo-co trong bụi rậm,

Lại còn eo-óc với trời cao ! (2)

Cô non nước lục chờ mi mãi,

Liều yếu đào tơ chán kẻ yêu.

Đen đũi chẳng nên năn-nỉ phận,

Mặc cơn mây sớm hạt mưa chiều.

(1) Quốc là nước, cho nên con quốc ta dùng ám chỉ vào quốc-gia.

(2) Hai câu này thích-thực ra con quốc chỉ lủi chúi xó trong bờ bụi rậm, kêu la thảm-thiết tiếc xuân giận hè.

105. — Dạm bán áo đoạn

*Sau khi thi không đỗ về, Đỗ-Thị đi lấy chồng khác hòa,
ra như diễn làm.*

Đỗ cũng không mà cưới cũng không,

Còn đeo áo đoạn để ai trông.

Kìa màu Thượng-hải (1) xanh-xanh lót,

Này giá Sơn-tây (2) mẩy mẩy đồng.

Đang buổi khan tiền chơi cách thế,

Có ai biết của giúp nhau cùng.

.

Bán áo mà mua giấy viết ngòong. (3)

(1) Thượng-hải là thứ lụa xanh ở Thượng-Hải, dùng làm lằn lót áo kép, ngoài bằng đoạn.

(2) Mua ở một cửa hàng tỉnh Sơn-tây.

(3) Một câu thất khuyết chưa tìm ra, ngài nào thuộc xin biên thư cho biết. Cảm ơn và sẽ xin có sách tặng lại.

106.— Hai Bà Trưng

*Dùng lời văn rất phấn-uất kích-hiến để cực kỳ ca-tụng
khen ngợi Hai Bà.*

Sáu năm thành quách đã tan rồi,
Trắc, Nhị đâu mà nấy một đôi.
Cả nước bấy lâu toàn mẹ hĩm, (1)
Hai Bà chắc hẳn có con bồi. (2)
Một đàn em bé theo sau dít,
Mấy chú quân Tàu chạy đứt đuôi.
Hồn đã lên tiên còn tiếc nước,
Ngàn thu sông Cấm (3) bóng trăng soi.

(1) Từ trước cả nước là đàn bà cả, cho nên thu-phục ở dưới ách đô-bộ của Tàu mãi.

(2) Hai bà chắc hẳn là đàn ông, chứ đàn bà sao lại có sự nghiệp oanh-liệt như thế.

(3) Cấm khê đến lúc hiểm nghèo,
Chị em thất thế, cũng liều với sông.

TẢN-ĐÀ LỤC BÁT

107.— Thơ rượu

Đời người như giấc chiêm-bao,
Nghìn xưa đã mấy ai nào trăm năm.
Một đoàn lao lực lao tâm,
Quý chi chữ «Thọ» mà lăm sống nhiều.
Có tiền chưa dễ mà tiêu,
Ham danh lăm kẻ như điều đứt dây.
Thương ai cho bận lòng đây ?
Cho voi hũ rượu cho đầy túi thơ !
Cảnh đời gió gió, mưa mưa,
Buồn trông, ta phải say sưa đỡ buồn.
Rượu say, thơ lại khơi nguồn,
Nên thơ, rượu cũng thêm ngon giọng tình.
Rượu thơ mình lại với mình,
Khi say quên cả cái hình phù-du. (1)
Trăm năm thơ túi rượu vò,
Nghìn năm thi-sĩ, tửu-đồ (2) là ai ?

(1) Phù-du là con vò ở bờ sông sáng nỏ tối chết, ví đời người ngắn ngủi.

(2) Tửu đồ là kẻ uống rượu.

108.— Vô đề

Suối tuôn róc-rách ngang đèo,
 Gió thu bay lá, bóng chiều về tây,
 Chung quanh những lá cùng cây,
 Biết người tri-kỹ đâu đây mà tìm ?
 Hỏi thăm những cá cùng chim,
 Chim bay xa bóng, cá chìm mất tăm !
 Bây giờ vắng mặt tri-âm,
 Lấy ai là kẻ đồng-tâm với mình !
 Nước non vắng khách hữu-tình,
 Con xanh nước biếc cho mình nhớ ai !

109.— Một đêm ngủ nhà người mán Xiềng
 ở Bảo-hà (Lao-kay)

Ào ào tiếng suối bên tai,
 Lộn kêu eng-éc bên ngoài cửa phen.
 Đầu nhà sương xuống từ trên,
 Vách phen gió lọt bốn bên lạnh lùng.

110. — Ngẫu-hưng

Vì chủ nhà đến thu tiền nhà đi khỏi mà nên thơ

I

Ước sao tháng tháng sẵn tiền,
 Tiền nhà cứ tháng ta liền đóng ngay.
 Rồi ra thơ nghĩ mới hay,
 Tri-âm ai đó mới say vì tình.

II

Hôm qua chưa có tiền nhà,
 Suốt đêm, thơ nghĩ chẳng ra câu nào !
 Đi ra, rồi lại đi vào,
 Quẩn quanh chỉ tốn thuốc Lào vì thơ !

III

Tiền nhà nay đã đóng rồi,
 Ta pha ấm nước, ta ngồi ngâm nga.
 Bây giờ, thơ mới nghĩ ra,
 Hồn thơ quanh quất bút hoa đêm trường.

111. — Xuân sầu

Mưa xuân Hồng-Lạc tươi màu,
 Bức tranh mưa gió riêng sầu lòng ai.
 Năm châu xa-lắc đường dài,
 Nước non biết có ai người « đầu binh » (1)

(1) Hai chữ « đầu binh » này lấy ở câu phong-đạo : « Hỡi anh áo trắng, mà đi đầu binh, có phải nhân tình thì đứng lại đây ». Ý muốn nói ai là người đồng tình với mình.

112.— Xuân-tứ

Xuân xưa hàng Lọng cờ bay, (1)
 Thoi đưa ngày tháng đã đầy mười năm.
 Biết bao ra Bắc vào Nam,
 Bức dư-đồ rách đã cam khó lòng. (2)
 Văn chương chút nghĩa đèo bồng,
 Thuyền không tay lái vẫy vùng được sao ? (3)
 Ngày xuân thêm tuổi càng cao,
 Non xanh nước biếc càng ngao ngán lòng.

113.— Đưa người nhà quê

Ai ơi đợi với tôi cùng,
 Tôi còn bối rối trong vòng tơ vương.
 Bao giờ sạch nợ văn-chương,
 Đèn khuya chung bóng, ta thương lấy mình !

(1) Cờ vàng ở cửa tòa báo « An-nam tạp-chí » ở phố hàng Lọng Hà-nội, trên lên mây ngày tết xong là nghỉ báo lần thứ nhất để đi Nam-kỳ mưu-trù tư-bản ở các độc-giả có cảm-tình trong Lục tỉnh, ông Diệp-Văn-Kỳ hứa giúp việc xuất-bản ở Nam không thành, làm « Đông-pháp thời-báo » và « Thân-Chung » ít lâu rồi trở về Bắc. (H.S.)

(2) Mâu vào mười bài thơ vịnh bức địa-đồ rách đang ở « An-nam tạp-chí » và « Đông-pháp thời báo », « Thân-Chung », trên mục thơ bát-cú trên kia mới lục ra có một bài. (H.S.)

(3) Mâu vào bài thơ « Sông cái chiếc thuyền nan » đang ở « An-nam tạp chí » số 1, xin xem lên mục thơ bát-cú ở trên. (H.S.)

114.— Vui xuân.

Tin xuân đến ngọn cây đào,
Bảo cho hoa biết ra chào Chúa xuân.
Mỗi năm xuân đến mỗi lần,
Thiếu-quang chín chục xoay vần chẳng sai.
Ngày xuân còn mãi không thôi,
Tuổi xuân ai dễ xanh rồi lại xanh ?
Đường mây những khách công-danh,
Mây râu cụ lớn thay bình thanh-niên.
Thành sầu mấy ả Khâm-thiên,
Én oanh dẫn lối con thuyền Tầm-dương.
Làng văn mấy bạn văn-chương,
Bút hoa án tuyết, hơi sương mái đầu.
Tiểu-thư ai đó tựa lầu,
Thơ đào chưa vịnh, mai hầu bảy, ba.
Trời xanh, trời cũng khi « già »,
Xuân xanh, xanh mãi đâu mà, hỡi ai ?
Gặp xuân ta hãy làm vui,
Kẻo nay xuân đến, kẻo mai xuân về.
Vui xuân, rượu uống thơ đề.

115. — Thề non nước. (1)

Nước non nặng một lời thề,
 Nước đi, đi mãi, không về cùng non.
 Nhớ lời « nguyện nước thề non »,
 Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
 Non cao những ngóng cùng trông,
 Tuổi khô giong lệ chờ mong tháng ngày.
 Xương mai một nắm hao gầy,
 Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
 Trời tây ngã bóng tà-dương,
 Càng phơi vẽ ngọc nét vàng phai pha.
 Non cao tuổi vẫn chưa già,
 Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
 Dù cho sông cạn đá mòn,
 Còn non còn nước hãy còn thề xưa.
 Non cao đã biết hay chưa ?
 Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
 Nước non hội ngộ còn luôn,
 Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
 Nước kia dù hãy còn đi,
 Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
 Nghìn năm giao ước kết đôi,
 Non non nước nước chưa nguôi lời thề.

(1) Đề bức tranh sơn thủy với cò dâu Vân-Anh trong truyện « Thề non nước » của Tân-Đà tiên-sinh soạn.

116.— Nói chuyện với bóng.

Phòng vãn nửa khép cánh thu,
 Đèn vãn một ngọn tròn lù-dù xanh.
 Đứng lên ngồi xuống một mình,
 Khỏi tình ai nặn ? Lửa tình ai khêu ?
 Mập mờ khi thấp khi cao,
 Trông ra chẳng biết ông nào lại chơi.
 Nhận lâu sau mới bật cười,
 Té ra «anh bóng» chớ ai đầu mà !
 Bóng ơi, mời bóng vào nhà,
 Ngọn đèn khêu tỏ đòi ta cùng ngồi.
 Ngồi đây ta nói sự đời,
 Ta ngồi ta nói, bóng ngồi bóng nghe,
 — Cõi đời từ cắt tiếng oe,
 «Đã bên ngọn lửa lập-lòe có nhau.
 «Tương-tri thuở ấy về sau,
 «Đôi ta một bước cùng nhau chẳng dòi.
 «Ta ngồi thời bóng cũng ngồi,
 «Ta đi, ta đứng bóng thời cũng theo.
 «Có khi lên núi qua đèo,
 «Minh ta với bóng leo trèo cùng nhau.
 «Có khi quăng văng đêm thâu,
 «Minh ta với bóng âu sầu nổi riêng.
 «Có khi rượu nặng hơi men,
 «Minh ta với bóng ngã nghiêng canh tàn.

« Có khi chè đượm mùi lan,
« Minh ta với bóng bàn hoàn thú xuân.
« Có khi bút thảo câu thần,
« Minh ta với bóng xoay vần nệm hoa.
« Đòi khi sắm chớp phong-ba,
« Cuộc đời nguy biến có ta có mình.
« Hằng khi gió mát trăng thanh.
« Bầu trời thanh-thú riêng mình với ta.
« Trăm năm cho đến côi già,
« Còn ta, còn bóng, còn là có nhau.
« Trần-ai mặc những ai đâu,
« Ai thương tử-biệt, ai sầu sinh-ly.
« Còn ta bóng nữ nào đi !
« Ta đi, bóng có ở chi côi trần !
Tin nhau đã vẹn muôn phần,
« Cũng xin giải hết xa gần cùng nhau».
Bóng nghe bóng cũng gật đầu.

117. — Trống giăng cảm-tưởng

Đêm thu giăng sáng một trời,
 Một mình ngồi tưởng sự đời nghĩ quanh.
 Nghĩ cho muôn vật hóa sinh,
 Ở trong vũ-trụ cái hình ra chi !
 Giăng kia tròn được mấy khi,
 Hoa kia nở được mấy thì, hỡi hoa ?
 Gái kia quá lứa đã già,
 Con tằm rút ruột thời là động non.
 Khúc sông bồi lấp nên cồn,
 Dâu xanh bãi bể, đá mòn nước khe.
 Đồng không con dóm lập lòe,
 Khách trần lối ấy đi về những ai.
 Hình kia đúc tựa thợ giời,
 Tình kia họa mới ra ngoài khuôn xanh.
 Vọng-phu còn đá còn trinh (1),
 Tiền-đường còn sóng trung-trinh hãy còn (2)

(1) Ở bên Tàu có núi Vọng-phu, tương truyền rằng ngày xưa có người đàn bà tiễn chồng đi lính xa, trèo lên đỉnh núi ấy mà đứng trông, rồi hóa ra hình hòn đá.

(2) Ông Ngũ-Tử-Tư là trung thần của nước Ngô, can vua Nước Ngô mà bị giết, bỏ vào túi da vất xuống sông Tiền-đường.

Dầu cho sông cạn đá mòn,
 Trung hồn khôn thác, trình hồn khôn tan..
 Cho hay những khách trần-hoàn,
 Nghìn xưa ở lại thế-gian mấy mà !
 Trông lên một mảnh giăng tà,
 Soi chung kim cổ biết là những ai ?

118. — Cảm-tưởng về sự sống, chết

Trăm năm cõi tục còn dài,
 Con đường vô-hạn trên đời còn xa.
 Núi, non, giăng cũng chưa già !
 Đầu ai tóc bạc vẫn là xuân xanh.
 Giang-sơn còn nặng gánh tình,
 Giời chưa cho nghỉ, thì mình cứ đi.
 Bao giờ trời bão thổi đi,
 Giang-sơn cắt gánh, ta thì nghỉ ngơi.
 Nợ đời là thế ai ơi !
 Khách tình nhấn nhủ cho đời biết qua.
 Có ai là kẻ cùng ta ?

119.— Đòi lắm việc.

Đòi người như giặc chiêm-bao,
 Mà trong mộng-ảo lại sao không nhàn.
 Đã sinh ra ở nhân-hoàn,
 «Lao tâm, lao lực» một đoàn khác chi !
 Người ông lớn, đũa cu-ly,
 Nhọc lòng nhọc xác cũng vì «cái ăn».
 Cuộc đời kinh-tế khó-khăn,
 Người đời càng phải nhọc-nhàn sớm hôm.
 Những người khổ rách áo ôm,
 Mồ-hôi đổi lấy bát cơm no lòng.
 Người thương-mại, kẻ canh-nông,
 Lo tiền, lo thóc, năm cùng lại năm.
 Ngày ngày hai buổi đi làm,
 Cự thừa trong sở, ông Tham trên Tòa.
 Người khiêu-vũ kẻ xướng-ca,
 Cũng là nghề-nghiep con nhà làm ăn.
 Người viết báo, kẻ bán văn,
 Sinh-nhai cán bút khó khăn lần hồi.
 Người đi sóng nước, ngược xuôi,
 Kẻ đem kim chỉ ngày ngồi vá may.

Kẻ đi đồn thú (1) đông tây,
 Người khua chuông mõ ăn mày cửa không. (2)
 Người thuyền thợ, kẻ gánh gồng,
 Người canh củi, kẻ bên sông lưới chài.
 Cùng trong lao-động một đời,
 Kẻ sao cho xiết hạn người thế-gian.
 Giàu sang chưa dễ ai nhìn,
 Nghèo hèn ai chớ phàn-nàn làm chi !
 Vui buồn ai cũng có khi,
 Có hoan-lạc, có sầu-bi lẽ thường.
 Trăm năm một giấc mơ-màng,
 Nghĩ chi cho bận gan vàng hời ai !...

(1) Đồn thú là đóng đồn canh giữ giặc ở biên-thủy, người đi lính gác đồn.

(2) Cửa không là chùa thờ Phật ; không-môn.

120. — Một bức thư của người nhà quê.

Bốn phương bay mỗi cánh hồng,
 Đường mây, bãi tuyết chán lòng tha-hương.
 Tản-viên bóng gác tà-dương,
 Gió thu giục khách lên đường về quê.
 Trùng-dương (1) rót chén hoàng-huê, (2)
 Năm đi tính lại năm về ba ba (33).
 Bắc, Nam bao độ vào ra,
 Tình duyên gặp gỡ nào là những ai ?
 Còn về còn nhớ đến người,
 Còn duyên văn-tự còn lời nước non.
 Biết nhau từ «*khởi tình con*»
 Quen nhau từ thuở tóc còn đương xanh.
 Yêu nhau sáu tháng «*Hữu Thanh*»,
 «*Tản Đà thư điểm*» Hà-thành nỗi duyên.
 Nước non đã nặng lời nguyên,
 «*An-nam Tạp-chí*» con thuyền lênh đênh.
 Phong-ba đành gạt «*khởi tình*»,
 Tám năm tay lái một mình ngược xuôi,
 Quản chi sông rộng, doanh khơi,
 Buồm không thuận gió, ai ơi cũng đành.
 Bẽ-bàng tóc bạc rừng xanh,
 Thôn quê nay với đô-thành khác xa.
 Phòng văn ai kẻ vào ra,
 Sương thu bốn dãy, trăng tà nửa hiên...

(1) Trùng-dương là mùng 9 tháng 9, tết Trùng-dương.

(2) Rượu cúc.

121. — An-nam tạp-chí lại ra lần thứ năm ở Hàng Bông Hà-nội cảm-tác.

«Thần-chung» lên tiếng phương Nam,
 «Phổ-thông» xứ Bắc ai làm tất hơi ?
 «Duy-Tân» thời đã cũ rồi,
 «Đông-Tây» lại cũng đi đời đàng mô !
 Khóc ai ! riêng cũng mừng cho,
 «An-nam tạp-chí» dư-đồ còn đây.
 Mới xưa Hàng Lọng cò bay,
 Thứ năm lại có phen này Hàng Bông.
 Cuộc đời xoay chuyển lung-tung,
 Mà trong báo-giới, tranh-hùng những ai !
 «Thức lâu mới biết đêm dài»,
 Tiền chưa mạnh sức, mà tài cũng thua !
 Hơn nhau một bức dư-đồ,
 Khí thiêng sông núi hộ-phù nước non.
 Hơn nhau một tấm lòng son,
 Cho người chung nước, chung non, chung tình.
 Đêm thu gió thoảng bên mình,
 Sạch đem tâm-sự bất bình thổi xuôi.
 Bút hoa chép lại đôi lời,
 Đưa ai bốn bể là người tình-chung.
 Đi về xin nhớ Hàng Bông.

122. — Chơi Huế

Lần đầu vào Huế với ông Bùi-Huy-Tín
chủ nhà in « Đắc-Lập »

Đường vô xứ Huế quanh-quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Yêu em (1) anh cứ anh vô,
Kệ trường nhà Hồ, mặc phá Tam-giang.
Xe hơi đã tới đèo Ngang,
Ấy qua Hà-tĩnh đường sang Quảng-bình.
Danh-sơn gặp khách hữu-tình,
Đèo Ngang ơi hơi là mình với ta.
Con cháu chúa, nước non nhà,
Không đi, không lại, nên xa lạ-lùng.
Dừng xe, lên đỉnh ta trông,
Mặt ngoài bể nước, bên trong núi rừng.
Nhớ từ Hoàng-Nguyễn long-hung,
Cơ-đồ gây dựng cũng rằng từ đây. (2)

(1) Chữ « em » đây là trỏ vào xứ Huế. Câu hát xưa rằng : « Yêu em anh cũng muốn vô, sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam-giang », hai chữ giật cướp bóc lột người vào Huế.

(2) Hai câu này là lấy về ý nghĩa câu nói của ông Trương-Trình . « Hoàn-hoa nhất đại, vạn đại dung-thân » nói chúa Nguyễn đóng ở Huế được.

Giang-sơn từ bấy đến nay,
 Nào trăng mặt bể nào mây trên ngàn.
 Ắi xưa bến cũ còn truyền,
 Oai-linh cảnh thắng, bàn-hoàn khách-du,
 Chiều xuân êm-ả như ru,
 Thuận xe lại cứ đậm cù như bay,
 Càng vào mãi, càng xinh thay,
 Càng trông cảnh vật đổi thay lạ thường.
 Nhỏ to mả trắng bèn đường, (1)
 Xa xa mé bể cồn vàng thấp cao (2)
 Dọc đường dân-chúng biết bao,
 Ruộng tình hữu-ái như rào trận mưa. (3)
 Rừng Tiên cùng họ từ xưa,
 Ba mươi năm mới bây giờ gặp nhau.
 Nhận xem áo vải quần nâu,
 Gái, trai, già, trẻ một màu không hai.
 Văn-minh rầy đã bán khai,
 Mà đây còn hầy như đời Hùng-vương !

(1) Mả trắng là những mả đắp bằng cát, không có cỏ mọc nên trắng.

(2) Cồn vàng là những cồn cát ở mé bể, có bóng chiều chiều xuống, nom ra sắc vàng.

(3) Mưa xuân từ Hoàn-sơn và nhiều trận mưa rào to hơn ngoài Bắc ta.

Trời tây ngả bóng tà-dương,
 Ô-tô lại đổi lên đường hỏa-xa,
 Ấy từ Quảng-trị, Đông-hà. (1)
 Đi năm ga nữa vừa là tới Kinh.
 Kinh-thành gái lịch, trai thanh,
 Lại thêm Hương-thủy, Ngự bình (2) điếm-tô.
 Con người xứ Bắc mới vô,
 Mừng nay được thấy đẽ-dò một lần.
 Hoàng-thành cung điện liên-vân,
 Dinh quan Khâm-sứ đóng gần một nơi. (3)
 Quap, dân ở cả thành ngoài,
 Quanh thành tám cửa, sông dài bọc quanh.
 Lại bao phổ xá thị-thành,
 Trên cầu xe ngựa, ghe mành dưới sông.
 Đông-ba, Gia-hội càng đông,
 Dịp cầu nhẹ bước xa trông càng tình.
 Giòng sông trắng, lá cây xanh,
 Xuân-giang, xuân-thu cho mình nhớ ai !
 Ngày xuân có lúc đi chơi,
 Lãng, chùa qua biết các nơi quanh gần.

(1) Khi đó đường xe-lửa Vinh chưa làm xong, mới có một đường từ Đông-hà vô Huế.

(2) Song Hương, núi Ngự. hai cảnh vật thiêng-liêng của kinh-đô Huế.

(3) Ở bên đất Thừa-thiên, qua cầu sang.

Để-kinh đã gọi mưa nhuần,
 Tiệm theo đường sắt, vô dằn xú trong,
 Một đi thêm một lạ-lùng,
 Xe chui hầm tối biển trùng sóng cao.
 Dưới đường sóng biển nhảy reo,
 Như mừng bạn mới, như chào khách xa.
 Hải-vàn đèo lớn vừa qua,
 Mưa xuân ai bỗng đổi ra nắng hè.
 Tiết trời như đã sang hè,
 Mà theo phận đất thời về Quảng-nam.
 Càng đi rộng càng biết thêm,
 Tu-ran (Tourane) cảnh vật càng xem càng mừng.
 Nước xuân sóng lục vô-chùng,
 « Lục-ba Xuân-thủy » ai từng họa chưa ?
 Vào nhà tích-cổ xem qua,
 Chiêm-thành này tượng ngày xưa hây còn.
 Biết bao vật lớn hình con,
 Chạm rồng cột đá chưa mòn nét dao,
 Cảnh còn như rước như chào,
 Tiếc thay ! Ai mới qua vào đã ra.
 Đường về cũng thế mà xa,
 Chiều hôm mười tám đến ga Hà-thành,
 Chơi xuân kể lại hành-trình,
 Ngày ba mươi Tết, hứng tình ra đi.

Từ Bất-ựat qua Việt-trì,
Còn năm Kỷ-vị, còn thì tiết đông.
 Canh-thân ăn tết Thăng long,
Sang ngày mừng bốn vào trong Trung-kỳ.
 Chơi xuân ta nghĩ cũng kỳ,
Dịp đâu may-mắn cũng vì có ai. (1)
 Cám ơn hai chữ « yêu tài », (2)
Còn đường thiên-lý, còn dài tắc son.
 Còn trời, còn nước, còn non,
Tiền-trình vạn-lý, anh còn chơi xa.
 Chơi cho biết mặt sơn-hà,
Cho sơn-hà biết ai là mặt chơi...

(1-2) Ai, là chỉ vào Ông Bùi-Huy-Tín yêu tài mới vào Huế chơi Xuân ở Đẻ-kinh.

123.— Qua cầu Hàm-Rồng cảm-tác.

Hôm xưa chơi ở Dương-quỳ,
 Trắng phau ngựa trắng, xanh rì rừng xanh.
 Hàm Rồng nay lại qua Thanh,
 Dưới cầu nước biếc in hình thi-nhân,
 Người đầu sương tuyết phong-trần,
 Non xanh nước biếc, bao lần vãng lai?
 Dư-đồ còn đó chưa phai,
 Còn non, còn nước, còn người nước non.
 Ruột tầm dù héo chưa mòn,
 Tor lòng một mối xin còn vương-vấn.
 Nước non muôn dặm đường trường,
 Hỏi ai « rau sắng chùa Hương » biết cùng ?
 Trăm năm nặng gánh tang-bồng, (1)
 Lửa than cùng đốt cho lòng càng son.
 Cảnh còn biếc nước xanh non,
 Đầu ai trắng tóc, duyên còn thắm tơ.
 Để ai thương nhớ đợi chờ,
 Mà ai đi mãi ! bao giờ đến nơi ?

(1) Chuyện Cô Song-Kê gửi tặng rau sắng.

124.— Nhớ cảnh cầu Hàm-Rồng

Ai xui ta nhớ Hàm-Rồng,
Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây.
Từ ta trở lại Sơn-tây,
Con đường Nam, Bắc ít ngày vãng lai.
Sơn cầu còn đó chưa phai ?
Non xanh còn đổi ? sông dài còn sâu ?
Còn thuyền đánh cá buông câu ?
Còn xe lửa chạy trên cầu như xưa ?
Lấy ai viếng cảnh bây giờ ?
Mà hay cảnh có đợi chờ cùng nhau ?
Ước ao sông cứ còn sâu,
Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh !
Khung cầu còn cứ như tranh,
Hỏa-xa cứ chạy bộ-hành cứ đi.
Xuân sang cỏ cứ xanh rì !
Thuyền ai chài lưới con chì cứ tung !
Sơn-Tinh, Hà-Bá hay cùng,
Giữ nguyên phong cảnh Hàm-Rồng đợi ta.
Có ngày xe lửa đi qua,
Trong xe lại có Tản-Đà đứng trong.
Lại vui cùng núi cùng sông,
Người xưa cảnh cũ tương-phùng còn lâu.
Nhấn non, nhấn nước, nhấn cầu.

125.— Nhớ bạn Hà-nội.

Nhà thi-sĩ Hương-Trì Vương-Thường-Liên ở Bát-tràng

Nhớ ai như nhớ đông-trùng ! (1)
 Nhớ ai Hà-nội cho lòng khôn khuây.
 Từ ngày già chén chia tay,
 Bấm tay ta tính đã đầy năm năm.
 Rượu ngon cạn chén còn tăm,
 Bạn hiền cách mặt âm dung như gần
 Sơn, Hà đôi ngả cổ nhân,
 Non xanh riêng đổi ngày xuân sinh sầu.
 Ước bao giờ lại thấy nhau,
 Uống con hạ-thảo, (2) ngâm câu chữ « vèo ». (3)
 Rượu ngon thơ lại mỹ-miêu,
 Thú vui thơ rượu còn nhiều hai ta.

(1) Đông-trùng là một thứ đế ngâm rượu rất bổ và ngon quý, người trong làng rượu đã rõ.

(2) Hạ-thảo tức đông-trùng do ông bạn Vương-Thường-Liên thiết.

(3) « Vèo trông lá rụng đầy sân » là câu trong bài « Cảm thu tiễn thu ». Ông bạn thơ Vương-Thường-Liên Hương-Trì ở Lò-Đúc Hà-nội rất phục chữ « vèo », suốt bữa tiệc chỉ ngâm câu đó.

Ai xuôi ta nhấn về Hà,
Mong ai trũ rượu để mà đợi thơ.
Xa nhau xin hãy tạm chờ,
Gần nhau rồi cũng sớm trưa có gần.
Cùng nhau ta lại quây quần,
Câu thơ chén rượu trăm phần lại vui.
Làng thơ, bạn rượu ai ơi !...

**126. — Nhớ ông bạn ở phố Mã-mây
Hà-nội**

Ông Ngô-Bằng-Giục, cũng biết làm thơ

An-nam tạp-chí ra đời,
Xa thời ai nhớ, gần thời nhớ ai.
Mã-mây với phố hàng Khoai,
Quan-hà gang thước cho người sầu riêng.
Trách cho ông bạn lảng giềng,
Giận nhau chi đó mà kiềng nhau ra.
Ước gì hộp mặt đôi ta,
Cốc men Quế-lộ, chén trà Liên-tâm.
Ngày xuân nhấn bạn tri-âm...

127. — Nhớ bạn sông Thương

*Đưa ông Tham Toàn và các bạn làng thơ trên phủ Lạng
vì lỗi hẹn không đến chơi (T.Đ.)*

Ngồi buồn nhớ bạn sông Thương,
Nhớ ai ta nhớ nhưng đường thời xa.
Ước sao Thương nổi sông Đà,
Ta buông chiếc lá lên mà rượu thơ.
Không đi để những ai chờ,
Mà ta thơ rượu bây giờ với ai !
Thơ đầy túi, rượu đầy nai,
Đà, Thương đôi ngã cho người sầu thương.
Nhớ ai là bạn văn-chương,
Cho ta bối rối vấn vương tơ lòng.
Ngày xuân « dê béo, rượu nồng », (1)
Tiếc thay ai hơi đôi giòng sông Thương.
Nhưng ai là bạn văn-chương,
Yêu nhau thì họa chữ « thương » mấy vần.
Họa may Hà-Bá xoay vần.
Thương-giang, Đà-thủy có lần nối nhau.

(1) Bốn chữ này trích trong bức thư khai bút của ông Nhận-Xuyên gửi cho tôi năm 1935. (T.Đ.)

128.— Gửi bạn độc-giả cũ Nam-kỳ.

Nhớ ai, ai nhớ ai không ?

Phải chăng người Mạc-má-hồng (1) năm xưa ?

Trải bao đi gió về mưa,

Mà duyên tri-ngộ bây giờ là đây.

Cuộc đời dâu bể đổi thay,

Văn-chương lại có phen này phụ-trương. (2)

Bắc Nam xa cách dặm trường,

Hồn thơ quanh quất như nhường không xa.

Trăm năm chưa đến côi già,

Còn duyên văn-tự, còn ta còn mình.

Mấy nhời trong lúc đêm thanh,

Xa xôi nhắn gửi bạn tình là ai,

(1) Con đường Mac-Mahon, nguyên chỗ báo-quán của Đông-Pháp Thời-Báo ngày xưa.

(2) Ý thi-sĩ trở vào tờ phụ-trương văn-chương của tờ báo « Thần-Chương » ở Nam-kỳ để quyền tiên-sinh chủ trương khi tiên-sinh ở trong ấy với ông Diệp-Văn-Kỳ.

129—. Nhấn người trong Thanh

Bài này làm đề cảm tạ ông bạn Nguyễn-Tuân trong Thanh gửi hòm

« nem chua và bó « đóm diêm »

tặng Tản-Đà tiên-sinh

Phòng văn thơ thẩn một mình,
 Đèn khuya nửa ngọn lửa tình cùng ai.
 Nước non cách mấy dặm dài,
 Non xanh nước biếc nhớ người đầu xa.
 Nhớ ai là kẻ yêu ta,
 Năm nem, thanh đóm, làm quà cho nhau.
 Nem chua ăn hết đã lâu,
 Đóm thời một bó trắng phau hầy còn.
 Tay cầm cái đóm con con,
 Tưởng người cách nước xa non như gần.
 Ai về nhấn bác Nguyễn-Tuân,
 Thu sang Thanh-hóa nghe gần nhà diêm.
 Là người cho đóm cho nem.

130.— Cảm ơn người cho hà

Đương trưa bữa rượu nhà nho,
Có anh cầm giấy đem cho rọ hà.

Xem thư ta mới biết là,
Cho ta rọ đó người nhà ông Lan.

Nguyên đồ hải-vị Quảng-an,
Hải-phòng xe lửa đưa lên Hà-thành.

Thức ăn đến nó là thanh,
Mở ra chỉ một múi chanh vắt vào.

Nuốt trôi mát ruột làm sao !
Lâu nay mới thỏa ước ao ăn hà.

Cảm ơn anh bếp cho quà,
Gia-Long số bảy, người nhà ông Lan.

131. — Rau sắng chùa Hương.

Khoảng tháng ba năm nay (1), tôi có tiếp được một gói gửi nhà giấy thép cho, ngoài bọc giấy, trong là rau sắng.

Không thấy có đề tên người gửi (2), xem dấu nhà giấy thép, chỉ biết là từ Phủ-lý gửi lên. Lại cái phong thư cùng tiếp nhận mở xem chỉ thấy ở mảnh giấy có mấy câu lục bát, tức là lời gửi rau sắng ; trên không đề là ở đâu gửi đến, đi vào ngày hôm nào, dưới ký tên như một người đàn bà con gái.

Lạ thay ! Không biết ai ! Nhưng hẳn là « một người tình-nhân không quen biết » đây, Nay đã không biết trả lời về đâu mà cảm ơn, vậy nhân « Truyện thế-gian » kính xin nói mấy lời cảm-tạ dưới bút ngọc-thư của ai và xin lục y nguyên-văn.

(1) Khi Tản-Đà tiên-sinh chủ-trương Tản-Đà tu thư điếm ở Hàng Gai, Hà-nội.

(2) Sau mới biết là Song Khê nữ-sĩ, người yêu đọc thơ văn của tiên-sinh. gửi tặng.

Nguyễn Tiên-sinh nhĩ-giám,

Kính dâng rau sắng chùa Hương,

Đỡ ai tiền tổn, con đường đỡ xa.

Không đi thời gửi lại nhà,

Thay cho dưa khú cùng là cà thâm.

Đỗ Tang-nữ bái tặng. (1)



Mấy lời cảm tạ tri-âm,

Đồng-ban là nghĩa, đồng-tâm là tình.

Đường xa, rau vẫn còn xanh,

Tắm lòng thơm-thảo, bát canh ngọt-ngào.

Yêu nhau xa cách càng yêu,

Dẫu rằng xuôi nạt càng nhiều chứa chan.

Nước non khuất nẻo ngư nhàn,

Tạ lòng xin mượn « Thế-gian » (2) đưa tình.

Nguyễn-Khắc-Hiếu bái phục.

(1) Sau mớ: biết là Song-Khê Đỗ nữ-sĩ.

(2) *Truyện Thế-gian*, một bộ đoản-thiên tiểu-thuyết của Tản-Đà làm, dịch, sưu-tập...

132.— Hộp thư.

Cảm ơn Sinh-viên Đại-học tặng quà

Năm xưa rau sắng chùa Hương,
« Đỡ ai tiền tổn con đường đỡ xa ».

Năm nay khách đến chơi nhà,
Đoái thăm thi-sĩ cho quà gói sâm.

Đồng-bang cùng bạn đồng-tâm,
Nước non quanh quất tri-âm hây còn.

Trăm năm Đá Tản chưa mòn,
Còn duyên mưa móc còn hồn văn thơ.

Ruột tâm còn cứ ra tơ !

133.— Mừng khuyên ai cô dâu. (1)

Mừng ai gởi phượng chẵn loan,
Khuyên ai gánh lấy giang-san nhà chồng.

Chúc ai tay bẻ tay bông,
Con Tiên rời lại cháu Rồng về lâu.

Mong ai con cháu mai sau,
Khôn ngoan mở mặt năm châu cùng người.

Quốc-văn có một đôi lời,
Đăng trương tân-báo, gửi người tân-hôn.

(1) Có bài văn xuôi ở trên, khi tiên-sinh mới ra làm chủ-bút « Hữu Thanh ».

134.— Ru em.

Năm nay em đã lên ba,
Em đừng quấy khóc mẹ cha lo phiền.
Chị ru em ngủ cho yên,
Mai sau em nhón bút nghiên học hành,
Mẹ cha công đức sinh thành,
Mai sau em học thông minh nhờ giờ.
Giờ cho tai mắt ở đời,
Nhờ công cha mẹ nhớ nhờ chị ru.
Mẹ cha biết mấy công phu !
Chị ru em ngủ đêm thu canh gà.
Ấy ngày em hãy lên ba,
Em còn quấy khóc mẹ cha lo phiền.

135.—Ếch mà.

Khoảng thu, đông, sương xuống, gió lạnh, nước ao cạn.Ếch chui vào mà. Rõ được, trẻ, chuối, cua, ốc, tôm, tép đều có ý ché, là như mình: hai bàn tay không làm được việc gì, từ khi ra với đời chỉ ăn cho nó lời tù-và, rồi phi nhảy kẻo vô ích thời lại ngồi giương mắt ra đấy thôi. Thôi thời đành ngồi mà chịu tiếng vô-tình, còn hơn nhảy lấm mà vô-ích. Nghĩ vậyẾch ngồi ngậm một bài để mà gửi đi rằng:

Phượng kêu trái núi bên tề,
 Hồng bay bốn bể, Nhận về nơi nao ?
 Cánh Bằng đập ngọn phù-giao,
 Đầm xa tiếng Hạc lên cao vọng trời.
 Ao thu lạnh lẽo sự đời,
 Cành sương ngọn gió bời bời lá tre.
 Lắng taiẾch những ngồi nghe,
 Tiếc xuân, Quốc đã gọi hè ai thương ?
 Chàng Ve khóc đối ăn sương,
 Cô Oanh học nói như nhường công tai !
 Nở mồm chú Khướu hót ai ?
 Vì ai bác Cú đêm dài cầm canh ?

Canh khuya cậu Vạc mò ăn,
 To mồm soi cấp là anh Quạ đùng.
 Điều-hâu rít lưới giữa đồng,
 Tặc-kẻ nghiêng lợi, Thạch-sùng chếp môi.
 Gáy đâu ! Gà mái nhà ai ?
 Mèo gào, Chó hú, trên trời Lợn kêu.
 Ếch nghe cũng đã đủ điều,
 Ếch trông cũng đã đủ nhiều trò vui.
 Thôi thôi Ếch cũng xin thôi,
 Ẹp mình, rén bước, Ếch lui vào mà.
 Ngồi mà ngắm bạn ao ta,
 Bèo xưa nước cũ vẫn là có nhau.
 Còn giới, còn nước, còn lâu,
 Còn xuân sắp tới, còn thâu chưa tàn.
 Còn nhiều ân-ái chan ca,
 Còn kháng-khít nghĩa, còn dan-díu tình.
 Hang lan thanh vắng một mình,
 Mấy nhời ỳ-ộp thảo trình tương-tri.
 Cánh bèo mặt nước đưa đi.

136.— Xuân cảm (1)

Xuân kia sáu bảy mươi lần,
Của giới tham được độ gần ấy thôi.
Chơi hoang mất nửa đi rồi,
Ngẩn-ngơ ngồi nghĩ thân đời mà lo.
Trông gương luống đã thẹn thò,
Một mai tóc bạc vai gù mới dơ.
Thương thay ! xuân chẳng đợi chờ,
Tiếc thay ! xưa những hững-hờ với xuân.
Trăm nghìn gửi lại đông-quân,
Hãy khoan khoan tới, hãy dần dần lui.
Lượng xuân xin chớ hẹp-hòi.

(1) Tiếp ở bài « Xuân cảm » trong tập « Tản-Đà tản-văn ».

137.— Tề Chiêu-Quân.

Nguyên tác bằng chữ Hán của Tân-Đà (1)

Cô ơi ! Cô đẹp nhất đời,
 Mà cô mệnh bạc, thợ trời cũng thua.
 Một đi, từ-biệt cung vua,
 Có về đâu nữa đất Hồ ngàn năm !
 Má xanh còn dấu còn căm,
 Suối vàng lạnh lẽo cò nằm với ai ?
 Má hồng để tiếc cho ai ?
 Đời người như thế có hoài mất không ?
 Khóc ai nước mắt giòng giòng,
 Xương không còn vết, giận không có kỳ !
 Mây mờ trăng bạc chi chi,
 Hôi tanh thôi có mong gì khói nhang !
 Ới hồng-nhan ! hỡi hồng-nhan !
 Không thiêng cũng chẳng ai van ai mời !

(1) Nguyên văn bằng chữ Hán. Trong cuốn « Giác mộng lớn » Tân-Đà tiên-sinh có tự lục ra, tôi có dịch ra văn xuôi

(Nguyễn-Mạnh-Bổng).

Trời Nam thàng kiết là tòi,
 Chùa Tiên đất khách, khóc người bên Ngô.
 Tôi với cô, tôi với cô,
 Trước sân lễ bạc có mồ nào đây ?
 Hồn cô ví có ở đây ?
 Dem nhau đi với, lên mây cũng đành !

*Bản dịch này của Thi-sĩ Nễ-Xuyên
 Nguyễn-Thiện-Kế (1)*

(1) Cụ Nễ-Xuyên Nguyễn-Thiện-Kế, người đưa đất Tản-Đà tiên-sinh ra khỏi áng công-danh để bước vào trong làng thơ cõi mộng. Trong «Giấc mộng lớn». Tản-Đà tiên-sinh có nói đến; trên bài đầu sách, tôi cũng có nói qua.
 (N.M.B)

138.a. — Viếng thi-sĩ Tản-Đà. (1)

của Mai Lâm

Ôi thôi hỡi bác Tản-Đà !
 Tuổi vàng nay đã lánh xa cõi đời.
 Xa trông mây nước ngậm-ngùi,
 Tắm lòng thương nhớ mấy lời viếng thăm.
 Nhớ ai vắn-vít tơ tằm,
 Nước non ai kẻ đồng tâm hẹn hò.
 Thơ đầy túi, rượu lừng hồ,
 Dầu nho kiết cũng danh-nho nước nhà.
 Ôi thôi hỡi bác Tản-Đà !
 Tuổi vàng nay đã lánh xa cõi đời.
 Tôi với bác, bác với tôi,
 Tuy không quen biết cùng người đồng bang.
 Lại thêm cùng mối văn-chương,
 Chung tình non nước, tơ vương bèn lòng.
 Bấy lâu tôi những ước mong,
 Có phen run rủi tương phùng hai ta.
 Ôi thôi hỡi bác Tản-Đà !
 Tuổi vàng nay đã lánh xa cõi đời.
 Làm chi vội mấy bác ơi,
 Chí cao nghiệp lớn ai người nối theo.

(1) Bản này gửi đăng báo lúc thi-sĩ Tản-Đà còn sinh-thời đương mạnh khỏe, làm việc văn-học. (S.H.)

Thuyền nan ai giữ mái chèo ?
 Con tàu bản quốc ai liều sóng khơi ?
 Bức dư đồ rách ai bồi ?
 Báo An-nam nghĩ ai rồi lại ra ?
 Ôi thôi hơi bác Tản-Đà !
 Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời.
 Than ôi ! còn đất còn trời,
 Còn non còn nước, đâu người nước non ?
 Đà dù cạn. Tản dù mòn,
 Danh thơm thi-sĩ vẫn còn truyền lâu.
 Hồn thơ, phần phất nơi đâu,
 Chút tình có thấu cho nhau chứng là.
 Ôi thôi hơi bác Tản-Đà,
 Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời...



Ông Mai-Lâm làm giáo học trường Sacré-Cœur Cao-bằng. Yêu văn-chương thi-sĩ, mơ tưởng gặp thi-sĩ. Rồi sau « An-nam tạp-chí » đình bản, ông được nghe người ta nói thi-sĩ đã từ trần. Vì tiếc thương, ông làm bài thơ viếng trên đây. Rồi không ngờ thi-sĩ hãy còn sống, lại đang viết giúp báo « Tiểu-thuyết thứ bảy » nên ông Mai-Lâm gửi bài đó về nhờ thi-sĩ sửa lại. Thi-sĩ rất lấy làm thú là hãy còn sống mà được nghe người ta khic mình. Liền cho đăng vào báo « Tiểu-thuyết thứ bảy » và có bài đáp lại ở số báo sau. Vậy xin phép ông Mai-Lâm được đăng bài của ông ở đây, vì có bài của thi-sĩ Tản Đà họa

(H.S.)

138-b.— Cười bác Mai-Lâm

Nực cười cho bác Mai-Lâm,
 Thương nhau chi sớm mà lắm khóc nhau ?
 Cõi đời đã lánh xa đâu,
 Mà cho ai nhớ ai sầu hỡi ai.
 Tóc tơ vương vít còn dài.
 Con tằm còn trả nợ đời chưa xong.
 Lửa hương còn chất bên lòng,
 Nho tàn còn vẫn trong vòng trăm năm.
 Nực cười cho bác Mai-Lâm,
 Thương nhau chi sớm mà lắm khóc nhau ?
 Tuổi vàng ai đã vội đâu,
 Mà cho ai tiếc ai sầu hỡi ai !
 Bức dư đồ rách không bởi, (1)
 Báo « An-nam » nghỉ biết đời nào ra.

(1) Thi-sĩ có bài thơ « Bức địa-đồ rách » cuối có câu : « Thôi để rồi ta sẽ liệu bởi ».

Có thể liên hoàn đến mười bài đăng ở « Thần-Chung » và « An-nam tạp chí », tập này lục được có vài bài.

Hủ nho vô ích nước nhà,
 Rượu thơ còn vãn la cà trăm năm.
 Nực cười cho bác Mai-Lâm,
 Thương nhau chi sớm mà làm khóc nhau.
 Hồn thơ đã mất đi đâu,
 Mà cho ai khóc ai sầu, hỡi ai.
 Dưới trên còn đất còn trời,
 Còn non còn nước, còn người nước non. (1)
 Đà chưa cạn, Tân chưa mòn,
 Còn ai thi-sĩ lại còn tri-âm...
 Nực cười cho bác Mai-Lâm,
 Thương nhau chi sớm mà làm khóc nhau. (2)

TÂN-ĐÀ.

(1) Câu này là mẫu bài « đề tranh sơn thủy » của cô Vân-Anh trong tiểu-thuyết « Thề non nước » của Tân-Đà tiên-sinh :

« Còn non còn nước hãy còn thề xưa ».

(2) Theo điệu khóc của ông Mai-Lâm mà trả lời, cả nghĩa lại cả văn điệu hợp một thể.

139. — Đề báo « Hữu-Thanh ».

Tiếng gọi Trung Nam Bắc

Trung Nam Bắc, chị cùng em,
Chị em trông đó con chim gọi đàn.
Chim kia còn biết gọi đàn,
Chút tình hữu-ái chị bàn cùng em.

140. — Mẹ ông Mạnh-Kha nước Châu. (1)

Trong mục « Đạo làm mẹ » ở sách

« Đài gương truyện » tức « Đàn bà Tầu »

Thương con mẹ cũng như ai,
Dạy con cho được hơn người là hơn.
Nghìn thu mẹ thánh con hiền. (2)

(1) Mạnh-Kha tức là Mạnh-Tử, một vị hiền-giã môn-đồ đức Khổng-Phu-Tử, có bỏ sách « Mạnh-Tử » để lại. Á-đông ta thờ phụng Ngài ngang với Khổng-Phu-Tử; thường nói Khổng-Mạnh.

(2) Lời văn-đề cần sáo cho ít câu mà gói-ghém được đủ chuyện mình muốn khen hay chê là hay.

141.— Mẹ Điền-Tắc nước Tề.

Trong mục « Đạo làm mẹ » ở sách

« Đài gương truyện » tức « Đàn bà Tầu ».

Điền-Tắc làm thủ-tướng ăn lễ 100 lạng vàng đem về biếu mẹ, bị mẹ mắng là bất trung phi-nghĩa phải đem trả 100 lạng vàng cho người lễ và vào xin chịu tội với vua.

Vàng trăm con nghĩ là sang,
 Mấy lời mẹ dạy nghìn vàng khôn cân.
 Dạy con nên kẻ trung thần,
 Con nghe lời mẹ trăm phần con hay.
 Mẹ hiền, con hiếu, quý thay !

TẢN-ĐÀ PHONG-THI

*Những câu hát vặt làm theo lối phong-dao
của trẻ con nhà quê hát*

142. — Phong-dao. (1)

1.) Suối tuôn róc-rách ngang dèo,
Gió thu bay lá, bóng chiều về tây.
Chung quanh những đá cùng cây,
Biết người tri-kỷ đâu đây mà tìm ?
Hỏi thăm những cá cùng chim,
Chim bay xa bóng, cá chìm mất tăm !
Bây giờ vắng mặt tri-âm,
Lấy ai là kẻ đồng tâm với mình ?
Nước non vắng khách hữu-tình,
Non xanh nước biếc cho mình nhớ ai ?
2.) Lâu lâu nhớ bạn thi-đàn,
Câu thơ để đó ai bàn cùng ai ?
Ngày xuân gần lắm ai ơi !
Khổ cho cái én đưa thoi hết ngày.

(1) *Phong-dao* là những câu hát theo lẽ thói của dân quê, đâu cũng hát như thế.

3.) Lâu lâu nhớ bạn thi đàn,
 Túi thơ để đó đêm tàn lại đêm.
 Ngày thời việc báo như nêm,
 Đêm đêm việc sách cho thêm bận-bùng.

4.) Muốn đi lồi áo chùng ta,
 Hỏi xem chổng lại la đà nơi nao ?
 Về khuya ta chẳng rầy sao,
 Lâm-cùng chớ có sa vào mà chơi ! (1)

5.) Ai ra đập cái vàng-anh,
 Để chi nó cứ trên cành nó kêu.
 Nó kêu mất giấc chiêm-bao,
 Liêu-tê chẳng được em theo đến chàng. (2)

6.) Nhớ ai ràng-rặc đêm dài,
 Nhớ ai năm ấy là người chưa quen.
 Cách năm sông cái còn nguyên,
 Mà đâu ai khách đi thuyền năm xưa ?

7.) Ai đi đường ấy làm chi,
 Nước thì độc nước, buồn thì khó buồn.
 Đêm đêm chớp bể mưa nguồn,
 Ai đi, ai để cái buồn cho ta.

(1-2) Dịch thơ Đường vì nguyên văn cũng chỉ là những câu ca-dao của người dân hay hát, cho nên cũng lục cả vào mục này. (H.S)

8.) Đêm thu gió đập cành cau,
Chồng ai xa vắng, ai sầu chẳng ai?
Đêm thu gió hút ngoài tai,
Gió ơi! có biết chồng ai nơi nào?
Đêm thu gió lọt song đào,
Chồng ai xa vắng, gió vào chi đây?
Đêm thu gió lạnh đôi mày,
Gió ơi! có biết nỗi này cho chẳng?

9.) Con sông chạy buốt về Hà,
Nhớ ai Hà-nội trông mà ngùi thương.
Nhớ người cổ-quận tha-hương,
Nhớ ai thời nhỏ, nhưng đường thời xa.

10.) Năm nay em mới mười ba,
Còn hai năm nữa thời là mười lăm.
Mong cho trời chóng hết năm,
Năm sau đâu tốt cho tầm hơn tợ,

11.) Ai xui em lấy học-trò,
Thấy nghiên, thấy bút những lo mà gầy!
Người ta đi lấy ông tây,
Có tiền có bạc cho thầy mẹ tiêu!

12.) Chồng người xe ngựa người yêu,
Chồng em khổ đui, em chiều em thương.
Phận hèn kém phần thua lương,
Phong-lưu kia cũng như nương mặc ai.

13.) Gió thu thổi lạnh ao bèo,
 Công anh kéo vó cả chiều lẫn đêm.
 Ai về nhắn chị cùng em,
 Chờ tăm đợi cá chi thêm bận lòng !

14.) Muốn ăn rau sắng chùa Hương,
 Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa.
 Người đi, ta ở lại nhà,
 Cái dưa thời khú, cái cà thời thâm ! (1)

15.) Con cò lặn-lội bờ ao,
 Phất-phơ đôi giải yếm đào gió bay.
 Em về giục mẹ cùng thầy,
 Cấm sào đợi nước biết ngày nào trong.
 Con cò lặn lội bờ sông,
 Ngày xanh mòn-mỏi, má hồng phôi-pha.
 Em về giục mẹ cùng cha,
 Chợ trưa, dưa héo, nghĩ mà buồn tênh !

(1) Vì câu phong thi này, Tân-Đà tiên sinh đã được bà Song-Kê Đỗ Tang-nữ đi chùa Hương về đến Phủ-lý gửi gói rau sắng với bốn câu phong-thi trái lại để tặng ; tôi đã nói ở bài tựa và tiên-sinh cũng đã có bài nói riêng về việc ấy ở hai trang 168 và 169. (H.S.)

16.) Con sông đi lại bao tàu ?
 Lòng em vấn-vít bao sầu bao thương !
 Thương cha, thương mẹ, thương chàng,
 Thương cho những khách qua đàng bờ-hôi !

17.) Người ta có vợ có chồng.
 Em như con sáo trong lồng kêu mai.
 Má đào gìn giữ cho ai ?
 Răng đen, đen quá cho hoai, luống công !

18.) Gió đưa thầy khóa sang sông,
 Để em trong thấy, trong lòng vấn vương.
 Chàng đi những nhớ cùng thương,
 Gánh tình thời nặng, con đường thời xa !

19.) Anh đi để vợ anh nhà,
 Lấy ai đầm ấm đậm đà cho anh !
 Tài trai gắng lấy công-danh,
 Chữ danh xem với chữ tình mà hơn !

20.) Anh đi leo đèo, đường trường,
 Còng danh chẳng thấy, những thương cùng sầu
 Lại đây ăn một miếng trầu,
 Kẻo mai tuyết nhuộm trên đầu huê râm.

21.) Anh xuôi em tựa đầu cầu,
 Con sông vẫn đó, con tàu đã qua,
 Lạy giờ gió bão phong-ba,
 Cho tàu đổ ngược, cho ta thấy mình.

22.) Ai xui anh lấy được mình,
 Để anh vun xới ruộng tình cho xanh.
 Ai xui mình lấy được anh,
 Bỏ công bác mẹ sinh thành ra em.

23.) Ngồi buồn rû vợ đi chơi,
 Vợ rằng : « Chớ thể mà trời đánh cho ».
 — Đàn bà sao khéo xa lo !
 Trời không có mắt, trời cho mặt lòng.

24.) Anh ơi ! em bảo anh này :
 Ở đời phải cúi lông mày mới khôn.
 Người ta ăn ở sao tròn,
 Sao anh vẫn ở như đòn phá ngang ?

25.) Gió thu thổi lạnh ao bèo,
 Tiếc công bác mẹ như điều đứt dây !
 Năm nay anh vẫn thể này,
 Sang năm anh lại như ngày năm xưa.

26.) Trông anh, em cũng thương tình,
 Lấy anh sợ lụy đến mình, em thôi.
 Trái duyên thời sự đã rồi.
 Tiếc công lận suốt qua đời luống công.

27.) Người ta đi vông đi xé,
 Thân em cấy mướn đi về lấm chân.
 Trời xa xích lại cho gần.
 Phong-lưu sẽ với phong-trần cho ai,

28.) Ngồi buồn nhớ chị Xuân-Hương,
Hồn thơ còn hây như hương trên ai.

Cho hay mệnh bạc có trời,
Đồng cân đã nặng bên tài thời thời.

29.) Trời mưa sấm ổng cao quần,
Hỏi cô bán thuốc nhà gần hay xa ?

Thân anh đã xác như vờ,
Đồng cân xin chị cho già chớ non.

30.) Đổ ai đổ bóng nung hình,
Cho ruột ai nóng, cho mình lấy ta.
Kéo còn ngày tháng lán-la,
Kéo còn tháng chạy, ngày qua giặt mình

31.) Muốn cho đêm ngắn hơn ngày,
Sớm vờ ruộng rậm, trưa cày ruộng chiêm.

Muốn cho ngày ngắn hơn đêm,
Đền khuya chung bóng cho em đỡ sầu.

32.) Ai đi! Đợi với tôi cùng,
Tôi đi kiếm rượu cho chồng tôi sợ.

Chồng hư mang tiếng mang tai
Tiếng tai thiếp chịu, hơn ai không chồng

33.) Cò kia đen thui đen thui,
Phần đỏ vò hời, cái má vẫn đen.

Lắm vàng cho thắm nhân duyên,
Cò kia trắng nõn, không tiền, lấy ai ?

34.) Minh ơi, có nhớ ta chẳng ?
 Nhớ mình đứng tựa bóng trăng ta sầu.
 Trăng kia soi nửa vòng cầu,
 Mà ai tìm cái phong-hầu thấy chưa ?

35.) Ai làm cho con quốc nó kêu hè ?
 Kêu đêm nghe chán lại nghe kêu ngày.
 Chim hồng chấp cánh cao bay,
 Nắng mưa thui-thủi, thương mây quốc ơi !
 Ai làm cho khói lên trời ?
 Cho mưa xuống đất ! cho người biệt-ly !
 Ai làm cho Nam, Bắc phân kỳ,
 Xốt-xa hàng lệ đầm-đìa tắm thương !

36.) Đưa nhau một quăng đường trường,
 Cát bay dặm trắng, tơ vương liễu vàng.
 Ai đi đường ấy cùng chàng,
 Chàng đi, đi một bước đường một xa.



Đưa nhau một quăng đồng xa,
 Gió mai quên giục, trăng tà nhận kinh.
 Ai đi đường ấy cùng mình,
 Mình đi, để lại gánh tình ngổn ngang.



Đưa nhau một quăng đồ ngang,
 Nước xanh mây lộn, huê vàng bướm quanh.
 Ai đi đường ấy cùng anh...

37.) Bể sâu con cá vẫy-vùng,
Giời xanh muòn trượng, chim hồng cao bay.
Em về anh nắm lấy tay,
Anh dặn câu này em chớ có quên :
Con sông đã nặng lời nguyên,
Đừng non tay lái cho thuyền lật ngang.
Muốn sang, khảm cổ mà sang.

38.) Một con sông, ba bảy con sông dào,
Trăm công nghìn nợ trông vào một em.
Bao giờ sạch nợ giàu thêm,
Để anh đi kéo gỗ làm nhà.
Đời ta trăm tuổi cùng già,
Con tầm khác kén, cùng là rộng non.
Chữ đồng tạc núi ghi sông.

39.) Đêm qua anh nhớ đến mình,
Nhớ câu ú-hự, nhớ tình chơi-vơi.
Ra sân bắc ghế kêu giờ,
Ở dưới hạ-giới có người tương-tư.
Giời cao gọi mãi không thừa,
Để anh ra ngắm vào ngơ canh chày.
Bây giờ anh gặp mình đây,
Bên kia thời núi, bên này thời sông.
Sông kia, núi nợ hợp-đồng,
Sao cho nên vợ, nên chồng hỡi em !
Kẻo còn tưởng sớm mơ đêm.

40.) Ngày xuân con én con oanh,
 Ve ngâm vượn hót để dành đêm thu.
 Đầu xanh chưa dễ ai tu,
 Bao giờ tóc bạc chơi chùa có chẳng.

41.) Bước chân ra khỏi cổng Hàn,
 Nước mây man mác muôn ngàn dặm khơi.
 Gánh tình nặng lắm anh ơi !
 Tiền mang bạc giắt thuê ai đỡ cùng.

42.) Đường đi nhỏ nhỏ,
 Bờ cỏ xanh xanh,
 Không duyên, không nợ, không tình,
 Đồng không quăng văng sao mình gặp ta ?
 Bây giờ giới nắng đường xa,
 Rửa nhau vạt dưới gốc đa ta ngồi.
 Yêu nhau chẳng lọ thề-bồi.
 Kể Nam người Bắc, ngậm ngùi nhớ thương
 Tor tâm ai vẫn mà vương.

43.) Anh trông lên giới,
 Ông sao sa đất ;
 Anh trông xuống đất,
 Con dóm lên giới.
 Gặp em đây anh, dạn mấy nhời,
 Ba-sinh hương lửa muôn đời nhớ quên.

Còn tình, còn nghĩa, còn duyên,
Còn sông, còn bến, còn thuyền đôi ta.
Nghìn non vạn thác chưa xa.

44.) Ai xui con cá cắn mồi,
Ai xui thằng phổng ra ngồi trời mưa !
Thế gian lắm sự cũng khờ,
Đời người biết đến bao giờ cho khôn !

45.) Trách ai đánh đá nung vôi
Trách ai ngã gỗ trên đồi đốt than.
Làm cho vôi trắng than đen.
Cho lòng đen bạc thế-gian lắm người !

46.) Bờ hồ những gió cùng trăng,
Những trăng cùng gió lãng-nhăng sự đời.
Ai lên nhấc trách ông Trời,
Bày chi trăng gió, cho người gió trăng !

47.) Đêm qua mất cắp như chơi,
Có chỗ mất vợ, có nơi mất chồng !
Ông tơ nghĩ chẳng thẹn thùng.
Còn đương chấp mối tơ hồng se ai !

48.) Hỡi cô yếm trắng kia là.
Chồng cô cô bỏ ở nhà, đi chơi.
Thế-gian chẳng có ai cười,
Trên trăng có chú Cuội ngồi nhè răng.

49.) Trông trăng lại nhớ đến người.
 Nhớ ai câu nói câu cười dưới trăng.
 Trăng kia có nhớ cùng chăng ?
 Mười hai tháng chín cao bằng ngọn tre.

50.) Đưa nhau nhớ buổi hôm nay,
 Nỗi niềm tâm-sự đợi ngày tái-lai.
 Non xanh ở lại cùng ai,
 Đá vàng ghi tạc lấy lời sắt son.

51.) Rửa nhau lên núi cắt gianh,
 Đường đi rậm rạp thân anh nặng-nề.
 Đôi ta núi nguyện non thề,
 Bao giờ cắt nóc em về ở chung.

52.) Giời mưa nước lũ qua đèo,
 Trăm cay nghìn đắng theo chiều chảy xuôi.
 Thở than chi lắm chàng ơi.
 Đánh gianh cắt nóc cho tôi về cùng.

TẢN-ĐÀ TẬP KIỀU

Tiếp theo vào thể văn lục-bát

143. — Tập Kiều.

Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Con tầm đến thác hãy còn vương tơ.
Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Dám xa-xôi mặt mà thơ-thốt lòng.
Cẩn rằng bẻ một chữ « đồng »,
Sâm Thương chẳng vẹn chữ « tòng » tại ai ?
Cũng là nhờ một nhâm hai,
Ba sinh âu hân duyên trời chi đây.
Rằng trăm năm cũng từ đây,
Duyên này thời giữ, vật này của chung.
(1)
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao,
Cười rằng tri-kỷ trước sau,
Mười phần ta cũng tin nhau cả mười.
Giếng vàng đã rụng một vài,
Mà chàng Kim đó là người ngày xưa.
(2)
.
.

(1-2) Những đoạn này Tản-Đà nhường cho các thi-nhân trong nước nối giúp.

144. — Tập Kiều, viếng Kiều.

Bài này in thư mười vắn đôi mới, nói ở trang 11 trong quyển « Lân Sáu » : *Onh, ónh, ơnh, unh, ưnh, och, ôch, ơch, uch, ưch.*

Lấy thân mà trả nợ đời,
 Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân.
Phonh-lưu rất *mựch* hồng-quần,
 Mười lăm năm, bấy nhiều lần làm gương.
 Thẽ hoa chưa ráo chén vàng,
 Bán mình vội phải tìm đường cứu cha.
 Lênh-đênh đâu nữa cũng là...
 Cái thân liệu *nhữnh* từ nhà liệu đi.
 Khi Vô-tích. khi Lâm-truy,
 Thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần.
Đônkh-đùnkh gió *dựch* mây vắn,
Hồnh-quân với khách *hồnh-quần* đã xoay
 Cửa trời rộnh mở đường mây,
 Hay là khổ-tận, đến ngày cam-lai.
 Triều-đình riêng một góc trời,
 Mưa vui *cũnh* được một vài trống canh.

Kiếp *hồn*-nhan có *monh*-manh,
Khuôn thiềng lừa-lọc đã đành có nơi.
Thương ôi ! sắc nước hương trời !
Ngàn thu bạc-mệnh, một đời tài-hoa.
Đau đón thay phận đàn-bà,
Khéo thay thác xuống làm ma *khôn* *chừ*.
Lửa hương chốc để lạnh-lùng,
Nào người tiếc lục tham *hồn* là ai ?

TÂN-ĐÀ THÙ-TIỆP

(*Thế van giao-tiếp với đời*)

145. — Mừng bạn cưới vợ cho con trai.

Tôi có ông bạn thân là ông Tú Đặng-Đức-Tò trước cùng làm công việc thư-cục, ông trông nom về việc nhà in. Quyển Kinh Thi xuất bản chính ở hồi ấy. Nhà ông cưới vợ cho người con trai trưởng là một viên-chức ở sở Điện-báo Hà-nội, nên tôi có câu đối mừng :

Điện-tín tin truyền : Ông Tú bây giờ nên cụ cố.

Quan-thư thư vịnh : Kinh Thi còn nhớ lúc nhà in.

146. — Câu đối mừng cưới

(*Vì một người mừng hai bên cháu dì lấy nhau*)

Cháu nay mới thành đôi : đôi cây xa cội liền cành.
đuốc hoa một ngọn.

Cậu thấy cũng có một : một mối se tơ kết tóc.
chỉ hồng trăm năm.

147.— Câu đối mừng khao.

*(Vì một người bạn ở Hải-phòng làm việc sở tàu thủy.
mừng ông Hộ-trưởng mới, còn mẹ)*

Trong hộ có đàn anh, sóng gió đỡ dần ba mặt bể,
Làm con thể là hiếu, tuyết sương tươi tỉnh một cảnh huyền.

148.— Câu đối Tết

(Vì mấy cơ đầu ở Hải-phòng)

Ai dễ mãi ra xuân; xuân ấy đi, xuân khác về, năm nay năm
ngoái xuân hơn? kém?

Nhà lại sắp có khách; khách quen vào, khách lạ đến, năm
ngoái năm nay khách vắng? đông?

149.— Câu đối viếng

*(Vì một người bạn ở Hải-phòng, viếng bà thân sinh
của một người bạn thân.*

Bà cụ thọ 83 tuổi; mất ngày 15 tháng một)

Tuổi tám mươi lẻ ba, cụ vội về, thôi bóng hạc xa bay từng
khói biếc.

Ngày mười lăm tháng một, ông sao tiếc được, ngọn trào lên
xuống tắc lòng sôi.

150.— Viếng bạn rượu

Bác đã về thôi, đời đáng chán !

Tôi còn sống mãi, rượu cùng ai ?

151.— Câu đối dâng đèn đức Hùng-Vương ở Phú thọ.

Đèn ở trên núi Hùng-Sơn về hạt Phú-thọ

Có tôn, có tổ, có tổ, có tôn ; tôn tổ, tổ tôn, tôn tổ cũ.

Còn nước, còn non, còn non, còn nước ; nước non, non nước, nước non nhà.

152. — Câu đối phùng ông Lý Phèo

(Cổ văn dân ở tập Tân-Đà tân-văn)

Cuộc đời trần ai cay đắng mặc ai ai, tưởng như khi cổ nhón
mâm đầy, một miếng giữa làng danh phận thế.

Sự nhân thế tỉnh mơ là thế thế, này thôi lúc kèn đưa trống
tiễn, ngã ba đường cái vợ con ai.

**153.— Bài ca chúc tiệc lão
làng A-lữ. (1)**

Nghinh-thần, chúc-lão và khúc ca đồng-dân A-lữ.

Giời xuân tốt đẹp thiều-quang,
Tượng sơn núi cả, Thượng-giang sông dài,
Non sông như vẽ,
Hoa cỏ như cười,
Dan tay mà hát một bài,
Trước là kính thánh, sau thời mừng dân.

Dân ta A-lữ,
Vui tiệc ngày xuân,
Khói hương làm lễ nghinh-thần,
Thần-linh phù-bộ nhân-quần thọ-khang.

(1) Bài ca này cũng chỉ là một lối « thơ mới » do Tản-Đà tiên-sinh tự đặt thành ra khúc-diệu ; có âm vận điệu-dàng, có bằng trắc thuận cho miệng người ngâm lên, hát thành ra khúc điệu được ; khiến cô đầu vừa múa bài bông, vừa đồng thanh nhau hát mừng các bô-lão A-lữ. Vì thế Tản-Đà tiên-sinh mới gọi là bài ca, tức là khúc hát.

TÂN-ĐÀ VẬN VĂN

Chống gậy ra làng,
Chúc ông chống gậy,
Ra họp việc làng.

Tiệc xuân vui chúc thọ trường,
Da mỗi tóc bạc tuổi càng thêm cao.

Mưa hòa gió thuận,
Tốt lúa được mầu,
Trai lành gái tốt lấy nhau,
Sinh con, đẻ cháu, dài lâu nối đời.

Đầu năm tiệc lão,
Già trẻ vui chơi,
Dan tay ta hát một bài,
Trước là kính Thánh, sau thời mừng dân.

Ngày xuân tiệc lão,
Ca chúc làm vui,
Chúc mong già trẻ gái trai,
Năm nay năm nữa, xuân rồi lại xuân,
Kính mừng A-lữ đồng dân.

TẢN-ĐÀ THƠ HỌA

(Cũng là một lối thù-tạc)

154-a. — Gặp ông Nguyễn-Khắc-Hiếu.

Vì có bài họa lại nên in cả bài nguyên xướng

Mảng tiếng thi-nhân tự những ngày,

Nào ngờ hợp mặt có hôm nay.

Câu thơ xướng họa lời chau-chuốt,

Cuộc rượu trùng-thù chén tỉnh say.

Nam Bắc hẹn hò tuy buổi mới,

Nước non đưa đón cũng duyên may

Yêu nhau chẳng lọ là quen cũ,

Thanh-khí nghìn xưa vẫn thể nay.

LƯƠNG-NGỌC-TÙNG.

154-b. — Họa bài trên của ông Lương-Ngọc-Tùng làm việc ở Vàng-danh.

Bồn bề rong chơi trải tháng ngày,

Vàng-danh quen biết mới từ nay.

Lửa than rèn đúc câu thơ tặng,

Son phấn quây quần cuộc tỉnh say.

Nhờ có Bắc Nam cơn gió thổi,

Xui nên non nước bước đường may.

Biết nhau tuy mới tình như cũ,

Ngoại bốn mươi năm chút nghĩa này.

155.a. — Tản-Đà Cốc-Tử.

« Gửi bác Hiếu Tản-Đà »

Nguyên xướng của ông Hồ-Trọng-Hiếu Tú-Mở

Nghe đồn bác Hiếu Tản-Đà,
 Mở hàng lý-sở tỉnh Hà nay mai.
 Chứng bác thấy lắm ngài « Lốc Cốc »
 Chỉ chuyện-mòn nói róc ăn tiền,
 Tán hươu tán vượn huyền-thuyền.
 Nói thánh nói tướng như tiên như thần.
 Nghề bẻm mép kiếm ăn cũng dễ,
 Chẳng khổ như cái nghề làm văn.
 Lao tâm-trí, tổn tinh-thần,
 Nhà thơ vắt óc tìm vần gọt câu.
 Lắm lúc bí, gan rầu ruột thắt,
 Thức thâu đêm mỗi mắt phờ râu.
 Nhọc nhằn ai biết công đâu ?
 Để cho thiên-hạ giải sầu mua vui.
 Nghề thơ chẳng đủ nuôi thi-sĩ,
 Nền bạn tôi phải nghĩ đường xoay.
 Nhà nho chữ tốt văn hay,
 Thời khoa lý-sở hẵn tay cũng tài.

Vả xưa đã dùi mài kinh Dịch,
Báo « An-nam » chú-thích tinh-tường.
Ngày nay, đoán việc âm-dương,
Hân không bỏ-phượu như phượng [ba-hoa.
Nào hãy đến Tản-Đà Cốc-Tử,
Quê càn khôn hỏi thử xem sao ?
Xem tài thầy thấp hay cao,
Mười câu họa có câu nào sai chăng ?
Dù thầy có tán trắng tán cuội,
Nghe nhà thơ lời nói văn-hoa.
Nhất khi rượu đã khê-khà,
Tán đâu ra đấy đậm-đà có duyên.
Thời khách mất đồng tiền đặt quẻ,
Cũng vui tai và sẽ vừa lòng.
Nhưng xin thầy chớ « nói ngông »!
Tứ-Mỡ HỒ-TRỌNG-HIỆU (1)

(1) Hồ-Trọng-Hiệu tiên-sinh là một nhà thơ trào phúng lối mới rất hay, mới là mới ở câu văn lời nói, chứ vẫn theo âm điệu thể chế thường bành của văn thơ ta. Nhiều bài đăng ở báo « Phong-Hóa » và « Ngày Nay » rất được thời nhân yêu đọc mến phục. Hồ tiên-sinh là một bạn thơ rất thân ái với Tản-Đà tiên-sinh. (H.S.)

**155-b.— Họa lại bài Tản-Đà Cốc-Tử
của ông Hiếu Tú-Mô**

Theo từng vần nguyên-xương mà trả lời

Nghe ai bỉ-báng Tản-Đà,
 Báo-trương lên tiếng tỉnh Hà mĩ-mai.
 Ừ tở văn học tài Quy-Cốc,
 Nhưng chẳng hay nói róc lấy tiền.
 Thiên,lương chưa bén duyên thiên,
 Rượu thơ còn vẩn chén tiền câu thần.
 Cuộc trần-thế kiếm ăn chẳng dễ,
 Rẻ-rúng thay là nghệ làm văn !
 Thâu đêm hao tổn tinh thần,
 Đèn xanh chiếc bóng xoay vần từng câu !
 Nào ai biết gan sầu ruột thất,
 Thế mà sao mỗi mắt cùn râu.
 Nỗi niềm thực thế vì đâu ?
 Quá thương cất chén gương sầu làm vui.
 Đấng tạo-hóa còn nuôi thi-sĩ,
 Các thánh sư phải nghĩ đường xoay.
 Dẫu rằng lý-sở không hay,
 Chu-Công Khổng-Tử ứng tay nên tài.

Từ tuổi nhỏ dùi mài kinh Dịch,
Báo « An-nam » nghĩa thích đã tường.
Việc đời hai chữ « âm dương »,
Tiếc thay mất giá tại phường ba-hoa.
Trời mới bảo Tản-Đà tiểu-tử,
Vạch Kiền-Khôn xét thử lại sao ?
Trở tài thần thánh tuyệt cao,
Mà cho thiên-hạ xem vào phải chăng ?
Mặc những kẻ tán trắng tán cuội,
Xá chi ai lời nói ba-hoa.
Giang-san đương lúc khê-khà,
Nghe thơ Tú-Mỡ (1) đậm-đà có duyên.
Riêng với bác miến tiền đặt quẻ,
Đoán thật hay bác sẽ ghê lòng.
Tuổi già nay tớ không ngòong...

(1) Ông Hồ-Trọng-Hiếu viết thơ khôi bài đăng nhiều bài ở « Phong-Hóa » và « Ngày-Nay » rất hay, bạn thân với Tản-Đà tiên-sinh, trong làng thơ bấy giờ.

TẢN-ĐÀ THƠ VẬT

156.— Đề tranh ở nhà một quan Ân-sát.
họ Mai.

I

CƯỠI NGỰA ĐI THĂM BẠN. (Xuân)

Xanh xanh cỏ mọc chân trời,
Xăm xăm trên ngựa nọ người đầu ta ?
Tri âm ai đó ?
Dặm đường còn xa.

II

TRÊN ÁO SEN CHƠI HOA. (Hạ)

Hỏi hoa, hoa chẳng nói,
Trông hoa, hoa lại cười,
Hoa-nô cũng giống chơi-bời.
Yêu hoa, hoa có yêu người hay không ?
Nước xanh càng tỏ thức hồng.

III

TRÊN BỜ SÔNG CHƠI TRĂNG. (Thu)

Người cũng chưa già,
Trăng cũng chưa già,
Sông thu một khúc mặn-mà cả hai.
Trần ai, trăng hỏi yêu ai ?

IV

ĐỐT LÒ SƯỞI XEM SÁCH. (Đồng).

Tuyết sương lạnh ngắt sự đời,
 Đốt lò hương hồi chuyện người đời xưa.
 Chuyện xưa còn đó trơ trơ,
 Người xưa còn biết bây giờ là đâu ?

157. — Thơ gửi cho Monsieur Tôi. (1)

Tức là ông Tú Nguyễn-Đổ-Mục,
 biệt hiệu Hi-Đình Nguyễn-Văn-Tôi viết hài-dàm
 ở báo Trung-Bắc Tân-Văn khi ấy

Nhà báo cho đơn thuốc,
 Chữa bệnh trong tâm-hồn.
 Ngày ngày nên tụng-niệm,
 Lâu lâu khỏi ngứa mồm.

Hài-dàm ôi ! Hài-dàm ôi !
 Ngứa mồm đại đến thằng « Tôi » là cùng.
 « Chim chích mà gheo bờ-nòng »,
 Từ đây biết đại « lạy ông xin chừa ».

(1) Bài này trả lời một bài Hài-dàm của Nguyễn-Văn-Tôi.

158.— Hà-lạc lý-số.

(Quảng-cáo)

Nguyễn-Khắc-Hiếu Tản-Đà !
 Nay mai sắp ở Hà.
 Hà-Lạc đoán lý-số,
 Đàn ông và đàn bà.
 Ai gần xin đến hỏi ;
 Thư gửi, người ở xa.
 Biên rõ năm cùng tháng,
 Ngày giờ nào để ta...
 Một cử ước tuần lễ
 Có thư mời khách qua.
 Quyển sổ lấy đã rõ,
 Xin cứ nói thực thà.
 Hán-văn âm quốc-ngữ,
 Quốc-văn bày nghĩa ra,
 Còn như tiền đặt quẻ,
 Nhiều năm (5 đ), ít có ba (3 đ).
 Nhiều ít tùy ở khách,
 Hậu bạc kể chi mà.

Kính-cáo.

159. — Đề tranh Uyên-ương
dưới trăng.

Tình duyên nay mới từ đây,
Mà hôn kiếp trước đây này phải chăng ?
Hỏi thăm những gió cùng trăng.

160. — Thơ vật.

I

Tiếng quốc đà khan,
Ruột tằm thêm rỗi.
Ngày tháng như trôi năm chẳng đợi,
Thoi oanh tơ liễu dệt sầu xuân.

II

Ngày tháng trải bao cuốn lịch ?
Nước non cách mấy dịp cầu ?
Xuân xanh xuân vẫn nguyên màu,
Đầu xanh ai đã bạc đầu chẳng ai ?

III

Tài tình gương sáng treo cao,
Qua đường khách có trông vào mà kinh ?

IV

Đời người như giấc chiêm-bao,
Trơ trơ là cái hoa đào gió dòng !

V

Ròng Tiên nòi giống,
Hoa gấm gian--san,
Con đường tiến thủ gian-nan,
Đường xa nghĩ nỗi chứa-chan bao tình.

VI

Bạc đánh còn tiền thua cóc sợ,
Đời chưa đáng chán chị em ơi !
Trân-trọng cùng ai trong nữ-giới,
Sơn-hà ai có ghé bên vai ?

161.— Đề truyện « Thần Tiên ».

*Một cuốn tiểu-thuyết chia ra làm 5 đoạn, tả câu chuyện
5 cảnh của chị em đồng tiền cùng nói với nhau. Chúng tôi đã
xuất bản ra với tập văn này,*

I

Có nhiều là giàu,

Có ít là nghèo.

Ai mà không có,

Khốn khó trăm chiều.

II

Hai cô con gái nhà ai,

Mặt hoa da phấn như người đúc nên.

Hỏi ra không họ không tên,

Đem thân mệnh bạc quanh miền bể Đông.

Nợ đời trả mãi không xong,

Trăm năm tạc một chữ đồng cùng ai.

TẢN-ĐÀ TỬ LỤC

(*Những bài chiếu, biểu, tể-văn song-quan, cách-cú,
bốn chữ lại sáu chữ hay có ở trong
gọi là tứ-lục, nghĩa là bốn sáu*)

162.— Bài tựa truyện Tỳ-Bà của ông Đoàn-Tư-Thuật dịch ra.

Ngựa tuần nọ để còn xương thiên lý, ngàn vàng
chưa dễ mấy ai mua !

Ngọc bích kia chưa tỏ giá liên thành, giọt lụy chóe hoài
riêng kẻ khóc.

Cho nên :

Lan có cây mọc trong hang tối ;

Gà có con rướch bỏ lông đuôi.

Đem tài hoa mà ai oán với trần ai.

Chẳng thà :

Giấu hương sắc để lánh chơi ngoài cõi tục.

Vậy :

Ấy đã thế gian là thế, giận làm chi mà dối nữa làm chi.
Thôi thời tri kỷ mà chi, tể cũng thế, có vui thời cũng
thế.

Ngẫm từ trước biết bao tài tử,

Mà trong trần nào mấy tri-âm ?

Bạch-tuyển Dương-xuân,

Cao-sơn, Lưu-thủy,

Chẳng cứ gì Tày-Sương với Tỳ-Bà-Ký, (1)

Chẳng cứ gì Khuất-Nguyên với Cao-Đông-Gia. (2)

Nếu trần-ai ai cũng biết ai,

Ai còn phải vì ai cảm-khái.

Cội thông lửa trơ-vơ đỉnh núi, đầm-thấm tuyết-sương

Bông hoa đ.ơ hớn-hở gió đông, dài-dằng ong bướm.

Kiếp vãn-tự ngẫm ra như-ờng cũng rúa,

Trải trăm tuổi đến khi đầu bạc, phí bao nhiêu tiếng khóc
tiếng cười !

Khách cổ kim nào có khác chi nhau,

Hỏi nghìn thu xin giọt mực đen, xóa cho hết chữ tài
chữ ngộ !

Nay tôi xem quyển truyện Tỳ-Bà của ông Đoàn Tư-
Thuật dịch-thuật mà trước có bài tựa của ông Mao-Thanh-Sơn

Vậy tôi có mấy nhời viết đây, rồi xin viết đến bài tựa
về quyển Tỳ-Bà quốc văn của ông Đoàn Tư-Thuật.

(1-2) Hai câu này nói những nhà văn bực về tình-duyên, cảnh ngộ
thế-đạo, nhân-tâm mà làm ra để ký-thác nỗi u-uất của mình ở trong.

Nguyên ông Đoàn-Tur-Thuật thuật ở quyển Tỳ-Bà của Cao-Đông-Gia ra quốc-văn, có đủ hơn bốn mươi hồi. Tôi tạm bỏ đi có đến mười lăm hồi; còn thời xếp đặt lại, thu làm tám hồi, trong cũng có thêm bớt thay đổi nhiều ít. Nghi như một truyện Tỳ-Bà, Thái-Bá-Giai nguyên là người thế nào? Cao Đông-Gia nguyên dụng-ý thế nào? Nay cũng không cần xét,

Như quyển Tỳ-Bà này, văn-chương của ông Đoàn-Tur-Thuật thế nào? Dem diễn ra sân hát thời thế nào? Thật cũng chưa dám biết.

Cảm-hoài khôn xiết, chỉ lấy vì một người đàn bà ở trong truyện là Triệu-Ngũ-Nương.

Ngũ-Nương họ Triệu, quê ở quận Trần-lưu, vợ chồng hai tháng mới cùng nhau, nam bắc đôi nơi đã cách rẽ; phận làm gái vì chồng nuôi bố mẹ: nhà thời nghèo, nhiều nỗi đáng thương tâm: khi dương sinh, ăn cám để nhường cơm; lúc tổng tử, lo ma mà cắt tóc, lòng hiếu phụ tơ vò chín khúc, mồ công cổ tay đắp hai ngò. Khúc Tỳ-Bà ai-oán vì ai, nước non lận-lội xa khơi tìm chồng.

Ay là truyện người xưa không biết có hay không? Có chăng, tưởng cũng đủ khuyên lòng cho thiên hạ.

Than ời ! Luân-thường kém giá, Phong-hóa thêm buồn
Nữ-tác mất khuôn, Đài-gương chưa tỏ !

Quyển Tỳ-Bà này của ông Đoàn-Tur-Thuật mà nếu có ít
nhiều bổ-ích cho những khách quần-thoa trong gác tia lều son,
dưới mái gianh lều cỏ, ấy thời là một chút tình trông mong
của kẻ san-nhuận đem in vậy.

TẢN-ĐÀ THƯ ĐIỂM

Chủ-nhân :

NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

TỰA

Hà-đông, tháng 12 năm 1922.

163-a. — Bình-Ngô Đại-Cáo.

Dịch dm theo nguyên văn chữ Hán

Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân,
 Điền phạt chi sư, mạc tiên khừ bạo.
 Như ngã Đại-Việt chi quốc, thực vi văn-hiến chi bang.
 Tự Triệu, Đinh, Lý, Trần chí thiện tạo ngã quốc.
 Dữ Hán. Đường, Tống, Minh nhi các để nhất phương.

Khoảng nhau :

Hồ chính chi phiên hà,

Chí sử :

Nhân tâm chi oán hận.
 Minh-nhân tứ khích, nhân di độc ngã dân.
 Ác-đăng hoài gian, cách dĩ mại ngã quốc.
 Khi thiên vông dân, quĩ kẻ cái thiên vạn trạng.
 Liêu binh kết hận, năm ác đãi nhĩ thập niên.
 Bại nghĩa thương nhân, càn khôn cơ hồ dục tức,
 Trọng khoa hậu liêm, sơn trạch vông hữu khiết di.

Thiên địa bất dung,
 Quỷ thần riệc nộ.

Dư :

Phấn tích Lam-sơn,
 Thê thân hoang-dã.
 Thống tâm tạt thủ giả, thủy thập dư niên :
 Thường đởm ngọa tân giả, cái phi nhất nhật.
 Đương nghĩa-kỳ sơ khởi chi thu,
 Chính tặc-thể phương trương chi nhật.
 Linh-sơn chi thực tận kiếm tuần,
 Khởi-huyện chi chúng vô nhất lữ.
 Yết cau vi kỳ, mạnh lệ chi đồ tứ tập,
 Đầu dao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm.

Tốt năng :

Dĩ đại-nghĩa nhi thắng hung-tàn,
 Dĩ chí-nhân nhi địch cường-hạo.
 Bĩ trí cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong ;
 Ngã mưu phạt nhi tâm công, bắt chiến tự khuất.
 Tặc thủ thành cầm, bĩ ký trạo tàn tốt khát lân chi vĩ ;
 Thần vô bất sát, Dư diệc thể Thượng-đế hiếu sinh chi
 tâm.

Tham-tướng Phương-Chính, Nội-quan Mã-Kỳ tiên cấp
 hạm ngũ bách dư xưu, ký độ-giang, nhi do thả hồn phi
 phách tán ;

Tổng-binh Vương-Thông, Tham-chính Mã-Anh, hựu cấp mã sở thiên dư thất, di hoàn quốc, nhi ích tự cổ lật tâm kinh.

Bỉ ký úy tử tham sinh, nhi tu hiếu hữu thành,
Dư dĩ toàn quân vi thượng, nhi dục dân dư tức,

Ô hy !

Nhất dung đại-định, bất thành vô cạnh chi công ;
Tứ hải vĩnh thanh, dân há duy tân chi cáo.

TIỂU DẪN

Bài « Bình-Ngô Đại-Cáo » này là một bài tuyên cáo lớn lao sau khi đã dẹp yên được giặc Ngô (quân Tầu), một án văn lịch-sử vừa hay về văn-chương, vừa hay về hùng-khí. Vốn của Úc-Trai Nguyễn-Trãi, khai-quốc quốc công-thần của nhà Lê, sau khi Lê-Thái-Tổ (Lê-Lợi) dẹp xong giặc Minh về làm ra bài này. Các nhà làm Nam-sử dịch ra quốc-âm có đến năm sáu bản khác nhau. Vì Tản-Đà tiên-sinh vẫn chưa thấy có bản dịch nào tuyên-truyền được hết ý-nghĩa bài Đại cáo quan-hệ của lịch sử nước nhà ấy nên mới dịch ra đăng vào « An-nam tạp chí » như sau này .

163-b. — Bản dịch « Bình Ngô Đại Cáo »
ra văn nôm.

Mở nhân nổi nghĩa, cốt lấy yên dân,
Dẹp loạn cứu nhân, chẳng qua trừ-bạq,
Như nước Đại-Việt ta thủ nghĩ,
Thật là văn-hiến không kém ai.
Từ Đinh, Lê, Lý, Trần mở mặt giang-sơn,
Cùng Hán, Đường, Tống, Minh chia ngòì vương đế.

Mới rồi :

Chỉ nhân về chính-trị họ Hồ phiền-nhiều độc ác :
Xui nên nổi lòng người trong nước oán phân chia tan.
Người nước Minh nhân được dịp sang ta ;
Lũ gian ác lại cùng nhau bán nước.

Từ khi ấy giở lại,

Kể có hai mươi năm.

Rắp đường nhân-nghĩa, phủ sức binh-đao,
Nghĩ nổi thăm không còn giới đất.
Rộng mọo gian-thâm, nặng điều thuế dịch,
Đầy túi tham vét hết non sông.

Thiên địa chẳng dung,
 Quỷ thần cũng giận.

Tu đây

Từ núi Lam nổi bước,
 Nơi hẻo lánh nương thân ;
 Hơn mười năm đau ruột nát gan,
 Trải bao độ nằm gai nuốt đắng.
 Gươm thần mới mở,
 Thế giặc đương to.
 Khôi-huyện quân tàn,
 Linh-sơn lương hết.
 Bốn phương họp những phường xiêu giạt,
 Ngọn tre cờ hiệu phất nên đồ.
 Ba quân cùng một dạ cha con,
 Hớp rượu giòng sông say vị nghĩa.

Vậy rồi mà :

Lấy quân nhân-nghĩa,
 Thág kẻ hung-tàn.
 Lũ giặc kia hết khỏe hết khôn, bó tay chịu chết,
 Quân ta chỉ dùng mưu dùng kế, cười cở như chơi,
 Loài hổ lang đà đến lúc sa cơ,
 Lượng giời bể ta cũng tha làm phúc.

Trước cấp cho Tham-tướng Phương-Chính, Nội-quan
Mã-Kỳ, thuyền hơn năm trăm chiếc,

Qua sông rồi mà còn như mắt vía kinh hồn ;

Lại cấp cho Tổng-binh Vương-Thông, Tham-chính Mã-
Anh, ngựa hơn mảy nghìn con,

Về nước đó mà còn vẫn ghê lòng sồn gáy.

Lũ kia đã sợ chết tham sống mà thật bụng xin hòa,

Ta đây lấy toán quân làm hơn, để cùng dân yên nghĩ.

Ôi ! nghĩ như :

Một chiếc áo nhung,

Chín phương yên định,

Trải mười thu giờ mới thấy đây

Từ nay bốn bể,

Muôn kiếp thanh bình,

Kháp trăm họ nhủ cho cùng biết.

164. — Văn tế việc giỗ

(Vi một ông Tri-huyện lam tế giỗ đầu bà thân sinh
là vị thứ nhất của một ông Tri-châu)

Thưa ôi !

Nước mây khơi cách ngàn trùng,
Chốn tiên quốc trông lên hò dễ thấy ;
Ngày tháng thoi đưa mấy chốc,
Bức từ vi nghĩ đến lại càng thêm :

Nhớ mẹ xưa

Gánh vác bao càn,
Cù-lao chín chữ,
Giữ một tiết kính hòa cho phải đạo,
Ra dưới ra trên :
Dạy các con khôn nhón đã nên người,
Có danh có phận.
Đức trinh-thuận xa bay nơi quận hạt,
Đạo ôn từ để lại nếp khuê môn.

Những mong tuổi bạc trăm năm,
Dài nường bóng tử ;
Nào biết xe tiên một phút,
Vội lánh cõi trần
Gặp tiết gió đầu,
Kính dâng tấc dạ.
Con cháu họp đông đủ mặt,
Rượu nhang vâng tiến lễ thường.
Trông núi Vân ngất một màu xanh,
Cảm xưa đức mẹ ;
Gạt giòng lệ chia đôi hạt trắng,
Gọi chút tình con.

Than ôi !

**165. — Làm giúp châu Thanh-sơn
viếng ông Đại-Lý.**

Khi tôi ở chơi châu Thanh-sơn có vì quan nha, tổng, lý, đồng-châu hạt, thảo một bài văn gửi về Pháp để cùng viếng ông Đại-lý Hưng-hóa trước là ông Guérault đã dự cuộc chiến-tranh mà tử trận ở thành Verdun. Sau nhân ngồi buồn đem sửa lại, đã đăng lên báo-trương và in vào tập « Khỗi Tình Con II », cũng để ghi lấy một bài văn thù-tặc.

Tân Đà NGUYỄN-KHẮC-HIỆU.

Giời Tây một trận sa-trường,
Tắm trung-nghĩa bật rơi hòn máu đỏ.
Thành Trúc ba năm thiện-chính,
Mảnh ân-tình treo gác chốn non xanh.

Chết vì việc nước
Sự thể là vinh ;
Cảm tự lòng dân,
Lẽ nên có viếng.

Quan, nha, tổng, lý đồng-châu hạt châu Thanh-sơn chúng tôi chợt nghe tin trận đánh ở Verdun, ông Đại-lý Hưng-hóa trước là ông Guérault đã tạ thế !

Thương ôi !

Nhớ khi xưa : Ngài cai-trị hạt chúng tôi :

 Gió hòa xa bay,

 Mưa xuân khắp vẫy,

 Dựng năm trường tổng học,

Nền giáo-dục từ đây mở-mang ;

 Sửa một chợ Đồn Vàng,

Việc buôn bán càng thêm tiện lợi.

 Dân đương mến chính,

 Ngài đã thăng quan,

Cánh hồng (1) kia bay bổng tuyệt vời :

Cồn cát nọ còn phơi vết móng. (2)

Từ nước Đức sinh lòng để bá,

 Hổ dữ lang tham,

(1) Ông Guérout từ Đại-lý Hưng-bóa thăng lên làm chánh Công-sứ Yên-bái, như cánh hồng bay bổng lên cao.

(2) Cổ thi :

人生到處知何似
應是飛鴻踏雪泥
泥上偶然留爪跡
鴻飛那復計東西

Nói người ta đi qua đâu rồi để lại dấu vết như chim hồng để lại vết móng chân trên bãi cát.

Đất châu Âu gây việc binh đao.

Xương cao thịt nát.

Vì lẽ phải trong loài người,

Theo giận chung của thiên-hạ.

Nước Pháp-lăng mới giốc tình Bào-chạch. (1).

Nổi trận phong-ba ;

Hết bốn-phận là dân nước,

Góp trách-nhiệm với mẫu-hang,

Ông Guérout phải bỏ thú hạc-cầm, (2)

Theo đường binh-cách,

Giời cao bể cách,

Ngày đi tháng qua.

Những mong :

Cuộc tranh-chiến bên tây phương, nước Pháp-lăng chóng
thu toàn-thắng.

Cho được :

Việc cai-trị đất bảo-hộ, ông Guérout có buổi trùng lai.

(1) Bào là áo ngoài, Chạch là áo lót, chữ trong Kinh Thi, nói tình nghĩa trong sự đi đánh giặc, anh em quân sĩ trong một đoàn với nhau.

(2) Chim hạc và đàn cầm, là thú chơi của ông quan thanh-liêm không muốn làm nhiều dân, việc quan việc gì cũng giản xếp cho yên đi để mình hưởng thú xem chim hạc, gảy đàn cầm.

Mà không ngờ :

Điều vui chưa sang,

Tin buồn đã đến :

Sông sâu núi thăm,

Giang-san nhớ lại khách tuần-lương ;

Cô héo hoa rầu,

Phong-cảnh tiếc thay người thiện-chính.

Thời thời thời !

Chốn hàng trận là nơi tính mệnh,

Lúc tử sinh tỏ mặt anh-hùng.

Chính tôi tự nghĩ riêng rằng :

Ông đầu chết mà thành Verdun còn,

Chắc lòng ông cũng coi hơn rằng :

Ông hoặc còn mà thành Verdun mất.

Mỗi thành Verdun còn, mà 536 nghìn dặm đất nước
Pháp-lăng, thành như đồng, quách như đá.

Một tấm thân ông chết ; mà hơn 30 vạn quân tướng
phe Đức-Áo, máu thành bể, xương thành gò.

Sống có hơn người,

Chết đã đáng giá,

Suối vàng yên dạ,

Giời xanh chứng công.

Ruột gan kia đã giải với non sông,

Hồn phách ấy chắc theo cùng súng đạn.

An-sơn, Bạch-linh,
 Tinh linh chót vót ngàn tầm.
 Đông-Á, Tây-Âu,
 Danh tiếng vang lừng bốn bể.
 Rồi tan cơn Âu chiến,
 Nước có lần vui nhạc khải ca,
 Thời trong thành Verdun,
 Ông chắc cùng dự bia kỷ-niệm.
 Vậy cho nên, dân châu Thanh-sơn chúng tôi,
 Vội lòng thương tiếc,
 Kiểm lễ chúc mừng.

Chúc cho :

Quý-quốc ngàn thu !
 Guérault vạn tuế !

LỜI TIÊU DẪN

Bài này làm vào năm 1917, việc Âu-chiến 1914-1918 chưa xong, cho nên nhiều câu ở trên còn nói dự ước về sau. Đến 11 Novembre 1918 việc Âu chiến kết cục, bấy giờ nước Pháp cùng Đồng-minh được thắng Đức, mà ông Guérault mới có được bia kỷ-niệm ở cả bên Pháp lẫn bên ta như lời nhà Thi-sĩ Tản-Đà đã nói !

166.— Văn tế tổng chung (1)

Vì mấy người con làm tế tổng chung ông thân-sinh là cụ Lại-Mục đã về hưu. Nguyên cụ Lại trải giúp việc hai châu, theo việc chánh-trị được hơn 20 năm, nhờ ản nước được nề-đay ngân-đĩnh, sống 63 tuổi : giai, gái, dẫu, rể đủ cả. Sau lúc đã hưu-trí, về ở tại làng sò-tại, châu Thanh-sơn là chỗ tàng-chính trước.

Than ôi !

Trăm năm trong cõi trần ai,

Sinh tử cũng là thường,

Dầu thánng bớt ngày thêm cha chẳng quản.

Một lễ dưới tòa linh cữu,

Hợp tan này đến lúc,

Nghi tình thương ân trước, đã không đành.

Ba tiếng khóc thương,

Hai hàng lệ rủ.

(1) Những bài văn-tế đều là Tân-Đà tiên-sinh làm giúp cho các bà con quen biết, vì sự thù-tiếp với đời, mà phải theo ý-kiến của người diễn ra văn-chương hộ, nên đều để vào mục tứ-lục tiếp với mục thù-tiếp này cả.

Nhớ cha :

Hoa hàn nếp cũ,
Văn bút tài cao ;
Đức hạnh hiền-hòa,
Cần năng mẫn-cán.

Buổi gặp gỡ đất xui nên vạ,
Tính phong-lưu giới cũng chiều người.
Hai mươi năm lộc nước ân vua,
Bội-tình ngàn-dinh.

Đôi ba quân tiếng cầm câu án,
Nước biển non xanh,
Nha-thự thơm danh,
Gia-đình ấm phúc.

Nào giàu, nào sang, nào khang, nào thọ,
Thú nhân-sinh sáu chục có hơn thừa.
Này giai, này gái, này rể, này dâu,
Đường tử tính bốn bề xem vẹn đủ.

Thanh-nhân giở gót,
Đường mây xe hạc bước tiên du.
Phong-cảnh vì ai
Cổ thăm huê sầu nơi khách thổ.

Các con nay :

Xót niềm ly-cách,
Nhớ đức cù-lao.

Nỗi chung-thiên đòi đoạ mỗi tơ vò,
Lối cứu-địa tiễn đưa chiều khói ngút.

Kính thành gọi chút,

Xa khuất từ đây.

Đỉnh non Vân (1) mây trắng một màu,

Khôn pha lệ đỏ.

Dòng sông Bứa (2) nước xanh trăm khúc,

Thêm quặn lòng son.

Thương ôi !

(1-2) Núi Vân, sông Bứa, đều về hạt Thanh-sơn cùng ở ngay trước châu-lý.

167. — Hịch đuổi kẻ ăn mày

Văn dẫn

Ông Mạnh-Tử nói rằng : « Lòng thương xót, người ta ai cũng có ».

Một lòng thương xót, thật con người ta ai cũng có, nhưng sự đáng thương xót mà thương xót, thời thương xót là có nhân ; sự không đáng thương xót mà thương xót, đó là vô học (1).

Nay như một sự ăn mày, những kẻ mù, lòa, què, quặt, không thể nuôi miệng, đều phải đi ăn xin, thời đồng kềm, bát cơm, ở con người tử-tế không lấy gì làm tiếc.

Đến như kẻ không mù, không lòa, không què, không quặt cũng thành ra biếng, mong những cách ăn không.

Nhất như những đứa trẻ con đứng chực dưới xe điện và tụ-họp ngoài cửa ô, thật có người nói chuyện với tôi rằng : nhiều người ở làng cạnh muốn nuôi chúng nó chan tràu mà chúng nó không đi, cứ làm nghề xin xu, để dễ sự no ấm.

(1) Trong sách Mạnh-Tử : sự cho người có khi làm hại sự ăn-huệ.

Đó là những cảnh-tượng chung quanh chốn thị-thành.

Còn như các chợ búa, các nhà què, chẳng chỗ nào không có.

Nếu cứ thế mà được mãi, thời những bọn hèn mạt vô sỉ, hễ đói cơm rách áo, kéo cả vào một nghiệp ăn không, thực là một sự rất xấu trong phong-hóa. Cho nên, không đáng thương mà đáng ghét, không nên cho mà nên đuổi.

Người đời xưa có ông vùng gươm xua nhặng xanh, thiên-hạ không lấy thế làm quá.

Nay cũng làm một bài văn hịch, để mắng lũ ăn mày.

Hịch rằng

Tuồng chỉ một lũ,

Đưa trẻ đưa già,

Con bồng con giắt,

Lôi-thôi lếch-thếch,

Kể-lẽ kêu ca.

Nghè kiếm ăn Chiến quốc (1) tự ngày xưa,

Ai truyền dạy mà dàu dai dằng mãi !

(1) Chỉ chuyện người nước Tề hai vợ mà đi ăn mày. ở sách « Mạnh Tử » đời Chiến quốc.

Bọn con cháu Lạc-Hồng chung giống cả,
Không què đui rạo khéo rủ rê nhau !

Hôm hôm mai mai,

Bị bị bát bát.

Quý đưa đường, ma dất lỗi.

Quen ngô thời vào ;

Nay được thịt, mai đòi xôi,

Thấy mùi đánh mãi.

Cửa ô, xe điện,

Rêu-rao quạ võ chiều hôm.

Đám hội, nhà chay,

Quần quýt gà què gặm cối.

Làm xấu hổ cho cả nước,

Khéo hêu nhục cho loài người.

Bảo mãi mỗi mồm,

Trông càng nhớp mắt,

Nào là :

Người nhà, con vú.

Thằng ở, quân hầu,

Truyền lư bay đóng chặt cổng vào,

Thây cha chúng nó !

Học một lối ăn không người mãi,

Có con c... ông !

168.— Cứu cấp sự sợ vợ.

Văn-dẫn

Vợ chồng yêu nhau có tình ; tình sinh ái ; ái sinh úy. Úy là sợ.

Vợ vẫn là một vật đáng sợ, nhưng sợ đó là một nhẽ chính.

Còn như vợ giàu có mà sợ, vợ thần thế mà sợ, vợ hung hãn mà sợ, thời sợ đó là ba nhẽ **biển**.

Sợ một nhẽ chính là **ông chồng** ;

Sợ một chính một biển, thời là **anh chồng** ;

Sợ một chính hai biển, thời xuống là **thằng chồng** ;

Sợ cả đến ba biển thời **nguy**.

Nguy thời phải cứu-cấp.

Tớ vốn là một kẻ sợ vợ, nhưng chưa có mà sợ, chưa có mà sợ, nhưng có cũng tất sợ ; có cũng tất sợ, nhưng chưa biết sợ vào hạng nào ?

Nay hãy vì các chúng bạn, ai sợ đến ba biển, thảo một thiên cứu cấp như sau này. Tụng niệm đợc trăm lượt, tất có độ ách một đời phần.

Vấn rằng :

Thằng Cuội ngồi trong cung Nguyệt,
Chim khôn mắc phải lưới hồng.

Là mình với ta,

Chẳng duyên thời nợ.

Cơ giới tác-hợp,

Sợi tơ mảnh se chặt lấy nhau ;

Bẻ ái đầy vơi,

Nén hương nguyện cho tròn một kiếp.

Như mõ nay :

Con nhà gia-giáo,

Cũng mạch thư-hương.

Mặt vuông chữ điền,

Điền vô nhất thốn.

Lưng dài vải tốn,

Mình lính nhi tính quan.

Mặt nạc đóm dầy.

Khôn nhà mà đại chợ.

Tuổi mới độ đôi chín ba mươi dī lý,

Đã rượu sớm chè trưa ;

Học chưa xong Tam-hoàng Ngũ-đế thi thư.

Lại a tròn b méo.

Chồng con thế ấy.

Ai người dễ ưa !

Thế mà.

Nệm ủ chăn lòng,
Nghĩa cũ bấy lâu êm-ái,
Cơm bầu canh dẫn,
Lòng riêng riêng nhưng kính yêu.
Cũng mong cho một bước một hay,
Được như ai ông Cống, ông Nghè.
Có danh có giá.
Không ngờ lại mỗi ngày mỗi đốn,
Để đến nỗi con tầu con khi,
Mang tiếng mang tai.

Trăm năm lâu dài.
Một phen giận dữ.
Môi son má phấn,
Trông lên ra mặt sắt đen sì ;
Gác tía lầu hồng,
Ai ngờ hóa hỏa lò tối mít.
Phúc đã to mà được *phạt suy*.
Tiền không có lấy chi *nap thực* !

Sự thế thế nào phải thế.
 Bao quân mình lươn.
Phận đành chi dám kêu oan,
Còn nhờ lượng bể.

Nam-mô Phật ngồi trên Tam-bảo.

Phổ cứu cho chúng sinh...

A-gi-men lạy đức chúa Lời.

Tôi là kẻ có tội...

CHÚ THÍCH

Phật-suy là phạt roi, nạp-thực là nộp tiền chuộc tội. Theo luật
cò của ta và Tàu, tội nhẹ phạt đánh đòn bằng roi, nhưng có thể
nộp tiền chuộc lại không phải đánh đòn nữa. Suy là cái roi.

169 --- Kính cáo Quốc dân.

Tân-Đà tiên-sinh rất sỡ-trường lối văn tứ-lục : chiếu, biểu, văn-tế, sớ, v.v., Khi mới ra làm « Hữu-Thanh » có bài « Kính cáo Quốc dân » viết theo thể tứ-lục, chúng tôi chỉ nhớ được ít nhiều câu, xin đăng lên đây, độc giả có báo « Hữu-Thanh » lục gửi về cho toàn văn để chúng tôi in vào lần thứ ba, xin có sách gửi biểu để tạ ơn :

.

Tôi làm văn quốc ngữ,
 In bán trong mấy năm,
 Sang hèn cũng thể sinh nhai,
 Một sự văn-chương, vui với bút nghiên cùng giấy mực.
 Hay dở mặc cho công-luận,
 Trăm năm tâm-sự, gửi cùng cây cỏ với non sông.
 Bước văn-chương chẳng nợ thì duyên,
 Cõi nhân-thế không duyên thì nợ.

.

Kể xa từ Hồng Lạc dựng cơ-đồ, vua chúa có đời, sĩ-phu thường tồn, ấy trải bao bể đức lon nung, bồi nguyên-khí cho dân nước ;

Nay lại được thời-thể đương khai-hóa, vận mở quốc-văn, cờ bay báo-giới, ai có nhẽ châu chìm ngọc náu, phụ công-đức với giang-sơn.

. , ,

Bước văn-minh, họa may có cơ-vận tự giới.

Công tiến-bộ thực cũng bởi nhân-tài trong nước.

.

.

Chủ bút « Hữu Thanh », có lời kính các.

.

170.— Đón khiêu ong bướm của bách-hoa
tàu lên đực Thượng-đế

Bụi trần vui rấp,
Kêu lên xin thẩu đến từng xanh,
Đèn trời sáng soi,
Trông xuống rủ thương cho phận bạc.

Chị em tôi,

Con nhà xanh vờ,
Nặng nghiệp má đào.
Dì gió rử-rẻ.
Ông tơ ghét bỏ.
Cha sinh mẹ dưỡng,
Còng-trình trải mấy tuyết sương.
Sớm điem chiều tỏ,
Nghề-nghệp biết bao hương phấn.
Những mong được xòn-xao bạn yến,
Một cười át hẳn nghìn vàng.
Nào ngờ đâu xơ-xác thân vờ,
Trăm' mớ không còn một mảnh.

Thời nguyên :

Có những kẻ quần hồ áo cánh,
Pháp-phối hòm mai.
Lại nhiều ông đầu mù lưng đai,
Vo-ve ngày tháng.

Vườn hồng tổ nẻo,
 Lá thắm đưa tin.
 Chơi cho liễu chán đào chê.
 Ngả nghiêng loi lả.
 Rút cục đông bay tây xéo,
 Bỗng tẻch tình tang.
 Gió lật giăng lùa,
 Nghĩ những oán thương cho số kiếp.
 Nhị tàn hương tạ,
 Nói càng hổ thẹn với giang-sơn.
 Khóa buồng xuân muốn để đợi ngày :
 Trách dì gió vì ai mở lối.
 Bầu con bề nhón
 Tại Sờ-Khanh đâu đã dẫn mo vào.
 Trắng đốm vàng pha,
 Phường Bạc-Hạnh dám còn đem mặt đến.
 Bộ xô-lá trông đà lộn ruột,
 Sức thơ-đào nghĩ lại non gan.
 Xót thương phận mỏng cánh chuồn.
 Cấn ngọn cỏ quý râu nơi chứng-quả.
 Muốn đợi uy vầng tiếng sét,
 Phá từng mây đánh hết giống chơi vơi.
 Một lá tu-đơn.
 Trăm hoa ký-kết :
 Lan, Cúc, Đào, Sen, Mai, Trà...

TÂN-ĐÀ TRƯỜNG ĐOÀN

*Lối thơ cân ngắn câu dài so-le, chỉ cốt có vần
ngâm đọc xuôi được là hay*

171. --- Cảm thu, tiễn thu (1)

(Tháng chín năm Canh Thân — 1920)

Từ vào thu đến nay :

—Gió -thu hiu hắt,

Sương thu lạnh,

Trăng thu bạch,

Khói thu xây thành,

Lá thu rơi rụng đầu ghềnh,

Sông thu đưa lá bao ngành biệt-ly.

Nhận về én lại bay đi,

Đêm thì vượn hót ngày thì ve ngâm.

Lá sen tàn tạ trong đầm,

Nặng mang giọt lệ âm-thầm khóc hoa.

Sắc đầu nhuộm ở quan-hà,

Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà-dương.

Nào người cố-ly tha-hương,

Cảm thu ai có tư-lường ? hỡi ai !

(1) Lối thơ phóng bút trường ngâm, thơ mới.

Nào những ai :
 Bầy thước thân nam-tử,
 Bốn bể chí tang-bồng,
 Đường mây chưa bồng cánh hồng,
 Tiêu-ma tuế-nguyệt ngại-ngùng tu-mỹ ?
 Nào những ai :
 Sinh trưởng nơi khuê-các,
 Khuya sớm phận nữ-nhi,
 Song the ngày tháng thoi đi,
 Vương tơ ngắm nhện nhờ thì thương hoa ?
 Nào những ai :
 Tha-phương khách-thổ,
 Hải-giác thiên-nha,
 Ruột tằm héo, tóc sương pha,
 Gốc phần trạnh tưởng quê nhà đòi cơn ?
 Nào những ai :
 Cù lao báo đức,
 Sinh-dưỡng đền ơn,
 Kinh sương nghĩ nỗi mền đơn,
 Giàu sang bắt-nghĩa mà hơn nghèo hèn ?
 Nào những ai :
 Tóc xanh mây cuốn,
 Má đỏ hoa ghen,
 Làng chơi duyên đã hết duyên,
 Khúc sông trăng dải con thuyền chơi-vời.

Nào nhữnɡ ai :
Dọc ngang trời rộng,
Vùng vẫy bề khơi,
Đội giời đập dạt ở đời,
Sa-co thất-thể quẽ người chiếc thân ?
Nào nhữnɡ ai :
Kẻ vàng tỉnh mộng,
Tóc bạc thương thân.
Vèo trông lá rụng đầy sân,
Còn danh phù thể có ngần ấy thời ?
Thời nghĩ cho :
Thụ tự trời,
Cầm tự người,
Người đời ai cầm ? Ta không biết !
Ta cầm thay ai viết mấy lời.
Thời thời ;
Cùng thu tạm biệt,
Thu hãy tạm lui,
Chỉ để khách đa-tình đa-cảm,
Một mình thay cảm nhữnɡ ai ai !

172. — Thơ mới.

Đồn là đồn,
 Thơ là thơ,
 Thơ thời có chữ, đồn có tờ,
 Nếu không phá cách vứt điệu-luật,
 Khó cho thiên-hạ đến bao giờ ?
 Bà-Nha xa,
 Lý-Bạch khuất,
 Thơ có họ Phan (1), đồn họ Quách ! (2)
 Thơ có chữ,
 Đồn có tờ,
 Đồn thời ngớ-ngẩn, thơ vẫn-vơ,
 Tài-tử văn-nhân nhường rúa rúa,
 Bút huê ngao-ngán bận đề thơ. (3)

(1) Chỉ vào ông Tú Phan-Khôi người khởi xướng ra thơ mới với bài « Tình già ».

(2) Không rõ thi sĩ định chỉ vào ai.

(3) Bài này Tản-Đà tiền-sinh dùng lối trường đoản cú tả theo lời nói xuôi vồn có ở văn ta.

173.— Chơi xuân kéo hết xuân đi.

Người ta sống đủ trăm năm thời có trăm lần xuân.

Nhưng xuân thời xuân, nhưng người không xuân.

Vì thế cho nên,

Chị em ơi, người ta bảo rằng :

« Chơi xuân kéo hết xuân đi ».

Nhời nói ấy có ý nhị lắm,

Tôi xin bàn tỏ như vậy,

Này kia những ai,

Kẻ trên mạn ngược hay người về phía xuôi,

Người trong cửa sang hay kẻ con nhà hèn ;

Kể từ ngày lọt tiếng khóc rơi ra,

Bác mẹ bế-ẵm nâng-niu,

Trải mấy lần nêu cao pháo nổ bánh trưng xanh,

Mãi đến bây giờ mới vắn lằn vành khăn,

Mới thắt chặt giải yếm.

Thế cũng xuân,

Thế cũng chơi :

Chơi thì chơi,

Đã biết gì là xuân.

Lại như lúc già,
 Mùi đời đã qua,
 Chồng con ăn ở là thế.
 Giá thấy có thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ.
 Thời cũng chỉ kính đánh tổ-tôm,
 Chỉ cồi nhai trầu miếng,
 Thẽ cũng xuân,
 Thẽ cũng chơi,
 Chơi thì chơi,
 Còn biết gì là xuân,
 Thẽ thì, khi tóc đã dài,
 Má đã hây,
 Vú đã nhúm.
 Nhi đầu chưa bạc,
 Nhi răng chưa long,
 Đách ngọc đôi vàng,
 Con Tào-hóa nuông người trang-diễm riết,
 Mày ngài mắt phượng,
 Khách tài-hoa lắm kẻ chết mê-toi,
 Ấy đương độ người xuân.
 Chính độ người xuân,
 Có xuân thời mới xuân.
 Chơi đi thôi !
 Chị em ơi,
 Chờ chi mãi đó ?

Ta chơi hoa,
Ta chơi mây,
Ta chơi trăng,
Ta chơi gió,
Chơi hoa nhĩ,
Chơi trăng vòng,
Chơi đào tơ,
Chơi sen ngó,

Chơi chốn này không hay, tìm chơi chốn nọ :

Tam tứ núi cũng trèo,
Thất bát giang cũng lội,
Sông Đào tắm mát,
Xứ Đoài cay thuê,
Ấy mới xuân mà ấy mới chơi !

Can chi phải nương bóng Bà Nguyệt, víu mỗi ông
Tơ, mà đồng ruộng chẳng mòng, phòng không gãi rốn dẽ
tai !

Nếu ngày xuân mà em hãy còn dài, thời có thể không
chơi lúc này ta chơi lúc khác,

Đi về ong bướm,
Mặc ai tường đông.
Nhưng mà không !

Của đất đồ trời buồn có ít,
Có bấy nhiêu chơi hết thời thời,

Để dành cũng chẳng được rồi,

Có tiền em để em ngồi em mua.

Buồn cho ai tiếc rẻ lúc qua mùa,

Sướng thời sướng đương thời không lại có.

Thảm cho kẻ chơi làm chơi hớ,

Nước ao tù đầm-địa ố màu tươi,

Ngàn thu khôn đợi mấy người.

Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru !

Xem như thế thời ghê làm sao ! Sợ làm sao ! Tiếc
thương làm sao !

Đó kìa những ai, có là giống người, bảo thời phải
nghe.

Mỗi năm một tuổi,

Như đuổi xuân đi,

Măng mọc có lúa.

Đôi ta có thì,

Chơi đi thôi !

Chơi mau đi thôi !

Cho trống thủng.

Cho chiêm long.

Cho cò quẩn ngược,

Kéo cái già sông-sộc nó thì theo sau.

PHỤ THÍCH

Bài luận « Chơi Xuân... » của Tân-Đà tiên-sinh ở trên theo giọng *Đông-Lai bác-nghị*, những bài nghị-luận của một nhà văn Tàu biệt-hiệu Đông-Lai. Lời luận cổ ấy, phải dùng các chữ sã, câu cũ, tả về sự « Chơi Xuân » mà truyền thần làm sao cho rõ ràng « kéo hết xuân đi » Nhất là phải làm sao cho răn lời, có ăn-diệu, dăng-dồi, lại gọn-gàng.

Vì lời luận có thi-diệu, lại nghĩa văn có thi-vị, cho nên chúng tôi coi cũng như bài « Tân-Đà Xuân-sắc » và in vào tập Văn-Văn này. Bài này tuy hiệp giọng tình, song chính là bài văn cổ-dộng cho người làm việc ái-quốc hồi bấy giờ, cùng một ý với những bức thư gửi cho người tình nhân không quen biết : « *ý-tại ngôn-ngoại* ».

H. S.

TẢN-ĐÀ TỪ-KHÚC

*Hết thấy các bài ca tà xuôi
theo lời nói mà có vần điệu có thể đem phả vào đàn
và hát lên được là từ-khúc*

174.— Hoa rụng.

Hoa ơi ! Hoa hỡi ! Hoa hời !
Đương ở trên cành, bỗng chốc rơi !
 Nhị mềm canh úa,
 Hương nhạt màu phai !
Sống chưa bao lâu đã hết đời !
Thế mà hoa lại sướng hơn người !
Hoa ơi ! Hoa hỡi ! Hoa hời !
 Khi hoa nụ,
 Lúc hoa cười,
Trời còn cho sống chỉ ăn chơi,
Không phải lúc đầu đội vai mang,
Ba chìm bảy nổi những như ai ?

175.— Đồng tiền.

Đồng tiền ! Đồng tiền !
Sao em sắc-xảo lại khôn-ngoa ?
Vừa xinh vừa đẹp,
Vừa trắng, vừa tròn,
Chán chỗ nhà dân đến chỗ quan.
Quan yêu quan để nhảy lên bàn,
Cò hầu nâng đỡ,
Cậu lính kêu van,
Sướng đến thế mà em nở bạc,
Lại đi theo chú Trích, chú Cước téch lên ngàn !

176.— Thương đồ người chê chồng.

(*Điệu Họa-Phong-Lạc*)

Em ơi ! Em đi đâu về ?
Đương trưa trời nắng dầu không che !
Nước mắt, nước mũi,
Bồ hôi, bồ kê.
Hay ngán nổi dầm mưa dài nắng.
Mà tiếc chốn cây cao bóng mát chẳng quan hề ?
Em ơi ! Em hãy gượng về.
Thôi ! Thiên-tạ chồng con như thế cả.
Em đừng nay tủi lại mai chê !

177.— Áo rách.

(Điều Đoàn-Mã)

Ồi trời ời !

Ồi đất ời !

Cái áo sao may rách tả-toi ?

Rách đành mặc vậy,

Nào dám sợ ai chê,

Nào dám sợ ai cười !

Chỉ sợ nổi anh em chúng bạn,

Gần chán, xa quên chẳng đoái-hoài !

178. — My-Châu Trọng-Thủy

(Điều Văn-Thê)

Một đời kẻ Việt người Tần,

Nửa phần ân-ái, nửa phần oán-thương.

Vuốt rùa chàng đổi má,

Lông ngỗng thiếp đưa đường,

Thề nguyện phu phụ,

Lòng nhi-nữ,

Việc quân vương,

Duyên nợ tình kia dở dở dang.

Trăm năm giọt lệ,

Ngọc trai nước giếng,

Nghìn thu khói nhang.

179. — Tâm-sự nàng My-Ê

(Điệu Vãn-Thê)

Châu-giang một dải sông dài,
Thuyền ai than thở, một người Vương-phi !
Đò-bàn thành phá-hủy,
Ngọa-phật tháp thiên-di.
Thành tan, tháp đổ,
Chàng tử biệt,
Thiếp sinh-ly,
Sinh ký đau lòng kẻ tử-quy !
Sóng bạc ngàn trùng,
Âm dương cách-trở,
Chiên hồng một tấm,
Phu thê xướng tùy.



Ơi mây ! Ơi nước ! Ơi trời !
Đưa ngọc, mâm vàng, giọt lụy rơi.
Nước sông trong đục,
Lệ thiếp đầy vơi.
Bể bể dâu dâu, khóc nỗi đời !
Trời ơi ! Nước hơi ! Mây hời !
Nước chảy mây bay trời ở lại.
Để thiếp theo chồng mấy dặm khơi !

MỤC THỨ

Số trang

Thân-thể và sự-nghiệp văn-chương của Thi-sĩ Tản-Đà	5
---	---

Bình-khang ca-phả

*Những bài do tác-giả tự giảng văn thích nghĩa
vốn đề cho chị em xóm Bình-khang hát.*

I.— HÁT NÓI (1)

1. Trời mắng	45
2. Hỏi gió	48
3. Cánh bèo	51
4. Lại say	54
5. Đòi đáng chán	57

II.— CA SAM (2)

6. Con cá vàng	64
--------------------------	----

III.— CA-LÝ (8)

7. Nấm canh mối tình	66
--------------------------------	----

IV.— HÀI VẤN

8. Thú ăn chơi	70
--------------------------	----

Tản Đà tứ tuyệt

9. Thuật bút	76
10. Tương-tư	76

(1) Còn rất nhiều bài chưa giải-thích ở tập thứ Hai.

(2-3) Các bài sấm lý của Tản-Đà tiên-sinh chưa thích nghĩa, ở cuốn
T. Đ. V. V. T. T. thứ II còn nhiều lắm.

11.	Lưu-tình	76
12.	Đi đêm day bóng	77
13.	Ái « nữ-quyền » ra mua.	77
14.	Nghe cá	77
15.	Khai bút	78
16.	Gió thu	78
17.	Đề « Khởi tình con » thứ hai.	79
18.	Đề bài « Mẹ Vương-Lăng »	79
19.	Đề sau bài « Hai người nghĩa Châu-Nhai ».	79
20.	Đề sau bài « Mẹ hiền của họ Mang nước Ngụy ».	80
21.	Đề sau bài « Bà mẹ ghê có nghĩa »	80
22.	Đề sau bài « Bà Thái-Nbâm nhà Chu »	80
23.	Cảnh xuân nhà trên núi	81
24.	Cảnh xóm bên sông	81
25.	Đề « Khởi tình con » thứ nhất	81
26.	Tết tự thuật	82
27.	Cái đôn cồng cùng người phu xe	82

Tản-Đà yết-hậu

28.	Tự-thuật	83
29.	Tình tiền	83
30.	Sư cụ	84
31.	Gà thiến	84

Tản-Đà bát-cú

32.	Ngày xuân thơ rượu	85
33.	Cầm xuân	85
34.	Tàn xuân cầm	86
35.	Sầu xuân	86
36.	Có mới nói cũ	87
37.	Thơ tự-vịnh	87
38.	Năm hết hữu-cầm	88
39.	Sơ-thu boai-cầm	88

— III —

40.	Cái giếng yêu hoa.	89
41.	Về quê nhà cảm-tác.	89
42.	Quê nhà chơi mát cảm-hứng	90
43.	Hoa sen nở trước nhât đầm	90
44.	Xem cô chài đánh cá	91
45.	Đêm xuống Phủ Vinh	91
46.	Trăm năm trọn đời ngao-ai	92
47.	Nhớ mộng	92
48.	Tự-trào	93
49.	Sự nghèo	93
50.	Sự đời	94
51.	Thăm thàng bồ-nhàn	94
52.	Muốn làm thàng cuội	95
53.	Kiếp con quay	95
54.	Khách giang-hồ	96
55.	Chiêu-Hoàng lấy chồng	96
56.	Vịnh bà Triệu	97
57.	Đề « Khôi tình con » thứ nhất	97
58.	Đề sau bài « Nàng Tề-Khương » vợ vua Văn	98
59.	Thơ đề tường Tây-Thị	99
60.	Đề ảnh mỹ-nhân	99
61.	Cảm đề truyện « cụ Phan mới »	100
62.	Vịnh bức dư-đồ rách	100
63.	Vịnh cánh hoa đào.	101
64.	Xem tiểu-thuyết « Tờ chúc thư » cảm ỉc	101
65.	Vịnh-Kiều : Sô-Khanh	102
66.	Vịnh-Kiều : Thúc-Sinh	102
67.	Thúy-Kiều lúc ra tu chùa Hoan-Thư.	103
68.	Thúy-Kiều hầu rượu Hồ-Tôn-Hiến.	103
69.	Tây hồ vọng-nguyệt.	104
70.	Thơ-thần	105
71.	Ngày xuan tương-tư	105

— IV —

72. Họa bài trên (xuôi văn)	106
73. Họa bài trên (ngược văn)	106
74. Lại tương-tư	107
75. Nhớ chị hàng cau.	107
76. Cái ruột con tâm, em ơi ! hối-rối mà vô tư	108
77. Không chòng ai dễ sống chi lâu ?	108
78. Ghẹo người vu-vơ	109
79. Đùa cô sư	109
80. Con gái hái dâu	110
81. Bóp vú đau tay	110
82. Dao cầu đại-chiến	111
83. Tháng ba không mưa	111
84. Đêm tối	112
85. Theo voi ăn bã mía	112
86. Hủ-nho lo mùa đông	113
87. Lo thời-khí.	113
88. Sông cái, chiếc thuyền nan	114
89. Chiếc tàu An-nam	114
90. Chơi Hòa-bình	115
91. Chơi chùa Hương-Tích	115
92. Đề báo « Hữu-Thanh »	116
93. Mừng « Bắc-kỳ Thời-báo ».	116
94. Thơ tặng « Phụ-nữ Tân-văn »	117
95. Gửi cho tòa soạn « Đông-pháp Thời-báo »	117
96. Gửi ông Tú Mỡ Hồ-Trọng-Hiểu.	118
97. Sài-gòn nhớ bạn đọc-giã	118
98. Nhớ bạn diễn tuồng	119
99. Tới chùa Hương, đêm nhớ các bạn ở Vàng-danh gửi lại.	119
100. Nhớ bạn	120
101. Nhớ trong Nam.	120
102. Đêm khuya nhớ bạn	121
103. Thi hậu-bổ bị trượt kỳ vào-dáp	123

104.	Máng con quốc tế xuân	124
105.	Dạ bán áo đoạn	125
106.	Hải Bà Trưng	126

Tản-Đà lục-bát

107.	Thơ rượu.	127
108.	Vô-dề	128
109.	Một đêm ngủ nhà người mán Xiêng ở Bảo-hà (Lao-kay).	128
110.	Ngẫu hứng.	129
111.	Xuân-sầu	129
112.	Xuân-tứ	130
113.	Đưa người nhà quê	130
114.	Vui xuân	131
115.	Thẻ non nước	132
116.	Nói chuyện với bóng	133
117.	Trông giăng cầm-tường	135
118.	Cầm tường về sự sống, chết	136
119.	Đời lắm việc	137
120.	Một bức thư của người nhà quê	139
121.	An-nam tạp-chí lại ra lần thứ năm cảm-tác	140
122.	Chơi Huế.	141
123.	Qua cầu Hàm-Rồng cảm-tác.	146
124.	Nhớ cảnh cầu Hàm-Rồng	147
125.	Nhớ bạn Hà-Nội	148
126.	Nhớ ông bạn ở phố Mã-mày Hà-nội	149
127.	Nhớ bạn sông Thương	150
128.	Gửi bạn độc-giã cũ ở Nam-kỳ	151
129.	Nhấn người trong Thanh	152
130.	Cảm ơn người cho hà	153
131.	Rau sắng chùa Hương	154
132.	Hộp thư	156
133.	Mừng khuyên ai cô dâu	156
134.	Ru em	157

— VI —

135.	Ếch mà	158
136.	Xuân-cầm	160
137.	Tề Chiêu-Quân	161
138-a.	Viếng thi-sĩ Tân-Đà (của Mai-Lâm)	163
138-b.	Cười Bác Mai-Lâm.	165
139.	Đề báo « Hữu-Thanh »	167
140.	Mẹ ông Mạnh-Kha nước Châu.	167
141.	Mẹ Điền-Tắc nước Tề	168

Tân-Đà phong-thi

142.	Phong-dao	169
------	---------------------	-----

Tân-Đà tập Kiều

143.	Tập Kiền	181
144.	Tập Kiều, Viếng Kiều.	182

Tân-Đà thù-tiếp

145.	Mừng bạn cưới vợ cho con trai	184
146.	Câu đối mừng cưới	184
147.	Câu đối mừng khao	185
148.	Câu đối tết.	185
149.	Câu đối viếng	185
150.	Viếng bạn rượu	186
151.	Câu đối dâng đèn đức Hùng Vương ở Phú-thọ.	186
152.	Câu đối phúng ông Lý-Phê.	186
153.	Bài ca chúc tiệc lão làng A-lữ	187

Tân-Đà thơ họa

154-a.	Gặp ông Nguyễn-Khắc-Hiếu	189
154-b.	Họa bài trên của ông L,N,T	189
155-a.	Tân-Đà Cốc-Tử (của Tú-Mỡ).	190
155-b.	Họa lại bài Tân-Đà Cốc-Tử ở trên.	192

Tản-Đà thơ vật.

156.	Đề tranh ở nhà quan Án-sát họ Mai :	
	Cưỡi ngựa đi thăm bạn (Xuân)	194
	Trên ao sen chơi hoa (Hạ)	194
	Trên bờ sông chơi giăng (Thu)	194
	Đốt lò sưởi xem sách (Đông)	195
157.	Thơ gửi cho Monsieur Tôi.	195
158.	Hà-lạc lý-sổ.	196
159.	Đề tranh Uyên-ương dưới trăng	197
160.	Thơ-vật	198
161.	Đề truyện « Thần Tiên »	199

Tản-Đà tứ-lục

162.	Bài tựa truyện Tỳ-Bà,	200
163-a.	Bình-Ngô Đại-Cáo, nguyên văn chữ Hán	204
163-b.	Bản dịch « Bình-Ngô Đại-Cáo » ra văn nôm	204
164.	Văn tế việc giỗ	210
165.	Làm giúp châu Thanh-Sơn viếng ông Đại-Lý	212
166.	Văn tế tổng-chung	217
167.	Hịch đuổi kẻ ăn mày.	220
168.	Cứu-cấp sự sợ vợ	223
169.	Kinh-cáo Quốc-dân	224
170.	Đơn khiêu ong bướm của bách-hoa tâu lên đức Thượng-đế	225

Tản-Đà trường đoản

171.	Cảm thu, tiễn thu.	231
172.	Thơ mới	237
173.	Chơi xuân kéo hết xuân đi.	239

Tản-Đà từ-khúc

174.	Hoa rụng	240
175.	Đồng tiền	241
176.	Thương đồ người chê chồng	241
177.	Áo rách	242
178.	Mỵ-Châu Trọng-Thủy	242
179.	Tâm sự nàng Mỵ-Ê	243

TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU

TẢN ĐÀ
VẬN VĂN

TOÀN TẬP

NHÀ XUẤT-BẢN HƯƠNG-SƠN

6, Đại lộ Gia-Long — Hà-nội

Tản-Đà Trường-Thiên

Các bài thơ dài cổ-phong không theo Đường-luật

180. — Con quốc và con châu-chuộc.

Bờ ao trên bụi có con quốc,
Ở dưới lại có con châu-chuộc.
Hai con cùng ở, cùng hay kêu,
Một con kêu thảm, con kêu nhức.
Chuộc kêu đặc-ý gặp tuần mưa,
Quốc kêu đau lòng thương xuân qua.
Cùng một bờ ao, một bụi rậm,
Phong-cảnh không khác, tình khác xa.

181. — Thu khuê oán.

Điện Thất-Liên-Châu (1)

Gió thu lạnh-lẽo mây trời quang,
 Sân thu đêm khuya rơi lá vàng.
 Trăng tà chìm lặn, nhạn kêu sương,
 Gối chiếc chăn đơn thiếp nhớ chàng.

Chàng đi xa cách nhớ quê hương,
 Quê hương, đất khách : người một phương.
 Mong chàng chẳng thấy, lòng ngùi thương !
 Buồng không, canh vắng, bóng in tường.

Chỉ chỉ, tơ tơ rồi vãn-vương,
 Nước mắt đậm-dịa trôi quanh giường.
 Tháng cũ đã qua, tháng mới sang,
 Tháng sau tuần nữa lại tư-lường.

Ngày tháng đi chóng, năm canh trường !
 Lác-đắc sao tàn lấp-lánh gương.
 Trên trời Chức-Nữ cùng Ngưu-Lang,
 Một giải sông Ngân lệ mấy hàng !

(1) Bài này cũng là một lối thơ mới của Tản-Đà, cứ 7 chữ một câu, liền nhau toàn có một vần bằng tất cả.

182. — Hủ-nho lo việc đời.

Đáng nực cười cho bác Hủ-nho!
Việc đời ai khiến gánh mà lo.
Lo to lo nhỏ lo nào xiết,
Lo thế mà ai có biết cho.

Lo vì công việc báo « An-nam »,
Đã chót đa-mang cứ phải làm.
Bốn bề phen này không trắng nợ,
Tuyết sương âu hắt bạc đầu thêm.

Lo vì tin nước đã lưng sông,
Đâu đó đề điều có vững không?
Con cháu Rồng Tiên đương đời dở,
Không hay Hà-Bá có thương cùng?

Lo vì xã-hội thiếu tiền tiêu,
Một kẻ phong-lưu chín kẻ nghèo.
Cái nổi sinh-nhai mà khổn-khó,
Con đường tiến-hóa cố mà theo.

Lo vì phong-hóa mỗi ngày suy,
Thánh-giáo không ai kể hộ-trì.
Hằng-sản đã không, tâm cũng mất,
Sĩ còn chưa trách, trách dân chi!

Lo vì thế-cục nát như tương,
Cái ruột tằm ai rồi vắn-vương.
Nhọn chẳng ăn ai, ngòi bút sắt,
Cùng ai lo tính lúc đêm trường.

Đáng nực cười cho cái sự lo,
Lo quanh lo quẩn chẳng ra trò.
Việc đời ai có lo chẳng tá?
Ai có lo cùng bác hủ-nho?

183. — Còn chơi.

Điện Lộng-liền, dùng ba vần : chơi, đời, thời. (1)

Ai đã hay đầu tớ chán đời,
Đời chưa chán tớ, tớ còn chơi.
Chơi cho thật chán, cho đời chán,
Đời chán nhau rồi tớ sẽ thời.

Nói thế can gì tớ đã thời,
Đời đương có tớ, tớ còn chơi.
Người ta chơi đã già đời cả,
Như tớ năm nay mới nửa đời.

Nửa đời chính độ tớ đương chơi,
Chơi muốn như sao thật sướng đời.
Người đời ai có chơi như tớ.
Chơi cứ bằng văn mãi chữa thời.

(1) Bài này để trả lời những bài bình-phẩm công-kịch Tiên-sinh ; cũng là một lối thơ mới của Tân-Đà đặt ra.

Chơi văn sướng đến thế thì thôi,
Một mảnh trắng non chiếu cỏi đời. (1)
Văn-vận nước nhà đương buổi mới,
Như trắng mới mọc, tờ còn chơi.

Làng văn chi thiếu khách đua chơi,
Dan-diu, ai như tờ với đời.
Tờ đã với đời dan-diu mãi,
Muốn thôi, đời cũng chữa cho thôi.

Đời đương dan-diu, chữa cho thôi,
Tờ dám xa xôi để phụ đời.
Vắng tờ bấy lâu, đời nhớ tờ,
Nhớ đời, nên tờ vội ra chơi.

Tờ hãy chơi cho quá nửa đời,
Đời chưa quá nửa, tờ chưa thôi.
Tờ thôi tờ nghĩ buồn cho tờ,
Buồn cả cho đời vắng bạn chơi.

Nào những ai đâu, bạn của đời?
Sao mà bỏ vắng, ít ra chơi?
Chờ ai chờ mãi, ai đâu tá?
Hay ngán cho đời chẳng muốn chơi?

(1) Sách nào của Tản-Đà xuất-bản lấy cũng đóng dấu mảnh trắng lười liềm đề tỏ rằng tài-nghệ của mình chưa đã viên-mãn.

Nếu tớ như ai : cũng ngán đời,
Đời thêm vắng bạn, lấy ai chơi ?
Cuộc đời tớ nghĩ chưa nên ngán,
Nếu ngán thời xưa tớ đã thôi.

Tớ nhớ năm xưa nửa ngán đời,
Nghĩ đi, nghĩ lại, lại ra chơi.
Mê chơi cho tớ thành dan-diu,
Đời dẫu cho thôi, tớ chữa thôi.

Nghĩ tớ bao nhiêu, lại nghĩ đời,
Nghĩ đời như thế, dám nào thôi.
Còn đời, còn tớ, còn chơi mãi,
Chơi mãi cho đời có bạn chơi.

Tớ muốn chơi cho thật mãi đời,
Đời chưa thật mãi, tớ chưa thôi,
Chẳng hay đời tớ lâu hay chóng ?
Dù chóng hay lâu, tớ hãy chơi.

Trăm năm, tớ độ thế mà thôi,
Ước, triệu, nghìn năm chữa hết đời.
Chắc có một phen đời khóc tớ,
Đời chưa khóc tớ, tớ còn chơi.

Trăm năm còn độ bấy nhiêu thời,
Ngoài cuộc trăm năm tỏ dạn đời:
Ưc, triệu, nghìn năm đời nhò tơ,
Tờ thời, tờ cũng hãy còn chơi.

Bút đã thôi rồi, lại chữa thôi,
Viết thêm câu nữa, hỏi đời chơi:
« Lộng-hoàn » này điệu (1) từ đầu trước?
Họa được hay không? Tờ đổ đời.

(1) Điệu « Lộng-hoàn » này là tự Tản-Đà tự đặt ra, cũng đề công-kích lại những bài bình-phẩm về cái ngông và thơ văn của tiên-sinh khi bấy giờ. Một lối thơ mới.

184. — Hẫu Trời.

Đem qua chẳng biết có hay không,
Chẳng phải hoảng-hốt, không mơ-mòng,
Thật hồn, thật phách, thật thân-thể,
Thật được lên tiên sướng lạ-lùng!

Nguyên lúc canh ba nằm một mình,
Vắt chân dưới bóng ngọn đèn xanh,
Nằm buồn ngồi dậy đun nước uống,
Uống xong ấm nước, nằm ngâm văn.

Chơi văn ngâm chán, lại chơi trăng,
Ra sân cùng bóng đi tung-tăng.
Trên trời bỗng thấy hai cô xuống,
Miệng cười mủm-mỉm cùng nói rằng:

« Trời nghe hạ-giới ai ngâm-nga,
« Tiếng ngâm vang cả sông Ngân-hà,
« Làm Trời mất ngủ, Trời đương mắng,
« Có hay lên đọc, Trời nghe qua ».

Ước mãi! Bây giờ mới gặp tiên!
Người tiên nghe tiếng lại như quen.
Vấn-chương nào có hay cho lắm,
Trời đã sai gọi thời phải lên.

Theo hai cô Tiên lên đường mây,
Vù vù không cánh mà như bay,
Cửa son đỏ chói oai rực-rỡ!
Thiên-môn để-khuyết như là đây?

Vào trông thấy Trời, sụp xuống lạy,
Trời sai Tiên-nữ giắt lời dạy.
Ghế bành như tuyết, vân như mây,
Truyền cho văn-sĩ ngồi chơi đây.

Tiên-đồng pha nước, uống vừa xong,
Bỗng thấy Chư-tiên đến thật đông,
Chung quanh bày ghế ngồi la-liệt,
Tiên-bà, Tiên-cô, cùng Tiên-ông.

Chư-tiên ngồi quanh đã tỉnh-túc,
Trời sai pha nước để nhấp giọng,
Truyền cho văn-sĩ đọc văn nghe.
« Dạ, bẩm lạy Trời, con xin đọc. »

Đọc hết văn vắn, sang văn xuôi,
Hết văn thuyết-lý, lại văn chơi.
Đương con đặc-ý đọc đã thích,
Chè trời nhấp giọng càng tốt hơi!

Văn dài, hơi tốt ran cung mây,
Trời nghe Trời cũng lấy làm hay.
Tâm như nở dạ, Cơ lè lưỡi, (1)
Hằng-Nga, Chức-Nữ chau đôi mày.
Song-Thành, Tiểu-Ngọc lắng tai đứng,
Đọc xong mỗi bài, cùng vỗ tay.

« Bẩm con không dám man cửa Trời,
« Những các văn con in cả rồi:
« Hai quyển « Khố-tinh » văn thuyết-lý;
« Hai « Khố-tinh con » là văn chơi;
« Thần tiên », « Giác mộng », văn tiên-thuyết;
« Đài-gương », « Lên sáu » văn vị đời;
« Quyển « Đàn bà Tàu » (2) lối văn dịch,
« Đến quyển « Lên tám » nay là mười.
« Nhờ Trời văn con mà bán được,
« Chưa biết con in ra mấy mươi! »

(1) Tâm, Cơ, hai tên sao trên trời.

(2) Sau đổi làm « Đài-Gương truyện » có thơ đề, xem ở dưới.

Văn đã giàu thay, lại lắm lỗi,
Trời nghe Trời cũng bật buồn cười
Chư-tiên ao ước, tranh nhau dặn :
« Anh gánh lên đây bán chợ trời. »

Trời lại phê cho : « Văn thật tuyệt !
« Văn trần được thế chắc có ít ?
« Nhời văn chuốt đẹp như sao băng !
« Khí văn hùng-mạnh như mây chuyền !
« Êm như gió thoảng, tinh như sương !
« Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết !
« Chẳng hay văn-sĩ tên họ gì ?
« Người ở phương nào ? Ta chưa biết ! »

— « Dạ, bẩm lạy Trời, con xin thưa :
« Con tên « Khắc-Hiếu » họ là « Nguyễn »,
« Quê ở Á-châu về Địa-cầu,
« Sông Đà, núi Tản, nước Nam-Việt ».

Nghे xong, Trời ngợ một lúc lâu,
Sai bảo Thiên-tào lấy sổ xét.
Thiên-tào tra sổ xét vừa xong,
Đệ sổ lên trình Thượng-đế trông :

« Bẩm quả có tên « Nguyễn-Khắc-Hiếu »,
« Đây xuống hạ-giới về tội ngông. »

Trời rằng: « Không phải là Trời đây,
« Trời định sai con một việc này:
« Là việc « Thiên lương của nhân-loại »,
« Cho con xuống thuật cùng đời hay. »

— « Bầm Trời, cảnh con thực nghèo khó,
« Trần-gian thước đất cũng không có.
« Nhờ Trời năm xưa học ít nhiều,
« Vốn-liếng còn một bụng văn đò.
« Giấy người, mực người, thuê người in,
« Mướn cửa hàng người bán phường-phố.
« Văn-chương hạ-giới rẻ như bèo!
« Kiếm được đồng lãi thực rất khó!
« Kiếm được có (1) ít, tiêu phải (2) nhiều,
« Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.
« Lo ăn, lo mặc, suốt ngày tháng,
« Học ngày một kém, tuổi ngày cao!
« Sức trong non yếu, ngoài chen rấp,
« Một cây che chống bốn năm chiều.
« Trời lại sai con việc nặng quá,
« Biết làm có nổi, mà dám theo? »

(1-2) Nguyên trước là hai chữ « thời » sau đổi chữ
« thời » trên ra « có », chữ dưới ra « phải » cho rõ nghĩa hơn.

— Rằng: « Con không nói, Trời đã biết,
« Trời dẫu ngồi cao, Trời thấu hết,
« Cho con cứ về mà làm ăn,
« Lòng thông chớ ngại chi sương tuyết,
« Cố xong công việc của Trời sai,
« Trời sẽ cho con về Đẽ-khuyết. »

Vàng nhờ Trời dạy, lạy xin ra,
Trời sai Khiên-Ngưu đóng xe tiên.
Xe trời đã chực ngoài Thiên-môn,
Chư-tiên theo ra cùng tiên-biệt.

Hai hàng lụy-biệt giọt sương rơi !
Trông xuống trần-gian vạn dặm khơi !
Thiên-tiên ở lại, Chích-tiên xuống,
Theo đường không-khí về trần-ai.

Đêm khuya khí thanh sao thưa vắng,
Trăng tà đưa lối về non Đoài.
Non Đoài đã tới quê trần-giới,
Trông lên chư-tiên không còn ai !

Tiếng gà sao-sác tiếng người dậy,
Giữa sân còn đứng riêng ngậm-ngùi.
Một năm ba trăm sáu mươi đêm,
Sao được đêm đêm lên hầu Trời ?

185. — Tiên ông Công lên châu Trời.

Hăm ba tháng chạp tiên ông Công,
Thường tục từ xưa có phải không?
Chẳng biết hoàn-cầu đâu cũng thế?
Hay chỉ người Nam lễ-tục chung?

Cùng trong đất nước xin theo chúng,
Gọi có hương vàng cúng tiên ông.
Ngựa cá ông lên châu Thượng-đế,
Trần-gian xin nhớ có tôi cùng.

Tôi tên « Khắc-Hiếu », họ là « Nguyễn »,
Đã có từng phen đến Đế-cung.
« Hầu Trời » một chuyến từ năm ấy,
Thấm-thoắt nay đã mấy chục đông.

Trời có sai tôi một việc nặng,
Đến nay tôi vẫn làm chưa xong.
Cũng vì cảnh riêng thật bối-rối,
Ở không yên ổn chạy lung-tung.

Khê-thượng, Bất-bạt, về Hà-nội,
Sài-gòn, Vĩnh-yên, ra Hải-phòng,
Bờ hồ Hoàn-kiểm, xuống Nam-định,
Xế chợ Đồng-xuân, sang Hàng Bông.

Phổ tỉnh Sơn-tây, lại Khê-thượng,
Một tết Quảng-yên, nay Hà-dòng.
Khi làm chủ báo, lúc viết mướn,
Hai chục năm dư cảnh khổn-cùng.

Trần-gian thước đất vẫn không có,
Bút sắt chẳng hơn gì bút lông.
Ngày xanh như ngựa, dầu xanh bạc,
Chán cả giang-hồ, hết cả ngông.

Qua hết đông này năm chục tuổi,
Xuân sang đã nửa giấc mơ-mòng.
Văn-chương quần mãi cùng thân-thế,
Sự-nghiệp mong gì với núi sông.

Câu chuyện «Hầu Trời» khi tưởng đến,
Gan vàng như nấu lại như nung.
Nếu không một việc làm xong trọn,
Luống để trăm năm mắc thẹn-thùng.

Chút lòng tri-kỷ xin ông giúp,
Minh-bạch tàu lên đến Cửu-trùng.
Hai chữ «Thiên-Lương» thẳng Hiếu nhớ,
Dám mong không phụ trời trông mong.

186. – Lo văn ẽ.

Điệu Ô-thước-kiền 橋 鵲 鳥

Như tờ xưa nay vốn vẫn nghèo,
Bán văn buôn chữ kiếm tiền tiêu.
Quanh năm luống những lo văn ẽ,
Thần-thế xem thua chủ hát chèo!

Hát chèo lắm lúc nghĩ mà ngoan,
Vẽ mặt pha trò với thế-gian.
Vợ cười đêm nay mai lại cười,
Đêm đêm cười vợ lại làm quan.

Làm quan ví có dễ như chèo,
Tờ đến năm nay đã chẳng nghèo.
Bởi bước công-danh trèo cũng khó,
Trèo leo chẳng được phải nằm meo.

Nằm meo cho tờ nghĩ ra văn,
In bán ra đời cách kiếm ăn.
Vô-sự ăn xong nằm lại nghĩ,
Con tằm rút ruột lá dâu xanh.

Dầu xanh rút giả sợi tơ vàng,
Thân-thể con tằm những vấn-vương.
Tơ nghĩ thân tằm như tơ nhĩ,
Tơ tằm đòi đoạn mỗi văn-chương.

Văn-chương nào dám nói hơn ai,
Nghề-nghiep lặn ăn phải thể tì ỏi.
In hết quyền này ra quyền khác,
Có văn có ích, có văn chơi.

Văn chơi in bán để chơi chung,
Dẫu được lời riêng có mấy đồng.
Buôn chữ gặp ngay hồi giấy đắt,
Người mua ai có biết cho không?

Cho không ai biết đây là dầu,
« Bán nói » khi dầu dám đặt điều.
Tốn kém vì văn chưa tính đến,
Nhưng tiền giấy mực những bao nhiêu.

Bao nhiêu củ nước mới thành vảo,
Được bán văn ra chết mấy lần.
Ông chủ nhà in, in đã đắt!
Lại ông hàng sách mấy mươi phân!!

Mười phân gửi bán lấy tiền sau,
Bán hết thu tiền nghĩ cũng lâu.
Lắm lúc túng tiền mang bán rẻ,
Trừ đầu, trừ cuối, nghĩ càng đau.

Càng đau mà vẫn phải càng theo.
Theo mãi cho nên cứ vẫn nghèo.
Nghèo chỉ có vãn, vãn lại ế!
Ế vãn cho tới hết tiền tiêu.

Tiền tiêu không có những bản-khoản,
Vay ngược vay xuôi thực khó-khăn.
Công nợ nhà in còn chất đống,
Còn đau gan ruột nghĩ ra vãn.

Ra vãn mà bán chẳng ra tiền,
Cải nghiệp vãn-chương nghĩ thật phiền.
Vãn ế bao giờ cho bán hết?
Phen này có nhẽ gánh lên tiên.

TIÊU-DẪN

Ô-thước-kiều là câu quạ đen, lấy thê hai chữ cuối câu trên bắt sang đầu câu dưới như cái cầu liền dịp với nhau. Lối này cũng là một lối « thơ mới » của Tân-Đà tiên-sinh đặt ra, không theo một lối cũ nào của thơ Tàu và thơ Ta. (H. S.)

187. — Gắn tết tiền năm cũ.

Tháng một qua rồi tháng chạp đến,
Năm tàn Bính-Tý nay gần hết,
Ngoài đường tấp-nập chợ đi đông,
Quang-cảnh trông ra gần lại tết.

Ông Công, ngựa cá đã lên trời,
Hạ-giới cùng nhau tết đến nơi!
Kẻ có tha-hồ vui-vẻ tết,
Nhà nghèo tết đến cũng lòi-thôi.

Tết nhất từ xưa đã biết bao?
Vui xuân năm ấy giống năm nào.
Cỗ-bàn, bánh, pháo mừng thêm tuổi,
Một bước đòi lên, một bước cao.

Gắn tết bao nhiêu cảnh khác nhau,
Người vui sắm sửa, kẻ lo sầu.
Phong-lưu thiên-hạ nghe chừng ít,
Lo tết trần-gian chẳng thiếu đâu!

Quanh năm luống những túng cùng lo,
Tết nhất thêm ra cũng lắm trò.
Lê-nghĩa muốn thôi, thôi chẳng rứt,
Nợ-nần vay, trả, khất quanh-co !

Độc cái năm tàn chóng hết thôi,
Đề chi đeo đuổi bận lòng ai.
Còn năm luống những lo không rứt,
Lo mãi quanh năm chán cả đời.

Gần tết bao nhiêu rít bấy nhiêu,
Cái lo đầu đến đủ trăm chiều.
Mong sao chóng hết năm tàn đó,
Đề mấy ngày chi lẳng-đẳng theo !

Tiền năm ta có mấy vắn thơ,
Năm hết cho người cũng hết lo.
Sắp-sửa cảnh nều xuân đón Chúa,
Thử xem năm mới có ra trò !

188. — Thơ mừng tết.

(Đinh-Mão)

Tết năm Đinh-Mão sang đầu xuân,
Ta có thơ mừng khắp quốc-dân,
Mừng cho ai nấy có tư-cách,
Trước biết ái-quốc, sau hợp-quần.

Ta mừng những ai trong quan-trường,
Người thì chính-trực, kẻ thuần-lương.
Cửa đông như chợ, lòng như nước,
Coi thẳng khổ rách yều mà thương.

Ta mừng những ai nhà tư-bản,
Của một lên trăm, trăm gấp vạn.
Cộng-an, công-ích giúp đồng-bang,
Trọng-nghĩa khinh-tài lòng « cộng-sản ».

Ta mừng những ai nơi học-đường,
Thầy giáo, cô giáo đều nghiêm-trang.
Có công dạy dỗ đàn em bé,
Con cháu Tiên Rồng sớm vẻ-vang.

Ta mừng những ai nơi công-sở,
Tiêu-dao ngày tháng không công nợ.
Cầm, ca, yên, đồ, bớt ăn chơi,
Quốc-học, dân-tài thêm giúp đỡ.

Ta mừng những ai nơi thôn quê :
Ông Chánh, ông Phó, người cày thuê
Gia-dinh vui vẻ, đình tài vượng,
Xuất năm chẳng tới cửa ông Đề. (1)

Ta mừng những ai người nơi xa,
Người nơi quân-ngũ, kẻ thương-gia
Quanh năm yên-ôn, vô tai-họa ;
Đòi khi nhớ nước, sau nhớ nhà.

Nước nhà năm mới thơ mừng chung :
Vạn-sự, vạn-vật đều hanh-thông.
Trời Nam hoa-thảo xuân vô-tận !
Đất Bắc giang-sơn vạn bất-cùng !

Một giải sông Đà vạn-cổ lưu !
Ba-vì núi Tản thiên-niên thọ !
« An-nam tạp-chí » vạn-thiên-thu !
Cùng nước An-nam thiên-vạn-cổ.

(1) Chữ Đề-lại, Lại-mục xưa dầu bàn giấy ở các phủ huyện.

189. — Mừng xuân.*Thơ mời hai vần*

Ngày đi, tháng đi, năm đi dần ;
Hết ngày, hết tháng, hết năm trước.
Qua sang năm mới lại là xuân,
Gió trắng thề nguyện xuân y ước.

Tin xuân truyền-bá khắp xa gần,
Oanh én cỏ hoa mừng đón rước.
Oanh gọi đầu cành, hoa cười xuân,
Cỏ rợn chân trời, én liệng nước.

Vạn-vật đắc-ý, người thanh-tân,
Trẻ bé đua vui, già hưởng-phước.
Mừng xuân ta có thơ hai vần,
Xuân sang năm khác, thơ cũng khác.

Thơ này kính chúc toàn quốc dân,
Một năm tiến-bộ lại một bước.

190. — Ngày xuân nhớ xuân.

Bình-Tý sang, mà Ất-Hội qua,
Đổi thay cũ mới khắp gần xa.
Vui xuân thiên-hạ bao nhiêu kẻ,
Ngồi nhớ xuân xưa họa có ta.

Xuân xưa nhớ lúc ta lên năm,
Vỡ lòng đi học, phố thành Nam, (1)
Học sách ba chữ, thơ năm chữ, (2)
Đến sách Dương-Tiết (3) vừa hết năm.

Xuân xưa đến lúc ta lên sáu,
Học sách Luận-Ngữ đọc lâu-lầu,
Ở nhà Hà-nội, phố hàng Bông,
Bốn tám, đến nay còn nhớ số.

(1) Nam-định.

(2) Tức là « Tam-tự-kinh » sách ba chữ và « Ấu-học ngũ-ngôn-thi » thơ năm chữ.

(3) Sách « Dương-Tiết Phan-Thị-Vịnh viết » là lời tổng-luận về sử Tàu.

Cuối năm (1) lên sáu, ta về Khê,
Đà-giang, Tản-lĩnh, nước non quê,
Sách nho học Truyện, lại học Sử,
Quốc-ngữ cũng mới lần a b.

Xuân xưa bảy, tám, chín, mười tuổi,
Vấn-chương ta mới làm câu đối.
Đến xuân mười một, học làm thơ,
Xuân mười bốn tuổi, văn đủ lối.

Đà-giang nước chảy, Tản mây bay,
Mười bốn xuân qua trải tháng ngày.
Hết xuân mười bốn từ Khê-thượng,
Về học phủ Quảng, gần Sơn-tây.

Quảng-oai vừa trải bốn xuân dư,
Xuân, mỗi ngày cao, học cũng như.
Cuối xuân mười chín, ra Hà-nội,
Học trường Quy-thức (2), đường Gia-ngư.

(1) Chữ « xuân » trong bài đây, nhiều chữ nghĩa như chữ « năm ».

(2) Quy-thức nghĩa là làm khuôn mẫu, chữ Pháp là Ecole Modèle.

Hà-thành qua trải một đôi xuân,
Học chẳng cao thêm cũng rộng dần.
Mới học Pháp-văn từ lúc ấy, (1)
Ấy năm Thành-Thái sang Duy-Tân.

Xuân xưa đến tuổi ta hai mươi,
Phủ Vĩnh cầm thư quầy gánh chơi. (2)
Hán-học, Pháp-văn kiêm giảng-tụng,
Ba gian nhà cỏ bóng trắng soi.

Sang xuân hăm mốt học đi thi,
Thi tại trường Nam, lọt một kỳ. (3)
Kỳ luận hồng vì vua Hạ-võ ! (4)
Hồng thi càng học đề đi thi !

(1) Chữ Pháp từ trước cũng có bập-bẹ, thật kể ra ngoài học, thời từ khoảng năm ấy. Một tháng học ở phố Phúc-kiến, buổi tối, thầy Tảo ; hai tháng học ở phố hàng Gai, buổi trưa, thầy Lan. (T. Đ.)

(2) Phủ Vĩnh-tường thuộc tỉnh Vĩnh-yên, phủ-ly khi đó ở chỗ cũ về địa-giới mấy làng Bồ-diễn, Yên-cát... Đến nay phủ dời lên làng Thổ-tang. — Câu này cũng có nhân ở câu ca cổ nói về thầy đồ cô: « Quầy cầm thư sang phủ Vĩnh-tường ».

(3) Kỳ đệ nhất là Văn sách.

(4) Kỳ thứ hai là kỳ Luận, đầu bài là « Thiên tích cửu chủ », nghĩa là: « Trời cho vua Hạ-võ chín chủ. »

Xuân hăm bốn tuổi thi Ấm-sinh,
Tên đồ thứ ba đăng nhật-trinh.
Hậu-bồ thi luôn, hồng vấn đáp,
Chữ Pháp thất-bại trường công-danh.

Xuân qua thu lại, lại đi thi:
Nam-định bay luôn đệ-nhất kỳ.
Càng học dễ thi, thi cứ hồng:
Thi tàn, học cũng tàn theo thi!

Ngày xuân thắm-thoắt nghĩ như thoi,
Cái học năm xưa đã cũ rồi.
Học cũ đi, mà xuân lại mới,
Thơ xuân nhớ lại viết mà chơi.

**191. — Thơ đề thay bài tựa
Đài-gương truyện (1919).**

Truyện trước là : « Đàn-bà Tàu »

Phàm dân trong một nước,
Một nửa là đàn-bà.
Kể từ con gái bé,
Cho đến bà cụ già,
Đều là người của nước,
Mà lo việc trong nhà.
Nhà nào đàn-bà hay,
Thịnh-vượng và vui hòa ;
Nhà nào đàn-bà hư,
Lụn-bại và xấu-xa !
Đây là truyện nước Tàu,
Dịch ra chữ nước ta.
Trên từ vợ vua quan,
Dưới đến nhà dân-gia,
Mẹ hiền dạy con cái,
Con hiếu vờn mẹ cha.
Vợ càng hay lắm vẻ,
Đạo tam-tòng hòa ba.

Ngoài ba đạo chính ấy,
Nhiều truyện còn thiết-tha.
Tư-tính sao cao-minh,
Thật tự trời sinh ra.
Hãy xem cách ăn ở,
Vững-vắc như gương nga.
Lại những lời ăn nói,
Như gấm càng thêu hoa.
Ấy các vị thánh hiền,
Cùng trong lảng quàn-thoa.
Đất nước dầu Nam, Bắc,
Đạo lý không quan-hà.
Phòng văn lúc nhàn rồi,
Lời quê diễn nôm ra.
Mong nhờ cơn gió thanh,
Hương thơm đưa gần xa. (1)

(1) Sách «Đàn-bà Tàu» là trích dịch bộ «Liệt-nữ truyện» chữ nho cổ của Tàu ra quốc-ngữ, sau đổi tên là «Đài-gương truyện» để đi kèm với sách «Đài-gương», theo chữ nho Tản-Đà gọi là «Đài-gương kinh».

192. — Đề truyện «Trần-ai tri-kỷ».

Luân-thường đồ nát, phong-hóa suy,
Tiết-nghĩa rẻ-rúng, ân-tình ly.
Vợ chồng kết tóc chưa khăng-khít,
Nhân-tình nhân-ngãi còn kê chi.

Trần-ai tri-kỷ ai với ai?
Chẳng là bác Cả với chị Hai.
Nào ai khuê-tú, ai tài-tuấn,
Lầu xanh gặp-gỡ người làng chơi.

Nửa gian nhà cỏ, ngọn đèn xanh,
Mấy dịp cầu cao, một gánh tình.
Bề khổ đã qua cơn sóng gió,
Giàu sang mây chó kiếp phù-sinh.

Cái nợ phong-lưu trả đã thừa,
Qua trái hồng-nhan mấy nắng mưa.
Hương phai, phấn nhạt, duyên càng thắm,
Lòng chàng khi cuối, thiếp khi xua.

Tri-kỷ xưa nay dễ mấy người?
Trần-ai nào đã ai với ai?
Nhấn khách giai-nhân với tài-tử:
Ngồi buồn xem « Truyện thế-gian » chơi.

TIỂU-DẪN

« Truyện thế-gian », tên nhiều tập tiểu-thuyết đoản-thiên hoặc của Tản-Đà tiên-sinh soạn ra, hoặc của các bạn văn đời bấy giờ soạn gửi để Tản-Đà chữa sửa, đề thơ rồi in ra từng tập, bắt đầu từ câu chuyện « Trần-ai tri-kỷ » mà đi.

193. — Lã-Gia.

Ngồi buồn xem lại Sử Nam nhà,
Quan đời vua Triệu: Ông Lã-Gia.
Ngôi cao, quyền trọng, đầu râu bạc,
Hai vai gánh vác một sơn-hà.

Giặc ngoài ngấp-nghé, vua Hưng nhỏ,
Nước đồ, thành nghiêng, một mù già.
Cù-Hậu, Sứ-thần trong nửa tiệc,
Quét sạch hôi tanh, tan nát hoa!

Con trưởng vua Minh dựng nổi dòng,
Hai nghìn vào cõi tỉnh đã xong.
Gọi cò tiết Hán để mặt ải,
Bao nơi hiểm-yếu dân canh phòng.

Năm nghìn lại tiếp quân Tàu sang,
Chín chục chết theo cơ-nghịệp Triệu.
Chưa chắc loạn-thần hay trung-trinh,
Văng-vẳng nghìn thu không kể hiền! (1)

(1) Tản-Đà tiên-sinh công-kích nhà lịch-sử ta xưa hủ-bại đã cho Lã-Gia làm loạn-thần là nhằm, theo ý Tản-Đà thì Lã-Gia là người trung-quân ái-quốc, không muốn mất nước.

194. — Đời Hậu Trần.*Bốn nhà ái-quốc anh hùng*

Núi Thiên-cầm trời bắt đòi Hồ,
Quan-lại Minh sang giữ bản-đồ.
Muông rừng, trai bẻ mắc tai-vạ,
Người chết không chôn, kẻ sống lo.

Nghệ-an, Mô-độ ai gây nhóm ?
Giản-Định, Trùng-Quang lại có vua !
Mật giặc phá tan thành Cổ-lộng,
Máu thù lai-láng bến Bô-cô.

Liều gan cố chết bấy nhiêu phen,
Các vị tướng-thần ai bực nhất ?
Ông Nguyễn-Cảnh-Dị, bố là Chân,
Cùng ông Đặng-Dung, bố là Tất.

Quân-cơ sau trước nối thay nhau,
Hai bố, hai con, một dạ sắt.
Khí thiêng đúc lại bốn anh-hào,
Trời có thương Trần chưa vội mất.

Tiếc cho trận đêm cửa Sái-dà,
Nhằm đề con kinh lọt lưới ra.
Nước nhà giao lại cho quân giặc,
Sự-nghiệp này thôi đến Lão-quà!

Sông dài, sóng cả, con thuyền ngược,
Vua tôi theo trót với sơn-hà.
Nghìn thu thơm đề nước Nam-Việt,
Mười ba năm nổi vậ Đông-a.

LỜI DẪN

Bài thơ này khen ông Nguyễn-Cảnh-Dị và cha là Nguyễn-Cảnh-Trân, ông Đặng-Dung và cha là Đặng-Tất đã họp các vị anh-hùng ái-quốc chống nhau với nhà Minh, khôi-phục giang-sơn nhà Trần lại được 13 năm nữa đã làm vẻ-vang cho lịch-sử nhà ta.

195. — Thăm mả cũ bên đường.

Chơi lâu, nhớ quê về thăm nhà,
Đường xa, người vắng, bóng chiều tà.
Một dãy lau cao lán gió chạy,
Mấy cây thưa lá sắc vàng pha.

Ngoài xe trơ một đồng đất đỏ,
Hang hốc đùn trên đám cỏ gà.
Người nằm dưới mả ai ai đó,
Biết có quê đây hay vùng xa?

Hay là thuở trước kẻ cung-đao,
Hám đạn, liều tên, quyết mũi dao?
Cửa nhà xa cách, vợ con khuất,
Da ngựa gói bỏ lâu ngày cao.

Hay là thuở trước kẻ văn-chương,
Chen hội công-danh, nhờ lạc đường.
Tài cao, phận thấp, chí-khi uất,
Giang-hồ mê chơi quên quê-hương?

Hay là thuở trước khách hồng-nhan,
Sắc-xảo khôn-ngoaan trời đất ghen.
Phong-trần xui gặp bước lưu-lạc,
Đầu xanh theo một chuyến xuân tàn?

Hay là thuở trước khách phong-lưu,
Vợ con, đàn hạc đề-huê theo.
Quan-san xa lạ, đường lối khó,
Ma thiêng, nước độc, phong-sương nhiều?

Hay là thuở trước bậc tài-danh,
Đôi đôi, lứa lứa cũng linh-tinh.
Giận duyên, tủi phận, hờn ân-ái,
Đất khách nhờ chôn một khối tình?

Suối vàng sâu thăm biết là ai?
Mả cũ không ai kẻ đoái hoài.
Trải bao ngày tháng tro tro đỏ,
Mưa rầu, nắng giãi, trăng mờ soi!

Ấy thực quê-hương con người ta,
Dẫn bảo trên đường những khách qua.
Có tiếng khóc oe thời có thể,
Trăm năm ai lại biết ai mà!

196. — Chơi trại Hàng-hoa.

Vườn Bách-thảo Hà-nội

Cách phố Hà-nội gần không xa,
Thú đâu hơn thú Trại Hàng-hoa?
Có dịp đi chơi buồn giải buồn,
Trưa lên hóng mát ngồi ngâm-ngà.

Ngồi buồn nhớ lại sự-tích cũ:
Đò đóng Thăng-long xưa mấy nhà!
Ở đấy hoặc có lâu, đài, các,
Hay chỉ ít nhiều cây, cỏ, hoa?

Nhưng hẳn từ ngày có Tây sang,
Mời rào chuồng sắt nuôi bách-thú.
Thú lạ, chim đẹp, cây cối râm,
Đường lối thanh-quang, phong-cảnh thú.

Trong ba tháng hạ, lắm người chơi,
Lại nhất chiều mát càng đông đủ.
Ông Tây, bà Đầm, Nhật-bản, Khách,
Phán, Ký, làng Nho, bồi, bếp, vú.

Xe xe, ngựa ngựa, lại người người,
Đứng đứng, đi đi, nói nói cười.
Bướm-bướm cánh bay màu áo phất,
Ngọc-lan hương thoảng nước hoa rơi.

Chiều quá khách chơi về đã vắng,
Gốc cây thơ-thần một mình ngồi.
Cây xanh, nước biếc, hồng tung bụi, (1)
Ngao-ngán tình riêng nhớ nhớ ai! (2)

(1-2) Trước là: *Ở Lỵ, Trần, Lẻ dàu mất cả!*
Mà thấy hươn nai dủng dĩnh chơi.

197. — La-ga Hàng Cỏ.

Thường thường đôi khi về chơi Hà,
Chơi chán trò chơi trở lại nhà.
Gần sáng nghe động xe-diện chạy,
Cao-su cũng tit kè la-ga.

La-ga lúc ấy đèn choang sáng,
Xôn-xao rối lộn Tây, Tàu, Ta.
Đủ cả thầy, cô, lân anh, chị,
Biết bao thằng, con, cùng ông, bà?

Cửa cũng như người vô-số hạng,
Kẻ mang, người xách, đưa bê, tha,
Va-li, khăn gói, bồ, thùng, dầy,
Bướm vàng, sống lĩnh, vòng, hột, hoa.

Vé phát hành-khách, vé đồ-vật,
Hạng tư, hạng nhất, hạng nhì, ba.
Bốn cửa vé đi, bốn đường chạy,
Chen nhau vào lấy, tranh nhau ra.

Kẻ ra Hải-phòng, kẻ đi Vinh,
Kẻ ngược Lao-kay, kẻ lên Lạng.
Chuyến ấy qua xong, chuyến khác về,
Sớm sớm, trưa, chiều, đưa đón rước.

Bao nhiêu nhanh chóng, bấy nhiêu tiền,
Đã tiện cho dân, lại lợi nước.
Nghĩ xem một việc đường hỏa-xa,
Thực người đời nay sướng hơn trước.

198. — Khuyên thanh-niên học-hành (1)

Ta sinh ra đời cạnh-tranh,
Muốn sinh-tồn theo bước văn-minh,
Ngày xuân đương độ tuổi xanh,
Ta khuyên nhau cố công học-hành.

Trời cho ta sẵn thông-minh,
Chỉ chuyên-cần tuổi xanh chẳng phụ,
Làm tài trai vẫy-vùng vũ-trụ,
Bước đường đời muôn dặm phong-vân.

Học-đường ta hãy dễ chân,
Đi xa ta bước tự gần.
Hội gió mây xoay vần mấy lúc,
Bực tài-danh ta cố học mà nên.

Thanh-niên, hỡi bạn thanh-niên !
Cùng nhau ta cố gắng để tiến lên cho kịp người.
Ít câu ta hát vui chơi,
Anh em ghi nhớ mà vui học-hành.
Chớ quên cái chí đua ganh.

(1-2) Hai bài thơ lối mới này Tản-Đà tiên-sinh cũng mới đặt ra, không phải là thể cũ.

199. — Khuyên người giúp dân lụt.

Này những ai, này những ai,
Ai có nghe rằng việc thủy-tai :
Tỉnh Bắc, tỉnh Đông, cùng tỉnh Thái,
Ruộng ngập nhà chìm, thây chết trôi.

Thây chết trôi, trôi thời trôi,
Ai người tìm vớt lúc thiên-tai !
Những mạng chết ai đành đã thế,
Người còn sống sót nghĩ thương ôi !

Nghĩ thương ôi ! Ai những người,
Trời làm tai vạ biết kêu ai.
Đói thời chịu đói, rét chịu rét,
Đầy vơi mặt nước, lệ đầy vơi.

Lệ đầy vơi, tình chia phôi,
Bồng bế con thơ bán khắp nơi :
Năm hào một đứa trẻ lên sáu,
Cha còn sống đó, con bồ-côi.

Con bồ-côi, tình thương ôi !
Trời làm tai vạ phải chia phôi.
Sinh con ai nỡ đang lòng bán,
Thương con nào biết lấy gì nuôi.

Lấy gì nuôi, lúc thiên-tai,
Chẳng có ngô mà chẳng có khoai,
Miếng ăn chẳng có, con nhìn bố,
Nông-nỗi như kia, đáng ngậm-ngùi!

Đáng ngậm-ngùi, ai hỡi ai!
Ăn sung mặc sướng ngồi thanh-thơi,
Nghĩ kẻ cơ-hàn nơi nước lụt,
Như ai khi cũng dạ đầy vơi.

Dạ đầy vơi, thương cùng ai,
Thương người khổ-hại lúc thiên-tai.
Hai chữ « đồng-bào » ân-nghĩa nặng,
Đùm nhau lành rách, hỡi ai ơi!

Hỡi ai ơi! là những người,
Ông trên mạn ngược, bà vùng xuôi,
Có nhiều cho nhiều, ít cho ít,
Cứu kẻ bần-dân lúc thủy-tai.

Lúc thủy-tai, này ai ơi!
Quý tiếc yêu thương lấy giống-nòi.
Con cháu Rồng, Tiên khi đã bĩ,
Đừng nên rẻ-rúng bỏ nhau hoài!

Tản-Đà Xuân-Sắc

200. — Pháo Giao-thừa của nhà Thi-sĩ.

Đêm Giao-thừa năm Quý-Dậu với năm Giáp-Tuất, bốn bên hàng phố, pháo đốt thi nhau, đại-khai « lạch tạch dùng ! ». Một lúc rồi hết. Nhà Thi-sĩ nghèo không có pháo, nhân cầm bút viết bài văn ; bà con ai có nghe, có lẽ cũng thấy như « lạch, tạch, dùng » một lúc rồi hết.

Từ khi về Sơn-tây nhờ các bạn của *An-nam tạp-chí* không ngày nào rút ; trong lúc tương-lai man-mác, có tập mấy câu Kiều đề khiên-hoài :

*Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Nhường gần rừng tía, nhường xa bụi hồng.
Bốn bề bát-ngát xa trông,
Nước bèo để chữ tương-phùng kiếp sau !*

Trong khi cảm-tưởng bồi-hồi bỗng nghĩ câu nói của ông Gia-Cát : « 操 破 荆 州 英 雄 無 用 武 之 地 » (*Tháo phá Kinh-châu : anh-hùng vô dụng võ chi địa*). « Tào-Tháo đánh võ Kinh-châu,

anh-hùng không có đất dùng võ». Thời thấy *An-nam tap-chi* mất, nhà Thi-sĩ cũng không có đất dùng văn !

Trông ra ngoài trước cửa, *gió đưa cảnh trúc la-đà*. Thời lại nghĩ câu văn của cổ-nhân thật hay : Mà vì cái thân cây trúc-chỉ (1) nhỏ yếu như kia, mà lá thì to lớn. Xuân qua hạ tới, *đầu tường lửa lựu lập-lòe đâm bông* : Trông thấy cây lựu ở mạn tường, khoảng mười một giờ sáng, hoa đỏ như lửa, thời nghĩ ông Nguyễn-Du thực cũng hay chữ thay ! Thấm-thoát không bao lâu mà *lộp-bộp ngô-đồng rụng lá thu* !

Chợt thấy cái cảnh ấy thời lại biết mùa hạ đã bỏ ta đi vậy.

Trúc xuân, lựu hạ, ngô-đồng thu, bao nhiêu cây cảnh ở quanh nhà, trái tỏ bạc ác vàng, như có ý vì ai yên-ủi, phong-cảnh vẫn như nhân, mà ngày tháng thực rất kịp !

Lại thấm-thoát không bao lâu mà đến nay tiếng pháo Giao-thừa đã báo hết năm vậy.

(1) Thù trúc nhỏ thân cây vàng mà có chỉ xanh trong. Trong « *Giấc mộng con* » : « *Cảnh lê xương khóm trúc-chỉ* » lúc cây đó.

Òi thôi ! năm Quý-Dậu thật đã theo cùng những tiếng đi-dùng của ai đó mà thôi thế là thôi.

Mỗi một năm của người đời, đáng có giá-trị là mấy ? Mà như năm Quý-Dậu của ta mới qua khỏi, *nghĩ thời còn có ra chi !*

Nhân hồi-tưởng từ nửa đêm nay thuộc năm Quý-Dậu trở về trước, « Giấc mộng con » là mộng ! « Giấc mộng lớn » cũng là mộng !

Duyên trái Hà-thành, thi bay Nam-định đã là mộng !

Chủ-bút báo « Hữu-Thanh », chủ-sự báo « An-nam », chẳng qua cũng là mộng !

Diễn-thuyết Tri-Tri, giảng học Hồng-Bàng đã là mộng !

Thư-diễm phố Hà-nội, biệt-thự đồi Vĩnh-yên, chẳng qua cũng là mộng !

Nghĩ vậy thời lại thấy bao năm trước năm Quý-Dậu đó, đều cũng chẳng có chi là giá-trị, mà cứ gì Quý-Dậu một năm ?

Những cái vết đã qua trong bấy nhiêu năm, không có giá-trị đã như kia mà lại chỉ có cái sức mạnh thực ác-nghiệt làm cho ai từ « cậu » lên

« ông », từ ông lên « cụ », đầu xanh nên trắng, má hồng (1) xạm đen.

*Đời người đã nửa đưa chen,
Đêm khuya trơ một ngọn đèn hắt-hiu.*

Nửa đêm về trước thuộc về năm trước trở về trước.

Nửa đêm về sau thuộc về năm sau trở về sau.

Năm sau đây là gì? Sẽ mà đã là năm Giáp-Tuất.

Từ năm Giáp-Tuất này trở đi, xuân, hạ, thu, đông, chắc lại sẽ như những năm trước mà rồi bao nhiêu những cái hy-vọng mới, chắc lại không biết sẽ từ đâu đem đến chứa-chất trong lòng ai.

Những cái hy-vọng ấy, sẽ rồi khai-hoa kết-quả ra sao? Tuy chưa biết được rõ; song mà có một lẽ có thể đoán là nó lại sắp như thể đầu *tường lửa lựu*, đốt cho ai cháy hết cái xuân tàn.

(1) Hai chữ « má hồng » lấy ở chữ « hồng nhan » ở Hán-văn. Nguyên hai chữ « hồng nhan » không những nói về đàn-bà, mà cũng có nói cả về đàn ông. Trong Đường-thi có câu « Hồng nhan khi hiên miện, bạch thủ ngọa tùng vân ». 紅顏棄軒冕白首臥松雲. Câu đó nói vào ông Mạnh-Hiệu-Nhiên. Hai chữ « hồng-nhan » chỉ là nói lúc tuổi trẻ, mặt còn đỏ hồng hào.

*Bền chi sắt dạ vàng gan ?
Mà đâu chịu nổi lửa than lò cừ !*

Càng nghĩ đến bước đường sắp đi, mà trong lòng càng sợ, sợ mà muốn lùi lại.

Lùi sao đặng ?

Ông Tạo-hóa đã đặt một pho máy ở sau lưng ai đó, máy vùn gió giục, bắt đi mau trong cõi hồng-trần.

*Ác thay ông báo hồng-quân !
Càng cho nhau mãi cái xuân càng già !*

Buồn chẳng ai ?

Người ta sinh ra ở trong đời, cảnh-ngộ tuy có khác nhau, mà từ bé rồi phải lớn, từ lớn rồi phải già, cùng theo một luật-pháp nhất-định. Đã chẳng ai hơn, chẳng ai kém, thời nghĩ cũng chẳng ai nên buồn.

Sự buồn đã không là chánh-đáng, mà tính-chất của cái buồn lại rất có hại cho *xuân-sắc*.

Vậy thời ai có xuân đó, chính nên phải vui.

Huống chi cũ dẫu đi, mà *xuân* mới lại đến, đến còn sẽ lại đến mãi, thời đêm *xuân* ấy *xuân* khác, ngày *xuân* ta hãy còn dài.

*Công-danh sự-nghiệp mặc đời,
Một bên be rượu, bên thời bài thơ...*

Sông Đà núi Tản đúc nên ai,
Trần-thế xưa nay được mấy người?
Trung hiếu vẹn tròn hai khối ngọc,
Thanh-cao phô trắng một cành mai.
Bạc tiền gió thoảng, thơ đầy túi;
Danh-lợi bèo trôi, rượu nặng nai.
Giáp-Tuất Trời sai Tiên-nữ xuống,
« Thiên-thu » đặc-cách cái xuân dài.

Lạch, tạch, dùng !

Tản-Đà NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

Tản-Đà Song-Thất

*Các bài hai câu bảy chữ ở trên, tiếp một câu sáu tám
ở dưới (Song-thất lục-bát)*

201. — Trông hạc bay.

(Đề tranh ở nhà cụ Mai-Toàn-Xuân)

Trông khắp trần-gian hết thú chơi,

Thèm trông con hạc nó lên trời.

Hạc kia bay bổng tuyệt-vời,

Hỏi thăm cung Nguyệt cho người trọ không?

202. — Ngẫu-hưng.

Ngổ môi ra, cũng thẹn-thùng,

Đêm xuân ai dễ cầm lòng cho đang.

Liều mấy chữ gửi làng khuê-tú, (1)

Mảnh gương Nga soi có thấu lòng?

Ai ơi! Đợi với tôi cùng,

Bổ công trang-diễm má hồng răng đen.

(1) *Khuê-tú*, người đẹp ở trong buồng, người con gái khuê-các có sắc đẹp.

203. — Mưa thu đất khách.

Mưa, mưa mãi, ngày đêm rả-rích.
 Giọt mưa thu, dạ khách đầy vơi.
 Những ai mặt biển chân trời,
 Nghe mưa ai có nhớ nhời nước non.

204. — Một trứng trăm trai.

Sử sách thuở hồng-hoang (1) chưa có,
 Miệng đồn không há có tin nào?
 Hai mươi năm triệu đồng-bào,
 Nguồn xa, cội cũ biết bao nhiêu là...
 Khen ai khéo bày ra quái gỡ,
 Trứng trăm trai sinh nở lạ thường!
 Cho hay là sự hoang-dường, (2)
 Giòng khôn, khôn nhẽ giống nhường chim
 [muông? (3)]

(1) *Hồng-hoang* là lúc cổ xưa còn mọi rợ.

(2) *Hoang-dường* là câu truyện mơ hồ từ đời xưa còn man mọi truyền lại không có bằng-cứ gì.

(3) Bài này Tản-Đà tiên-sinh phản-đối cái thuyết « một trứng trăm trai » cho là giòng thần tiên đâu lại có trứng đẻ ra nở như chim muông. Song Sử ta cho kỳ dị như thế mới thần tiên.

205. — Tiết-phụ-hành.

Bà tiết-phụ trong họ Tản-Đà tiên-sinh.

Trăm năm trong cõi người ta,
 Trai thời trung hiếu (1), đàn bà tiết-trinh. (2)
 Cuộc nhân-thế (3) xoay vần dầu bể,
 Mỗi cương thường (4) ai dễ xem khinh.
 Trời Nam sáng vẻ văn-minh (5),
 Họ Phan một gái hiền-sinh (6) trên đời.

(1) *Tiết-phụ-hành* tức là bài hát người đàn bà giữ trinh-tiết, chồng chết còn trẻ, không đi lấy chồng khác, chịu bền lòng ở lại thờ chồng. *Hành* là bài hát — *Tỳ-bà-hành* là bài hát Tỳ-bà.

(2) *Trung*, một lòng ngay thẳng không thay đổi dễ thờ vua; *hiếu*, một lòng thảo hiền phụng dưỡng cha mẹ.

(3) *Tiết*, người giữ lễ lúc nào cũng như lúc nào, không thay đổi; *trinh*, người dễ riêng thân mình lòng mình đối với chồng, không có người thứ hai nào được mớ đến mình hay được mình nghĩ đến nữa.

(4) *Cương* là ba mối giường làm người (tam-cương): quân thần (vua tôi) phụ tử (cha con) phu phụ (vợ chồng); *thường* là năm đạo ngày thường phải dùng đến để cư-xử ở đời: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

(5) *Văn-minh* là văn-hóa sáng sủa, trái với *giã-man*.

(6) *Hiền sinh* là xuất-hiện rõ-ràng ra ở đời, dễ rõ ra, rõ-ràng sinh dễ ra ở đời như người thần-tiên hiển-hiện mượn cửa nhân-gian mà sinh ra ở đời.

Núi Sài-son là nơi quê quán,
 Xe hương (1) về họ Nguyễn làm dâu.
 Dâu con một đạo chân-tu, (2)
 Áo nâng khuya sớm, canh hầu hôm mai.
 Chữ cầm sắt sắc tài (3) ưa đẹp,
 Vẻ trâm-anh (4) một nếp đôi nhà.
 Nhân-sinh đệ-nhất (5) thực là !
 Nhân-gian (6) một bóng trăng già soi chung !
 Bốn năm chẵn, tơ hồng sớm đứt,
 Kẻ tri-âm lánh khuất cõi đời.
 Đầu xanh riêng lẻ mình ai !
 Tuổi xanh thoát đã ra ngoài bốn mươi !

(1) *Xe hương* là cái xe thơm, xe đàn bà con gái đi.

(2) *Chân-tu* là thực sửa-sang đức-hạnh, thực là hạng người biết giữ gìn nét-na đạo-đức không giả dối.

(3) *Cầm sắt* là nói vợ chồng hòa-thuận vui-vẻ, *sắc tài* là nói vợ chồng đẹp vừa đôi.

(4) *Trâm-anh* là con nhà quan quý, cài trâm, đội mũ có giải.

(5) *Nhân-sinh đệ-nhất* là đời người thứ một, nói sống ở đời như thế là nhất không còn có gì hơn được nữa.

(6) *Nhân-gian* là người ta, cõi đời người ta ở.

Duyên đã ngắn, năm dài vô-tận ! (1)
Bể phù-sinh, chiếc bách sóng dồi ! (2)
May thuê và mướn lần-hồi !
Ngày trông lá rụng ! Đêm ngồi gió thu !
Áng son phấn tuyết-mù xa cách,
Đạo kiên-trinh (3) quyết gánh lấy mình.
Trăm năm một gối phong-trần,
Ngàn năm để khách thoa-quần một gương.

(1) *Vô-tận* là không hết. Câu này nói : Cái cuộc tình duyên ngắn ngủi, chồng chết đi buồn, thấy năm hóa dài ra không bao giờ hết.

(2) *Phù-sinh* là kiếp người như mây nổi, cõi đời như cái bể chứa cái sóng trôi nổi của người ta, người đàn bà chết chồng như chiếc thuyền gỗ trác nổi lênh-bềnh mà không có người lái, lại còn bị sóng lay nguy hiểm, buồn thảm hết sức.

(3) *Kiên-trinh* là bền giữ, cái đạo giữ riêng thân-thể cho chồng, không để ai là người thứ hai biết đến.

206. — Lưu Nguyễn vào Thiên-thai.*(Thuật theo một bài cổ-văn Tàu)*

Xưa đời Hán ở bên Trung-quốc, (1)
 Tiết Đoan-dương (2) hái thuốc là ai?
 Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu hai người,
 Rủ nhau vào núi Thiên-thai một ngày.
 Đường luồn-quần đông tây chẳng biết,
 Lương mang theo đã hết, không còn.
 Đào đâu, trông thấy đầu non,
 Bảo nhau lên hái ăn ngon đỡ lòng.
 Xuống dưới núi thấy giòng nước chảy,
 Hột cơm vừng bỗng nảy đầu ra.
 Cùng nhau vui sướng bao là,
 Rằng đây: hẳn nữa, không xa, có người.
 Lại qua tới một nơi đầu núi,
 Thấy hai cô con gái tuyết-trần, (3)

(1) *Trung-quốc* là nước ở giữa thiên-hạ, nước Tàu tự xưng nước ấy là một nước đứng ở giữa, còn các nước chung quanh là phụ-thuộc cả.

(2) *Đoan-dương* là chính giữa cái khí dương nóng-nảy, giữa mùa hè, tức là tết mồng 5 tháng 5 ta.

(3) *Tuyết-trần* là cái cao tuyết đến bụi rất mực ở trong cái đời bụi bặm này, cái gì hơn nhất ở đời, hay nói về sự đẹp cho là tốt bụi trần-gian.

Gọi ngay Nguyễn-Triệu, Lưu-Thần,
Hỏi sao đến muộn cho phần chờ lâu.
Biết nhau mới, cùng nhau như cũ,
Theo hai cô mời rủ lại nhà,
Nhà lan huệ, áo lụa là,
Giường màn sấn đỏ, ngọc ngà thiếu chi!
Khấp sau trước nhìn đi ngoảnh lại,
Ngoài hai cô con gái còn ai?
Toàn không một kẻ con trai,
Bạn trai chỉ có hai người là ta.
Ngồi một lát, bưng ra cơm rượu,
Cơm vùng thơm khác kiểu cơm thường.
Nem dê, ngon béo lạ thường,
Rượu ngon chuốc chén, hai chàng cùng xơi.
Khách đâu đến mấy người bạn gái,
Mỗi người đem dăm trái đào tơ.
Dâng đào vui-vẻ chào thưa:
Mừng hai rỗi mới bây giờ kết-duyên. (1)
Khấp chúng bạn, nhạc tiên đem gảy,
Buổi chiều hôm ai nấy lại về...

(1) *Kết-duyên* là buộc cái giây bò leo lại nhau, trai gái lấy nhau làm vợ chồng.

Hai chàng ở lại ngủ-nghe,
 Động-phòng (1) làm lễ, phu thê (2) vui-vầy.
 Năm quên cả là chầy hay chóng,
 Tính hòm mai chừng đúng nửa năm.
 Nửa năm xuân-khi (3) êm-dềm,
 Bên tai trăm tiếng con chim gọi sầu.
 Lưu với Nguyễn cùng nhau thơ-thần,
 Nhớ quê hương lẫn-thần xin về.
 Hai cô thương xót trăm bề,
 Rằng: « Hai anh đã muốn về thì thôi.
 « Thật nhờ có phúc đời đề lại,
 « Cho các anh được tới nơi đây.
 « Trần-gian (4) chưa hết tội đây,
 « Vui cùng tiên-nữ mà rầy xin đi ».

Mở cửa động ca thi tiễn khách,
 Thôi từ đây xa cách chư-tiên. (5)

(1) *Động-phòng* là cái buồng kín sâu thẳm ở tận cùng trong nhà, chỗ kín-đáo rất mực cho hai vợ chồng mới cưới ở.

(2) *Phu-thê* là chồng vợ, phu là chồng, thê là vợ.

(3) *Xuân-khi* là hơi xuân, không-khi mùa xuân.

(4) *Trần-gian* là khoảng nhớ bụi, cõi đời người ở.

(5) *Chư-tiên* là những người tiên.

Nguyễn, Lưu hai gã bạn hiền,
Cùng nhau lại trở lại miền thế-gian. (1)
Xa chẳng mấy, đến bên đường cái,
Về đến làng không một ai quen.
Bầy đời con cháu lớn lên,
Chỉ nghe cụ hái thuốc tiền không về.
Buồn lúc ấy không quê không quán,
Nỗi bơ-vơ chán-nản cõi đời.
Thiên-thai trở lại tìm ai,
Thời thời cửa động đã cài then hoa.

(1) *Thế-gian* là cõi đời, khoảng có đời người ở với nhau.

207. — Cảnh vui của nhà nghèo.

Trong trần-thế (1) cảnh nghèo là khổ,
 Nỗi sinh-nhai (2) khổn-khó qua ngày.

Quanh năm gạo chịu tiền vay,
 Vợ chồng lo tính hôm rầy, hôm mai.
 Áo lành rách vá may đắp-diểm,
 Nhà ở thuê chật hẹp quanh co.

Tạm yên, đủ ấm, vừa no,
 Cái buồn khôn xiết, cái lo khôn cùng-
 Con đi học, con bồng, con dắt,
 Lớn chưa khôn, lắt-nhất thơ ngây.

Hôm hôm lớn bé xum vầy,
 Cũng nên vui-vẻ mà khuây nỗi buồn.
 Nghĩ thiên-hạ (3) cho con đi học,
 Cảnh phong-lưu phú-lúc (4) nói chi.

(1) *Trần-thế* là cái đời như bụi, cõi đời người.

(2) *Sinh-nhai* là cái bờ bến sự sống, ta mượn nói chuyện sự làm ăn để cầu lấy sống.

(3) *Thiên hạ* là ở dưới gầm trời này, ta mượn để nói chung mọi người.

(4) *Phong-lưu* là như gió thoảng, nước trôi, để nói chuyện chơi bời trai gái, ta mượn để chỉ sự người dễ chịu khá-giả, có tiền ăn tiêu; *phú-lúc* là giàu có, no cơm đủ áo.

Những ai bần-bạc hàn-vi, (1)
Lo buồn đã vậy, vui thì cũng vui.
Tan buổi học, mẹ ngồi tựa cửa,
Mắt trông con, đưa đưa về dần.
Xa xa con đã tới gần,
Các con về đủ, quây-quần bữa ăn.
Cơm dưa muối khó-khăn mới có,
Của không ngon, nhà khó cũng ngon.
Khi vui câu chuyện thêm giòn,
Chồng chồng, vợ vợ, con con, một nhà.
Ăn rồi học tối qua lại sáng,
Ít tiền tiêu ngày tháng thanh-thời.
Chiều chiều, tối tối, mai mai,
Miễn sao no đủ, việc đời quản chi.
Con nhà khó, nhiều khi vất-vả,
Ngoài học-đường (2), thư-thả được đâu.
Khi thời quây nước tưới rau,
Chợ tan đón gánh theo sau mẹ già.
Việc giấy bút vẫn là đi học,
Cảnh gia-đình khó-nhọc nhường ai.
Vi chẳng có chi, có tài,
Khi nên trời cũng cho người làm nên.

(1) *Bần-bạc* là nghèo đói mỏng-mảnh; *hàn-vi* là rét mướt, tẩm thân nhỏ mọn, nghèo hèn đói rét.

(2) *Học-đường* là nhà học.

Khấp xã-hội nghèo hèn ai đó,
Mẹ thương con thời cổ công nuôi.
Những con nhà khó kia ơi,
Có thương cha mẹ thì vui học-hành.
Cũng chẳng kể thành-danh (1) lúc khác,
Trời đã cho, bước bước càng hay.
Nghèo mà học được như nay,
Vinh-hoa (2) chưa dễ sánh tầy cái vui.
Trong trần-thế nhiều nơi phú-quý,
Nỗi buồn riêng ai ví như ai.
Bày ra cái cảnh có trời,
Vui buồn cũng ở tự người thế-gian. (3)

(1) *Thành-danh* là làm nên danh tiếng, gây nên danh giá, học đã có tên đỗ trên bảng.

(2) *Vinh-hoa* là vẻ vang tươi tốt.

(3) Bài này Tản-Đà tiên-sinh đã tả cảnh một gia-đình nhà ở gần nơi tiên-sinh trọ làm văn, thấy nhà ấy nghèo mà vui thì tả nên bài ca này cho con trẻ nhà ấy học, cho chúng biết vui cảnh nhà và cố sức chăm chỉ học cho thành tài. (Nguyễn-Mạnh-Bồng)

208. — Vợ chồng người đốt than.

Đèn Hà-nội sáng choang lửa điện,
Quanh hồ Gươm xe điện, cao-su.

Rừng Ngang sương khói mịt-mù,
Gió âm, trăng lạnh, cây lù-mù đen.

Rừng một giải, cây chen vạn gốc;
Gốc cây rừng, một nóc nhà tranh.

Trong nhà một ngọn đèn xanh,
Dưới đèn mờ vẽ bức tranh ba người:

Con thời quấy, vợ thời miệng dô,
Chồng lui-cui đan giỏ đựng than.

Đêm khuya, con ngủ, đèn tàn,
Một hai thế-sự (1), muôn vàn tình-thâm: (2)

— « Chàng, chàng hỡi! Tri-âm từ thuở,
« Nỗi sinh-nhai riu, búa, bếp, lò.

(1) *Thế-sự* là việc đời, công việc của người đời.

(2) *Tình-thâm* là tình sâu, cái tình nặng ơn sâu.

- « Nghĩ mình cũng đứng trượng-phu, (1)
 « Tây, nho chữ nghĩa không thua chi đời.
 « Đời nào đã mấy ai tài tri? (2)
 « Cũng vinh-hoa phú-quý như không.
 « Cũng xe bóng, cũng ngựa hồng,
 « Cũng trăm, nghìn, vạn bạc đồng trong tay.
 « Chẳng chẳng nghĩ cho tây người khác,
 « Lối công-danh (3) chen bước kịp thì.
 « Làm cho phỉ chí nam-nhi! (4)
 « Trước là phu-quý, sau thì phụ-vinh.
 « Chẳng hơn ở rừng xanh một giải,
 « Sớm sương non, tối lại trăng ngàn.
 « Bồng-bong đôi mớ củ tàn!
 « Con neho-nhóc đói! Vợ than-thở nghèo! »

(1) *Trượng-phu* là người vững chí bền lòng giữ một đạo trung-trực, anh-hùng, khi-phách. Thầy Mạnh-Tử bảo: Người trượng-phu là người giàu sang không đưa vào con đường tà-dâm; được nghèo hèn cũng không khiến cho thay lòng đổi chí được; đem oai-quyền, dùng vũ-lực ra đe nén cũng không khuất-phục được; lúc nào cũng cứ một mực ăn ở theo lẽ phải mà thôi.

(2) *Tài-tri* là người có năng-lực tài-cán và khôn-ngoa đem cái sức giỏi ra làm việc, cái óc khôn ra học-hành suy-nghĩ công kia việc nọ.

(3) *Công-danh* là người có sự nghiệp xứng đáng, làm nên tiếng-tầm lừng-lẫy, thi đỗ, ra làm việc giúp đời.

(4) *Nam-nhi* là con trai, người đàn ông trẻ tuổi.

— « Minh, mình hỡi! Nghĩ sao mà hẹp,
« Kiếp ở đời là kiếp phù-sinh,
« Máy vàng, chớp nhoáng bên mình,
« Sinh sinh, hóa hóa, cái hình phù-du. (1)
« Xưa nay ngấm sang giàu cũng lắm,
« Cuộc trăm năm trơ nắm đất vàng,
« Cõi đời nghĩ đã mơ-màng,
« Nỗi đời lắm lúc nghĩ càng thêm đau.
« Minh chẳng thấy kêu sầu mùa hạ,
« Con quốc kia giòng-giã nắng mưa?
« Ấy hồn Thục-Đế khi xưa,
« Bởi đâu thương tiếc hồn chưa hết hồn?
« Lại chẳng thấy kêu buồn con mối,
« Tắc lười kêu, khơi mối nào-nùng?
« Ấy xưa cự-phú (2) Thạch-Sùng,
« Bởi đâu thương tiếc cho lòng còn căm?
« Lại lắm kẻ còn lắm phú quý,
« Lắm đầu lơn, luồn lụy vào ra,
« Chồng chồng, vợ vợ vinh-hoa,
« Mà trong vinh-hiễn (3) xót-xa đã nhiều!

(1) *Phù-du*, con vờ sáng nở ra, tối chết, xác đầy ở bờ sông.

(2) *Cự-phú*, người giàu to, lắm tiền bạc.

(3) *Vinh-hiễn*, vẻ-vang rõ-rệt, làm nên vua biết mặt nước biết tên, có sự-nghệp rõ-ràng.

- « Cũng có kẻ hồn tiêu mũi bẻ,
 « Ngọn trào tan giọt lệ gia-hương. (1)
 « Người thời tội gánh nợ mang,
 « Kể thời con bán, vợ nhường chia tan !
 « Đời sâu-thẳm muôn vản xiết kể,
 « Cảnh phong-lưu (2) ai dễ hơn thầy ?
 « Bụi hồng mặc khách đông tây,
 « Quầy than đứng-dỉnh tháng ngày tiêu-dao. (3)
 « Nhà tranh cỏ leo-leo mà mát,
 « Cơm muối rura xương nhạt càng thanh.
 « Đồi phen ngọn suối đầu ghềnh,
 « Vui duyên trăng gió, mặn tình cỏ hoa.
 « Khi than đất, rượu ba bầu hớp,
 « Vợ, chồng, con hòa-hợp một đoàn.
 « Thú vui lắm thú thanh-nhàn, (4)
 « Khúc ca tiếng hạc, cung đàn gió thông.

(1) *Gia-hương* là nhà và làng, quê nhà.

(2) *Phong-lưu* vốn nghĩa đen là gió thổi nước trôi, nguyên xưa dùng chỉ đề chỉ những sự chơi bời lãng mạn gió trăng trai gái, sau ta dùng đề chỉ vào những nhà có tiền thừa có thể ăn chơi được.

(3) *Tiêu-dao* là người có rỗi thì giờ đi du-lịch giải-trí, nay cảnh này mai đất khác, như một vị thần tiên, sau dùng đề chỉ sự chơi bời cho qua thì giờ.

(4) *Thanh-nhàn* là người trong sạch, không có vướng lụy gì với đời; người đã rũ sạch các sự vướng-vất như bản với đời; sau dùng đề nói người có rỗi thì giờ.

« Sương đến thề mà không biết sương?

« Còn than thân mong tưởng như ai.

« Đại dâu có đại lạ đời?

« Ngu đâu mà lại có người quá ngu?

« Người phải biết tự-do là thù,

« Mất tự-do còn có ra chi.

« Canh tàn, thời liệu ngủ đi,

« Ngủ cho đầy giấc, mai thì bán than. » (1)

*(Nguyên bài của ông Nghiêm-Xuân-Lan,
Tản-Đà tiên-sinh đã tô-diễm
sửa chữa lại hầu hết).*

(1) Nguyên bài này, lúc Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu tiên-sinh làm Chủ-bút « Hữu-Thanh » với tôi, ông bạn đồng-học với tôi, Nghiêm-Xuân-Lan, Giáo-học trường Mỹ-đức lai-cáo; thấy hay, tuy lời chưa ổn mà đã có ý cao nên Tản-Đà tiên-sinh mời ông Lan ra xin chữa lại; sự chữa gần hết cả bài, nên chúng tôi đề vào Tản-Đà vận-văn, tưởng bạn Nghiêm-Xuân-Lan cũng vui lòng công-nhận là tác-phẩm của thi-sĩ Tản-Đà cùng bạn. (N.M.B.)

209. — Nước thu.

(Lấy từ ở văn Trang-Tử)

Trời thu đến, nước thu dàu đến,
 Trăm sông con dội hết sông Hà. (1)
 Láng-lai giòng lớn bờ xa,
 Hai bên trâu ngựa nom đà lẫn nhau.
 Chú Hà-Bá (2) vênh râu đắc-chí,
 Nghĩ thế-gian ai vi bằng ta.
 Giòng Đông thuận nẻo đi ra,
 Đến nơi bể Bắc trông mà lạ sao !
 Trời in nước thấy dàu dàu cuối,
 Hà-Bá ta hết nổi tự-hùng, (3)
 Càng xem lượng bể mệnh-mông,
 Vái anh Thần Bể then-thùng thở-than :
 « Tôi thấy bác muôn vàn rộng-rãi,
 « Nghĩ cho tôi cũng lại là may !

(1) Hà là sông Hoàng-hà, con sông lớn nhất bên Tàu.

(2) Hà-Bá là ông Thần sông, do trí tưởng-tượng của người xưa : đất có Thổ-Công, sông có Hà-Bá, thần coi sông.

(3) Tự-hùng là tự mình cho mình là mạnh, tự cho làm hơn người.

« Vi mà tôi chẳng tới đây,
 « Thẹn cùng trưởng-giả (1) biết ngày nào thôi. »
 Thần bề Bắc : « Hỡi ơi ! Hà-Bá !
 « Thật như người đạo cả chưa tường.
 « Bề khơi đã biết tìm đường,
 « Thời nay ta nhủ rõ-ràng, người nghe :
 « Khấp thiên-hạ nơi bề cả nước,
 « Đề đầu hơn bề Bắc là đây.
 « Muốn sông về mãi không đầy,
 « Biết bao giờ dũa, mà ngày nào vơi.
 « Xuân cũng thế, thu thời cũng thế :
 « Thủy hạn (2) đâu không kẻ biết chi.
 « Nếu đem lượng bề so-bì,
 « Giang-hà (3) đã có thắm gì là to !
 « Mà ta vẫn nghĩ cho là bé,
 « Khoảng đất trời chưa kẻ vào đầu.
 « Xem như núi cả, rừng sâu,
 « Cái thân hòn cuội, cây lau xá gì ! »

(1) *Trưởng-giả*, người lớn, người hơn mình, người ở bậc trên ; sau người ta dùng hai chữ *Trưởng-giả* để nói các ông nhà giàu mới nổi lên hơn kẻ khác.

(2) *Thủy* là nước, *hạn* là nắng, hai chữ *thủy hạn* hợp lại để nói sự lụt nước to và nắng khô đồng cạn sông, làm mất mùa cấy cấy của nhà nông.

(3) *Giang* là sông con, *hà* là sông cái, hợp cả hai chữ *giang hà* lại để gồm nói các con sông nhỏ sông to.

210. — Đêm đông hoài-cảm. (1)

Trăm năm nghĩ đời người có mấy,

Một đêm đông sao thấy dài thay!

Lạnh-lùng gió thổi sương bay,

Chập-chờn giắc bướm, canh chày lại canh.

Ngó trên án đèn xanh hiu-hắt,

Nghe tiếng kim... kỹ-cách giục giờ,

Đêm trường nghĩ vắn lo vơ,

Cái lo vô-tận, bao giờ là xong.

Thân nam-tử đứng trong trần-thế,

Cuộc trăm năm có dễ ru mà?

Có đời mà đã có ta,

Sao cho thân-thế (2) không là cỏ cây.

Đời có kẻ đường mây gặp bước,

Bước công-danh (3) sẵn trước trèo cao.

(1) *Hoài* là nhớ, *cảm* là thấy xúc-động đến tâm-hồn; *hoài-cảm* là tự-nhiên thấy trong lòng cảm-động nhớ tưởng đến sự này sự khác.

(2) *Thân* là thân-thể, xác thịt, *thế* là cả một đời; *thân-thế* là cái xác thịt mình sống ở trong đời.

(3) *Công-danh* là làm nên công-cán, sự-nghiệp ai cũng biết tên biết tiếng mình.

Thế-gian tỏ mặt anh-hào, (1)
Muôn nghìn mắt, miệng trông vào ngai-khen.
Cũng có kẻ tài hơn chữ lợi,
Trắng hai tay làm nổi lên giầu.
Chẳng khanh-tướng, chẳng công-hầu, (2)
Cũng bao vạn kẻ cúi đầu vào ra.
Ấy những hạng vinh-hoa phú-quý,
Làm tài trai đặc-chi (3) hơn người.
Trăm năm nghĩ cũng nên đời,
Trăm năm rồi nữa... biết thời ra sao ?
Lại những kẻ chi cao tài thấp,
Bước đường đời lấp-vấp quanh-co ;
Phong-lưu rồi đủ ấm no,
Kèm ra, lưu-lạc giang-hồ (4) cũng thân !
Nghĩ qua thử, khách trần bao kẻ,
Giật mình cho thân-thế trăm năm.

(1) *Anh-hào* là anh-hùng và hào-kiệt, người tài giỏi cả văn lẫn võ, có tài xuất-chúng, hơn mọi người khác.

(2) *Khanh-tướng công-hầu* là các chức quan đời xưa, quan to chức hơn cả.

(3) *Đặc-chi* là được thỏa lòng mong muốn ước-định của mình xưa nay.

(4) *Lưu-lạc giang-hồ* là trôi rụng vào sông vào ao, như quả rụng lá rơi vào giòng nước trôi nổi đi không biết đi đâu.

Mỗi đầu bối-rối tơ tằm,
 Lấy ai là kẻ đồng-tâm (1) gỡ cùng.
 Bước lặn-đạn thẹn-thùng sông núi,
 Mớ văn-chương thảng lui năm tàn,
 Lụy trần ngày tháng lan-man,
 Nỗi lòng riêng nghĩ muôn vàn càng thêm.
 Đền hiu-hắt, tiếng kim ký-cách,
 Mỡ sang canh (2) giục khách đòi cơn,
 Mạch sầu canh vắng như tuôn,
 Nhớ ai nước nước, non non bạn tình! (3)

(1) *Đồng-tâm*, cùng một tấm lòng, cùng một bụng một dạ, chung nhau một ý-nghĩ, một chí-hướng.

(2) Bài này làm lúc Tản Đà tiên-sinh ở Quảng-yên nghe trống cầm canh ở dinh Tuần-phủ gần nhà.

(3) Nhớ người có tình với non nước, người yêu nước coi nước như người tình-nhân của mình.

**211. — Ngày xuân nhớ cảnh
nhớ người xưa.**

Trời xuân hoa thắm non xanh,
Lo-thơ tóc trắng, một mình vào ra.
Bắc Nam nhớ bước quan-hà, (1)
Xa xa ngàn dặm đâu là cố-nhân? (2).

* * *

Ngồi nhớ lại khoảng xuân Đinh-Mão,
Báo « An-nam » bại-đảo tiền-phong. (3)
Nước non khơi diễm nghìn trùng,
Dư-đồ một bức ôm lòng ra đi. (4)

(1) *Quan-hà* là cửa nước và sông, dùng để chỉ sự đi lại qua đây đó, như người rời khỏi nước qua sang ngang sông đi xứ lạ; cũng để chỉ sự cách nẻo xa xôi nhau.

(2) *Cố-nhân* là người quen cũ, người bạn xưa.

(3) *Bại-đảo tiền-phong* là thua ngã ngay mũi giáo đầu, như đánh trận mới có mũi giáo đầu đã bị thua ngã ngay.

(4) *Tản-Đà tiên-sinh* có vẽ bức địa-đồ nước Nam để trên chỗ án-văn, đi đâu cũng đem theo cho đến lúc rách cũng vẫn cứ giữ lòng lúc nào cũng yêu tô quốc giang-sơn.

Ninh-bình hết Bắc-kỳ địa-giới, (1)
 Qua Thanh-hoa, vừa tối vô Vinh,
 Một đêm ngủ lại Hoan-thành, (2)
 Nẻo sang Hà-tĩnh : sông Danh, non Hồng-
 Nước núi Sốt (3) mát lòng tru-ái, (4)
 Trận mưa thu (5) dầm tưới quan-san,
 Cùng nhau bạn hữu chu-toàn,
 Đông-hà xe hỏa băng ngàn vô Kinh.
 Phong-cảnh đất Hương, Bình lưu-luyến,
 Đài Thuận-an cất chén trong khơi,
 Kinh-thành đã trải đòi nơi,
 Hải-vân vượt ải vào chơi Ngũ-hành.
 Đạo Cổ-tích gần quanh xứ Quảng,
 Đô vua Chiêm gần quăng Đồng-dương,
 Tường trơ đá đổ tan-hoang,
 Mấy con voi sứt nghênh-ngang châu trời.
 Cách tỉnh-ly bốn mươi cây số,
 Phạm với Trà hai họ còn như,

(1) *Địa-giới* là bờ cõi đất đai.

(2) *Hoan-thành* tên tỉnh Nghệ xưa gọi là *Hoan-châu*.

(3) Xin xem ở cuốn « *Giấc mộng lớn* » của tiên-sinh đã tả kỹ : người Hà-tĩnh đến ăn nước mạch ở núi Sốt chảy ra.

(4) *Tru-ái* là lo và yêu, lo nước, yêu nước.

(5) Từ Hà-tĩnh đi vào miền trong, quanh năm lúc nào cũng nắng nực, một trận mưa xuống là lạnh ra thu, các cụ đã có thơ xưa : « *từ-thời giai thị hạ, nhất vũ tiện vi thu* ».

Ấy giòng vua tướng Hời xưa,
 Nước non để lại bây giờ giống Chiêm. (1)
 Thú Đà-nẵng chơi xem qua trải,
 Đường vô Nam: Quảng-ngãi, Qui-nhơn,
 Xe hơi thẳng dặm hồng-trần, (2)
 Sông-cầu rồi nữa tới dần Nha-trang.
 Đường thiên-lý (3) bước sang xe hỏa,
 Bận Trung-kỳ từ giã đôi khi,
 Còi xe dứt khúc biệt-ly, (4)
 Biên-hòa, Thủ-đức coi thì đã Nam...
 Mãi đến Tý mười năm đã đứng,
 Trời còn xuân, ai cũng chưa già.
 Nào đâu cảnh khuất, người xa?
 Non xanh hoa thắm mà ta một mình!
 Xuân hồ hết, mối tình vương-vit,
 Mượn bút hoa ngồi viết nên thơ.
 Nước non còn nhớ người xưa?
 Bận tình còn nhớ bây giờ cố-nhàn?

(1) Xin xem «Giấc mộng lớn» của Tân-Đà đã tả kỹ cảnh người Chiêm-thành (Hời) này.

(2) Hồng-trần là bụi đỏ, bụi cát đỏ.

(3) Thiên-lý là nghìn dặm đường đi, con đường dài.

(4) Biệt-ly là chia tay cách mặt, lúc lìa nhau mỗi người đi mỗi ngã.

LỜI PHỤ-DẪN VỀ BÀI «NGÀY XUÂN NHỚ CẢNH NHỚ NGƯỜI XƯA» Ở TRÊN

Bài trên là bài sau mười năm đã thất-bại báo «An-nam tạp-chi» ở Hàng Lọng, tiên-sinh ôm bức địa-đồ ra đi, vào chơi Nam-kỳ, gặp ngày xuân viết lại câu chuyện mà ở cuốn «Giấc mộng lớn» tiên-sinh đã tả lại kỷ cuộc hành-trình ấy rồi. Ở đây chỉ là xúc-cảnh hưng-boài, thấy xuân này nhớ lại xuân xưa, nhớ các bạn cũ và cảm thấy non nước đã trải mười năm, công-nghiệp văn-chương chưa thấy làm cho giang-sơn sinh-sắc.

Phạm là con cháu Phạm-Dương-Mai, Trà là giòng giõi Trà-Toàn, đều là giống sói Chiêm-thành sau khi bị nước ta đã diệt-vong rồi; cả nước cả giống còn hai họ ở làng Trà-dương, thế mà đời đời vẫn cứ tranh dành nhau hơn kém. Cái chức tù-trưởng ở làng ấy, hai họ vẫn không có thương gì nhau, chỉ tranh nhau quyền-vị hào-huyền, hết sức vận-động quan tư hại nhau. Ôi! thế mới biết tự mình chia rẽ, tự mình hại nhau, không có tinh-thần hữu-ái hợp nhất thì tự mình đưa đến chỗ diệt-vong trước, rồi người mới đến mà làm cho mình diệt-vong sau. Cái gương tranh quyền-lợi chia rẽ đấy, xin ai soi vào mà sợ mới phải.

NGUYỄN-MẠNH-BÔNG.

212. — Xuân-hứng.

Giáp-Tuất qua rồi Ất-Hợi đây,
Ngày đi như biển, tháng như bay.
Tháng ngày bay biển năm ra khác,
Mà cái xuân tình chẳng đổi thay.

*
* *

Nhất cao là núi Ba-Vì,
Cây cao nhất núi chẳng gì bằng thông.
Trải bao xuân, hạ, thu, đông,
Càng strong phủ trắng cho tùng càng xanh.

Ngày xuân mới, ca oanh, mùa én,
Đổi non xanh, cắt chén rượu đào.
Hương đưa mùi rượu ngọt ngào,
Gió thông trên núi quạt vào hồn thơ.

Mầm thơ vui đắp từ xưa,
Mười lăm năm mới bây giờ ra hoa.
Xuống ngọn bút, mưa sa gió táp,
Vạch câu thơ, quẻ thăm, thần kinh. (1)

(1) *Quẻ thăm* là ma phải than khóc, *thần-kinh* là thần phải giật mình sợ, nói là «quẻ-khóc thần-kinh» cũng được, đều là câu đề nói văn hay.

Chúa Xuân nước-nở bên mình :
 « Văn-chương rất mực tài-tinh, hỡi ai ! »

Trông ra núi lớn sông dài,
 Ngó quanh lại chỉ một người là ta.
 Nay vẫn bác Tản-Đà năm trước,
 Thuở xuân-xanh thề ước non sông, (1)
 Trải bao xuân, hạ, thu, đông,
 Càng phơ mái tóc cho lòng càng son.

Ước sao cùng nước, cùng non,
 Trăm năm một khối tình con cùng già. (2)

(1) Câu này đủ chứng tỏ như bài tôi đã nói ở đầu cuốn thứ nhất là lúc Tản-Đà tiên-sinh còn trẻ, vì cảm ở văn Âm Bổng-thất và cuộc cô-dộng Ái-quốc của Đông-kinh Nghĩa-thục khi cụ Nguyễn-Thượng-Hiền và cụ Phan-Bội-Châu bỏ nước đi tìm đường giải-phóng cho dân tộc thì hoàn-cảnh ấy đã khiến Nguyễn-Khắc-Hiếu nặng lòng yêu nước, lập chí đem văn-chương báo đáp quốc-gia từ lúc còn trẻ. Chữ xin chớ nhầm là « ái-tình đã đánh thức nàng thơ » ở Tản-Đà, cho Tản-Đà là vì gái mà hóa ra văn-sĩ là nhầm Tản-Đà nhiều lắm.

(2) *Khối tình con* là kết khối tình nhỏ với nước-non giang-sơn, đừng nhầm là vì « con gái », « mê gái » mà hóa ra làm thơ. Vì xem tất cả thơ của tiên-sinh không có bài nào là tả đến tình và thất-vọng vì tình, hết thấy là mượn tình mà nói chuyện yêu nước đau nước cả. (N. M. B.)

213. — Xuân sầu.

Trăm hoa đua nở đẹp hơn cười,
Một cái oanh vàng uốn lưỡi chơi.
Phong-cảnh chiều xuân vui vẻ thế,
Xuân sầu chi để bạn riêng ai!

* * *

Mười lăm năm trước xuân xanh,
Tri-tri cất tiếng, « Hữu-Thanh » gọi đàn.
Tinh nguyên-vọng chứa chan non nước,
Bạn tri-âm man mác trời mây,
Nở gan một cuộc cười say,
Đường xa coi nhẹ gánh đầy như không.
Phận nam-nhi tang-bồng là chi,
Chữ « trượng-phu » ý-khi nhường ai,
Non sông thề với hai vai,
Quyết đem bút sắt mà mài lòng son.
Dư-dồ rách, nước non tỏ lại,
Đồng-bào xa, trai gái kêu lên,

Doanh-hoàn là cuộc đua chen,
Rồng Tiên phải giống ngu hèn? mà cam!
Tiếng gọi bạn nửa năm vừa dứt,
Sức thua trời, trăm sức mà chi,
Tình-duyên đến lúc phân-ly,
Giang-sơn bằng lảng, tu-mi thẹn thùng.
Xếp ngọn bút, đau lòng son sắt,
Giã đàn văn, lánh mặt phong sương.
Cho hay trần-lụy đa mang,
Trăm năm duyên nợ văn-chương còn nhiều.
Thuyền một lá buông liêu sông nước,
Lái tám năm xuôi ngược dòng sông,
Nực cười trần gió đông-phong,
Làm cho chú lái không công mất thuyền.
Ngồi nghĩ lại mối duyên sao lạ,
Dẫu kêu rằng món nợ cũng hay,
Trần-hoàn trả trả vay vay,
Kề chi công nợ, cho rầy thanh-tao.
Mừng xuân mới, rượu đào khuyên cạn,
Vắng tri-âm mà bạn non xanh.
Gan vàng, tóc bạc, non xanh,
Thiên-nhiên ai họa bức tranh xuân sâu?

PHỤ-DẪN VỀ BÀI « XUÂN SẦU » Ở TRÊN

Bài này Tản-Đà tiên-sinh kể lại tự lúc bắt đầu diễn thuyết ở « Hội Trí-Tri » hàng Quạt Hà-nội về chủ-nghĩa hữu-ái, khuyên người nước « Trung, Nam, Bắc chị cùng em, chị em nghe dó con chim gọi đàn », ai cũng nên coi nhau như anh em ruột dưng nên chia rẽ, coi nhau là đồng-bào cùng một học trưong mẹ Tiên cha Rồng mà ra. Rồi đem chủ-nghĩa ấy dụ-dịch vào tạp-chí « Hữu-Thanh ». Sau đến khi ra báo « An-nam tạp-chí » mười lăm năm trời, thấy sự-nghiệp văn-chương đã về già mà người nước vẫn chưa thấy có tiến-bộ, mình lại cũng nghèo túng chẳng có thể-lực gì nên Xuân đến không vui lại thêm sầu.

Một lần nữa, xin nhắc đọc-giả rằng: các nhà báo nhà văn viết về Tản-Đà chỉ nói đến tình đến rượu, có lẽ cũng bởi người ta cố ý đem tình và rượu ra dùng làm văn-liệu để nói chuyện sự người ta ưa, còn không ai chú ý đến việc non sông nên bỏ qua cái lòng yêu nước chan chứa suốt đời của Nguyễn-Khắc-Hiếu vậy.

NGUYỄN-MẠNH-BÔNG.

214. — Nói chuyện với ảnh.

Người dẫu? cũng giống đa tình,
 Ngỡ là ai, lại là mình với ta.
 Minh với ta, dẫu hai nhưng một,
 Ta với mình, sao một mà hai?
 Năm nay mình mới ra đời,
 Mà ta ra trước đã ngoài đôi mươi.
 Cuộc nhân-thế, câu cười tiếng khóc,
 Nghề sinh-nhai lối dọc đường ngang,
 Đầu xanh ai điểm hơi sương,
 Những e cùng thẹn, những thương cùng sầu.
 Đôi ta vốn cùng nhau một tướng,
 Lại cho mình sung-sướng như tiên,
 Phong-tư tài mạo thiên-nhiên, (1)
 Không thương, không sợ, không phiền, không
 [lo.

(1) *Phong-tư* là cái dáng-dấp con người, *tài-mạo* là bộ mặt và hình-tướng người có tài lộ ra ngoài;

Thiên-nhiên là tự-nhiên, trời đất sinh ra thế nào thì lúc nào cũng thế, không bao giờ thay đổi.

Xuân bất tận, trời cho có mãi,
Mảnh gương trong đứng lại với tình.
Trăm năm ta lánh cõi trần,
Nghìn năm mình giữ tình-thần chờ phai. (1)

(1) Xem câu này đủ chứng tỏ rằng Tản-Đà tiên-sinh đã có cái chí làm nên một sự-nghiệp nghìn thu trong lịch-sử ngay từ lúc mới ra đời hầy còn là cậu ấm ngoài 20 tuổi, là vì bài này làm khi còn niên-thiếu đã in ở « Khố tình con » thứ nhất, cuốn sách đầu tiên của Tản-Đà xuất-bản khi còn đương thì tuổi trẻ, chữ « đa tình » không phải là nhiều tình-ái với đàn bà con gái đâu. Phật là một người đa tình. Đa tình là có lắm lòng thương yêu khắp cả quần-sinh vạn vật. Đừng nhầm với chữ « đa dâm » là người quá ư dĩ thỏa gió giăng. Tình là tình-cảm, đa tình chỉ là người lắm tình-cảm hay cảm-động thương xót, giàu lòng từ-bi bác-ái.

(N. M. B.)

215. — Đưa thư.

*(Điện đưa thư này, trong sự hát nhà trò,
đọc theo lối gửi thư)*

VĂN DẪN. — *Thương ai, nhớ ai.*

Người ta lúc mới sinh mà tình cũng sinh: rồi hình thể mỗi ngày mỗi lớn.

Tri-giác hẹp mà thuần thời tình ít; tri-giác rộng mà tạp thời tình nhiều.

Tình ít cho nên có ran-riu thời thương, có biệt-ly thời nhớ; không thương người không biết, không nhớ người vu-vơ.

Thế-gian thế cả, sao mình thời không?

Nào biết ai thương mình, mà mình cứ thương.

Nào biết ai nhớ mình, mà mình cứ nhớ.

Ai nhớ mình không hay, chắc cũng không ai mong mình nhớ.

Ai thương mình không biết, chắc cũng không ai mong mình thương.

Cũng chẳng qua đáng thương thời thương, nên nhớ thời nhớ.

Cũng chẳng qua sẵn bụng thương thời thương, thừa bụng nhớ thời nhớ.

Cũng chẳng qua cái giởng đa tình, nằm không ngồi rồi mà sinh ra nhớ hão thương vay.

Dan-díu mà thương; cũng có lúc thương người tứ hải.

Biệt-ly mà nhớ; cũng nhiều khi nhớ kẻ bất tri tình.

Nhân ngồi rồi viết chơi mấy bức thư, cũng để trút vợi bớt những nguồn thương bề nhớ.

**216. — Thư đưa người tình-nhân
có quen biết. (1)**

(Cô đầu có thể hát theo lối gửi thư được).

Ngồi buồn, lấy giấy viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi đến ai.
Non nước thề nguyên xưa đã lỗi,
Ân tình nay có bốn xu thôi. (2)

Ngàn sương bạc, bay qua tiếng nhận,
Ngọn đèn xanh khơi cạn đĩa dầu.
Minh ai chiếc bóng canh thâu,
Nỗi riêng, riêng một mối sầu vì ai?
Tâm-sự ấy nói dài sao xiết,
Giấy mực đâu vẽ hết ru mà!
Dở-dang là chữ tài hoa,
Chấp tay vái lạy trăng già chứng cho.
Kể từ độ giang-hồ lạc-phách, (3)
Hội tương-phùng (4) dất khách đôi ta.

(1) Những bức thư này làm cho cô đầu hát theo điệu «gửi thư» thay những bài «gửi thư» cô cô đầu vẫn hát xưa nay.

(2) Tem gửi nhà giấy thép trước có bốn xu.

(3) Giang-hồ là ví như người cưỡi thuyền lênh-đênh nay ở sông này mai ở hồ khác; nói người có cái thân-thể bấp bênh bất định; lạc-phách là thân-thể bị té ngã, nói người gặp lúc trụy-lạc thì đời chẳng còn bấu bám được vào đâu.

(4) Tương-phùng là cùng gặp-gỡ nhau.

Biết nhau khi mới mười ba,
Tuần giăng chưa mãi, nụ hoa chưa cười. (1)
Cùng một thuở ăn chơi nhàn biếng,
Trải mấy thu hơi tiếng vừa quen,
Canh khuya, hai bóng một đèn, (2)
Gió mai, sương sớm, đơn, mền có nhau.
Dạ bảo dạ vang thau gấm bó,
Năm lại năm, mưa gió dè-mê,
Một tường lá rủ, hoa che,
Bắc Nam mấy độ đi về dưới trăng
Duyên hồ thắm, hồng dung phai nhạt,
Mối tơ vương, đứt nát tan tan!
Tắm riêng, riêng những thẹn mình,
Giữa đường, buông đứt gánh tình như không!
Gập tờ giấy niêm-phong (3) hạt lệ,
Nhờ cánh tem bay dệ cung Mây,
Ái ân thôi có ngần này,
Thề nguyên non nước đợi ngày tái sinh.

(1) Lúc mới có 13 tuổi đầu.

(2) Đã cùng ăn ở chung chạ với nhau ở một nơi.

(3) Niêm là dán, phong là gói vào; niêm-phong là gói và dán kín vào.

**217. — Thư đưa người tình-nhân
không quen biết.**

(Có đầu ngày nay vẫn hát lối « gửi thư » thay các bài cổ)

Ngồi buồn lấy giấy viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi đến ai.
Non nước xa khơi tình bỏ ngõ,
Ai tri-âm đó nhận mà coi.

Ngàn mây biếc long lanh đầy nước,
Bóng tà-dương (1) ngả gác non đoài, (2)
Tranh kia ai vẽ cho trời?

Ngoài sơn-thủy lại một người đứng trơ.
Hồn kiếp trước ngẩn-ngơ chưa tỉnh,
Mối tình duyên vợ-vẫn càng thêm,
Tuyệt mù tăm cá hơi chim,
Nào người nhớ hỏi, thăm tìm là đâu?
Kể từ độ lọt đầu se tóc,
Cũng cùng mang tiếng khóc mà ra,
Cỗi sâu ta lại với ta,
Lọ quen biết mới gọi là tương-tri. (3)

(1) *Tà-dương* là bóng mặt trời, vùng thái-dương chiếu lệch đi về chiều rồi.

(2) *Non-doài* là núi Tây.

(3) *Tương-tri* là cùng biết nhau.

Con gió thăm có khi cùng khóc,
Bóng trăng thanh lắm lúc cùng chơi,
Gượng vui cùng một nét cười,
Nguyệt hoa cùng trải cuộc đời như nhau.
Bề trần-hải (1) chẳng sâu mà sóng,
Cầu hành-tinh (2) đã rộng thêm tròn,
Tài tình (3) một gánh con con,
Đòng, tây, nam, bắc, ai còn gặp ai.
Nỗi bèo nước đã thôi thời thế,
Tình cỏ sương khôn dễ mà khuấy, (4)
Phòng văn trở lại gót giày,
Chén tương-tur rót cho đầy lại voi.
Tắc son giải mấy lời huê-bút,
Tờ giấy bay theo ngọn gió đông,
Lòng kia hỡi có tin lòng,
Nước non khơi cách nghìn trùng chưa xa. (5)

(1) *Trần-hải* là bề trần, tức là cõi đời gió bụi ta ở đây, như mặt bể mênh mang toàn cát bụi tất cả.

(2) *Hành-tinh* là quả đất, một ngôi sao đi chung quanh mặt trời như một cái cầu có từng dịp bước theo'địp mà đi.

(3) *Tài tình* là người có tài lại có lòng hay cảm-động thương yêu kẻ khác.

(4) *Tình cỏ sương* là cái duyên thu thủy kiêu hà ở trong kinh Thi, bài thơ nhớ người tri-kỷ, mong đợi mãi mà không được gặp, muốn những lặn lội đi tìm.

(5) Câu này nghĩa là nếu có lòng yêu nhau thì dù xa là mấy cũng nên tìm đến nhau.

**218. — Thư trách người tình-nhân
không quen biết.**

(Có đầu ngày nay vẫn thay vào các bài « gửi thư » cũ)

Ngồi buồn ta lại viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi trách ai.
Non nước bấy lâu lòng tưởng nhớ,
Mà ai tri-kỷ vắng tăm hơi.

Đỉnh non Tản, mây trời man-mác,
Giải sông Đà, bọt nước lênh-bênh,
 Bao nhiêu cảnh, bấy nhiêu tình,
Nước kia mây nọ như mình với ta.
Người đâu tá, quê nhà chưa tỏ,
Tuổi bao nhiêu, tên họ là chi?
 Đã sinh cùng nước cùng thì,
Cùng ta không biệt mà ly hội mình? (1)

(1) Câu này nói rằng đối với người tình-nhân này mà không có gặp nhau bao giờ, không có từ-biệt nhau mà đi, sao lại hóa ra ly nhau mãi mãi như thế hử?

Kể từ độ thư tình gửi nhẵn,
Trai bao năm tin nhận chờ mong,
Những là ngày hạ đêm đông,
Hồi-âm (1) chẳng thấy, như không có mình.
Hỏi cùng núi, non xanh chẳng biết,
Hỏi cùng sông, nước biếc không hay,
Sông nước chảy, núi mây bay,
Mình ơi, có biết ta đây nhớ mình?
Cuộc trần-thế, công-danh chẳng thiết, (2)
Áng phong-lưu, huê-nguyệt đã thừa, (3)
Nhớ mình ra ngẩn, vào ngơ,
Trông mây, trông nước, nay chờ mai mong.
Mong giáp mặt, mặt không giáp mặt,
Chờ tin thư, thư mất tin thư,
Tháng ngày thăm-thoát thoi đưa,
Tuổi ba mươi đã lại dư một vài.

(1) *Hồi-âm* là cái tiếng trở về, nghĩa là trả lời tiếng gọi của mình; gọi mãi không thấy người ấy đáp.

(2) Câu này ý nói vâng người yêu thì công-danh trên đời cũng chẳng lấy làm thết nữa; lòng người đều ưa nhất là công-danh, thế mà không còn thiết đến công-danh là nhớ lắm, không buồn làm ăn gì nữa.

(3) Câu này ý nói đến cả sự chơi bời trong thú trăng-hoa cùng các bạn giàu có phong-nhã cũng không lấy gì mà thú.

Câu tri-kỷ, cùng ai tri-kỷ,
Chuyện chung-tình, ai kể chung-tình,
Bụi hồng vắng-vẻ mắt xanh,
Minh ơi ta nhớ... mà mình quên ta!
Không quen biết cũng là quen biết,
Ta nhớ mình ta viết thư chơi,
Thư tình này bức thứ hai,
Tiếp thư xin chóng trả lời cho nhau.

**219. — Thư lại trách người tình-nhân
không quen biết.**

(Có đầu ngày nay vẫn hát thay vào các bài « gửi thư » cũ)

Ngồi buồn ta lại viết thư chơi,
Viết bức thư này lại trách ai.
Ai những nhớ ai, ai chẳng nhớ,
Đề ai luống nhữ g nhớ ai hoài.

Phố Hà-nội tiếng người chưa động,
Báo « An-nam » giấc mộng đương dài,
Hỏa-xa còi hét bên tai,
Giật mình chợt tưởng như ai gọi mình.
Cho hay vẫn si-tình là thói,
Nào biết đâu ai gọi mà thừa !
Trông ra non nước mịt mờ,
Nghĩ nguồn cơn lại bây giờ nhớ ai.
Giải sông cũ đầy vơi cũ nước,
Đỉnh non xưa tan-tát ngàn mây,
Nước mây ngày tháng đổi thay,
Non sông ngày cũng một ngày khác xưa.
Tình-thư gửi tới chưa, chưa tới ?
Nước non này ai hỏi, hỏi ai ?
Ngư nhàn ngày mất tắm hơi,
Nước mây man-mác cho người sầu thương.

Ưa bốn-bề hai hàng lụy ngọc,
Gầy ba đông một vóc xương mai,
Ớn nhà nợ nước hai vai,
Nước nhà ai để riêng ai nặng nề.
Trông mây nước bốn bề lạnh ngắt,
Nhìn non sông tám mặt sầu treo,
Đường xa gánh nặng xế chiều,
Cơn giông biển nhơn, mái chèo thuyền nan.
Nghĩ thân-thể mềm gan lắm lúc,
Nhìn non sông bạc tóc như chơi,
Trông ai, mỗi mắt phương trời,
Nhờ ai, di đứng ăn ngồi thần-thơ.
Thế mà gửi tình-thư ba bức,
Chỉ là mong tin-tức tám năm,
Chắc rằng ai hẳn vô tâm,
Núi sông mây nước những nhăm bấy nay.
Người lạnh yếu hơi may lạnh trán,
Đêm thu trường tựa án thâu canh,
Phổ-phường rộn rã trần thanh,
Ngoài song con sẻ trên cành tiếng kêu.
Chuyện non nước còn nhiều chưa hết,
Sẵn bút nghê ta chép cho mình,
Thư ba, này bức thư-tình,
Phục thư chẳng thấy thời rảnh không ai?

LỜI PHỤ-DẪN THÊM VỀ NHỮNG BỨC THƯ
GỬI CHO « NGƯỜI TÌNH-NHÂN »
CỦA TẢN-ĐÀ TIỀN-SINH Ở TRÊN.

Chúng ta đọc bài dẫn về sự « đưa thư » của Tản-Đà tiên-sinh nói thương người tứ-hải và nhớ cả kẻ bất tri tình đủ chứng tỏ rằng hai chữ « đa tình » là nói tấm lòng bác-ái mông-mênh của người rộng thương yêu nòi giống nhân loại. Những bức thư của Tản-Đà tiên-sinh giả thiết ra « người tình » để trách « người có quen biết » đã thề-nguyền với nhau lại « bỏ rơi » mất cả nguyện ước đi; rồi gọi « người không quen biết » ở đâu đến cùng mình gánh vác giang-sơn, đừng để cho tiên-sinh một mình « sông cái thuyền nan » mãi mãi!

Đến lá thư thứ ba cuối cùng có câu: « Phục thư chẳng thấy thời rành không ai! ». Lúc ấy là lúc tiên-sinh đã mong đợi 8 năm trời sau khi đã gửi hai bức trước rồi, tiếc thay trong đời tiên-sinh vẫn chẳng có ai là tri-kỷ hiểu tâm-sự của tiên-sinh, theo tiếng gọi của tiên-sinh, đến hợp-tác với tiên-sinh! Nay ta nên tỉnh ngộ rằng chúng ta đã phụ lòng mong đợi của tiên-sinh nhiều lắm! Thì ta nên hiểu rõ tâm sự đề tiên-sinh được ngâm cười nơi chín suối mới là..

NGUYỄN-MẠNH-BÔNG.

Tản-Đà hát nói

**220. — Bài hát mừng
đức Nam-Phương Hoàng-hậu
ra tuần du đất Bắc. (1)**

MƯỜU

Nam-Phương ngự giá Bắc tuần, (2)
Cỏ hoa vùng Bắc tin xuân đón mừng.
Trâm hoa, tàn quạt tung-bưng,
Trời Nam quang-cảnh ai từng thấy chưa?

NÓI

Năm Đinh-Sửu qua rằm tháng chạp,
Bạn quần-thoa đông hợp bốn trăm người.

(1) Tiên-sinh vốn theo đạo Không-Mạnh chỉ lấy nhẽ ở trong đời :

*Trung hiếu vẹn tròn hai khối ngọc,
Thanh cao phò trắng một cành mai.*

Xem bài « tự thuật » trong mục thơ bát cú của tiên-sinh đủ biết tiên-sinh rất trung cùng Hoàng-thất ta, nên khi Hoàng-hậu Bắc du, tiên-sinh mới thay nữ-giới Bắc-kỳ dâng bài hát nói này.

(2) *Ngự-giá Bắc tuần* là xe nhà vua đi ra chơi xem xét đất Bắc, nhà vua đi đâu gọi là *ngự-giá*, vua đi đâu gọi là *tuần du*, đây là mệnh chữ của vua mà nói đến cuộc ra Bắc của Hoàng-hậu.

Đèn văn-minh lửa sáng trưng trời,
 Góp ngọc nói hoa cười ngênh thánh-giá. (1)
Cung duy mẫu đức nghi thiên-hạ, (2)
Lạc đồ tiên nhân giáng tị trần. (3)
 Bụng từ-nhân thương xót kẻ bình-dân,
 Đạo bác-ái ân cần câu diển-thuyết.
 Hội Hợp-thiện được nghe lời khuyến thiện,
 Lòng hướng-dương thêm kiển-quyển trung
 Bắc Nam đâu cũng thần dân. [quân. (4)

(1) *Thánh-giá* là cuộc rước đức vua hay Hoàng-hậu, gọi xa-giá nhà vua là thánh-giá, giá kiệu rước hay xe ngự.

(2) Kính này đức bà mẹ cả nước thực xứng đáng ở trong thiên-hạ.

(3) Lấy làm vui trông thấy mặt bà tiên xuống mà bà tiên ấy lại đã giáng-sinh ra ở trong cõi trần này rồi.

(4) *Hướng-dương* là vì cây rau quý rau hoặc lúc nào cũng chĩa về phía mặt trời mọc, dân coi vua như vầng nhật, lòng lúc nào cũng nghĩ tưởng đến vua; *kiển-quyển* là quăn-quít như con tằm kết thành kén, không lúc nào rời rạc sự trung-quân, một lòng duy nhất ngay thẳng với vua không còn dám nghĩ tưởng khác sự một lòng thờ chúa cả — ý nói vì lòng tôn-quân mà quý đến cả Hoàng-hậu như là vua vậy.

221. — Ngày xuân chúc quốc-dân.

MUỜU

Trời nam canh lá la-dà,
 Lạc Hồng cây cối xuân già càng xuân.
 Ngày xuân chúc nước mừng dân,
 Ba kỳ Nam, Bắc, mười phân phú-cường.

NÓI

Bình-Tỷ hội nguyên kim dĩ thủy,
 Mới sơn-hà cũ kỹ bốn nghìn năm.
 Đường văn-minh, muôn dặm xa xăm,
 Đông, Tây, Bắc, người Nam cao cất bước.
Quán bất kiến: Phi-luật-tân nhi kim Mỹ-châu
độc-lập quốc,
Hựu bất kiến: Mãn-châu, Hoa-bắc hà bi-
thương.
 Thời hưng vong dĩ thái là thường,
 So mới biết: chữ « đại » với chữ « cương »
 không hạn-lệ.
 Việc trước mắt năm châu là thế,
 Cuộc trần-hoàn dâu bể bể dâu,

Đường văn-minh nào có hạn ai đâu,
Muốn hạnh-phúc chữ « tự-cầu » ta phải biết.

Hồng-Lạc nhi-tôn thiên bị duyệt, (1)

Việt-Thường hoa thảo nhất câu tán. (2)

Chén rượu đào nâng rót buổi ngày xuân,
Chúc tổ-quốc, quốc-dân nghìn vạn kỷ. (3)

Bình-Tý hội nguyên kim dĩ thủy,

Mời sơn-hà cũ kỹ bốn nghìn năm.

Năm, năm, xuân mới trời Nam.

(1) Con cháu Hồng-Lạc trời chưa giết chết hết.

(2) Hoa cỏ nước Việt-Thường ngày đều mới mẻ.

(3) Chúc nước của tổ-tiên đề lại và dân cả nước được nghìn muôn thế-kỷ.

**222. — Nhớ ông Gia-Cát
sáu lần ra Kỳ-sơn.**

MUỖU

Ngồi buồn nhớ chuyện người xưa,
Nhớ ông Gia-Cát bây giờ nơi nao ?
Sáu phen bắc phạt họ Tào,
Kỳ-sơn chỉ khi an-bào nghìn thu.

NÓI

Lục xuất Kỳ-sơn Gia-Cát-Lượng, (1)
Tấm trung tình treo sáng cõi nhân-hoàn. (2)
Biểu xuất sư hòa lệ chứa chan, (3)
Bao biết nghĩ giang-san cùng ấu-chúa. (4)

(1) Gia-Cát-Lượng (Khổng-Minh) sáu lần đem quân ra Kỳ-sơn đánh Tào-Thao (Tam-quốc).

(2) Nhân-hoàn là cõi người ta ở.

(3) Biểu xuất sư là tờ dâng lên vua đề xin đem quân đi đánh Tào-Tháo và Tư-Mã-Ý.

(4) Ấu-chúa là ông vua còn bé.

- Thành bại, hưng vong, nguyên hữu số, (1)*
Tranh hùng cát cứ khả do nhân. (2)
 Cuộc trần-ai còn có sức kinh-luân, (3)
 Sao đã chịu tam phân hình đỉnh-túc. (4)
Anh hùng tự cổ nan tri túc, (5)
 Kê làm chi vinh nhục nghĩa hư vô. (6)
 Diệt Tào rồi sẽ thôn Ngô... (7)

(1) Làm nên việc hay bị thua hỏng mất, làm cho khởi nghiệp được lên hay làm cho mất nước tan nát cơ-đồ, gốc ở số trời định chớ từ trước.

(2) Sự tranh nhau lấy sức mạnh cắt chia lấy bờ cõi ra để giữ lấy địa-vị anh-hùng có thể bởi tự người làm ra được.

(3) *Kinh-luân* là sức làm việc đem mưu kế tài trí ra xoay xỏa.

(4) *Tam phân* là chia ra làm ba phần (Nguy, Thục, Ngô); *đỉnh-túc* là chân vạc, *đỉnh* là cái vạc 3 chân.

(5) Anh-hùng vốn từ xưa khó biết đủ, không bao giờ lấy sự-nghiệp đã thành làm đầy đủ rồi.

(6) Vinh nhục nghĩa hư vô, là cho dù vinh hay nhục sau rồi cũng tan ra cõi không vô cả.

(7) *Diệt* là giết, *thôn* là nuốt, giết Tào rồi sẽ lấy nước Ngô.

223. — Chưa say.

MUỖU

Đêm xuân hoa những ngậm cười,
Đuối đèn tươi tỉnh mặt người như hoa.
Khi vui, vui lấy kéo già,
Cơn men giốc cả giang-hà chưa say.

NÓI

Kim tịch thị hà tịch? (1)
Bóng giăng trong tịch-mịch xế ngang màn.
Lúc vui chơi cuộc rượu chứa tàn canh,
Riêng nữ cất chén tình toan hắt bỏ.
Thánh hiền thân hậu do thiên cổ, (2)
Phong nguyệt thành trung thả nhất tiêu. (3)

(1) Hỏi rằng đêm nay là cái đêm gì thế hử?

(2) Việc trở nên thánh hiền là cái việc thuộc về sau đời mình đã khuất đi rồi; còn là cái việc ở mãi mãi về nghìn xưa, hãy chứa cần lo đến vội, sau này thế nào mà mình chẳng làm nên thánh hiền được.

(3) Ở trong cái thành giăng gió này ta hãy chơi cho một cái đêm nay cho thỏa-thích đi đã, một đêm giăng gió hãy qua cho trọn cái thú gió giăng đi đã nào!

Trót yêu hoa xin hãy gượng mà yêu,
Ngồi hết nợ phong-lưu rồi sẽ tẻch.
Gửi bốn lay: lay bút, lay nghiên, lay đèn,
[lay sách;

Quá thương ai đàn phách nốt dèm nay.

Nhân sinh ba vạn sáu nghìn ngày,
Coi những tỉnh, lúc say nào có mấy?

Được lúc gần say, say hẳn lấy,
Say thời say, say vậy đề mà điên.

Tửu trung tự hữu thánh hiền. (1)

(1) Trong khi uống rượu này tự mình có cái tư-cách làm thánh hiền rồi. Đừng nên bảo uống rượu mà không làm nên hiền được. Minh đã là thánh hiền thì tự nhiên có tư-cách làm thánh hiền, ngay cả lúc mình uống rượu này.

224. — Say.

MUỖU

Đêm xuân một trận nô cười,
Dưới đèn chẳng biết rằng người hay hoa.
Khi vui quên cả cái già,
Khi say chẳng rốc giang-hà cũng say.

NÓI

Kim tịch thị hà tịch ?

Mảng gương nga đã tẽch lối non đoài.
Đó kìa ai ba bốn, bốn năm người,
Người đầu tá còn chơi trong mộng-thế ?
Nhãn ngoại trần-ai không nhất thế, (1)
Hung trung khối lũy thuộc tiền-sinh. (2)

(1) Ngoài con mắt ra không còn biết có cái đời trần-ai này là gì nữa.

(2) Trong bụng chứa chất toàn là những cái thuộc về kiếp trước tất cả.

Kiếp say-sura đã chấm sô thiên-d'nh,
 Càng đắm sắc mè thình càng mãi miết.
 Say lảm vẻ: say mê, say mè, say như, say tít
 Trong làng say ai biết nhất ai say?
 Mảnh hình-hài quen giả trá xưa nay,
 Chúng-sinh tướng (1) lúc này coi mới hiện.
 Thôi xếp cả nguyệt-hoa hoa-nguyệt,
 Cảnh bông-lai trải biết gọi làm duyên.
Từ trung ưng thị thần-tiên. (2)

(1) *Chúng-sinh tướng* là cái hình tướng của kẻ chúng-sinh, loài có đời sống (theo sách Phật); cái đời sống của tạo-hóa gây ra mình như thế nào, bây giờ sẽ thấy hiện cả nguyên hình ra không còn giả dối làm bộ được nữa.

(2) Trong lúc uống rượu nên cho là lúc mình làm thăm tiên sung sướng lắm.

**225. — Cảm hoài An-nam tạp-chí
lại ra đời.**

MUỖU

Năm xưa Đinh-Mão ta ngơi,
Năm nay Canh-Ngọ ta thời lại ra.
Ai về nhắn chị em nhà,
Nhắn rằng ta nhắn rằng ta ra đời.

NÓI

Nhân khồ bất tri túc, (1)
Bạc đầu thời còn chen chúc mãi không thôi.
Biết non xanh lâu những đợi chờ ai,
Mà cỗi tục vẫn mãi chơi người giấc mộng.

(1) Người đời chỉ khồ về nỗi không biết thế nào là đầy đủ; dẫu sao cũng cho còn là thiếu thốn, còn vất vả bon chen mãi cho khồ thân.

Vân nhân Tản-Lĩnh không tương trực, (1)

Lãng nộ Đà-giang cấp tự lưu. (2)

Chốn ba-đào phong vũ giận, cười, reo,

Thuyền một lá một chèo ai vời nước,

Năm Đinh-Mão khoảng đầu xuân nhớ những
ai ngày trước,

Người ba nơi mà thệ-ước ba đông.

Ai, ai, ai còn có nhớ ai không?

Phố hàng Lọng đội tiên-phong tên linh cũ,

Qua thuở đó, non Hồng-lĩnh, bể Thuận-an,
đường Hải-vân, sông Sài gòn, đồi Vĩnh-yên, Nam
bôn, Bắc tầu,

Bức dư-đồ nhem xấu vẫn còn nguyên.

Trải ba-đào (3) trong khoảng bấy nhiêu niên,

Ông tạo-vật ghét ghen nhường đã quá.

Sách có chữ: « *Cố thiên tương giáng đại nhậm
ư thị nhân giã, tất tiên khổ kỳ cân-cốt, ngã kỳ thể*

(1) Đám mây nhân rồi ở trên núi Ba-vi kia cứ cùng
đuổi nhau bay xuống mãi. chẳng có biết bay đi đâu, bao
giờ mây mới thôi không cùng đuổi nhau bay đi như thế nữa.

(2) Sóng cứ rầm-rộ như hờn giận nổi lên ở trên mặt
sông Hắc-giang xô đẩy nhau mà trôi đi.

(3) Sóng cồn gió mưa. Ba là sóng, đào là cồn, phong là
gió, vũ là mưa.

phu, không phạp kỳ thân, hành phật loạn kỳ sở vi. Sở dĩ động tâm, nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng». (1)

Phải rằng ý thế hay chăng?

(1) Nếu trời sắp đưa xuống cho cái người nào phải gánh vác lấy công việc có trách-nhiệm lớn ở đời, thì tất là trước hết trời hãy làm cho gân xương bị đau mỗi, thân thể da thịt bị đói bị mệt; làm cho cái đời không những là chịu thiếu thốn, bị tay không; sờ mó chẳng ra, xoay xỏa không được; làm việc gì trời cũng xui ra gặp những sự trái ý, bị những việc rối ren: không một việc gì là thành công một cách dễ-dàng. Trời làm như thế là để gây cho trong lòng chuyển động gây thành một tính nết nhẫn-nại, chịu đựng được mọi nỗi trái ngược, để cho thêm tài thêm chí, chau dồi những điều vốn mình chưa đủ tài đức năng lực đi, thì mới gánh vác những việc to lớn ở đời được trọn vẹn.

226. — Bài hát chúc báo « Sống ».**MƯỜU**

Dân hai năm triệu đồng-bào,
Giang-sơn Hồng-Lạc phong-trào (1) Á-Âu.
Trời Nam, xuân mới khoe màu,
Xin đem chữ « sống » làm đầu chúc mong.

NÓI

Lo nòi thương giống,
Chẳng gì hơn cái « sống » giữ đầu tiên,
Có cùng nhau đất dưới trời trên,
Rồi sẽ nói đua chen Âu với Á.
Nào giống cũ Chiêm-thành, giống mọi Đài-loan,

(1) *Phong-trào* là luồng gió và cơn nước dâng lên ở bề, hợp hai chữ lại nói một cơ hội gì do thời-thế gây lên, người ta ủa theo đồn-dập.

Giống người da đỏ ở Mỹ-châu đến nay đâu
đó tá?

Nỗi ngu hèn ai đã biết hay chưa?

Cuộc doanh-hoàn (1) gió gió mưa mưa,

Ngẫm lịch-sử nghìn xưa âu đáng sợ!

Nên nhớ chữ « Tự trợ giả, thiên thường
trợ », (2)

Trời không chia mọi-rợ với văn-minh.

Sống hay chẳng thời cũng tự mình,

Lẽ thiên-diễn (3) công bình cho khắc chúng-

Hồng Lạc nhi tôn kim hữu chủng, (4)

Bất tri thử hậu cánh hà như. (5)

Tinh năm sinh nay đã bốn nghìn dư,

Bước tiến-hóa (6) lư dừ sau mọi kẻ.

(1) *Doanh-hoàn* là bề và cội đất, như năm châu bốn bề dùng để nói thế-giới ngày nay.

(2) Tự mình giúp lấy mình trước đã, trời thấy mình biết hết sức làm việc để tự gây lấy sống cho mình thì trời hay giúp thêm sức vào cho.

(3) *Thiên-diễn* là trời diễn trò ra như thế, trời làm ra như vậy, cũng như sự vốn sẵn tự nhiên ông tạo phô-bày ra nhất định như thế.

(4) Con cháu Hồng-Lạc đến ngày nay còn có giống nòi.

(5) Không biết từ đây về sau lại ra thế nào.

(6) *Tiến-hóa* là bước lên một bậc trên và thay đổi ra một vẻ rạng tốt đẹp hơn trước.

Đã là thế, chúng ta như thế thế,
Nước... non... này chưa dễ cỏ hoa ai!...
Kiềng chân lên xa góp vũ-dài,
Muốn không chết phải chen vai chữ sống.
Ham chữ sinh-tồn câu hạnh-phúc, (1)
Tìm nơi Lạc-thổ chốn Đào-nguyên. (2)
Chúc mong dài giống Rồng Tiên.

(1) *Sinh-tồn* là sống còn.

(2) *Lạc-thổ* hay đọc là *Lạc-độ*, đất vui, nơi mà Phật dạy ai tu thì lúc chết sẽ được sinh vào chốn ấy là chốn vui thú toàn người thiện ở với nhau cả; *Đào-nguyên* là nguồn Đào, nơi vườn cây đào ở bờ suối, chỗ các tiên gọi là *Đào-hoa-nguyên* (Cổ-văn Tầu).

227. — Gặp xuân.

MUỜU

Gặp xuân ta giữ xuân chơi,
Cầu thơ chén rượu là nơi đi về.
Hết xuân, cạn chén, xuân về,
Nghìn thu nét mực thơ đề vẫn xuân!

NÓI

Xuân ơi, xuân hỡi!
Vắng xuân lâu, ta vẫn đợi, chờ, mong.
Trải bao nhiêu ngày, tháng, hạ, thu, đông,
Ròng-rã nỗi nhớ nhung, xuân có biết?
Khí thế xuân quy, sầu cửu biệt, (1)
Kim niên xuân đáo, khánh tương-phùng. (2)
Gặp ta nay, xuân chờ lạ lùng,
Tóc có khác, trong lòng ta chẳng khác.

(1) Năm ngoái xuân đi về sầu sự biệt lâu, nghĩa là xuân đến chơi năm ngoái rồi xuân đi về nhà, làm cho ta buồn về nỗi phải xa cách nhau lâu ngày quá.

(2) Năm nay xuân đến vui mừng rằng lại được cùng gặp nhau.

Kể từ thuở biết xuân bốn chín năm về trước,
 Vần rượu thơ non nước thú làm vui.
 Đến xuân nay ta tuổi đã năm mươi;
 Tính trăm tuổi đời người, ta có nửa.
 Còn sau nữa, lại bao nhiêu xuân nữa,
 Mặc trời cho, ta chưa hỏi làm chi.
 Sẵn rượu đào, xuân uống với ta đi,
 Chỗ quen biết, kể gì ai chủ, khách.

Thiên cổ vị văn song Lý-Bạch, (1)

Nhất niên hà đắc lưỡng Đông-Quân. (2)

Dầu trăm năm gặp gỡ đủ trăm lần,
 Thơ với rượu cùng xuân ta cứ thế.
 Ngoài trăm tuổi vắng ta trên trần-thế, (3)
 Xuân nhớ ta chưa dễ biết đâu tìm!
 Cùng nhau nay hãy uống thêm.

(1) Nghìn xưa ta chưa có nghe thấy có hai ông Lý-Bạch (nhà thi-sĩ đời Đường hay thơ lại hay rượu).

(2) Một năm sao lại có hai ông Đông-quân (là ông chúa xuân, ông vua thời gió đông về; mùa xuân) ý nói không bao giờ một năm lại được hai mùa xuân, vả đời nay dễ đã có một ông Lý-Bạch nào biết đem thơ rượu ra chơi với xuân như là Tản-Đà thi-sĩ nữa.

(3) Trần-thế là cái đời nhơ bụi, nhà Phật cho rằng cõi đời của người ta ở chỉ là một chốn đầy những sự nhơ bần cát bụi, vì thế mới có chữ cõi trần, cõi tục.

228. — Bài hát xuân-tình. (1)

MUỖU

Ấy ai quay tit địa-cầu,
Đầu ai nửa trắng pha màu xuân xanh.
Trông gương mình lại ngợ mình,
Phải chăng vẫn giống đa tình ngày xưa.

NÓI

Tản-Đà xuân sắc, (2)

Mấy mươi năm chẳng khác nước cùng non,
Cảnh còn nguyên người cũng lại còn,
Còn chẳng khác « Khỗi tình con » như trước
[nhỉ !

(1) *Xuân-tình* là lòng người cảm xúc về vẻ xuân phô bày ra.

(2) *Tản-Đà xuân sắc* là sắc người về mùa xuân của Tản-Đà, vốn Tản-Đà tiên-sinh năm ấy về Sơn-tây ăn tết có viết một tập văn nhỏ gọi là « *Tản-Đà xuân sắc* » kể qua lịch-sử mình và dự thảo một chương-trình làm việc, có in ảnh lúc còn niên-thiếu ở trên rồi làm ra bài này in ở tập ấy để lịch tự sự cảm tình về xuân ấy của mình đối với thân-thể và non sông đất nước.

Lịch kỷ phong sương thần bất dĩ, (1)

Quy lai hà nhạc ngã do liên. (2)

Cuộc trăm năm vương lấy mối trần-duyên, (3)

Dù kiếp trước thiên tiên (4) nay cũng tục.

Đã trót hình-hài (5) trong dấu đục,

Giữ sao cho hòn ngọc lại Hàm-đan. (6)

Muôn vàn nhờ tựa giang-san, (7)

Một ngày còn ở nhân-gian ngại ngùng.

Chúa xuân có hộ nhau cùng... (8)

(1) Trải bao sương gió mà tinh-thần không đổi khác đi, dù già, dù bị phong-trần sương tuyết, tinh-thần chiến-đấu vì non sông vẫn nguyên không có thay đổi khác đi.

(2) Trở về sông núi ta còn thêm thương, ý nói nay trở về nhìn thấy sông núi mà cảm thấy sự đau thương.

(3) Trần-duyên là mối giây dính liu với cõi đời gió bụi.

(4) Thiên-tiên là nhà đạo-sĩ tu luyện thành tiên ở trên trời, bậc tiên ở trên thiên-cung.

(5) Hình-hài là xác thịt và xương cốt.

(6) Hàm-đan là đất sản sinh ra thứ ngọc quý.

(7) Giang-san hay giang-sơn là sông núi, nghĩa bóng là cơ-đồ non nước, đất nước núi sông, tổ-quốc quê-hương.

(8) Ý Tản-Đà tiên-sinh vẫn muốn được quốc-dân ủng hộ để làm việc văn-chương báo quốc cho đạt mục đích đã định.

**229. — Hẹn nhau một chén
rượu mời. (1)**

I

MUỖU

Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm đôi chim nhận tung trời mà bay.
Tuyệt mù bể nước non mây,
Bụi hồng trông thăm như ngày chưa xa.

NÓI

Hồi đầu yếm tận nhân gian sự, (2)

Vô giặc nan từng Đế-khuyết du. (3)

Kiếp tiền-sinh (4) không vụng đường tu,
Thời chi đề ngàn thu gương bạc-mệnh. (5)

(1) Hai bài này làm sau khi buồn về sự thi hỏng và người tình đi lấy chồng, lại việc mong muốn to lớn tuyệt vọng cả, nên giọng buồn.

(2) Ngoảnh đầu nhìn trở lại chán hết cả mọi việc ở trong cõi người ở.

(3) Không có cánh khó bay theo lên trên cửa đức Thượng-đế chơi được.

(4) Tiền-sinh là kiếp trước, đời sống trước.

(5) Bạc-mệnh, mạng người mỏng mảnh không được hưởng những sự may mắn sung-sướng.

Thiên mặt giai nhân không hữu ảnh, (1)

Hậu môn khách tử dã vô gia. (2)

Tiệc thay cho điệu Cao-sơn, khúc Bạch-tuyết,
mây dương-liêu, mắt thu-ba;

Nào đã biết chữ tài-hoa là thế thế.

Hồng tụ thanh sam quán thi lệ, (3)

Trót đa mang ai dễ đã ngơ tình.

Đố ai ngoảnh mặt làm thình?

II

MƯỠU

Thuyền tình một chiếc con con,

Khoan khoan tay lái, ai còn đợi ai!

Yêu nhau, nắm áo lời mời,

Thương nhau góc bệ bên trời quán xa?

NÓI

Thế-sự nhất phù vân chi cảnh! (4)

Những ai mê, mà ai tỉnh đã ai ai?

(1) Cuối trời người có sắc đẹp không thấy bóng.

(2) Cửa hầu kẻ làm khách không có nhà.

(3) Ống tay áo đỏ (người con gái đẹp), vạt áo xanh
(người học-trò nghèo) đều là chứa nước mắt cả.

(4) Việc đời chỉ là cõi mây nổi qua đi cả.

Khéo vô-đoan (1) khóc hã, lại thương hoài!

Thú trần-giới có ăn chơi là bực nhất.

Trượng-phu hà dụng phong hầu ấn, (2)

Tài-tử nguyên phi nịch thể nhân! (3)

Ừ! thể thời khi trăng trong, cơn gió mát, lúc
hoa xuân,

Chi sự-nghiệp dề Tinh-quân (4) ngao-ngán dạ?

*Quân bất kiến: thiên cổ hầu vương truy lệ tán
bi an tại dã, (5)*

Thôi sử kinh an-mã (6) cũng điều sai.

Hơn nhau một chén rượu mời.

(1) Vô-đoan là không có mối manh gì, bồng dung không có mối manh gì, bồng không có nguồn gốc gì.

(2) Người trượng-phu có dùng làm gì cái ấn nhà vua phong làm vương hầu cho.

(3) Người tài-tử vốn không phải đem thân ra làm cho người đời phải đắm đuối.

(4) Tinh-quân là chàng có lòng với mình, người đàn ông yêu mình, người có ái-tình với mình (con gái gọi người yêu).

(5) Anh không thấy rằng nghìn xưa đến bây giờ vua chúa công hầu phải rơi nước mắt tắm bia tàn, có còn thấy ai ở đâu chăng?

(6) Sử kinh là sách vở (nói người văn-sĩ), an-mã là yên ngựa (nói kẻ chinh-phu chiến-sĩ); sử-kinh an-mã là nói kẻ văn người võ.

230. — Mừng cưới.

Của Tản-Đà làm ra để tự mừng khi mới cưới vợ

MUỖU-KHUYẾT

Trác-lạc tiên-sinh thiên-hạ sĩ, (1)

Kiều tu nương-tử họa trung nhân. (2)

Sự nhân duyên ai chấp sợi tơ mảnh ;

Ông Tạo-hóa xoay vần nên thế thế.

Tản-lĩnh, Hát-giang, giang-sơn chung tú khí, (3)

Ngộ tuy kỳ diệc lý sở đương nhiên. (4)

(1) Tiên-sinh vốn người đồng-dạc rộng-rãi ngang-tàng, một bức sĩ-phu ở trong thiên-hạ.

(2) Nương-tử (cô nàng) người son trẻ e-lệ thẹn thường như một bức người trong tranh vẽ. Hai câu ý nói một bên có tài và một bên có sắc rất xứng đôi vừa lứa.

(3) Núi Tản-viên, sông Hát-giang, non sông cùng đem cái khí thiêng, khí đẹp cùng đúc lại với nhau (quê Tiên-sinh ở gần với núi Tản, mà quê phu-nhân thì ở trên bờ sông Hát).

(4) Gặp gỡ nhau đầu một sự lạ song cũng là một cái lý tự nhiên của trời định ra phải nên có sự như thế mới phải.

Ngon đuốc hoa tiêu vạn học thu phiền, (1)
Đài phi-phụng, mộng du tiên giờ đã bén. (2)
Rằm tháng chạp Duy-Tân năm thứ chín,
Hỏi trăm năm xin nguyện bóng trăng già.
Nhân sinh đệ nhất thực là. (3)

(1) *Vạn học thu phiền* là nỗi buồn nỗi sầu về mùa thu đem dòng lên đến muôn học (học là cái thùng đựng ngày xưa).

(2) *Đài phi-phụng* (phi-phụng), *Mộng du-tiên* là hai cái diễn người đàn ông gặp người con gái đẹp xum-hạp cùng nhau.

(3) *Nhân sinh đệ nhất* là đời người thứ một, có một ở đời.

231. — Mậu-Dần xuân chúc.

MUỖU

Đông qua tiết lại sang xuân,
 Sửu qua, năm mới sang Dần là nay.
 Chúc mừng năm mới vui thay,
 Dân ta muôn việc ngày ngày hơn xưa.

NÓI

Ngã việt tự thiên niên cổ quốc,
 Bức dư-dồ tự Bắc mở vào Nam.
 Giống Lạc-Hồng sinh trưởng mỗi ngày thêm,
 Gió xuân thổi năm năm càng nẩy nở.

• • • • •

PHỤ NÓI VỀ NHỮNG BÀI HÁT NÓI
CỦA TẢN-ĐÀ TIỀN-SINH.

Pài « Mậu-Dần xuân chúc » ở trên sưu tập ở một tập báo « An-nam tạp-chí » của Tản-Đà tiên-sinh để sót lại, chỉ còn có một đoạn đầu mà thôi, còn thiếu nhiều quá.

Kính xin đọc giả, ngài nào có « An-nam tạp-chí » cũ, xét có bài này viết gửi cả toàn bài cho chúng tôi in lần thứ ba sẽ bổ chính lại thì chúng tôi xin có lời cảm tạ và có quà gửi thù ân.

Ở mục « Tản-Đà hát nói » này lẽ ra còn in vào những bài « Giới mắng », « Cánh bèo » v. v., song vì đã in vào mục Tản-Đà tự chú thích các bài hát định in làm một cuốn « Bình-khang ca phả » riêng ở tập « Tản-Đà vận văn toàn tập » thứ nhất rồi, nếu lại trích lại in vào đây nữa cũng là điệp nữa mà thôi. Kính xin các ngài xem lại cuốn thứ nhất còn nhiều bài hát nói kiệt tác và bất hủ đã được cô đầu khắp nước đem ra hát luôn cho làng chơi xướng hát nghe rồi. Chỉ có những bài trên đây là chị em chưa thuộc và rồi sẽ thuộc mà thôi.

NGUYỄN-MẠNH-BÔNG.

Tản-Đà ca khúc

HÁT SẼM

232. — Gửi cô Hiếu. (1)

— E thì nhời, nhắn thăm ai ngấn-ngự e thì nhời,

Chung tên biết tiếng nhưng người chưa quen.
Ngọn Đông-trào nhờ Di Gió đưa duyên,
Bờ xa bến lạ cho thuyền tới nơi.
Hỏi giai-nhân tài-tử mấy người,
Tình chi chữ « hiếu » trên đời có hai?
Gặp nhau khi cũng bỡch cười.

(1) Bài này làm khi có người anh em mách cho biết ở Hải-dương có một cô đầu cũng tên là Hiếu, tuy lạc loài vào xóm Bình-khang, nhưng cũng là một người nữ-tài biết xem văn đọc báo, yêu thích thơ văn của tiên-sinh lắm; vì thế Tân-Đà mới cảm, định xuống chơi xem người thế nào, song túi còn nhẹ, chưa có dịp đi, mới làm bài hát hãy đăng vào văn-tập trước đã, sau này mới được gặp.

233. — Kiếp học-trò.

— Học thi trò, chúng anh đây cũng kiếp học thi trò :

Bây giờ dốt nát (*anh mới*) phải nằm co trong cái chỗ xó rùng. (1)

Văn không hay chẳng đỗ thời đừng ;

Gió mưa (*mà*) khỏi chết (2) nửa mừng (*anh lại*) nửa thương,

Cái nghiệp bút nghiên, cay đắng đủ trăm đường.

Bảng vàng mũ bạc, (*thôi*) anh nhường mặc ai.

Muốn lên bà (*mà*) khó lắm ! Em ơi !

(1) Tản-Đà tiên-sinh khi in ở « Khố tình con » có chú-thích rằng: Câu này một đặt là: « *Bây giờ lều-lộng, giang-hồ anh mới chạy nhăng* ».

(2) Theo chú-thích cũ của Tản-Đà tiên-sinh ở « Khố tình con » rằng :

« Khoa Nhâm-Tý, kỳ đệ-nhất, mưa bão to lắm. Có một người học-trò vì thế chết tại Nam-dịnh » trong trường thi. Vì xưa thi ở cánh đồng, học-trò phải làm lều kê chõng lên làm văn, khoa thi ấy thế nào, ở tập « Tản-Đà Tản-Vấn » tiên-sinh đã có bài tả kỹ lắm. Vả trông thấy sự hủ-bại quá lắm rồi, Tản-Đà tiên-sinh mới quyết-định thôi không dự vào đám thi cử cũ ấy nữa, dù sau vẫn còn thi mấy khoa nữa, tiên-sinh cũng thôi không chịu khai xin thi làm gì.

234. — Con chim khôn. (1)

Con chim khôn đậu trái non đào,
Tiếng kêu réo-rắt gọi người Bắc, Nam.

Năm canh dài ngủ hã còn tham !
Trời Đông đã sáng, đi làm kéo trưa.

Giấc mơ-mòng đã tỉnh hay chưa ?
Các cô con gái cũng say-sưa cái nỗi gì ?

Thôi xin đừng gương lược làm chi,
Chồng thì chưa có, ruộng thì bỏ hoang.

Hỡi ai con gái trong làng.

(1) Bài này là bài Tản-Đà tiên-sinh thác ra lời con chim khôn gọi người, chính là bài hát cổ-động cho quốc-dân đứng dậy mà làm việc, sao cho tổ-quốc được văn-minh tiến-bộ theo kịp các nước tiên-tiến; quốc-dân ta hãy còn ham mê trong giấc ngủ nghìn năm không chịu tỉnh; trai đã vậy mà gái lại quá-thậm, chỉ biết điềm-trang dĩ thỏa trai lơ, chẳng thấy ai đoái tưởng đến non sông tổ-quốc cả !

235. — Ôm cầm. (1)

(*Bên thi trời*) Chị em ai lặn dạn bên thi trời,
 Non cao nước chảy ấy ai người tri-âm.
 Lúc đêm thanh ngổi dậy cô ôm cầm,
 Lòng tơ tơ-tưởng âm-thầm tiếng tơ.
 Khúc đàn này vẫn khúc ngày xưa,
 Mà người đoái khúc bây giờ đâu xa?
 Nhớ dấu xanh còn đương độ mười ba,
 Cười trắng bóng xế, thương hoa thu tàn.
 Thế mà cái phận hồng nhan!

(1) Bài này ở cuốn «Giấc mộng con» chỗ «Sầu thành», Tản-Đà tiên-sinh vốn có câu:

*Nghĩ mình không phải lâu xanh,
 Có chi tỉnh rượu tàn canh mà sầu.*

Ta đủ thấy cái tâm-sự đau-dớn của tiên-sinh: «Lắm lúc không muốn nói mà phải nói, lắm lúc muốn nói mà không được nói...». Lúc nào cũng chỉ:

Lòng tơ tơ-tưởng âm-thầm tiếng tơ.

Lại chờ đợi mãi:

Mà người đoái khúc bây giờ đâu xa.

Văn-chương khi ấy không được tự-do ngôn-luận, chỉ có thể dùng lối gián-tiếp mà tỏ cảm-tình ái-quốc của mình mà thôi.

236. — Sầm chợ (1)

I

Chúng anh xưa chẳng biết ở nơi nào ?

Ông trời xô đẩy anh phải sinh vào cái chốn
nhân-gian.

(1) Ba bài « Sầm chợ » đây vừa tả anh sầm chợ, vừa hát theo giọng sầm chợ.

Song le, chính Tản-Đà tiên-sinh tự nói mình, vì mình như anh sầm chợ : « công-danh chẳng có cũng sầm-soan cho nó hào ». Đó tức là tiên-sinh đã chán ghét lối vào luồn ra cúi, quyết đem thân ra ngoài vòng cương-tỏa ngay lúc còn tuổi đầu xanh. Tuy « đòi ba câu hảo kiếm ăn miền sầm-soan » nhưng mà « găm trời một chiếu chẳng lúc nào là chẳng xuân ».

Đối với đời bấy giờ, Tản-Đà tiên-sinh « ngoảnh trông lên dếch thấy có ra gì. Ai rằng trắng sáng chỉ thấy tối si-si cái bóng đen đen... », chỉ những « nghe tiếng má đào, má thề có thấy cô nào thì anh cũng dui ». Lại « kè từ trống hát chốn nhân-gian, mắt xanh chẳng để hồng-nhan có một cô nào vào... ». Không thấy ai xứng đáng cho mình phục, trông thấy non sông hắc-ám, « nghĩ cái phận ông trời cho khi tưởng đến mà đau. Giờ chưa mở mắt biết mai sau ra thế nào ! ». Chỉ còn than rằng : « Bây giờ đất thấp mà trời cao » mà thôi !

Ta biết tâm-sự cho Tản-Đà ở ba bài hát này thật là đau-dớn với non sông lắm.

Thẹn vì tình mà ngơ mắt với giang-san,
Công-danh chẳng có cũng sầm-soan cho nó hào.
Bấy lâu nay, anh nghe tiếng má đào,
Mà thề có thấy (*một cái*) cô nào thì anh cũng
đui !
Nói đây cho chúng chị em cười,
Anh đây nào phải cái con người thông-mạnh ?
Yêu nhau ta chẳng liếc cũng tình.

II

Sự phong-lưu xưa kia anh trải mọi mùi,
Bây giờ nhà xiêu, vách nát, vợ đôi, con rét,
để anh ngồi sao yên ?
Chết trong lưng không sẵn đồng tiền,
Đôi ba câu hảo (*anh mới phải*) kiếm ăn miền
sầm-soan !
Kể từ ngày mà trống hát chốn nhân-gian,
Mắt xanh (*anh*) chẳng để khách hồng-nhan
có một ai vào.
Cái cách ăn chơi anh nghĩ thế (*mà lại*) có bèn
hào ;
Gầm trời một chiều chẳng lúc nào anh không
xuân.
Ở đời nhắm mắt (*mà*) đưa chân.

III

Ngoảnh trông lên anh dếch thấy có ra gì!

Ai rằng trăng sáng, anh thấy vẫn tối sì cái
bóng đen đen.

Hội chùa Thầy còn đương lúc đua chen;

Mau chân lên thời tới, hễ ươn hèn thời xa.

Anh tiếc cho đôi con người bèn chột lại
bên lò!

Trèo non xuống giốc dễ ai mà giúp nhau.

Cái phận ông trời cho khi tưởng đến mà đau!

Giờ chưa mở mắt biết mai sau ra thế nào?

Bây giờ đất thấp (mà) trời cao!

CA CỎ-BẢN

I

**237. — Vì cuộc diễn-kịch ở Lao-kay
để lấy tiền giúp nạn-dân
Nghệ Tĩnh.**

Ơn ai ơn đồng bạn, vì mối thương-hoài,
Kịch tân-thời, giúp người xa khơi.

Thuật đôi lời, tỏ lòng vì ai.

Ta An-nam cùng họ chi khác trong ngoài;

Đó Trung-kỳ, đây miền Lao-kay.

Nghìn dặm đường xá nài, nổi ngậm-ngùi,
ngậm-ngùi!

Tai hại vì đâu?

Non sông oán-sầu.

Thần Thiên-đế,

Thiên-đế cơ-cầu.

Quanh vùng Nghệ, Nghệ Tĩnh liền nhau,

Nắng thiêu đồng mạ, hư-hại vườn rau.

Dân-tình khó-khăn, đói cùng nhau.

Đâu trận cuồng-phong,
Mờ-mịt lấm cát tung trời,
Gần xa bời-bời.
Gió cuồng-phong,
Đến miền đường trong,
Hung-độc, thạch mộc toi bời.
Thôn quê thiệt-thời,
Ấy nhiều nơi.
Kinh kinh-tế,
Kinh kinh-tế,
Kinh-tế nguy-nàn.
Khó làm ăn,
Lúc tiền khan.
Dàn cùng thất-nghiệp như số muôn vàn.
Cuộc sinh-tồn, cậy nhờ cùng nhau.
Nhìn người hơn,
Ngắm vào ta,
Chung lòng hợp dạ,
Xum họp giống nhà,
Giống Tiên Rồng, may mà...
Đêm trường làm vui,
Mượn trò chơi,
Ca đôi lời,
Chơi-bời vui-vẻ,
Như giải tâm-hoài.

Cuộc mua cười
Vi người Việt-Nam.
Hợp người Bắc, Nam,
Người nhiều nơi,
Đất Lao-kay,
Xum-vầy ân-ái,
Nghệ Tĩnh phương trời !

II

**238. — Nói về liệt-đại anh-hùng
nước ta.**

Dân-số hai năm triệu, về giống da vàng,

Chi Hồng-Bàng, họ dòng Hùng-Vương.

Học cho tường, truyện nhà làm gương.

Xưa Văn-Lang trường-trị, sau trước Chu,
Đường.

Ấy là đầu, về đời Hồng-hoang.

Nhiều truyện còn phi-thường, mặt anh-hùng,
anh-hùng.

Trưng-thị quăn-thoa,

My-linh tướng-tài,

Đời Đông-Hán, Hán-quan vô-loài,

Riêng thù chi, lặn-bận lòng ai.

Núi sông thề-nguyện,
Yên ngựa cảnh mai:
Cơ-đồ bá-vương, gái tài trai.
Sông Bạch-đăng-giang,
Giồng cọc, là đứng Ngô-Quyền;
Hoàng-Thao chìm thuyền,
Sóng vừa yên.
Đến hồi Trần-Tiên,
Quang-Phục, độc-mộc tranh-cường.-
Qua sang Tùy, Đường,
Có Phùng-Hoan.
Đinh-Tiên-Hoàng,
Đinh-Tiên-Hoàng,
Tiên-Hoàng oai-thần.
Lá cờ lau,
Thống thần-dân.
Khai đầu đế-nghiệp,
Lê, Lý đến Trần.
Dịp Yêu-Hồ,
Bản-đồ về Minh.
Một người Lam-san,
Ngùi lâm-than,
Đánh mười thu.
Gươm vàng Lê-Lợi,
Lau sạch máu thù;
Nợ còn chìm trong hồ.

Ngang đời nhà Thanh,
Ấy Càn-Thanh.
Tôn, Tôn Sầm,
Tôn, Tôn Sầm,
Tôn, Sầm hai ả,
Binh mã tung-hoành.
Động Nam-đình,
Trận thành Thăng-long,
Ngọn cờ Quang-Trung.
Dòng thần-minh,
Khách tài-danh
Nghe nhời ca lý,
Bao hạn tâm-tình!

239. — Nam-bằng.

(Tám-sự của một người đàn-bà lúc bị chồng bỏ)

Khoan khoan đã, ời anh !
Phụ-phàng chi cho lắm.
Duyên nợ ba sinh,
Đời mình, đà xe sợi tơ mảnh.
Sợi tơ mảnh,
Tao-khang, nên cho trọn chút tình.
Xin lòng đừng ly,
Quyết đá vàng,
Trăm đảng thân-thiết,
Xiết bao ân-tình.
Đoái thương nước bạc non xanh,
Nguyên non nước,
Bắc Nam sao đành !
Mặc trò đời,
Chi đâu,
Nay đợm đà mai phụ.
Gạt dòng châu,
Than-thở đôi câu :
Trông lại cùng nhau,
Trăm năm bạc đầu.

HỀ

(Trong lối Hát Chèo Bắc-ký)

240. — Con chim xanh.

Con chim xanh (*tang tình em ơi*) nó lặn ;

Con cá vàng nó dạch (*phú lý nọ*) lên non. (1)

Cô Thúy-Kiều (*xưa kia còn*) mà phấn môi son,

Lầu xanh chưa mãn, cô mới đã lại bon sang
ở chùa.

Cái phận đàn-bà (*em ơi*) nghĩ đến thế mà lo :

Làm thân (*bây giờ*) con gái, sao cho (*phú lý
nọ*) sớm chồng.

Sự trăm năm (*ông trời kia*) đã kết (*có*) giải
đồng ;

Dù duyên dù nợ, cái đức tam-tùng em cũng
phải cho ngoan.

Lấy chồng (*bây giờ em ơi*) gánh lấy mà giang-
san ;

Mẹ cha trông xuống (*chứ đề*) thế-gian (*có*)
trông vào.

Mặc ai tối muộn mai đào.

(1) Một thứ cá bỏ mình vàng ở lạch ở suối, gặp khi mưa
có nước có thể nhảy lên bờ hay dạch lên sườn núi được.

241. — Ống đùng.

Giời đông chưa sáng,
Con chim quốc nó gọi dậy.
Tay tôi mang cái ống đùng,
Tôi qua bụi này,
Tôi sang bụi nọ,
Tôi chen,
Tôi chúc,
Tôi chui,
Tôi rúc,
Hết các vùng,
Tôi kiếm chim.
Kia kia,
Trông như con sáo sậu,
Nó bay,
Nó đậu,
Nó bậu trên ngọn cái giấy bìm.
Đùng ! (1)

(1) Đùng ! anh hề đi bán, làm bộ bán.

Hỡi các cô con gái bé,
Mười ba,
Mười bốn,
Mười lăm,
Mười sáu,
Mười bảy,
Mười tám,
Mười chín,
Có muốn ăn cái miếng chả thì tìm lấy tôi.

242. — Con sáo sậu.

Kìa kìa, ai xui một đàn con chim sáo sậu nó
đậu trên cái lưng con bò ?

Ai làm (*bây giờ*) đục nước cho cái con cò nó
kiếm ăn ?

Sợ tơ hồng ai khéo (*mà*) xe xoăn ?

Trên đầu em ai dạy cái làn khăn nó mới ưa
nhìn ?

Chấp đôi tay anh vái lạy ông Hoàng-thiên,

Sớm sai (*tang tình*) ông Nguyệt-lão để se
duyên cho chúng mình.

Dù duyên, dù nợ, dù tình,

Lòng anh bây giờ đã quyết thời cô mình
cũng phải nhất-tâm.

Ở đời, em ơi, được mấy (*mà*) tri-âm.

243. — Anh thợ cạo.

Trượng-phu xử-thế vô trường-sách, (1)

Bạc-nghệ tùy-thân nhất đoản-dao. (2)

Lánh phong-trần mài một mũi dao, (3)

Khắp phường-phố biết bao người nhẵn mặt.

(1) Đứng anh-hùng ngang-tàng ở trong đời chưa có mưu-chước gì lâu dài để làm việc lớn.

(2) Hãy giữ một nghề đơn-bạc trong mình theo với thân kiếm ăn hàng ngày bằng một con dao con dĩa.

(3) Hãy lánh gót phong-trần mà mài một mũi dao làm kẻ đọi thời đã. Tuy là anh thợ cạo mà chí-khí anh-hùng to lớn (khôi-hài có ý nghĩa cao xa).

244. — Câu hát Rậm Đò. (1)

Chung lưng một chiếc thuyền tình, *rô ta,*
Sông bao nhiêu nước ta thương mình bấy
nhiều, *ta rô ta.*

Chúng anh đây đừng mũi chịu sào, *rô ta,*
Sóng ngang gió tạt, anh bẻ vào càng mau,
ta rô ta.

Khuyên em đừng tính trước lo sau, *rô ta,*
Còn lưng còn vốn, ta nên giàu có phen,
ta rô ta.

Khuyên em đừng tủi phận hờn duyên, *rô ta,*
Có tài có sắc, ta lên tiên có lần, *ta rô ta.*
Rồi ra xé lụa may quần, *rô ta,*
Đẩy loan đây phượng, ta quây quần lấy nhau,
ta rô ta.

(1) Người chèo đò, chân dậm xuống ván thuyền, tay chèo thuyền, miệng hát, lấy mái chèo làm nhịp.

245. — Đò đưa.

1. — Rung-rinh nước chảy qua thi đèo,
(*Thuyền thi ai*) Thuyền ai một lá, dậm chéo
quanh non?

Đá trơ trơ mãi (*a*) thi mòn,
Khối tình bóp bẹp, vo tròn lại nguyên.

2. — Giang-sơn một chiếc mũi (*thi*) bằng,
Sóng to (*mà*) gió cả, hải-hùng lắm phen!
Anh (1) thương em má lúm đồng tiền,
Phấn son em chẳng biết, con thuyền (*dênh*)
lênh-dênh.

3. — Sông thu ngược gió xuôi thuyền,
(*Thuyền thi xuôi*) Thuyền xuôi gió ngược cho
phiền lòng anh.

(*Ta trót*) đem nhau xuống thác (*a*) lên ghềnh,
Trăm năm đôi chữ «chung-tinh» ai chớ có
quên.

4. — Con sông nước chảy lờ-dờ,
Thuyền trôi lững-thững, trắng tờ-mờ soi.
Công-danh chi nữa chàng ôi!
Chàng về dậm mũi cho tôi lái thuyền.

(1) Theo Tản-Đà, đôi chữ «anh» ra làm «chị» cũng
được.

Tản-Đà Kịch-văn

CHÈO THIEN-THAI

Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu là người Trung-quốc về đời Hán, tết Đoan-dương cùng nhau vào núi Thiên-thai hái thuốc, gặp hai tiên-nữ kết-duyên. Sau hai người nhớ nhà, tạ tiên-nữ xin về. Lúc trở lại tìm tiên không thấy nữa.

246. — Hái thuốc.

*Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu đi hái thuốc, cùng hát điệu
« Đường trường »*

Huề-thủ anh ơi, đồng-hành, (1)

Đôi chúng ta nay huề-thủ đồng-hành.

Đoạn-kim phạt-mộc (2) nhất-tinh cái chỗ dị-hương. (3)

(1) *Huề-thủ* là giắt tay nhau. *Đồng-hành* là cùng đi.

(2) *Đoạn-kim* là chặt vàng, do câu cổ rằng:

« Đồng-tâm chi ngôn, kỳ lợi đoạn kim » nghĩa là lời nói người cùng với mình một lòng thì sắc (như dao sắc) có thể chặt được nổi vàng. *Phạt-mộc* là chặt cây, do thơ *Phạt-mộc* ở kinh Thi là thơ tả chim gọi bạn. *Đoạn-kim* và *Phạt-mộc*, hai điển nói về tình bầu-bạn thân yêu nhau cả.

(3) *Nhất-tinh* là một lòng một mực. *Dị-hương* là nơi khác.

Vật sấm nhung anh trải nệm đã thường,
 Chán mùi nhân-thế tìm đường thuốc tiên.
 Con đường xa mà đã có bạn hiền,
 Vén mây vạch đá ta liền có nhau.
 Trông non xanh, anh ơi! xanh ngắt một màu;
 Chim kêu, vượn hót, huê rầu, rồi lại lá bay.
 Cái cảnh thần-tiên chưa dễ mà ai hay,
 Thiên-thai trông tỏ lối này phải chưa?
 Tấm tình riêng ta những ước từ xưa:
 Đoan-dương hái thuốc mời bày giờ cùng nhau.
 Chốn nhân-gian trăm tuổi bạc đầu,
 Trường-sinh có phúc ngộ hầu ta gặp tiên.

247. — Mừng cưới.

*Hai tiên-nữ cùng Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu kết-duyên,
 các bạn tiên đem đào lại mừng,
 cùng hát điệu « Thề-loan »*

Tay tiên một quả tiên-đào,
 Nửa dâng mừng chị, nửa chào gặp anh.
 Gió đông-phong (1) đánh rợn tuổi tình,
 Đưa đường trở nẻo để đôi mình lại đây.

(1) *Đông-phong* là gió từ phương đông thổi đến, chỉ mùa xuân êm-ái.

Rượu bồ-đào (1) chưa nhấp đã say,
 Trăm hoa giao-kết (2) một cây đèn trời.
 Chốn tiên-cung đông mặt hộp nhời,
 Nợ trần, lụy thế, mặc người nhân-gian.
 Cảnh Bồng-lai ngày tháng thanh-nhàn,
 Trăm nghìn êm-ấm, muôn vắn ái-ân.
 Chúc cho đôi chữ trường-xuân, (3)
 Rêu phong động biếc, đào ngấn bụi hồng.

248. — Tổng-biệt.

(Lưu Nguyễn xin về, hai tiên-nữ tổng-biệt)

Hai tiên-nữ nói: Hai chàng nay đã nhớ đến quê hương mà muốn về, chúng tôi nghĩ giữ lại làm sao cho tiện! Vậy xin kính đưa ra tời cửa động này mà có nhời thưa rằng:

Hai chàng,

Bởi tiên-thế (5) nhiều phần phúc-đức,

Nên ngày nay kết bạn tiên-cung.

(1) Bồ-đào là quả nho.

(2) Giao-kết là giăng buộc.

(3) Trường-xuân là dài xuân, được xuân mãi, trẻ dai không già.

(4) Tổng-biệt là tiễn đưa người chia tay ly-biệt xa cách mình từ đây.

(5) Tiên-thế là đời trước.

Nhưng nợ trần vương-vít gỡ chưa xong !
 Xui cỗi tục mơ-mòng còn tưởng nhớ !

Nay đến lúc kẻ đi người ở,
 Thôi từ nay vĩnh-cách tràng-ly. (1)
 Ngãi trăm năm còn một khúc ca-thi,
 Dâng quân-tải để làm nghi (2) tống-biệt.

Ngâm: Lá đào rơi-rắc lối Thiên-thai,
 Tuổi tiên, oanh đưa, những ngậm-ngùi !

Nửa năm tiên-cảnh, (3)

Một bước trần-ai, (4)

Ước cũ duyên thừa có thể thôi !

Đá mòn, rêu nhạt,

Nước chảy, huê trôi,

Cái hạc bay lên vút tận trời !

Trời đất từ đây xa cách mãi.

Cửa động,

Đầu non,

Đường lối cũ,

Nghìn năm thơ-thần bóng trắng chơi.

(1) *Vĩnh-cách* là cách mặt khuất người mãi mãi
Trưởng-ly hay *tràng-ly* là xa lìa nhau dài lâu.

(2) *Nghi* là lễ, *lễ-nghi* hay *ngghi-lễ* đều là nói thể-thức bày ra để tỏ lòng kính-trọng, hoặc là tiệc bày ra có thể-thức làm lễ long-trọng.

(3) *Tiên-cảnh* là cõi tiên.

(4) *Trần-ai* là bụi bặm (cõi đời).

*TRÍCH VÀI ĐOẠN TRONG
VỞ TUỒNG TÂY-THI.*

Nguyên đời Xuân-thu ở Tàu, nước Ô-Việt bị nước Ngô đánh thua. Vua Ô-Việt là Câu-Tiến và quan Đại-phu là Phạm-Lãi dùng mưu đem hai mỹ-nhân là Tây-Thi và Trịnh-Đán sang cống Ngô, làm cho vua Ngô mê say, rồi sau Ô-Việt đánh được Ngô.

249. — Giặt lụa, hái rau.

Khi Tây-Thi, Trịnh-Đán còn ở nhà quê ở Chử-la; Tây-Thi cầm tấm lụa đào ra ngồi giặt ở suối hái rau, cùng nhau bắt vắn mà hát :

Tây-Thi hát giọng kể thư Sài-gòn.

Trịnh-Đán thời bắt sang Nam-Xuân.

*Tây-Thi : Thân em như tấm lụa đào,
Duyên tơ đã chấp nhuộm vào thêm tươi.*

*Trịnh-Đán : Một giòng suối mát thanh-thời,
Lơ-thơ rìa đá một vài ngọn xanh.*

*Tây-Thi : Nao nao giòng nước uốn quanh,
Thướt-tha lá lụa, rung-rinh bóng người.*

Trịnh-Đán: Rau leo quanh-quần chân đồi,
Suối xa xa đến tận trời, ai hay?

Tây-Thì: Kia trông con bướm xa bay,
Ấy ai tỏ phẩn cho mày? Bướm ơi!

Trịnh-Đán: Tung-tăng đàn cá giông chơi,
Giữa giòng một cánh huè rơi nhẹ vèo.

250. — Trường-dinh tiễn-biệt.

Lớp này là lúc Phạm-Lãi đem Tây-Thì, Trịnh-Đán sang cống Ngô, mà vua Câu-Tiến ra Trường-dinh để tiễn-biệt ba người.

Phạm-Lãi, Tây-Thì, Trịnh-Đán và quân lính ra một bên. Câu-Tiến cùng Phu-nhân, mẹ Tây-Thì, mẹ Trịnh-Đán cùng ra một bên.

Câu-Tiến nói: Này như Đại-phu ơi! Nước Ô-Việt ta mà có sự cống Ngô như thế này:

Nỗi gia-quốc (1) nghĩ càng đau dạ,

Ta sai quan Đại-phu đi thời

Đạo chủ thần, người chờ từ-nan. (2)

(1) *Gia* là nhà, *quốc* là nước; *gia-quốc* nói nhà với nước; khác với *quốc-gia* tiếng dùng để nói nhà nước, một nước.

(2) *Chủ* là chúa, *thần* là tôi, *từ-nan* là cho là khó-khăn mà từ chối không làm.

Thôi thôi, ta tiễn Đại-phu ra tới đây,
 Trường-dinh (1) nửa khắc hợp tan,
 Mà làm cho Quả-nhân đây
 Nước mắt hai hàng lã-chã.

Văn: Nước mắt hai hàng lã-chã,
 Gánh ly-tình (2) đôi ngả sầu-thương.

Cầu-Tiền Phu-nhân văn:

Gian-nan vận nước dậm trường
 Mỗi sầu theo một bước đường một xa.

Cầu-Tiền cùng Phu-nhân mỗi người cầm một chén rượu đưa cho Phạm-Lãi và cùng văn:

Nước non một chén quan-hà, (3)
 Đường xa muôn dặm, châu sa mấy hàng.

Phạm-Lãi hai tay cầm lấy hai chén rượu, một chân quỳ mà uống, rồi vừa lay, vừa văn:

Cúi đầu trăm lay Quân-vương,
 Con sầu phá tấm gan vàng chia hai.

(1) *Trường-dinh* là cái nhà do sự đường xa không có chỗ nghỉ thì lập ra quán nghỉ ở giữa đường sau khi đi một quãng đường dài.

(2) *Ly-tình* là tấm lòng cảm-động, khi chia tay xa lìa nhau mỗi người một ngả.

(3) *Chén quan-hà* là chén tiễn đưa người đi ra khỏi cửa làng cửa nước, qua sông sang xứ khác.

Mẹ Tây-Thị, mẹ Trịnh-Đán trông vào hai con cùng vãn :

Từ đây góc bể bèn trời,

(Con ơi)!

Con đi xa cách quê người chiếc thân.

Tây-Thị, Trịnh-Đán cùng vãn :

Muôn vãn từ-giã quân (1), thân (2),

(Mẹ ơi!)

Thân con biển Sở, sông Tần quản bao?

Phạm-Lãi nói: Xin tâu cùng Quân-vương,

Hai cốc rượu đã cam lòng biệt,

Một mũi gươm xin cắt mối sầu.

Tâu Quân-vương trở lại cung-lầu,

Để thần-hạ tận-lao quốc-sự. (3)

Câu-Tiến cùng Phu-nhân vào.

Mẹ Tây-Thị, mẹ Trịnh-Đán cùng hai con :

(1) *Quán* là vua (hát đến chữ *quán* thì vái vào vai đóng vua).

(2) *Thân* là cha mẹ (hát đến chữ *thân* thì vái vào vai đóng mẹ).

(3) *Thần-hạ* là bầy tôi ở dưới, *tận-lao* là hết sức nhọc-nhăn, *quốc-sự* là việc nước. Để cho tôi xin hết lòng vì nước không dám quản chi sự khó nhọc.

Văn :

Roi câu thăng gióng dặm trường,

(*Quân-vương ơi!*)

Trượng-phu khi cũng hai hàng chứa-chan.

Tây-Thi, Trịnh-Đán cùng vào :

Ngại-ngùng muôn dặm quan-san,

(*Mẹ ơi!*)

Hiếu trung hai gánh khôn đền cả hai.

Phạm-Lãi văn :

Giang-san đeo nặng hai vai,

Cờ xa ai cấm lưng trời con con.

Tây-Thi, Trịnh-Đán cùng văn :

Những là lạ nước lạ non,

Ngô-thành vừa một tháng tròn tới nơi.

Lưu-luyến (1). Phạm-Lãi phải nói đề giải-tình (2) rồi hai bà mẹ cùng vào. Phạm-Lãi đem Tây-Thi, Trịnh-Đán cùng quân lính đăng-trình. (3)

(1) *Lưu-luyến* là quán quyết nhau, dùng-dăng ở lại không dời tay mà đi được.

(2) *Giải-tình* là cởi lòng, làm cho êm-dịu tấm lòng sầu-cảm ; còn có nghĩa là hiểu biết lòng thương yêu cảm-động của kẻ khác.

(3) *Đăng-trình* là lên đường đi.

Phạm-Lãi nói:

Hồng-nhật trung-thiên, (1)

Hoàng-lô mãn-địa, (2)

Tây-giang Đông-tầu, (3)

Bắc-nhạn Nam-phi. (4)

Phong thê-thê, (5)

Vân mạn mạn; (6)

Hành hoãn-hoãn, (7)

Chi mang-mang. (8)

(1) Mặt trời đỏ ở giữa trời.

(2) Lò vàng đầy đất (mặt đất vàng như cái lò).

(3) Sông Tây nước chảy về Đông.

(4) Nhạn Bắc bay về Nam.

(5) Gió thổi thắm-thê lạnh-lẽo.

(6) Mây bay tan-tác.

(7) Đi chậm chậm.

(8) Lòng ngồn-ngang lo nghĩ phân-vân.

251. — Bán rau.

Ngô-vương được Tày-Thì cùng Trịnh-Đán, dựng đài Cô-tỏ, cung Quán-nhai, ngày đêm mê chơi, hoang-dâm vô-độ (1). Sau quân Việt sang đánh Ngô, Ngô bị tàn-phá.

Một vai đào bán rau, đi qua tàn-cung (2) vua Ngô, đứng ngậm-ngùi nói:

Trái núi nọ mặt trời ngang xế,
 Đầu ghềnh kia mây kéo đen rằm,
 Trông tàn-cung ngao-ngán trong tâm,
 Cảm cố-quốc (3) lâm-râm hạt lụy.

Văn:

Hạt lụy lâm-râm cố-quốc,
 Giấc mê-hồn (4) chẳng thuốc mà ra.
 Câu-Ngô vẫn nước non nhà,
 (Ngô-vương ơi!)
 Nhìn phong-cảnh cũ nay đã khác xưa.

Văn xong quăng bỏ gánh rau, hóa điên.

(1) *Hoang-dâm vô độ*: là chơi lu-bù mê-mệt về sự giông-giăng trai gái, không còn có chừng có mực nào nữa.

(2) *Tàn-cung* là nơi lâu-đài nhà vua bị phá đi còn sót lại nền đất chút ít mà thôi.

(3) *Cố quốc* là cái nước cũ đã mất đi vào tay nước khác rồi, không còn có quốc gia của mình nữa, chỉ còn là một vật cũ vật cổ mà thôi.

Hát giọng điên :

Đức ông ăn mặn,

Gà thiến đi tu.

Nhỏn-nhờ cô thỏa lên chùa,

A-di-đà Phật, Nam-mô, dặt hàng.

Chuyển đồ ngang, mình sau ta trước,

Kiếp tài-tình, mặt nước chân mây.

Sông kia núi nọ còn đây,

Nực cười ông vua Trụ mê say nghiêng thành.

Thành nghiêng quán đổ tan-tành,

Trước sân con hươu rồn, trong mảnh con
nhện sa.

Cành mai quả bầy quả ba,

Ới đàn con chim thước bay ra lạc-loài.

Lạc-loài phấn nhạt hương phai,

Cảm thương ai hữ con người, ới hỡi, răng đen.

II

Ào ào trống gióng,

Phơi phới cờ bay,

Hay hỡi là hay,

Lạ ới là lạ!

Nửa đường rụng tía rơi hồng,

Cảm thương con chim nhận vợ chồng bắc
Bắc Nam.

Mịt-mù khói tỏa động Lam,
 Triết-vương khuất mặt, cồ-am lạnh-lùng.
Tơ lý hồng, tơ lý hồng, hồng tơ hồng tơ lý hồng,
 Phương này có sông, sông Nhị-hà, *sông Nhị-hà,*
 Sóng kêu đồn-dã.

Phương này có núi, núi Ba-vi, *Núi Ba-vi,*
 Khuất ngả lầu tây.

Đấy mong chồng, cho đây nhớ vợ,
Đấy mong chồng, cho đây nhớ vợ!
 Mạnh chung-tình phân-trở đôi nơi.

Đôi nơi chung dưới một trời,

Lúc sầu, lúc oán, lúc giận, cười, (*ói hời*) lại
 tươi.



NÓI THÊM VỀ VĂN KỊCH CỦA TẢN-ĐÀ TIỀN-SINH.

Sau khi Tản-Đà tiên-sinh đã đưa cho ông giáo Trịnh-Xuân-Nham tập tản-văn của tiên-sinh làm ra mà ông Nguyễn-Văn-Vĩnh lấy ít bài đăng vào báo « Đông-dương tạp-chí » và giới-thiệu khen ngợi, Tản-Đà tiên-sinh muốn tìm một việc làm văn, song đời tranh-cạnh về cá-nhân, lại quốc-dân bấy giờ chưa biết trọng xem văn đọc báo. Nhà báo mới có « Đông-dương tạp-chí », đủ người làm rồi, không có đất mà thi-thố tài học, đành phải xuất-bản lấy tập vận-văn thứ nhất là « Khởi Tình Con » (I) bàn đề lấy tiền chi-dụng, vì đã có gia-đình rồi; sau tưởng « Nam-Phong » có thể là nơi đặc-chí, mới viết ít bài lai-cảo, thấy

độc-giả hoan-ngheh, nên ông Phạm-Quỳnh nhân Tản-Đà tiên-sinh ra « Giấc Mộng Con » liền dùng « Nam-Phong » làm nơi công-kích bằng bài « Mộng hay Mỵ ». Thế là Tản-Đà tiên-sinh biết không thể nào hợp-tác được với bọn các ông Nguyễn-Văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, bèn biệt-lập ra môn-tường đề sinh-nhai bằng ngòi bút câu văn. Ông Nguyễn-Đình-Kao chủ rạp hát Nguyễn-Đình-Kao ở Hải-phòng mời về làm việc soạn các vở tuồng. Do từ đấy mà đi những rạp tuồng ở Hà-nội như « Thăng-Y », « Kinh-kỳ Hi-viện », cùng các rạp chèo như « Sán-Nhiên-Đài » cũng lại nhờ cậy đến luôn. Cách soạn các vở tuồng vở chèo đời bấy giờ không phải như soạn vở lối mới ngày nay hay là các bản tuồng bản chèo cổ để lại. Soạn tuồng hay chèo khi ấy người ta nhờ Tản-Đà tiên-sinh phần nhiều nhờ tìm tích hát xưa nay ở các sách truyện Tàu hay Ta bằng chữ nho ra, rồi làm ra một cái chương-trình giàn các cảnh các vai và bỏ lớp cho đào kép ra trò hát. Khi soạn xong một tích, hợp cả ban hát lại nói chuyện, vai nào vốn cổ đã có câu hát câu nói rồi có thể áp-dụng được thời cho họ mượn đem vào vở hát của mình; vai nào không có câu sẵn thì mới phải đặt ra cho họ học.

Vì vậy, cho nên những câu nói lối, câu hát, rất nhiều, các bản tuồng cương rất lắm, ít có vở hoàn-toàn. Lại đến mấy năm văn-niên các bản thảo vì sự ở nay đây mai đó hóa ra thất thác đi nhiều. Nay chúng tôi chỉ còn sưu-tập lại được ít bài của tiên-sinh lấy làm đặc-y đã in vào văn-tập và các báo do tiên-sinh biên tập thì đem in vào mục này để cho độc-giả biết văn-tài của tiên-sinh. Thật sinh-thời tiên-sinh không có một lối văn-chương gì của nước Nam vốn có mà tiên-sinh không làm nổi, mà đã làm là hay, khiến chúng ta ai cũng phải khâm-phục. N. M. B.

Tản-Đà thơ dịch

Thơ dịch của Tần-Đà tiên-sinh ở đây có đôi bài của thi-sĩ ta và văn-sĩ Tàu ở các đời khác, còn phần nhiều là thơ đời Đường.

Trừ những bài nào Hán-văn quá dài, chúng tôi lúc soạn lại này cũng chưa có nguyên-cảo mà dịch-âm cả ra quốc-văn. Còn những bài nào có thể đủ nguyên-văn thì chúng tôi đều dịch cả Hán-thi ra quốc-âm nhà để tiện cho những nhà muốn nhân đó đọc Đường-thi bằng chữ Hán để ngâm-ngợi cả Hán-âm lẫn Nam-âm tiện cho sự di-dưỡng tinh-tinh.

Thơ Tàu dịch ra thơ ta, lắm khi vì niêm luật bằng trắc bắt buộc không thể nào dịch đúng lời của nguyên-văn mà chỉ diễn lấy cái thần-ý của tác-giả được thôi. Song, muốn cho ta biết cái tài diễn thơ ra nôm của Tần-Đà, chúng tôi xin diễn nghĩa ra văn xuôi ít nhiều bài thơ chữ Nho ở dưới các bài thơ quốc-văn của Tần-Đà tiên-sinh. Nếu ta không học chữ Nho, xem thấy nghĩa xuôi bài thơ nguyên-văn của tác-giả mới biết cái tài diễn-dịch ra quốc-văn rất công-phu, rất đúng tâm-tinh

của nguyên-tác, ta mới càng thêm kính-trọng Tản-Đã tiên-sinh.

Thơ Đường của Tản-Đà tiên-sinh diễn-dịch khi đăng báo có chưa cả tên các tác-giả ở dưới. Khi ông Nguyễn-Tổ sao-lục giúp chúng tôi vì phải cắt ở các báo ra, nên bỏ sót mất ít nhiều bài không có tên tác-giả.

Nếu chúng ta muốn tra-cứu thì chỉ có bộ « Đường-thi hợp-tuyển » hay « Đường-thi tam-bách-thủ » bằng Hán-văn là rõ được các tác-giả. Song, ta đọc thơ, cần hưởng thú của bài thơ, còn sự biết tên tác-giả là một việc bổ-lúc về sau. Kỳ lục-bản sách « Tản-Đà Vận-Văn toàn tập » này chúng tôi mong rằng sẽ làm được vừa lòng độc-giả hơn. Vì chính khi chúng tôi soạn lại tập « Tản-Đà Vận-Văn » này đương lúc đường xá vì chiến-tranh đi lại khó-khăn ; mọi vấn-đề vật-chất như sách vở bút giấy đều khan cả. Lắm điều muốn được như ý mà vì thế hãy tạm đợi chờ... Xin các độc-giả cao-minh lượng-thứ.

Chúng tôi lấy làm muôn cảm.

H. S.

252. — Tự-thuật.

Thế-sự du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai, đồ điều thành-công dị;
Sự khứ, anh-hùng âm-hận đa.
Tri chúa hữu hoài phù địa-trục,
Tẩy binh vô lộ văn thiên-hà.
Quốc thù vị phục, đầu tiên bạch,
Kỷ độ long-tuyền đới nguyệt ma.

DẶNG-DUNG.

Nói về mình.

Việc đời man-mác, tuổi già thôi!
Đất rộng trời cao chén ngậm-ngùi.
Gặp-gỡ thời-cơ may những kẻ,
Tan-tành sự-thế luống cay ai!
Phò vua bụng những mong xoay đất,
Gột giáp sông kia khó vạch trời.
Đầu bạc giang-san thù chữa trả,
Long-tuyền mấy độ bóng trắng soi.

BÀI THƠ TỰ-THUẬT THẦN-THỂ VÀ TÂM-SỰ MINH CỦA ĐẶNG-DUNG.

Đặng-Dung cùng với Nguyễn-Cảnh-Dị, Nguyễn-Súy là những nhà ái-quốc đời Hậu-Trần quyết liều mình thờ vua Hậu-Trần chống với cuộc xâm-lăng của nhà Minh, sau vì thất-bại mới làm bài thơ này, khiến bọn nghĩa-sĩ Lam-sơn đứng đầu là vua Lê-Lợi khởi-bình lên đuổi được giặc ra ngoài bờ cõi, tuyên-bố bài « Bình-Ngô Đại-Cáo » mà Tản-Đà tiên-sinh đã diễn dịch ở cuốn Tản-Đà Vạn-Văn toàn-tập thứ nhất chúng tôi đã xuất-bản rồi.

Nghĩa xuôi bài thơ của Đặng-Dung như sau này :

Việc đời rồi bời lén, chỉ lo cái già kéo đến thì còn làm gì được nữa !

Trời đất vô-cùng, rút lại chỉ vào câu thơ chén rượu mà thôi ư !

Thời mà đến cho thì thẳng bán thịt (Phàn-Khoái), thẳng đi cầu (Hàn-Tấn) dễ làm nên công-nghiệp.

Việc đã bỏ mình đi thì anh-hùng phần nhiều cũng phải uổng giận mà thôi !

Giúp vua có bụng muốn xoay cả trục quả đất lại.

Nhưng không có đường lên sông Ngân hà ở trên trời mà rửa gióp gột quân.

Cái thù của tổ-quốc chưa trả được, đầu đã bạc phơ trước rồi !

Biết bao lần dưới bóng trăng trong mài thanh gươm long-tuyền (định đi giết sạch những kẻ thù chung của nước giống).

**253. — Con cá riếc ở trong
vết bánh xe.**

(Thơ dịch vàn Trang-Tử)

Trang-Chu phải lúc nhà nghèo,
Đi sang một chỗ tước Hầu xin vay.

Hầu rằng: « Hãy đợi ít ngày,
« Có ba trăm lạng, ta đây giúp mình. »

Trang-Chu nổi trận bất-bình,
Nhân đem câu chuyện bất-tình nói chơi.

Rằng: « Chu trong lúc đường dài,
« Giữa đường như có tiếng ai gọi gì...

« Nhìn trong vết bánh xe đi,
« Có con cá riếc nó thì thở-than.

« Ân-cần Chu mới hỏi-han :
« — Riếc ơi ! Riếc hỡi ! Nguồn cơn thế nào ?

« Riếc rằng: — Gặp lúc ba-đào,
« Xin ông gáo nước rội vào thân tôi.

« Chu rằng: — Riếc hãy nghỉ-ngoi,
« Đợi ta Ngô, Việt đi chơi chuyến này.

« Vua Ngô ta bảo cho hay,
« Rồi ta té nước sông Tây đón mình.
« Riếc nghe nổi trận bất-bình :
« — Cám ơn ông đã thật tình giúp cho,
« Thân tôi gáo nước là to,
« Nghe ông, thời rầy cả khô ông tim. »

VỀ BÀI DỊCH VĂN TRANG-TỬ Ở TRÊN.

Bài trên nguyên là bài cổ-văn Tàu trích ở sách Trang-Tử (một nhà triết-học Tàu về chủ-nghĩa tự-nhiên ở phái yếm-thế). Song, vì Tản-Đà tiên-sinh dịch ra vạn-văn, nên chúng tôi cũng sưu-tập vào loại thơ dịch ở mục này. Bởi thế không tiện dịch nguyên-âm Hán-văn ra quốc-văn được. Trong các bộ « Cổ-văn thích-ngĩa » Tàu phần nhiều đều có bài ngụ-ngôn của Trang-Tử ở trên, dễ tìm thấy nguyên-văn chữ Hán lắm.

254. — Tự-thuật.

Thùy vân thiếp vô phu,
Thiếp do cặp kiến phu phương tồ.
Thùy vân thiếp vô tử,
Chắc thất sinh nhi dữ phu tự.
Nhi độc thư,
Thiếp tịch lô;
Không-phòng dạ dạ văn đề ô.
Nhi năng thành danh, thiếp bất-giá,
Lương nhân minh mục hoàng tuyền hạ.

KIM-THỊ.

Nói về mình.

Ai bảo thiếp không chồng?
Thiếp còn được thấy chồng đương chết!
Ai bảo thiếp không con?
Vợ lẽ đẻ con cũng như thiếp.
Con đọc sách,
Thiếp dệt gai;
Đêm đêm tiếng quạ kêu ngoài buồng không.
Con đã làm nên, thiếp đứng góa;
Suối vàng chàng hỏi yên chăng tá?

VỀ BÀI TỰ-THUẬT CỦA KIM-THỊ Ở TRÊN.

Bài này nguyên trích ở một truyện Liệt-nữ Tàu mà Tản-Đà tiên-sinh dịch phụ làm bản đọc thực-hành cho sách « Đài gương » dạy luân-lý cho con gái đàn bà ta.

Lần đầu mới trích dịch các truyện hay ở bộ Liệt-nữ ra, Tản-Đà gọi sách ấy là « Đàn bà Tàu ». Đến sau tái-bản, tiên-sinh đổi tên làm « Đài gương truyện » để đi đôi với « Đài gương kinh ».

Truyện này là truyện Kim-Thị được một người đàn ông hỏi làm vợ cả; vì trước khi chưa lấy vợ cả, đàn ông Tàu xưa được phép lấy vợ lẽ trước. Không ngờ chồng mới đưa lễ rạm lễ hỏi xong thì ốm ngặt, Kim-Thị cho là « miếng trầu nên dâu nhà người », người ấy dù chưa chung chăn chiếu với mình song cũng đã nên đạo phu thê rồi. Kim-Thị sang thăm vừa lúc chồng đương hấp-hối. Tống-táng xong, Kim-Thị nuôi người con vợ lẽ học, còn mình thì dệt gai làm kế sinh-nhai. Sau, con trai chồng do vợ lẽ đẻ ra đỗ làm quan thành-danh, Kim-Thị làm bài thơ tự-thuật và đề vong-hồn chồng vì biết sẽ ngậm cười nơi chín suối. Văn dịch rất đúng với nguyên-văn từng chữ, nên không cần phải dịch ra văn xuôi nữa.

255. — Đại mại tân-nữ tặng chư-kỹ.

Loạn bông vì mấn bố vì cân,
 Hiểu đập Hàn-sơn tự phụ tân.
 Nhất chủng Tiền-đường giang bạn nữ,
 Trước hồng kỳ mã thị hà nhân.

BACH-CU-DỊ.

**Thay lời người gái bán củi
 đưa cho các kỹ-nữ.**

Đầu bù khăn vải trùm tai,
 Trèo non gánh củi sương mai lạnh-lùng.
 Tiền-đường cũng gái bên sông,
 Mà xem yên ngựa quần hồng là ai!

**VỀ BÀI «THAY LỜI CÁC CÔ CON GÁI BÁN CỦI
 GỬI TẶNG CÁC CÔ LÀNG CHƠI».**

Bài thơ của Bạch-Cư-Dị so-sánh các cô con gái bán củi vất-vả lấy làm vui, thấy các chị em làng chơi lại lấy làm quái lạ.

Nghĩa xuôi rằng :

Nằm cỏ bông-bong rồi lấy làm mái tóc, vương vải thô to lấy làm khăn :

Sáng sớm dậy đã dẫm chân lên núi giá rét, tự mình quàng đội lấy củi về.

Thế mà trông thấy một loài con gái ở bên bờ sông Tiền-đường.

Mặc quần hồng đỏ chói cưỡi lên lưng ngựa giống chơi không hiểu là hạng người gì! (Sao họ không chịu làm ăn tử-tế như ta, lại nữ đi chơi-bời như thế nhỉ).

256. — Tảo thu độc dạ.

Tĩnh đồng lương điệp động,
 Lân trữ thu thanh phát,
 Độc hương thiềm hạ miên,
 Giác lai bán sàng nguyệt...

BẠCH-CU-DỊ.

Sớm mùa thu đêm một mình.

Giếng vàng lay động lá ngô,
 Mỏ chày hàng xóm tiếng thu đã truyền,
 Một mình ngủ dưới mái hiên,
 Tĩnh ra trăng sáng một bên giường nằm...

VỀ BÀI « QUA MỘT ĐÊM
 MỘT MÌNH, SỚM MÙA THU TRỞ DẬY »
 Ở TRÊN.

Bài này Bạch-Cư-Dị tả một đêm thu một mình ngủ, sáng trở dậy, cảnh-vật ở quanh nơi mình.

Dịch xuôi rằng :

*Cây ngô đồng ở bờ giếng lá bị gió lạnh mùa thu lay động ;
 Bên cạnh nhà hàng xóm già gạo tiếng chày đưa ra ;
 Một mình mình đến dưới mái hiên nằm ngủ đi mất ;
 Khi tỉnh giấc ngủ dậy thấy trăng đã soi vào một nửa
 giường nằm.*

257. — Tự-khuyến.

Ức tích cơ bàn ứng-cử niên,
Thoát y điền tửu Khúc-giang biên.
Thập thiên nhất đầu do xa ẩm,
Hà hướng quan-cung bất trị tiền.

BẠCH-CU-DỊ.

Tự khuyến mình.

Nhớ xưa nghèo túng lúc khoa thi,
Bến Khúc thêm men, cổ áo đi.
Đấu rượu muôn đồng quen uống đắt,
Nửa chi lộc nước mất tiền chi!

VỀ BÀI « TỰ KHUYỀN » Ở TRÊN.

Bạch-Cu-Dị tả cái cảnh làm quan ngày nay nhớ lại lúc nghèo xưa.

Dịch xuôi rằng:

Nhớ xưa đói nghèo đi ra thi,

Cởi áo ra cổ lấy rượu ở bên cạnh bến Khúc-giang uống.

Mười nghìn một đấu rượu còn có thể uống hoang được;

Huống chi là bổng lộc làm quan (dân họ biểu) không mất tiền mua!

258. — Tuyệt-cú.

Lưỡng cá hoàng ly minh thúy liễu,
 Nhất hàng bạch lộ thượng thanh thiên,
 Song hàm Tây-lĩnh thiên thu tuyết,
 Môn bạc Đông-Ngô vạn lý thuyền.

Câu tứ-tuyệt.

Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc,
 Một hàng cò trắng vút trời xanh,
 Nghìn năm tuyết núi song in sắc,
 Muôn dặm thuyền Ngô cửa rập-rình.

VỀ BÀI « TUYỆT-CÚ » Ở TRÊN.

Một bài thơ bốn câu tức-cảnh những cái hiện ra trước mắt mình như vẽ một bức tranh bằng lời nói dễ có thể ngâm-ngã được.

Dịch xuôi rằng :

Hai con chim oanh vàng hót ở trên cây liễu lá rủ xanh biếc ;

Một đàn cò trắng sắp hàng bay tít lừng trời xanh.

Ở cửa sổ nhòm ra trái núi Tây lúc nào cũng có tuyết nghìn năm như một ;

Ở cổng nhà ra, thuyền ở Đông-Ngô đến đỗ liền nhau đến muôn dặm dài ở khúc sông.

259. — Tự quân chi xuất hỹ.

Tự quân chi xuất hỹ,
 Bất phục lý tàn ky.
 Tự quân như nguyệt mãn,
 Dạ dạ giảm thanh huy.

Từ ngày anh bước ra đi.

Từ ngày anh bước ra đi,
 Cử canh bỏ dở, nghĩ gì sửa-sang.
 Nhớ anh như nguyệt tròn gương,
 Tiêu-hao ánh sáng, đêm thường lại đêm.

**VỀ BÀI «TỰ QUÂN CHI XUẤT HỸ»
 Ở TRÊN.**

Nghĩa xuôi rằng:

Kể từ ngày anh đi ra khỏi nhà rồi, tôi không lại trông nom săn-sóc chi đến cái khung cửu còn sót lại. Nhớ anh tựa như là vầng trăng tròn đầy, đêm nào trông ánh sáng của vầng trăng cũng kém sút vẻ trong đẹp đi.

Bài thơ của người đàn-bà đương lúc tuổi trẻ bị chồng từ giã nhà đi xa vắng, nhớ chồng, trông bóng trăng sáng tưởng không được trong đẹp như lúc chồng mình ở nhà; hướng chi còn bụng dạ nào mà nghĩ đến sửa-sang khung cửu nữa.

260. — Khuê oán.

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
 Xuân nhật ngưng trang thượng Thủy-lâu.
 Hốt kiến mạch đầu, dương liễu sắc,
 Hối giao phu tế mệnh phong-hầu.

Nhớ chồng.

Trẻ-trung nàng biết đau sầu,
 Buồng xuân trang-diễm, lên lầu ngắm gương.
 Nhác trông vẻ liễu bên đường,
 « Phong-hầu » nghĩ đại, xui chàng kiếm chi !

VỀ BÀI « Ở TRONG BUỒNG
 CÓ LÒNG OÁN GIẬN VÌ XA CHỒNG »
 Ở TRÊN.

Bài thơ trên là thi-nhân ôm một chủ-nghĩa « Phi-chiến » (chê-bai sự chiến-tranh cho là không phải đạo) lấy lòng người vợ có chồng đi tìm « phong-hầu », ở lại buồng riêng lấy làm ân-hận.

261. — Tam niên biệt.

Du du nhất-biệt dĩ tam-niên,
 Tương-vọng, tương-ty minh nguyệt thiên,
 Trường đoạn thanh-thiên vọng minh nguyệt,
 Biệt lai tam thập lục hồi viên.

Xa nhau ba năm.

Xa nhau một chuyến ba năm,
 Ngóng nhau chung bóng trăng rằm nhớ nhau.
 Trời xanh, trăng sáng, lòng đau,
 Ba mươi sáu độ trước sau trăng tròn!

VỀ BÀI « TAM-NIÊN BIỆT » Ở TRÊN.

Bài này chỉ cốt thích sao trong bốn câu mà nảy ra sự xa cách nhau ba năm!

Dịch xuôi rằng :

*Dài giằng giặc là cái thời-gian, một khi cách-biệt nhau
 vụt đã thành ba năm trời ngay ;*

*Cùng trông đợi nhau, cả hai chỉ trông cả lên trời để nhìn
 lên vầng trăng sáng trên không.*

*Mỗi khi trông lên trời xanh nhìn thấy vầng trăng sáng
 tỏ thì đứt từng khúc ruột.*

*Tính ra từ khi chia tay cách-biệt đến nay, mặt trăng đã
 36 lần tròn.*

262. — Oán tình.

Mỹ-nhân quyền châu-liêm,
 Thâm tọa tần nga-my.
 Dẫn-kiến lệ ngân thấp,
 Bất-tri tâm hận thù.

LÝ-BACH.

Buồn vì tình.

Người xinh cuốn bức rèm châu,
 Ngồi im thăm-thăm nhãn châu đôi mây.
 Chỉ nhay giọt lệ voi đầy,
 Đố ai biết được lòng này giận ai!

VỀ BÀI « OÁN TÌNH » Ở TRÊN.

Bài này Lý-Bach tả cô con gái theo lễ-tục và gia-pháp phần nhiều chỉ ở trong chốn buồng the thâm nghiêm kín cổng cao tường, đến tuổi xuân tự-nhiên sinh ra lòng oán vắn giận vờ, buồn sầu man-mác, cái sầu vô-cớ chẳng biết vì sao mà buồn.

Dịch xuôi rằng:

Người có sắc đẹp cuốn cái màn tua rủ các chuỗi hạt châu lên.

Ngồi trong buồng sâu (nhìn ra) đôi mây ngài cau lại.

Nước mắt cô cứ ướt đầm gò má.

Không hiểu rằng trong lòng cô oán giận ai nhỉ?

263. — Thu-trùng.

Thiết thiết âm song hạ,
 Yêu yêu thâm thảo lý.
 Thu thiên tự-phụ tâm,
 Vũ dạ sâu nhân nhĩ.

Trùng mùa thu.

Tiếng dâu dưới vách kêu ran ?
 Lại trong đám cỏ nghe càng nỉ-non.
 Trời thu, gái nhớ chồng son !
 Mưa dầm đêm vắng, ai buồn lắng tai.

VỀ BÀI « GIUN ĐỂ MÙA THU »
 Ở TRÈN.

Thi-sĩ tả một đêm về mùa thu cảnh-vật đã tiêu-diêu, về trời đã âm-đạm, người vui trông cảnh thu cũng còn buồn, hưởng chi đêm thu lại mưa gió, giun để các loài côn-trùng lại nỉ-non kêu, lúc ấy người đàn-bà trẻ xa chồng buồn bực đến đâu !

Dịch xuôi rằng :

Kêu ran lên ở dưới cửa sô tối-lắm. Nỉ-non rền-rĩ ở trong đám cỏ sâu.

Những loài để giun côn-trùng về mùa thu cùng nhau cùng cất tiếng kêu. Lòng người đàn-bà trẻ trong lúc trời thu đêm vắng chồng đi xa nhớ.

Đêm trời lại mưa, tai nghe những tiếng giọt mưa thu tách hóa lẫn với các tiếng giun để ếch nhái v. v. đàn-bà trẻ xa chồng, buồn biết chừng nào !

264. — Độc Lý-Bạch tập.

Hà-sự Văn-tinh dữ Tửu-tinh,
 Nhất thời chung tại Lý tiên-sinh?
 Cao-ngâm đại-túy tam-thiên thủ,
 Lưu-trước nhân-gian bạn nguyệt-minh.

TRỊNH-CỐC.

Độc tập thơ Lý-Bạch.

Cớ chi sao Rượu, sao Văn,
 Đúc nên một Lý tiên-sinh ở đời?
 Ba ngh n say đọc nên bài,
 Nghìn thu bạn với trăng trời sáng soi.

VỀ BÀI « ĐỘC THƠ LÝ-BẠCH »
 Ở TRẦN.

Trịnh-Cốc đọc tập thơ của Lý-Bạch xong, viết đề lên một bài cho rằng ở ông Lý-Bạch là gồm có hai linh-khí của hai vì sao : Sao Văn và sao Rượu ở trên trời nhập vào cả tinh-thần của Lý-Bạch cho nên mới gây nên một cái thiên-tài ngâm vịnh trác-tuyệt như vậy.

265. — Ý-châu ca.

Đả khởi hoàng-oanh nhi,
 Mạc giao chi thượng đề.
 Đề thời kinh thiếp mộng,
 Bất đắc đáo Liâu-Tê.

VÒ-DANH-THỊ.

Khúc hát Ý-châu.

Đập cho mất cái vàng-anh,
 Chẳng cho nó ở trên cành nó kêu.
 Nó kêu tỉnh giấc chiêm-bao,
 Liâu-tây chẳng được em theo đến chàng.

VỀ « BÀI HÁT Ý-CHÂU » Ở TRÊN.

Bài hát trên là bài của người Ý-Châu hát, không biết ai làm ra, song tả cái lòng người đàn bà trẻ tuổi xa chồng rất là chí-tình vì đầy thơ mộng.

Dịch xuôi rằng:

Đánh cho con chim vàng-anh cất cánh nó bay đi (nơi khác).

Đừng bảo nó đến trên cành cây (gần nhà ta) nó hót (rầm-rĩ lên).

Vì lúc nó kêu nó hót thì làm cho tỉnh mất giấc mộng của em, (trong giấc mộng ấy em dương mê thấy được đến Liâu-tây là nơi chàng đi việc quân-quốc ở đó). Tỉnh dậy thì em không được đi đến Liâu-tây nữa! (Em rất tiếc giấc mộng êm-dềm của em vì nó mà tan mất!)

266. — Thính biên-hồng.

Kinh phong suy khởi tái hồng-quần,
 Bán nhập bình-sa, bán nhập vân.
 Vị vấn Chiêu-Quân nguyệt hạ thính,
 Hà như Tô-Vũ tuyết trung văn ?

Nghe chim hồng ngoài biên-ải.

Đàn hồng rợn gió ngoài biên,
 Nửa sa cát bãi, nửa lên mây trời,
 Chiêu-Quân, Tô-Vũ nghe chơi,
 Dưới trăng, trong tuyết đôi nơi thế nào ?

VỀ BÀI « NGHE TIẾNG NHẠC
 NGOÀI BIÊN-ẢI » Ở TRÊN.

Bài này tác-giả chỉ thích-thực như vẽ một bức tranh
 nghe chim nhạn kêu ở ngoài bờ cõi giáp ải với nước khác,
 nhớ lại hai cảnh qua ải của Chiêu-Quân và Tô-Vũ xưa !

267. — Dạ-vũ.

Tảo chấp đề phục yết,
 Tàn đăng diệt hựu minh.
 Cách song tri dạ vũ,
 Ba tiêu tiên hữu thanh.

BẠCH-CU-DỊ.

Mưa đêm.

Dể giun rên mỗi lại ngừng,
 Đèn tàn muốn tắt lại bùng sáng ra.
 Cách song đêm biết mưa sa,
 Tiếng nghe lộp-bộp chẳng là tàu tiêu.

VỀ BÀI « MƯA ĐÊM » Ở TRÊN.

Bài thơ trên, chỉ là Bạch-Cu-Dị vẽ một bức tranh phong cảnh đêm mưa ở nhà mình, lời thơ hoạt-họa ra cảnh.

Dịch xuôi rằng :

Những con giun dể sớm lẫn ở dưới đất trong vườn vừa kêu lên rồi lại ngừng lại,

Ngon đèn cháy đã tàn tắt đi rồi lại sáng bùng lên,

Cách cửa sổ biết là đêm có mưa,

Vì trước trận mưa nghe những tàu lá chuối có tiếng lộp-bộp.

268. — Hữu-nhân dạ-phỏng.

Thiền gian thanh phong đậm,
 Tùng hạ minh nguyệt bôi,
 U-ý chinh như thử,
 Huống hựu cố nhân lai...

BẠCH-CƯ-DỊ.

Người bạn đến thăm đêm.

Thềm cao gió mát chiều đan,
 Chén soi bóng nguyệt hàn-hoàn dưới thông,
 Lòng riêng đương thú với lòng,
 Lại đâu người cũ lạ-lùng đến thăm...

VỀ BÀI « NGƯỜI THĂM ĐÊM » Ở TRÊN.

Bài thơ này Bạch-Cư-Dị tả cảnh mình đương an-nhàn chơi lối tiên-cách di-dưỡng tinh-tĩnh, lại mừng được gặp bạn đêm tìm đến chơi thời càng thêm vui thú.

Dịch xuôi rằng :

*Ở khoảng thềm nhà gió mát đương thời thoang-thoảng
 hin-hiu vào,*

*Dưới bóng cây thông ngồi uống rượu, trăng sáng chiếu
 xuống,*

*Cái thú riêng kín-dào đương cho thế là hợp với sở-thích
 của mình,*

*Phương chi lại gặp người bạn cũ đến chơi nữa (thì thú
 sướng biết nhường nào).*

**269. — Thính giang-dịch
tổng Lực Thị-ngự.**

Viễn thính giang thượng-dịch,
Lâm-trường nhất tống-quân.
Hàm sâu độc-túc dạ,
Tằng hương quận-trai văn.

**Nghe sáo sông, tiễn quan
Thị-ngự họ Lực.**

Xa nghe tiếng sáo trên sông,
Một phen cất chén rượu nồng đưa nhau.
Nghĩ cho đêm vắng thêm sầu,
Riêng ai tiếng ấy bèn lâu lại nghe.

VỀ BÀI «NGHE SÁO TIỄN BẠN» Ở TRÊN.

Tả cảnh nghe sáo thời bên sông khi đặt rượu tiễn bạn đi
xa trong lòng buồn-bã về nỗi vắng bạn đêm ngủ một mình.
Dịch xuôi rằng :

*Xa nghe tiếng sáo thời ở trên bờ sông kia,
Tới chỗ Lâm-trường một khi để tiễn đưa anh,
Ôm-ấp cái sầu đêm ngủ một mình không bạn,
Tiếng sáo kia đã từng đưa đến chốn thư-trai của mình.
(Đêm vắng bạn, ngủ một thân mình, lại nghe tiếng sáo buồn
ấy thời thì càng thêm buồn nữa).*

270. — Lâm-giang tổng Hạ-Triêm.

Bi quân lão biệt, ngã chiêm cân,
 Thất thập vô gia, vạn lý thân.
 Sầu kiến chu hành, phong hựu khởi,
 Bạch đầu lãng lý, bạch đầu nhân.

Tới sông tiễn Hạ-Triêm.

Muôn dặm thương anh, lệ biệt sầu !
 Bảy mươi tuổi tác, cửa nhà đâu ?
 Buồn trông trận gió theo thuyền nổi,
 Sóng bạc đầu quanh khách bạc đầu.

VỀ BÀI « TIỄN HẠ-TRIÊM » Ở TRÊN.

Bài này tiễn Hạ-Triêm, một ông bạn già nghèo, không có gia-cư, phải dời đi nơi khác. Lúc bạn xuống thuyền đi, ngấm nghĩ thương cảm cho bạn.

Dịch xuôi rằng :

Thương anh già rồi còn phải ly-biệt đi nơi khác mà tôi nước mắt thấm khăn.

Năm nay anh 70 tuổi đầu rồi, nhà cửa không có, còn phải đem thân đi muôn dặm đường xa như thế.

Tôi buồn về nỗi thấy thuyền đi sông lại nổi gió lên.

Trong những cồn sóng bạc đầu lại có người già bạc đầu ở giữa !

271. — Tặng Uông-Luân.

Lý-Bạch thừa chu tương dục-hành,
Hốt văn ngạn thượng đáp ca thanh.
Đào-hoa đầm-thủy thâm thiên-xích,
Bất-cập Uông-Luân tổng ngã tình.

LÝ-BẠCH.

Cho Uông-Luân.

Sắp đi, Lý-Bạch ngồi thuyền,
Trên bờ chân giậm, nghe liên tiếng ca.
Nước đầm nghìn thước Đào-hoa,
Uông-Luân, tình bác tiễn ta sâu nhiều.

VỀ BÀI « TẶNG UÔNG-LUÂN » Ở TRÊN.

Đào-hoa là tên cái đầm, nay ở về huyện Kinh, tỉnh An-huy, sâu không biết đến đâu là đáy. Xưa Uông-Luân, người trong xóm đó, thường nấu rượu để đợi thết Lý-Bạch, và nấu rượu tiễn Lý-Bạch lúc đi, cho nên Lý có bài thơ này. Con cháu Uông, đời đời giữ lấy làm quý. — Hai chữ « đáp ca » trong nguyên-văn, là lối hát nhiều người cùng giang tay nhau, và giậm chân làm nhịp.

T. Đ.

272. — Tặng-nội.

Tam bách lục thập nhật,
 Nhật nhật túy như nề.
 Tuy vi Lý Bạch phụ,
 Hà dị Thái-Thường thê?

LÝ-BẠCH.

Đưa cho vợ.

Ba trăm sáu chục ngày trời,
 Ngày ngày say bết như đời con nề.
 Vợ chàng Lý-Bạch ta kia,
 Như ai vợ Thái-Thường xưa khác gì?

VỀ BÀI « TẶNG VỢ » Ở TRÊN.

Bài này Lý-Bạch làm ra để đùa với bà vợ.
 Dịch xuôi rằng :
*Một năm ba trăm sáu mươi ngày,
 Ngày ngày say rượu bết nhè như là con nề,
 Dẫu làm vợ Lý-Bạch (một vị thi-nhân có quan trước danh
 tiếng ở Triều),
 Song chẳng khác gì là vợ chàng Thái-Thường (nghèo
 túng hèn hạ) đời xưa.*

273. — Chu-trung dạ-vũ.

Giang-vân âm du-du,
 Giang phong lãnh tu-tu,
 Dạ-vũ trích thuyền bối,
 Dạ-lãng dả thuyền dầu,
 Thuyền trung hữu bệnh-khách,
 Tả giảng hướng Giang-châu.

BẠCH-CƯ-DỊ.

Trong thuyền đêm mưa.

Mây sông kéo đến đùn-đùn,
 Gió sông thổi lạnh ghê hồn khách sông.
 Mưa đêm rỏ xuống nan bông,
 Sóng đêm dồn vỗ long-bong mạn thuyền.
 Trong thuyền có bác ốm rên,
 Giảng-quan thẳng lối ra miền Giang-châu.

VỀ BÀI «TRONG THUYỀN ĐÊM MƯA» Ở TRÊN.

Bài này Bạch-Cư-Dị lúc bị vua giảng-chức đi ra Giang-châu, đi thuyền đã ốm lại gặp mưa, cảm mà làm ra bài thơ tức-cảnh đi đường của mình.

Dịch xuôi như sau này :

*Mây sông đen mịt-mù,
 Gió sông lạnh ghê khiếp,
 Đêm mưa giọt nước rỏ xuống mũi thuyền,
 Sóng đêm lại dập vào đầu thuyền,
 Trong thuyền có một người ốm,
 Bị giảng-quan đi về Giang-châu.*

274. — Tri-thượng.

Tiểu nhai sanh tiểu dĩnh,
 Thâu thái bạch liên hời.
 Bất giải tàng tung-tích,
 Phù binh nhất đạo khai.

BẠCH-CU'-DI.

Trên ao.

Người xinh bơi chiếc thùng xinh,
 Bông sen trắng nõn trắng tinh hái về.
 Hớ-hênh dấu vết không che,
 Trên ao để một luồng chia mặt bèo...

VỀ BÀI « TRÊN AO » Ở TRÊN.

Bài thơ tả cô con gái đi hái sen, cho việc cô bơi cái thuyền thúng đi đến đâu, đáng lẽ con người có ý ra thì nên ngoảnh lại tát nước cho dấu vết hờ lại kín mặt nước như cũ, để sót lại như thế có vẻ lưu-tình cho khách yêu hoa biết lối cô đi mà theo chẳng?

Dịch xuôi rằng :

Cô gái còn non xinh đẹp chèo một chiếc thuyền thúng nhỏ (trên mặt ao sen),

Đi hái các bông sen trắng góp lại đem về nhà,

Cô không biết cách giấu cái vết đường đi của cô,

Cô để cho trên mặt ao có một đường bèo mở thành lối ra (ai cũng trông thấy).

275. — Tầm Ân-giả bất-ngộ

Tùng hạ vấn đồng-tử,
 Ngôn sư thái dục khứ.
 Chỉ tại thử sơn trung,
 Văn thâm bất tri xứ.

GIẢ-ĐÀO.

Tìm nhà ân-dật không gặp.

Gốc thông hỏi chú học-trò,
 Rằng: «Thầy hái thuốc lò-mò đi xa,
 «Chỉ trong dãy núi đây mà,
 «Mây che mù-mịt biết là nơi nao?»

VỀ BÀI « TÌM NGƯỜI ĐI ÂN » Ở TRÊN.

Giả-Đào tiên-sinh tả thực cuộc đi tìm một nhà có tài danh nhưng dấu kín thân-thể đi không muốn cho đời biết e phải ra trộn-lộn với người đời thì sẽ bị lầm sự nhờ bản làm mất nhân-cách thanh-cao đi. Song, chính là nói cho đời biết cái chí-khí phiêu-dật cao ẩn của mình.

Dịch xuôi rằng:

*Dưới gốc cây thông thấy cậu bé hỏi thăm cậu,
 Thì cậu trả lời rằng: «Thầy tôi đi hái thuốc vắng,
 «Thầy tôi hái thuốc chỉ ở trong quả núi này thôi,
 «Nhưng, mây dày bao bọc lấy núi, khiến cho không biết
 là thầy tôi hái thuốc ở chỗ nào trong núi này.»*

276. — Sơn-hạ túc.

Độc đảo sơn-hạ túc,
 Tĩnh hưởng nguyệt trung hành.
 Hà xứ thủy biên hối,
 Dạ thu vân mầu thanh.

BẠCH-CƯ-DỊ.

Ngủ trong núi.

Một mình tới ngủ non xanh,
 Lòng êm dưới bóng trắng thanh bước nhìn.
 Suối đâu? Cối nước liền bên,
 Chầy dầm vân-mẫu kìn-kìn tiếng đêm.

VỀ BÀI « NGỦ NÚI » Ở TRÊN.

Bạch-Cư-Dị tiên sinh tả cái thú một đêm ngủ ở dưới chân núi được tức-cảnh sơn nguyệt (trăng núi) êm-dềm, chỉ phiền cái nổi những tiếng chảy các cối nước đập đêm làm mất cái thú tĩnh-mịch của mình, khiến cho tâm-hồn cũng bị nao-dộng.

Dịch xuôi rằng:

Một mình đã đi đến một nơi ở chân núi dễ nghỉ (ngủ ở đó cho lành).

Trong lúc êm dềm, yên-lĩnh nhìn lên mặt trăng dễ đi ở trong dờn, bóng trắng soi sáng xuống.

(Đương êm-ả yên lặng như thế). Không biết ở đâu những cái cối nước ở bên bờ suối...

Đêm yên như thế mà tiếng chảy vân-mẫu cứ đập luôn luôn. (Nghe tiếng động làm mất cả thú tĩnh-mịch đi).

**277. — Tống Lý Thị-lang
phó Thường-châu.**

Tuyết tinh vân tán bắc phong hàn !
Sở thủy Ngô sơn đạo lộ nan.
Kim nhật tổng quân tu tận túy,
Minh chiếu tương ước lộ man man...

GIẢ-TRÍ.

Tiền Lý Thị-lang đổi tới Thường-châu.

Tuyết lạnh mây tan gió lọt da,
Non sông Ngô Sở nổi đường xa.
Lúc này đưa bác nên say tí,
Tình nặng đường xa buổi sáng ra...

VỀ BÀI « TIỀN LÝ THỊ-LANG » Ở TRÊN.

Giả-Trí làm tiệc tiễn Lý Thị-lang đổi ra làm quan ở Thường-châu, sắp phải xa nhau, lấy chén rượu làm vui, thì hết cuộc vui đêm tiễn nhau đi, kéo mai đường đi xa vùn-vút chỉ còn có nhớ nhau vơ-vẩn nữa thôi.

Dịch xuôi rằng:

Tuyết thì lạnh (không rơi xuống), mây thì tan đi (trời quang đãng), sông gió Bắc thổi lạnh-lẽo lắm !

Sông nước Ngô, non núi Sở, đường xa đi vất-vả.

Hôm nay tiễn anh đi ta nên hết sức uống say đi,

Kéo sáng ngày mai (anh đi rồi) cùng nhớ nhau thì đường đã xa lúc xa rồi !

278. — Độ Tang-kiền.

Khách xá Tinh-châu dĩ thập sương,
 Qui tâm nhật dạ ức Hàm-dương.
 Vô đoan cánh độ Tang-càn thủy,
 Khước vọng Tinh-châu thị cố-hương.

GIẢ-ĐẢO.

Qua bến Tang-kiền.

Châu Tinh đất khách trải mười hè,
 Hòm sớm Hàm-dương bụng nhớ về.
 Qua bến Tang-kiền vô-tích nữa,
 Tinh-châu ngoảnh lại đã thành quê.

VỀ BÀI « QUA BẾN TANG-KIỀN » Ở TRÊN.

Giả-Đảo ở Tinh-châu mười năm, lúc nào cũng chán nơi đất khách nhớ cảnh kinh-kỳ, không ngờ đến khi qua bến Tang-kiền từ-giã Tinh-châu đi thì trông lại nhớ coi như cố-hương của mình vậy (Tả tình quyến-luyến với Tinh-châu).

Dịch xuôi rằng :

Đất khách làm nhà ở Tinh-châu đã trải mười lần sương đến (mười năm),

Lòng chỉ muốn về quê nhà, đêm ngày nhớ đất Hàm-dương, Không ngờ đến khi qua bến Tang-kiền (từ-giã chỗ ở mười năm cũ),

Trông lại Tinh-châu lại coi như cố-hương mình (cũng đem lòng quyến-luyến nhớ-nhung như thế).

279. — Biệt hữu-nhân.

Thanh sơn hoành Bắc quát,
Bạch thủy nhiễu Đông thành.
Thử địa nhất vi biệt,
Cô bông vạn lý chinh.
Phù vân du tử ý,
Lạc nhật cố nhân tình.
Huy thủ tự tư khứ,
Tiêu tiêu ban mã minh.

LÝ-BẠCH.

Tiền bạn.

Chạy dài cỏi Bắc non xanh :
Thành Đông nước chảy quanh thành trắng
Nước non này chỗ đưa nhau, [phau.
Một xa, muôn dặm biết đâu cánh bông !
Chia phôi khác cả mối lòng,
Người như mây nổi, kẻ trông bóng tà.
Vẫy tay thôi đã rời xa,
Nhớ nhau tiếng ngựa nghe mà buồn teo !

280. — Tổng Hồ-Đại.

Kinh-môn bất kham-biệt,
 Huống nãi Tiêu, Tương thu!
 Hà xứ dao vọng-quân,
 Giang biên minh nguyệt lâu.

Tiễn Hồ-Đại.

Non Kinh biệt đã đau lòng,
 Nữa chi thu lại hai dòng Tiêu, Tương.
 Nhớ anh, xa ngóng dặm trường,
 Bèn sông dưới bóng trăng xuông tựa lâu.

VỀ BÀI « TIỄN HỒ-ĐẠI » Ở TRÊN.

Thơ năm chữ bốn câu của Đường-nhân cốt sao chơi nhời ít mà rắn-rỏi, câu ít mà ý chứa-chan là hay. Như bài « Tiễn Hồ-Đại » trên, thi-nhân thật đã được đạt tới cái mục-đích tuyệt-diệu ấy. Có 20 chữ mà tình-cảnh chứa-chan.

Dịch xuôi rằng :

Lúc từ-giã nhau ở Kinh-môn đã không chịu nổi (cái sầu ly-biệt).

Huống chi lại gặp cảnh mùa thu ở trên bờ hai con sông Tiêu và Tương (phong-cảnh tiêu-diêu, trời đất ảm-dạm).

Vời nhìn về đâu dễ trông ngóng bạn?

Khi lên lầu cao ở bờ sông trăng sáng (soi vào lầu trông trăng lại nhớ đến người đã cùng với mình chơi trăng ngày trước).

281. — Giang-hành.

Thụy ôn, điệp chu khinh,
 Phong vi, lãng bất kinh.
 Nhậm quân lô vĩ ngạn,
 Chung dạ động thu thanh.

Đi trên sông.

Ngủ yên trong chiếc thuyền con,
 Gió hiu hiu thổi, sóng ròn ròn đưa.
 Mặc đầu lau sậy trên bờ,
 Suốt đêm động rợn tha-hồ tiếng thu.

VỀ BÀI « ĐI TRÊN MẶT SÔNG »
 Ở TRÊN.

Bài này thi-nhân cực-tả cái thú tịch-mịch nhàn-tản của mình được hưởng, dầu chỉ là một đêm ngủ yên ở dưới thuyền vắng, mặc cho những sự rợn-rịch ở hai bên bờ (cái nhàn hơn là những cái lự dao-động đến thân của mọi người tra những sự tri-trực bốn-ba).

Dịch xuôi rằng :

Giấc ngủ yên chỗ ở trong một lá thuyền nhẹ-nhẹ :

Gió hiu-hiu thổi, sóng cũng yên-ôn không làm cho người đi thuyền phải sợ ;

Mặc cho ở hai bên bờ lau sậy rậm-rạp ;

Suốt đêm tiếng thu va (vào những bụi lau bụi sậy) động rào-rào.

282. — Dịch-thủy tổng-biệt.

Thử địa biệt Yên-Đan,
 Tráng-sĩ phát xung quan.
 Tích thời nhân dĩ một,
 Kim nhật thủy do hàn...

LẠC-TÂN-VƯƠNG.

Sông Dịch tiễn-biệt.

Đất này biệt chú Yên-Đan,
 Tóc anh tráng-sĩ tức gan dựng đầu.
 Người xưa nay đã đi đâu !
 Lạnh-lùng sông nước cơn sầu chưa tan...

**VỀ BÀI « TRÊN SÔNG DỊCH ĐƯA BẠN »
 Ở TRÊN.**

Lạc-Tân-Vương tiễn bạn ở Dịch-thủy nhớ lại truyện Kinh-Kha xưa cũng qua con sông này đi giết vua Tần xưa : xúc-cảnh hưng-hoài, chứa chan hào-khái.

Dịch xuôi rằng :

*Ở đất này từ già bạn Yên-Đan,
 Khiến người tráng-sĩ tóc giận dựng cả lên chạm mũ đội trên đầu,*

*Người ngày xưa (chỉ Kinh-Kha) đã mất rồi,
 Sông, nước sông Dịch vẫn còn lạnh như lúc Kinh-Kha đi.
 (Theo câu hát tả « gió thổi vù vù, nước sông Dịch rét lạnh, tráng-sĩ một khi đi không bao giờ trở về »).*

283. — Quá Hương-tích tự.

Bất tri Hương-tích tự,
 Sở lý nhập vân phong.
 Cổ mộc vô nhân kinh,
 Thâm sơn hà xứ chung.
 Tuyền thanh yết nguy thạch,
 Nhật sắc lãnh thanh tùng.
 Bạc mộ không đàm khúc,
 An thiêu chế độc long.

VƯƠNG-DUY.

Qua chùa Hương-tích.

*Chùa ở trong hang Tý-ngọ, núi Nam-sơn,
 thuộc Trường-an, Hồ-nam, bên Tàu*

Chẳng hay Hương-tích chùa đâu,
 Đi đôi ba dặm, lên đầu non cao.
 Cây um đồng tắt vắng teo,
 Núi sâu, chuông vắng nơi nào tiếng đưa.
 Tuổi kêu gành đá rìa bờ,
 Lạnh-lùng bóng nắng chui lùa thông xanh.
 Trời hôm, tắc dạ thanh-minh,
 Quy-y đạo Phật sửa mình là hơn.

284. — Họa Đỗ Lục-sự đề hồng-diệp.

Hàn-sơn thập nguyệt-đán,
 Sương điệp nhất thời tán.
 Tự thiêu phi nhân hỏa,
 Như hoa bất đãi xuân.
 Liên-hàng bài giảng-trường,
 Loạn-lạc tiền hồng-cân.
 Giải-tru lam dư khăn,
 Thừa phong ngô nhị nhân.

Họa thơ ông Lục-sự họ Đỗ:
Vịnh lá đỏ.

Lạnh-lùng buổi sáng tháng mười,
 Lá sương phơi núi cùng thời mới sao!
 Như thiêu, chẳng lửa mà thiêu,
 Như hoa, chẳng đợi xuân nào mới hoa.
 Liền hàng, màn tia b. y ra,
 Rơi tung, xếp nếp khăn là đó ghê!
 Muốn xem, đừng xuống kiệu tre,
 Đừng chơi ngọn gió chỉ ta hai người.

285. — Nguyệt dạ.

Kim dạ Phu-châu nguyệt,
Khê trung chỉ độc khan.
Đạo liên tiêu nhi nữ,
Vị giải ức Tràng-an.
Hương vụ vãn hoàn thấp;
Thanh huy ngọc tỷ hàn.
Hà thời ỷ hư hoảng,
Song chiếu lộ ngân can.

ĐỖ-PHỦ.

Đêm sáng trăng.

Châu Phu này lúc trăng soi,
Buồng the đêm vắng riêng coi một mình.
Đoái thương thơ đại đầu xanh,
Tràng-an chữa biết mang tình nhớ nhau.
Sương sa thơm ướt mái đầu,
Cánh tay ngọc trắng lạnh mầu sáng trong.
Bao giờ tựa bức màn không,
Gương soi chung bóng lộ giòng sương khô...

286. — Tình-thi.

Du-mục tứ-dò ngoại,
 Tiêu-dao đắc diên chữ.
 Lan huệ duyên thanh-cử,
 Phồn-hoa ẩm lục-trử.
 Gia-nhân bất tại-tư,
 Thủ thủ dục thùy dĩ.
 Sào-cư tri phong hàn,
 Huyệt-xử thức âm-vũ.
 Bất-tằng viễn biệt-ly,
 An-tri mộ trù-lữ.

TRUÔNG-HOA.

Thơ tình.

Mắt đưa xa bốn mặt đồng,
 Một mình thơ-thần đứng trông đĩ buồn.
 Huệ, lan quanh giải ngòi tuôn,
 Xanh che bến nước, rậm buồn bóng hoa.
 Người yêu chẳng có đây mà,
 Thấy hoa muốn hái bây giờ cho ai?
 Gió to ở tổ biết hoài,
 Ở hang thời biết khi trời đổ mưa.
 Chẳng từng ly-biệt đường xa,
 Biết đâu bạn-hữu đáng là mến yêu.

287. — Thu-tịch lữ-hoài.

Lương phong độ thu hải,
 Suy ngã hương tứ phi.

 Lưu thủy hà thời quy.
 Mục cực phá vân sắc,
 Tâm đoạn minh nguyệt huy.
 Phương thảo yết nhu diệm,
 Bạch lộ thời hàn y.
 Mộng trường Ngân hán lạc,
 Giác bãi thiên-tinh hy.
 Hoàn bài tưởng cự-quốc,
 Khấp hạ thủy năng huy.

Tối mùa thu nhớ nhà.

Lạnh-lùng gió vượt bề thu,
 Hồn què theo gió như vù vù bay.
 Chạy dài dây núi liền mây,
 Nước trôi trôi mãi, có ngày về chăng?
 Đám mây vút mắt xa chừng,
 Đứt tằm khúc ruột dưới vầng trăng soi.
 Cổ thơm đẹp mướt thôi rồi,
 Áo may mặc rét giục người móc sa!
 Giấc mơ rơi giải Ngân-hà,
 Sao thưa lác-đác tỉnh ra khắp trời.
 Đoái thương nước cũ ngâm-ngùi,
 Khóc rơi giọt lệ lau chùi độ ai?

288. — Thu-giang tổng-khách.

Thu hồng thử độ quá,
 Ai viên chiêu tịch vãn.
 Thị nhật cô chu khách,
 Thử địa biệt ly quân.
 Mông mông nhuận vũ-y,
 Mịch mịch mao phạm vân.
 Bất túy Tầm-dương tửu,
 Yên ba sầu sát nhân.

BẠCH-CỬ-DỊ.

Sông thu tiễn khách.

Nhận thu lần-lượt bay qua,
 Thảm thương tiếng vượn hôm đã lại mai.
 Ngày nay một chiếc thuyền ai,
 Nước non này cũng chia-phôi cách đàn.
 Mưa dầm vật áo như chan,
 Buồm ai man-mác mây ngàn đón ngang.
 Chẳng say chén rượu Tầm-dương,
 Khỏi sao sóng khói sầu thương chết người.

289. — Vô-đề.

Sinh niên bất mãn bách,
 Thường hoài thiên tuế ưu.
 Trú đoản khổ dạ trường,
 Hà bất bình chúc du?
 Vi lạc dương cập thì,
 Hà năng giải lai ty.
 Ngu giả ái tích phí,
 Dẫn vi hậu thế suy.
 Tiên nhân Vương-Tử-Kiến,
 Nan khả dữ đăng kỳ.

VÔ-DANH.

Không có đầu bài.

Tuổi người sống chẳng đầy trăm,
 Cái lo mang lấy nghìn năm thế thường.
 Ngắn ngày nhưng khổ đêm trường,
 Sao không đánh đuốc ra đường mà chơi?
 Làm vui nên phải kịp thời,
 Đợi chờ chi được ngày trời về sau?
 Kẻ tiêu tốn của lòng đau,
 Cái ngu chỉ để đời sau miệng cười.
 Người tiên Vương-Tử như ai?
 Khó thay bì vi hỡi người thế-gian!

290. — Vô-đề

Khách tùng viễn phương lai,
 Duy ngã nhất đoan ý.
 Tương khứ vạn dư lý,
 Cố nhân tâm thượng nhĩ.
 Vạn thái song uyên ương,
 Tài vi hợp hoan bí.
 Trước dĩ trường tương-tư,
 Duyên dĩ kết bất giải.
 Dĩ đao đầu tất trung,
 Thùy năng biệt ly thử.

VÔ-DANH.

Không có đầu bài.

Nẻo xa khách đến chơi nhà,
 Giở ra cuốn nhiều cho ta rõ-ràng.
 Cách nhau muôn mấy dặm trường,
 Mà ai người cũ lòng thương thể thôi.
 Uyên-ương vẫn-vẻ một đời,
 Cắt làm chẵn để hợp vui cùng năm.
 Nhời bông để nhớ nhau thăm,
 Viên quanh cho khỏi ai cầm tháo tung.
 Lấy keo bỏ với sơn cùng,
 Đố ai chỗ đó đem lòng chia phôi.

291. — Trung-thu nguyệt.

Vạn lý thanh quang bất khả ty,
 Thiên sâu, ích hận nhiều thiên-nhi.
 Thù nhân lũng ngoại cửu chinh-thú;
 Hà xứ đình tiền tận biệt-ly.
 Thất-sủng cố-ky qui viện dạ;
 Một phiên lão-tướng thượng lâu thi.
 Chiến tha kỷ hử nhân trường đoạn,
 Ngọc-thỏ, ngân-thiềm viễn bất-tri.

BẠCH-CU-DỊ.

Trăng giữa thu.

Bóng đèn? Trong sáng vô ngần!
 Sâu thêm, giận đắp cỗi trần khắp nơi.
 Đóng lâu đồn thú kia ai,
 Biệt-ly buổi mới đâu người trước sân?
 Canh khuya, ai đó phi-tần,
 Vua không yêu nữa tần-ngân về cung.
 Biền thành thế giữ không xong,
 Bạc đầu, ông tướng thông-dong lên chòi. (1)
 Soi cho đứt ruột bao người,
 Thiềm-thù, ngọc-thỏ trên trời biết chi!

(1) Vì hai câu ngũ, lục ở nguyên-văn nặng nghĩa quá cho nên văn dịch đành phải dời lời ra mong được độc-giả rộng thứ.

292. — Khúc-giang.

Chiều hồi nhật nhật diên xuân y,
Mỗi nhật giang đầu tận túy qui.
Tửu trái tấm thường hành xứ hữu,
Nhân sinh thất thập cổ lai hy.
Xuyên hoa giáp điệp thâm thâm hiện,
Điểm thủy thanh đình khoả khoả phi.
Truyền ngữ phong quang cộng lưu truyền,
Tạm thời tương thưởng, mạc tương vi.

ĐỖ-PHỦ.

Trên sông Khúc.

Khởi bệ vua ra, cổ áo hoài;
Bên sông say khướt, tối lần mai.
Nợ tiền mua rượu đâu không thế?
Sống bảy mươi năm đã mấy người?
Bướm-bướm lượn hoa phơ-phất lượn,
Chuồn-chuồn rợn nước lừng-lơ chơi.
Nhấn cho: quang-cảnh thường thay đổi,
Tạm chút chơi xuân kéo nữa hoài.

293. — Quan-san nguyệt.

Minh-nguyệt xuất Thiên-san,
Thương-mang vân hải-gian.
Trường-phong kỷ vạn lý,
Xuy hương Ngọc-mòn-quan.
Hán hạ Bạch-đăng đạo,
Hồ khuynh Thanh-hải loan.
Do-lai chinh-chiến địa,
Bất-kiến hữu nhân hoàn.
Thú-khách vọng biển-sắc,
Tư-qui đa khờ-nhan.
Cao lâu đương thử dạ,
Thán tức vị ưng nhàn.

BẠCH-CU-DỊ.

Trăng quan-san.

Vùng trăng ra núi Thiên-san,
Mênh-máng nước bề mây ngàn sáng soi.
 Gió đâu muôn dặm chạy dài,
Thời đưa trăng sáng ra ngoài Ngọc-môn.
 Bạch-đăng quân Hán đóng đồn,
Vụng kia Thanh-hải dòm luôn mắt Hồ.
 Từ xưa bao kẻ chinh-phu,
Đã ra đất chiến, về ru mấy người?
 Buồn trông cảnh sắc bên trời,
Giục lòng khách thú nhớ nơi quê nhà.
 Lầu cao, đêm vắng, ai mà,
Đêm nay than-thở ắt là chưa nguôi.

294. — Thu mộ giao-cư thu-hoài.

Giao-cư nhân sự thiếu,
Trú ngọc đối lâm man.
Cùng-hạng yếm đa-vũ,
Bần-gia sầu tỏa-hàn.
Cát y thú vị hoán,
Thư quyền bệnh nhưng khan.
Nhược vấn sinh-nhai kế,
Tiền-khê nhất điệu-can.

Cuối thu, cảnh ở quê.

Ở quê, thừa ít việc người,
Giữa trưa nằm khểnh, ngắm coi núi dèo.
Ngõ sâu ngán nổi mưa nhiều,
Lạnh-lùng chi sớm, cảnh nghèo thêm lo.
Áo lương còn mặc mùa thu,
Ốm đau, sách vẫn đôi pho chẳng rời.
Lấy chi qua sống ngày trời?
Một cần câu để bên ngồi ngồi câu.

295. — Văn dạ-trâm.

Thùy gia tư phụ thu đảo bạch,
 Nguyệt khỗ phong thê trâm (1) chữ bì.
 Bát nguyệt cửu nguyệt chính trường dạ,
 Thiên thanh vạn thanh vô liễu thi.
 Ưng đảo thiên minh đầu tận bạch,
 Nhất thanh thêm đặc nhất hành ty.

Nghe tiếng đập áo đêm.

Nhà ai, cô gái nhớ chồng,
 Đêm thu đập lụa, lạnh-lùng gió trắng?
 Chầy giờ đêm nện đá phăng.
 Tháng tám, tháng chín đêm hằng dài thay.
 Luôn luôn nghìn, vạn tiếng chầy;
 Chầy thêm một tiếng, thêm đầy sợi tơ, (2)
 Sáng ra, đầu đã trắng phơ !

(1) Nghĩa chữ « trâm » ở nguyên-văn, là cái hòn đá để đập áo. Nước Tàu từ xưa cứ đến mùa thu thời nhà nào, nhà ấy, đàn bà đập lụa, vải để may áo mặc rét; nhất là những người có chồng đi lính xa. Cho nên trong thơ, văn nói về việc đập áo nhiều lắm.

(2) Chữ tơ, dịch theo nguyên-văn, ý nói sợi tóc trắng.

296. — Ô dạ-đề.

Hoàng vân thành biên ô dục thê,
Quy phi « á á » chi thượng đề.
Cơ trung chức cầm Tần-xuyên-nữ :
Bích xa như yên cách song ngữ.
Đình thoa trướng nhiên ức viên nhân,
Độc tức không phòng lệ như vũ.

LÝ-BẠCH.

Quạ kêu đêm.

Mây vàng tiếng quạ bèn thành,
Nó bay tìm ngủ trên cành nó kêu.
Tần-xuyên cô gái buồn thêu,
Song sa khói tỏa như khêu truyện ngoài.
Dừng thoi buồn-bã nhớ ai,
Phòng không gối chiếc giọt dài tuôn mưa !

297. — Thảo.

Ly ly nguyên thượng thảo,
 Nhất tuế nhất khô vinh.
 Giã hỏa thiêu bất tận,
 Xuân phong suy hựu sinh.
 Viễn-phương xâm cổ đạo,
 Tinh-thủy tiếp hoang thành.
 Hựu tống Vương-Tôn khứ,
 Thê thê mẫn biệt tình.

BẠCH-CƯ-DỊ.

Cỏ.

Đồng cao cỏ mọc như chen,
 Khô tươi thay đổi hai phen năm tròn.
 Lửa đồng thiêu cháy vẫn còn,
 Gió xuân thổi tới mầm non lại trời.
 Xa xa thơm ngát dặm dài,
 Thành hoang lảng biếc khi trời tạnh mưa.
 Vương-Tôn đi lại tiễn đưa,
 Biết bao tình biệt dầm-dia lướt theo.

298. — Tống-khách qui Ngô.

Giang-thôn thu vũ yết,
Tửu tận, nhất phạm phi.
Lộ-lich ba-đào khứ,
Gia duy tọa ngọa-qui.
Đào-hoa khai chúc chúc,
Đình liêu tế y y.
Biệt-hậu vô dư sự,
Hoàn ưng tảo điều-ky.

LY-BACH.

Tiến khách về Ngô.

Sông thu ngọt hạt mưa tuôn,
Rượu vừa cạn chén, cánh buồm xa bay.
Đường đi trải mấy nước mây!
Ngồi nằm, ai chẳng khó thay đến nhà.
Cây đào hơn-hở ra hoa,
Lăn-tăn lá liễu thướt-tha bên ngàn.
Xa nhau rồi những thanh-nhàn,
Thú chơi quét tẩm thạch bàn ngồi câu.

**299. — Khúc-giang túy-hậu,
tặng chư thân-cổ.**

Quách đông cầu mộ hà niên khách,
Giang bạn phong quang kỷ nhập xuân.
Chỉ hợp ân-cần trực bồi tửu,
Bất tu sơ sách hướng giao thân.
Trung thiên hoặc hữu trường sinh dược,
Hạ giới ưng vô bất tử nhân.
Trừ khước túy lai khai khẩu tiếu,
Thế-gian hà sự cánh quan thân.

**Sông Khúc, sau lúc say đưa cho
các người thân.**

Đồng kia, mả đó, người đâu?
Bên sông xuân-sắc cùng nhau mấy ngày?
Thú chi hơn chén rượu đầy,
Bạn thân ta hỡi, xum-vầy chớ xa.
Thuốc tiên, sống mãi họa là,
Cõi trần cái chết dễ mà tha ai!
Khi say ta mở miệng cười,
Ngoài ra, bao nả việc đời sướng chi!

300. — Đăng-cao.

Phong cấp thiên cao, viên khiếu ai ;
Chữ thanh sa bạch, điều phi hồi.
Vô biên lạc mịch tiêu tiêu hạ,
Bất tận trường giang cồn cồn lai.
Vạn lý bi thu thường tác khách,
Bách niên đa bệnh độc đăng đài.
Gian-nan khổ hận phồn sương mấn,
Lạc-đảo tàn đình rọc tửu bôi.

DỖ-PHỦ.

Lên núi.

Gió mạnh, trời cao, vượn rúc sâu ;
Bến trong, cát trắng, lượn đàn âu.
Lào rào lá rụng, cây ai đếm,
Cuồn cuộn sông dài, nước đến đầu.
Muôn dặm quê người thu não cảnh :
Một thân già yếu bước lên lầu.
Khó-khăn ngao-ngán bao là nỗi,
Rượu uống không ngon chóng bạc đầu.

301. — Tặng nội-thị.

Sinh vi đồng thất thân,
Tử vi đồng huyết trần.
Tha nhân thượng tương miên !
Nhi hưởng ngã dữ quân.
Kiềm-Lâu cố cùng sĩ,
Thê hiền vong kỳ bần.
Kỳ-Khuyết nhất nông-phu,
Thê kính nghiễm như tân.
Đào-Tiềm bất doanh sinh,
Địch-thị tự oán tân.
Lương-Hồng bất khảng sĩ,
Mạnh-Quang cam bố quần.
Quân tuy bất độc-thư,
Thử sự nhĩ diệc văn.
Chi thử thiên tải hậu,
Truyền thị hà như nhân ?
Nhân sinh vị tử gian,
Bất năng vong kỳ thân.

Sở tu giả y thực,
Bất quá bão dữ ôn.
Sơ tự tức sung cơ,
Hà tất cao lương trân?
Tăng như tức ngự hàn,
Hà tất cầm tú văn?
Quân gia hữu di huấn,
Thanh bạch di tử tồn.
Ngã diệc trình khổ sĩ,
Dữ quân tàn kết-hôn.
Thứ bản bản dữ tố,
Giai lão đồng hân hân.

Thơ đưa vợ.

Tình lúc sống, một nhà cùng ở,
Chết ra gio, một hố cùng chung.
Khuyên nhau, thiên-hạ cũng cùng,
Nữa chi mình vợ, ta chồng cùng nhau?
Kìa như gã Kiềm-Lâu cùng-sĩ,
Cảnh nhà nghèo vợ nghĩ như không.
Nông-phu Kỳ-Khuyết cày đồng,
Vợ chàng quý trọng, coi chồng khách sang.
Đào-Tiềm chẳng lòng toan sinh lý,
Củ nấu ăn, Địch-thị kiếm dần.

Lương-Hồng quan chẳng chịu mần,
Mạnh-Quang chỉ vãi may quần cũng ưa. (1)
Mình dẫu đọc sách xưa không mấy,
Các truyện kia hẳn thấy quen tai.
Nghìn năm còn lại ở đời,
Đến nay cùng nói là người như sao?
Người chưa chết lúc nào còn sống,
Chẳng ai mà quên bỗng được thân;
Cái ăn cái mặc là cần,
Cũng sao no ấm qua lần là xong.
Cơm rau đủ no lòng lúc đói,
Có cần chi thức tối cao-lương.
Lúa, the, rét đủ mặc thường,
Cần chi áo gấm xông hương vẽ-vòi?
Nhà mình có để đời câu dạy:
Lấy «sạch, trong» cho lại cháu con.
Ta đây cũng một lòng son,
Cùng nàng buổi mới vương tròn thất-gia.

(1) Mấy truyện đây là các người hiền-nhân quân-tử về đời Xuân-Thu và Hậu-Tấn mà đều được có vợ hiền, cùng vui cảnh nghèo.

302. — Hoàng-hạc lâu.

Tích-nhân dĩ thừa hoàng-hạc khứ!
Thử-địa không dư Hoàng-hạc-lâu.
Hoàng-hạc nhất-khứ bất phục phản,
Bạch-vân thiên tải không du du.
Tĩnh-xuyên lịch lịch Hán-dương thu,
Phương-thảo thê-thê Anh-vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ-thị?
Yên-ba giang thượng xử nhân sầu.

THÔI-HIỆU.

Gác Hoàng-hạc.

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?
Mà đây Hoàng-hạc riêng lâu còn tro!
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán-dương sông tạnh, cây bầy,
Bãi xa Anh-vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng-hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?

303. — Vịnh sử.

Uất uất giản đề tùng,
Ly ly sơn thượng miêu.
Dĩ bỉ kính thốn hành,
Ấm thử bách sách điều.
Thế trụ nhiếp cao vị,
Anh tuần trầm hạ liêu.
Địa thế xử chi nhiên,
Do lai phi nhất triều.
Kim, Trương tạ cựu nghiệp,
Thất điệp nhị Hán điều.
Phùng công khởi bất vĩ,
Bạch thủ bất kiến chiêu.

Vịnh sử.

Xanh um thông mọc sườn khe,
Trông lên cây lúa le-te đỉnh đồi.
Lúa kia một tấc cảnh thôi,
Cái thân trăm thước, che hoài cho thông!
Ngôi cao nhượng chỗ « con giòng »,
Bao nhiêu anh-tuấn quan cùng thấp xa.
Cũng là thế đất xui ra,
Từ xưa, nào phải mới là một nay.
Kim, Trương nghiệp cũ nổi thay,
Bầy đời quan Hán mũ đầy lông điếu. (1)
Phùng-Công tài kém chi đâu?
Công-danh đến mãi bạc đầu ra chi. (2)

(1) Hai họ Kim, Trương này, bầy đời làm quan Nội-thị đời Hán. Quan cuối đời nhà Hán, các viên Nội-thị đều có cắm lông đuôi con điếu ở mũ. (Điếu là một thứ thú sinh ở nơi hàn-đái).

(2) Phùng-Đường ở đời nhà Hán, là người hiền-tài, suốt đời chỉ ở chức quan nhỏ.

304. — Vọng giang lâu thượng tác.

Giang bặt bách-xích lâu,
Lâu tiền thiên lý đạo.
Bằng cao vọng bình viễn,
Diệc tục thu hoài bão.
Dịch lộ xứ đồng đồng,
Quan phòng binh thảo thảo.
Cấp tự đa sự nhật,
Vưu giác nhân nhân hảo.
Ngã niên quá bất hoặc,
Hữu thoái thành phi tảo.
Tùng thử phát trần y.
Vi-sơn vị vi lão...

BẠCH-CU-DỊ.

Trên lầu trông ra sông.

Bờ sông trăm thước lầu cao,
Trước lầu nghìn dặm đi đâu con đường?
Tựa cao trông xuống dặm trường,
Mà trong bụng nghĩ như nường khoan-thư.
Đường quan rộn kẻ đưa thư,
Quân-gia lão-nhào ngăn-ngờ canh phòng.
Cuộc đời gặp lúc rối tung,
Riêng ai ở cảnh thông-dong càng mầu,
Đã hơn bốn chục tuổi đầu,
Từ nay về nghỉ ngõ hầu phải thôi.
Từ đây rũ áo trần-ai,
Non xanh tìm thú vui chơi chữa già...

305. — Sinh ly-biệt.

Thực bách bất dị thực mai nan.
Bách năng khổ hề, mai năng toan.
Vị như sinh-biệt chi vị gian,
Khổ tại tâm hề toan tại can.
Thần kê tái minh tàn nguyệt một,
Chính mã liên tể hành nhân xuất.
Hồi khan cốt nhục khốc nhất thanh,
Mai toan bách khổ cam như mật.
 Hà thủy bạch,
 Hoàng vân thâu,
Hành nhân hà biên tương đối sầu.
Thiên hàn lộ khoan hà xứ túc,
Đường lệ điệp chiến phong sưu sưu.
 Sinh ly biệt,
 Sinh ly biệt,
Ưu từng hà lai vô đoạn tuyệt.
Ưu cực tâm lao huyết khí suy,
Vị niệm tam thập sinh bạch phát.

Biệt-ly trong lúc sống.

Sung, mơ ăn khó, ai ơi!
Sung ăn thời chát, mơ thời chua sao!
Chưa bằng sống biệt-ly nhau,
Ruột gan chua chát lại đau bội phần.
Lần trắng gà gáy hai lần,
Hét luôn tiếng ngựa giục dần khách ra.
Trông nhau một tiếng khóc òa,
Mơ chua, sung chát như là mật ngon.
Nước sông trắng, mây vàng tuôn,
Kẻ đi người ở cơn buồn bên sông.
Ngủ đâu? Trời lạnh đồng không!
Điêu hiu ngọn gió loạn rung lá đường!
Biệt-ly lúc ấy lạ nhường!
Mối lo chẳng rứt từ phương hướng nào?
Quá lo, huyết khí tiêu-hao,
Chưa ba mươi tuổi tóc sao trắng rồi...

**306. — Tự Giang-lăng chi Từ-châu
lộ thượng ký huỳnh đệ.**

Kỳ lộ nam tướng bắc,
Ly ưu đệ giữ huynh !
Quan-hà thiên lý biệt,
Phong tuyết nhất thân hành.
Tịch túc lao hương mộng,
Thần trung phẩm lữ tình.
Gia bản ưu hậu sự,
Nhất đoạn niệm tiền-trình.
Yến nhận phiên hàn thử,
Sương ô tự cổ thành.
Thùy liên trắc cương giả ?
Tây-Sở vọng Nam-kinh.

BẠCH-CU-DỊ.

**Từ Giang-lăng đi Từ-châu
trên đường gửi cho anh em.**

Đường kia sắp bắc từ nam,
Mối lo ly biệt anh em càng sâu.
Quan-hà ngàn dặm xa nhau,
Người đi gió tuyết giải dầu một thâu.
Hồn què nhọc giấc đêm xuân,
Sấm sanh hành-lý tần-ngần sớm mai.
Nhà nghèo lo tính xa-xôi,
Đường xa nghĩ nổi ngày thời ngắn không.
Nhạn sa bến lạnh khói hồng,
Thành xưa lũ quạ họp trong sương mờ.
Ai thương kẻ bước lên gò ?
Sở Tây trông ngóng bây giờ kinh Nam.

307. — Thu-san.

Cửu bệnh khoáng tâm trường,
Kim chiêu nhất đẳng san.
San thu vạn vật lãnh,
Xứng ngã thanh huy nhan.
Bạch thạch ngoạ khả trâm,
Thanh la hành khả phan.
Ý trung nan hữu đắc,
Tận nhất bất dục hoàn.
Nhân sinh vô kỷ hà,
N như ký thiên địa gian.
Tâm hữu thiên tải ưu,
Thân vô nhất nhật nhân.
Hà thời giải trấn võng,
Thử địa lai yểm quan...

BẠCH-CU-DỊ-

Núi mùa thu.

Ôm lâu năm mãi buồn sao?
Sáng nay ta mới lên cao hỏi mòng.
Mùa thu mây núi lạnh-lùng,
Thanh-huy nét mặt ư cùng ta đây.
Năm gối đá, đi vịn giây,
Giây xanh đã trắng đẹp thay cảnh tình.
Thú vui trong dạ một mình,
Thâu ngày quên tưởng cái hình về đâu.
Người ta sống có bao lâu,
Ở trong trời đất cùng nhau tạm-thời.
Mối lo mang lấy nghìn đời,
Một ngày chẳng được hơi rồi tẩm thân.
Bao giờ rũ sạch bụi trần?
Lại đây đóng cửa vui phần núi non...

308. — Tây-Thi vịnh.

Diêm-sắc thiên-hạ trọng,
Tây-Thi ninh cửu vi.
Chiêu vi Việt-khê nữ,
Mộ tác Ngô-vương ky.
Tiện nhật khởi thù chúng,
Quì lai phượng ngộ hy.
Yêu nhân phụ chi phấn,
Bất tự trước la-y.
Quân sửng ịch kiêu thái,
Quân liên vô thị phi.
Đương thời cán xa bạn,
Bất đắc đồng xa qui.
Trì tạ lân gia tử,
Hiệu tần an khả hy.

Vịnh Tây-Thi.

Thế-gian, sắc đẹp ai bì,
Tây-Thi khôn nhẽ hàn-vi suốt đời.
Sớm còn gái Việt bên ngò,
Cung vua, tối đã lên ngò cạnh vua.
Lúc hèn, ai chẳng hơn, thua,
Khi sang mới biết đời chưa mấy người.
Phấn son gọi kẻ tôi đòi,
Áo là em mặc, có người sở tay.
Vua yêu càng lắm vẻ hay;
Vua thương, phải trái mặc bay xá gì.
Giật sa những bạn đương thi,
Cùng xe cũng được đi về với ta.
Xin can cô ở bên nhà,
Cũng đòi «nhăn mặt» (1) khó mà như nhau.

(1) Xưa nàng Tây-Thi lúc đau bụng, thường ôm bụng mà nhăn mặt, lúc ấy lại rất đẹp thêm nhiều. Có con gái nhà láng giềng người rất xấu, cũng bắt chước ôm bụng nhăn mặt, người làng trông thấy, phải khiếp sợ mà đóng cổng không dám thò mặt ra đường.

309. — Ký Vi-Chi.

Giang-châu vọng Thông-châu,
Thiên nhai giu địa mật.
Hữu sơn vạn trượng cao,
Hữu giang thiên lý khoát.
Gián chi dĩ vân vụ,
Phi điều bất khả việt.
Thủy tri thiên cổ hiểm,
Vị ngã nhị nhân thiết.
Thông-châu quân sơ đảo,
Uất uất sâu như kết.
Giang-châu ngã phương khứ,
Thiếu thiếu hành vi yết.
Đạo lộ nhất quái cách,
Âm tín nhật đoạn tuyết.
Nhân phong dục ký ngữ,
Địa viễn thanh bất triệt.
Sinh đương phục tương phùng,
Tử đương tùng thử biệt.

BẠCH-CU-DỊ.

Gửi bạn Vi-Chi.

Châu Giang mà ngóng châu Thông,
Chân trời cuối đất mệnh-mông thấy nào?
Núi đầu muôn trượng kia cao,
Sông dài ngàn dặm rộng sao rộng mà!
Mây che mù tỏa bao-la,
Chim bay cũng chẳng vượt qua khỏi tầm..
Hiềm xưa còn đó ngàn năm,
Ai hay trời để chơi khăm đôi người.
Châu Thông bác mới tới nơi,
Mối sầu như thắt ngậm-ngùi chiếc thân.
Châu Giang tôi mới đi dần,
Nẻo đi xa lắc chưa phần đã ngại.
Quan-hà ngày một chia khơi,
Tăm hơi ngày bằng tăm hơi một ngày.
Gió đưa muốn gửi câu này,
Tiếng không xuất đến vì mây đất xa.
Sống còn gặp gỡ đôi ta,
Vi chẳng chết mất thôi là biệt nhau...

310. — Hồ trung đối tửu tác.

Dạ tọa bất yếm hồ thượng nguyệt,
 Trú hành bất yếm hồ thượng san.
 Nhãn tiền nhất tôn hựu thường mãn,
 Tâm trung vạn sự như đẳng nhân.
 Chủ nhân hữu thủ vạn dư thạch,
 Trọc dao sở đầu ưng bất tích.
 Tức kim tương đối bất tận hoan,
 Biệt hậu tương-tư phục hà ích.
 Thù-du (1) loan đầu qui lộ xa,
 Nguyên quân thả tức Hoàng công gia.
 Phong quang nhược thủ, nhân bất túy,
 Xâm xỉ cô phụ đông viên hoa.

TRƯƠNG-VY.

(1) Bến Thù-du ở phía đông bắc thành phủ Dương châu.
T. Đ.

Trong hồ cùng uống rượu.

Ngồi đêm chẳng chán trăng hồ,
Ngày đi chẳng chán quanh hồ núi non.
Một chai trước mặt đầy luôn,
Trong lòng muôn nỗi lo buồn bỏ qua.
Chủ-nhân thóc nếp đầy nhà,
Rượu nồng mấy gáo ắt là tiếc chi?
Cùng nhau nay chẳng hủ-hê,
Nhớ nhau lúc khác ích gì nữa ai?
Thù-du về bến xa-xòì,
Xin ai ở lại ngủ chơi ông Hoàng. (1)
Chẳng say, cũng phí phong-quang,
Vườn đồng ruộng để bẽ-bàng cho hoa.

(1) Nhà ông Hoàng là chỗ nấu rượu rất ngon, các danh-nhân thường tụ ở đó uống rượu.

**311. — Kinh Hạ-bì Dĩ-kiều hoài
Trương-Tử-Phòng.**

Tử-Phòng vị hồ khiếu,
Phá sản bất vị gia.
Thương hải đặc tráng sĩ,
Chùy Tần Bắc-lãng sa.
Báo Hàn tuy bất thành,
Thiên địa giai chấn động.
Tiềm nặc, du Hạ-bì,
Khởi viết phi tri dũng.
Ngã lai Dĩ-kiều thương,
Hoài cổ khâm anh phong.
Duy kiến bích lưu thủy,
Tảng vô Hoàng-Thạch-Công...
Thán-tức thử nhân khứ,
Tiêu điều Từ-Tử-Công...

LÝ-BẠCH.

**Qua cầu Di đất Hạ-bì
nhớ Trường-Tử-Phòng.**

Thầy Lương hồ chữa ra oai,
Phá tan của-cải gia-tài sạch không.
Biển xanh được kẻ anh-hùng:
Vua Tần, đánh một dùi đồng thử coi.
Cánh đồng Bác-lãng công toi,
Thù Hàn chưa trả đất trời cũng kinh.
Hạ-bì trốn lánh nường mình,
Khôn-ngoaan mạnh-bạo tài-tinh lắm thay!
Ta nay cầu Dĩ chơi đây,
Nhớ ai thiên-cổ hình đầy kinh yêu.
Trong veo nước biếc suối chiều,
Mà ông Hoàng-Thạch đâu nào có đâu.
Than rằng ai đó đi đâu,
Vắng tanh Từ-Tử đề sầu nước non.

312. — Yên-ca hành.

Thu phong tiêu sắt thiên khi lương,
Thảo mộc dao lạc lộ vi sương.
Quần yển tư-quy nhạn nam tường,
Niệm quân khách du tự đoạn trường.
Khiêm khiêm tư quy luyện cổ hương,
Tiện thiếp huỳnh huỳnh thủ không phùng.
Ưu lai tư quân bất cảm vương,
Bất giác lệ hạ chiêm y thường.
Viện cầm minh huyền phát thanh lương,
Đoản ca vi ngâm bất năng trương.
Minh nguyệt hiệu hiệu chiếu ngã sàng,
Tĩnh Hán tây lưu dạ vị ương.
Khiên-ngưu Chức-nữ giao tương vương,
Nhĩ độc hà cô hạn hà lương...

NGUY-VĂN-ĐẾ.

Bài hát nước Yên.

Hơi may gió lạnh trời thu,
Cỏ cây lay rụng, sa mù làn sương.
 Èn về nhận lượn Nam-phương,
Nhớ thương đứt ruột vì chàng chơi xa.
 Sốt gan mong nhớ quê nhà,
Ở chi đất khách la-đà, hỡi anh ?
 Phòng không em giữ một mình,
Còn lo chẳng dám chút tình quên nhau.
 Nhớ anh cho dạ em sầu,
Chẳng hay xiêm áo lệ đầu ướt đầm.
 Nắn giầy em gầy cung cầm,
Cầu ca vẫn khúc, tiếng ngâm bé lời.
 Vầng trăng vắng-vặc giữa trời,
Bóng trăng soi xuống giường tôi lúc này.
 Sông Ngân đã rạt về tây,
Đêm còn tối mãi chưa đây nữa sao !
 Xa nhau Ngưu, Nữ nhìn nhau,
Tội chi mây hỡi ngăn cầu sông kia ?

313. — Tản-trung ngâm.

Khinh, phi.

Ý-khi kiêu mẫn-lộ.
 An mã quang chiếu-trần.
 Tá-vấn hà-vi giả,
 Nhân-xung thị nội-thần.
 Chu-phất dai Đại-phu ;
 Tử-thụ hoặc Tương-quân.
 Khoa phó quân-trung-yến,
 Tầu mã khứ như vân.
 Tôn lời dật cửu đỉnh,
 Thủy lục la bát trân !
 Quả phách Động-dinh quất,
 Khoái thiết Thiên-trì lân.
 Thực-bảo tâm tự nhược,
 Tửu hàm khí ích trân.
 Thị-tuế Giang-nam hạn.
 Cồ-châu nhân thực nhân.

BẠCH-CU-DỊ.

Khúc ngâm trong đất Tần.*Nhẹ, béo (1)*

Đầy đường dáng bộ con cưng,
Ngựa yên bóng nhoáng sáng trưng bụi hồng.
Hỏi : làm chi đó những ông ?
Người ta rằng lũ quan trong đó mà.
Giải điều đều Đại-phu ta ;
Mà đeo giải tia, hoặc là Trương-quân. (2)

(1) Đất Tần tức là Trường-an là kinh-dò nhà Đường ở đó. Ông Bạch-Cư-Dị có mười bài Tần-trung-ngâm, đều là tả những sự tai nghe mắt thấy ở kinh-dò. Bài đây là nói về cảnh phú quý, mà là sự được nghe biết ở ngoài đường — Chữ « *khinh* » là nhẹ, lấy ở chữ « *khinh cừ* » ; chữ « *phi* » là béo, lấy ở chữ « *phi mã* ». Nói người giàu sang cưỡi ngựa béo, mặc áo cừ nhẹ.

(2) Hai chữ « *giải* » đây, đều là nói giải đeo ấn. — Chữ « *tương* » trong câu đây, đọc tiếng bằng, vì nó có đứng trên chữ quân. Khi nào chữ đó đứng một mình, thì đọc trắc, là « *tướng* ».

T. Đ.

Khuênh-khoang đi chén trong quán.
 Rộn-ràng vô ngựa chạy vân như mây.
 Vô, ang chín thứ rượu đầy,
 Hải-sơn tám bát cô bầy linh-tinh.
 Quả dâng, quýt hái Động-dinh,
 Cá Thiên-tri thái, đơm thành gỏi ngon.
 Ăn no, khoan-khoái tâm-hồn,
 Rượu say, ý-khi hùng-hồn càng thêm.
 Năm nay hạn-hán Giang-nam,
 Cồ-châu người mỡ người làm thức ăn.

PHỤ CHÚ.

Bài này thi-nhân đem hai cảnh-tượng cùng xảy ra một lúc ở nước Tàu: ở đô-thành, các quan chè chén sung-sướng, thi nhân cực tả cho đời biết cái sướng đến cực-điểm thừa bữa của bọn cưỡi ngựa béo mặc áo lông cừu nhẹ, mà ở Cồ-châu đồng-bào họ đói vì nắng làm mất mùa không có gạo ăn phải ăn thịt lẫn nhau, chỉ hai câu cũng đủ.

314. — Thái-liên khúc.

Nhược gia khê bàng thái liên nữ,
 Tiểu cách hà-hoa cộng nhân ngữ.
 Nhật chiếu tân trang thủy đề minh,
 Phong phiêu hương duệ không trung cử.
 Ngạn thượng thủy gia du dã lang,
 Tam tam, ngũ ngũ ánh thủy dương.
 Tử lưu tề nhập lạc hoa khứ,
 Kiến thử chi chú không đoạn trường.

Khúc hát « hái sen ».

Có cô con gái nhà ai,
 Hái sen, chơi ở bên ngòi Nhược-gia. (1)
 Mặt hoa cười cách đóa hoa,
 Cùng ai nói nói mặn-mà thêm xinh.
 Áo quần mặc mới sáng tinh,
 Nắng soi đáy nước rung-rinh bóng lồng.
 Thơm-tho vật áo gió tung,
 Bay lên phấp-phới trong không ngạt-ngào.
 Năm, ba chàng trẻ nhà nào,
 Ngựa hồng rạng liều, bờ cao bóng người.
 Ngựa kêu lần bước hoa rơi,
 Đoái trông ai đó, ngậm-ngùi tiếc thương.

(1) Ngòi Nhược-gia ở tại phía nam phủ-thành Thiên-Hung, Tây-Thi khi trước có hái sen ở đó. T. Đ.

315. — Tùng-thanh.

Nguyệt-hảo, hảo độc-tọa,
Song-tùng tại tiền-hiên.
Tây nam vi phong lai,
Tiềm-nhập chi diệp gian.
Tiểu-liêu phát vi thanh,
Bán-giá minh-nguyệt tiền.
Hàn-sơn táp-táp vũ,
Thu-cầm lãnh lãnh huyền.
Nhất-văn địch phiến thử,
Tái-thỉnh phá hôn phiền.
Cánh-tịch tụy bất mị,
Tâm thể câu điều-nhiên.
Nam-mạch xa mã động,
Tây-lân ca xúy phần.
Thủy tri tự-thiền hạ,
Mân nhĩ bất-vi huyền.

BẠCH-CU-DỊ.

Tiếng cây thông.

Trăng trong, ngồi mát một mình ;
Hai cây thông đứng hữu-tình trước hiên.

Nhẹ-nhàng cơn gió đưa lên,
Luồn cành lá, đến tận miền tây-nam.

Bóng trắng sáng nửa chừng đêm,
Lào-rào nghe tiếng gió làm tuôn đưa.

Ào-ào núi rét sa mưa,
Đờn cầm thu này giây tơ lạnh-lùng.

Một nghe, rửa sạch cơn-nồng,
Hai nghe bức-bối trong lòng phá tan.

Thâu đêm thức mãi bàn-hoàn,
Dạ người khoan-khoái, dạ mình khoan-minh.

Đường Nam xe ngựa rình-rình,
Xóm Tây tiếng hát, tiếng sênh rộn-ràng.

Ai hay này chỗ hành-lang,
Đầy tai nghe vẫn êm thường như không.

316. — Vãn-ca thi.

Sinh-thời du quốc-dô :
Tử một khi chung dã.
Chiêu phát cao-đường thượng,
Mộ tức hoàng-tuyền hạ.
Bạch-nhật nhập nguy-uyên,
Huyền-xa tức tứ mã.
Tạo-hóa tuy thần-minh,
An năng phục tồn ngã ?
Hình-dong xảo yết diệt,
Sĩ, phát hành tương-đọa.
Tự-cổ dai hữu nhiên,
Thùy-năng ly thử giả.

MỤC-HY-BÁ.

Thơ hát viếng người chết.

Sống thời kẻ chợ rong chơi,
Chết thời, đem bỏ ở nơi giữa đồng.
Thềm cao ra lúc rạng đông,
Chiều hóm yền giấc nằm trong suối vàng.
Đầu sâu chìm lặn vùng dương,
Cái xe bốn ngựa sắp hàng nghỉ-ngoi.
Khôn thiêng đâu đến thợ trời,
Giữ sao còn lại thân người là ta?
Hình-dung mất hết đi mà,
Cái răng, cái tóc cũng là rụng rơi.
Từ xưa khắp thấy mọi người,
Đố ai lánh khỏi quăng đời ấy chẳng?

317. — Văn khốc giả.

Tạc nhật nam-lân khốc,
 Khốc-thanh nhất hà-khồ?
 Vấn thị thê khốc phu,
 Phu niên nhị-thập-ngũ.
 Kim-chiêu bắc-lý khốc,
 Khốc-thanh hựu hà thiết!
 Vấn thị mẫu khốc nhi,
 Nhi niên thập thất bát.
 Tứ-lân thượng như thử,
 Thiên-hạ đa yếu-chiết.
 Nãi tri phù-thế nhân,
 Thiều đắc thù bạch-phát.
 Dư kim quá tứ-thập,
 Niệm bỉ liêu tự-duyet.
 Tùng thử minh-kinh trung,
 Bất hàm đầu tự tuyết.

BẠCH-CU-DỊ.

Nghe người khóc.

Mới hôm nọ, xóm Nam người khóc,
Tiếng khóc sao đau độc nổi lòng?

Rằng: đâu là vợ khóc chồng,
Chồng hai năm tuổi, khuất vòng nhân-gian.
Sớm nay lại khóc than xóm Bắc,
Tiếng khóc sao ruột thắt từng cơn?

Rằng: đâu là mẹ khóc con,
Con mười bảy, tám, chết còn tuổi xanh!
Bốn hàng xóm chung quanh như thế;
Khắp thế-gian chết trẻ còn nhiều.

Mới hay người thế bao nhiêu.
Trắng phơ mái tóc dề nào mấy ai?
Ta nay tuổi có ngoài bốn chục,
Nghĩ ai kia, thôi cũng vui lòng.
Từ đây trong bức gương trong,
Đầu ta ngỗ tuyết, ta không quản gì.

318. — Oán ca hành.

Tán biệt Tề hoàn tố,
 Hiệu khiết như sương tuyết.
 Tài vi hợp hoan phiến,
 Đoàn đoàn tự minh nguyệt.
 Xuất nhập quân hoài tụ,
 Đồng dao vị phong phát.
 Thường khủng thu tiết chi,
 Lương phong đoạt viêm nhiệt.
 Khí quyền khíp tứ trung,
 Ân tình trung đạo tuyết.

BAN-THIỆP-DU.

Bài hát oán.

Xé ra vương lụa nước Tề,
 Phau phau sạch trắng khác gì tuyết sương.
 Cắt làm cái quạt buồng hương,
 Tròn xinh vành vành như gương trắng rằm.
 Liền tay anh để anh cầm,
 Hằng khi phe-phầy riêng thầm gió bay.
 Trời thu như sợi hơi may,
 Lạnh-lùng cơn gió đổi thay nực-nùng.
 Trong sương quạt bỏ nằm không,
 Giữa đường dứt hết mối lòng thương yêu.

319. — Trường-hận-ca.*Dịch nguyên văn của Bạch-Cur-Dị*

Vua Minh-Hoàng nhà Đường yêu mê Dương-Quý-Phi, khiến đến An-Lộc-Sơn khởi loạn, Vua phải bỏ kinh-đô Trường-an chạy vào Ba-thục; mới đi đến Mã-ngôi tướng sĩ đói mệt đều tức, xin giết bỏ Quý-Phi. Vua không dừng được phải chiều theo ý các tướng sĩ, sai đem Quý-Phi thắt cổ chết. Đến sau thu phục được nước, Minh-Hoàng trở về kinh-đô, lòng nhớ Dương-Phi chẳng rút. Bạch-Cur-Dị làm ra bài ca này, có đầu có thể hát thay vào bài Tỳ-bà được.

Đức vua Hán (1) mến người khuynh-quốc,
 Trải bao năm tìm chuốc công tai.

Nhà Dương có gái mới choai,
 Buồng xuân khóa kín chưa ai bặt cùng.

Lạ gì của tuyết đông ngọc đúc,
 Chốn ngai vàng phút chốc ngồi bên.

Một cười trăm vẻ thiên-nhiên,
 Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn son.

(1) Bạch-Cur-Dị là thần-tử nhà Đường. Vua Minh-Hoàng tức là Tiên-Đế cho nên không tiện nói rõ, mà nói chệnh ra là « Vua Hán », lấy nghĩa vua cũng là vua của Hán-tộc ở Trung-quốc.

Trời xuân lạnh suốt tuôn mạch ấm,
 Đa mỗ đông kỳ tắm ao Hoa. (1)
 Vua yêu bạn ấy mới là,
 Con hầu nâng dậy coi đà mệt thay!
 Vàng nhẹ bước lung-lay tóc mái,
 Màn phù-dung êm-ái dềm xuân.
 Đêm xuân vắng-vĩnh có ngần,
 Ngai rồng từ đấy chậm phần vua ra.
 Suốt ngày tháng tiệc hoa vui mãi,
 Đêm xuân tàn, xuân lại còn dềm.
 Ba nghìn xinh đẹp chị em, (2)
 Ba nghìn yêu quý chất nềm một mình.
 Nhà vàng đúc, dềm thanh ô-m-ấp,
 Lầu ngọc cao, say ắp màu xuân.
 Anh em sường đủ mọi phần, (3)
 Mà cho thiên-hạ có lần rẻ trai. (4)

(1) Đa như mỗ đông là nói nước đa trắng, bởi chữ «ngưng chi» trong nguyên-văn mà tác-giả cũng lấy chữ trong kinh Thi. Ao Hoa là ao Hoa-thanh trong cung vua.

(2) Hai chữ «chị em», là nói các người cùng ở trong Hán-cung. «Ba nghìn» là số cung-nữ tất cả có ba nghìn.

(3-4) Anh nàng Quý-Phi là Dương-Quốc-Trung được vua yêu phong tước Quốc-công; ba chị em gái đều được phong Phu-nhân. Thiên hạ bèn ao-ước sinh con gái hơn con trai.

Văng Tiên-nhạc khắp nơi nghe biết,
Làn gió đưa cao tit Ly-cung.

Suốt ngày múa hát thung-dung,
Tiếng tơ, tiếng trúc say lòng quân-vương.

Ầm tiếng trống Ngự dương (1) kéo đến,
Khúc Nghê-thường (2) tan biến như không.
Chín lần thành-khuyết bụi tung,
Nghìn xe, muôn ngựa chơi vùng Tây-Nam (3).

Đi lại đứng hơn trăm dặm đất,
Cờ Thúy-hoa bóng phất lung-lay,
Sáu quân (4) rừng-rặng làm rầy,
Mây ngải trước ngựa lúc này thương ôi!

Ai người nhật thoa rơi bỏ đất,
Ôi! Thúy-kiều (5) ngọc nát vàng phai.
Quân-vương bùng mặt cho rồi,
Quay đầu trông lại, máu trời lệ dãi.

(1) Ngự-dương, là chỗ An-lộc-sơn nổi quân làm phản.

(2) Nghê-thường là khúc nhạc tiên của Minh-Hoàng thường chơi.

(3) Đất Ba-thục đối với kinh-đô Trường-an, ở về phía Tây-Nam.

(4) « Sáu quân » là quân Thiên-tử, lục-lâm-quân.

(5) « Thúy-Kiều », là tên cái thoa làm như hình con chim thúy.

Gió tung bụi mê-man tản-mác,
 Đường thang mây Kiếm-các (1) lần đi.
 Vẳng tanh! Dưới núi Nga-my, (2)
 Mặt trời nhạt thếch, tình kỳ buồn tênh!
 Đất Ba-thục non xanh nước biếc,
 Lòng vua cha thương tiếc hòm mai.
 Thấy trắng luống đã đau ngời,
 Đêm mưa đứt ruột, canh dài tiếng chuông.
 Phúc trời đất quay cuồng vạn-số,
 Bánh xe rồng đến chỗ ngày xưa.
 Đất bùn chỗ chết còn tro!
 Thấy đâu mặt ngọc! Bây giờ Mã-ngôi!
 Đầm vật áo, vua tôi giọt lệ,
 Gióng giây cương ngựa tể về Đông. (3)
 Cảnh xưa dương-liễu, phù-dung,
 Vị-ương, Thái-dịch hồ cung vện mười. (4)
 Phù-dung đó! Mặt ai đâu tá?
 Mây liễu đâu? Cho lá còn như!
 Càng trông hoa liễu năm xưa,
 Càng xui nước mắt như mưa ướt đầm.

(1) « Kiếm-các » là đường thang bắc ngang trên hai núi « Kiếm-sơn » thế rất nguy-hiểm.

(2) Nga-my là tên núi, hình như lông mày con ngài.

(3) Trường-an đối với Ba-thục ở về phương Đông.

(4) Hồ Thái-dịch, cung Vị-ương đều là những cung tri trong thành vua ở Trường-an.

Xuân đào lý gió đêm huê nở,
Thu khi mưa rụng lá ngô-đồng.
Kìa Nam-uyễn, nọ Tây-cung,
Đầy thềm ai quét lá hồng thu rơi?

Vườn lê cũ những ai con hát, (1)
Mái tóc coi trắng phớt lạ-lùng.
Những ai coi giữ tiêu-phòng?
Mây xanh thuở ấy nay cùng già nhẵn.

Trước cung điện nhìn sân đêm tối,
Đom-đóm bay gọi mối u-sầu.
Ngọn đèn khêu đã cạn dầu,
Khó thay! Giấc ngủ dễ hầu ngủ xong!
Tiếng canh tối từng từng diêm trống,
Năm canh dài chẳng giống đêm xưa.
Sông Ngân lấp-lánh sao thừa,
Trời như muốn sáng, sao chưa sáng trời?

Trên mái ngói sương rơi ướt lạnh,
Trong chăn nằm bên cạnh nào ai?
Cách năm sống thác đôi nơi,
Thấy đâu hồn phách vắng lai giấc nồng?

(1) Vua Minh-Hoàng có một đội con hát riêng kén những con nhà tử-tế, dạy tập trong vườn riêng gọi là « Hoàng-đế lê-viên tử đệ ».

Khách đạo-sĩ Lâm-cùng (1) có gã,
Chơi Hồng-đô (2) phép lạ thần-thông.
Xót vì vua chúa nhớ-nhung,
Mời sai phương-sĩ hết lòng ra tay. (3)

Cưỡi luồng gió như bay như biển,
Trên trời xanh, dưới đến đất đen.
Hai nơi bích-lạc, hoàng-tuyền (4),
Dưới trên tìm khắp, mo-huyền thấy chi!

Sực nghe nói tìm đi mé bể,
Có non tiên ngoài phía hư-không.
Rõ-ràng cung điện linh-lung,
Xa trông năm sắc mây lồng đẹp sao!

Trong tha-thuốt biết bao tiên-tử,
Một nàng tiên tên chữ Ngọc-Chân. (5)
Mặt hoa da tuyết trắng ngần,
Dáng như người ấy có phần phải chăng?

(1) Lâm-cùng là nơi có người đạo-sĩ ở.

(2) Hồng-đô, là chỗ thầy đạo-sĩ chơi ở đó.

(3) Phương-sĩ là những người theo về phương-thuật như phù-thủy, thầy phụ tiên, vân vân.

(4) Nhà phương-huật gọi trên trời là Bích-lạc, nghĩa là trên khoảng không xanh biếc. — Hoàng-tuyền thời là suối vàng, dưới âm-phủ.

(5) Ngọc-Chân, là tên chữ của Dương-Quý-Phi.

Mái tây gõ cửa vàng then ngọc,
Cây đưa tin Tiều-Ngọc, Song-Thành. (1)
Nghe tin Sứ-giả Hán-dinh,
Cửu-hoa trong trướng giạt mình giắc mơ.

Cầm áo dậy, thần-thơ buồn-bực,
Mở rèm châu bình bạc lẫn ra. (2)
Bâng-khuàng nửa mái mây tà,
Thềm cao xuống chiếc mũ hoa lệch đầu.

Phối tay áo bay màu ngọn gió,
Giống Nghê-thường khúc mùa năm xưa.
Lệ dàn mặt ngọc lưa-thưa,
Cành lê hoa chiu hạt mưa xuân đầm.

Ngừng nước mắt âm-thầm buồn-bã,
Đội ơn lòng, xin tạ quân-vương.
Từ ngày cách trở đôi phương,
Vắng tanh lắng tiếng, mơ-màng hình-dong.

Nơi Đế-diện rút vòng ân-ái,
Chốn Tiên-cung thư-thái tháng ngày.
Cõi trần ngoảnh lại mà hay,
Tràng-an chẳng thấy, thấy đầy bụi nhơ!

(1) Tiều-Ngọc, Song-Thành, tên hai người hầu gái tiên.

(2) Bình-bạc, là cái bình-phong bằng bạc.

Lấy chi tỏ tình xưa thắm thú?
 Gửi cảnh thoa vạt cũ cầm xuôi.
 Thoa vàng hộp khảm phân đôi.
 Nửa xin để lại, nửa thời đem đi.
 Chỉ xin nguyện lòng ghi dạ tạc,
 Tựa thoa vàng bền chắc không phai.
 Thời cho cách trở đôi nơi,
 Nhân-gian rồi với trên trời gặp nhau.
 Ân-cần dặn mấy câu lâm-biệt,
 Lời thề xưa, lòng biết với lòng.
 Là đêm Trùng-thất (1) ngồi chung,
 Trường-sinh sân diện vắng không bóng người.
 Xin kết nguyện chim trời liền cánh,
 Xin làm cây cảnh nhánh liền nhau.
 Thấm chi trời đất dài lâu,
 Giận này dằng-dặc dễ hầu có người...

PHỤ CHÚ.

Bài này Bạch-Cử-Dị tả Minh Hoàng yêu Dương-Quý-Phi đến gây nên nước loạn, phải giết Phi đi mới yên; khi yên rồi nhớ quá, mượn thầy phù-thủy đánh đồng thiếp đi tìm, khi nằm đồng được gặp nàng ở cõi tiên than-thở với nàng. cái giận nghìn thu...

(1) Trùng-thất là ngày mồng bảy tháng bảy.

**320. — Thơ tiễn con dâu góa chồng
về nhà mình.**

CỦA BÀ ĐỊNH-KHƯƠNG NƯỚC VỀ
Ở TRUYỆN

« BÀ ĐỊNH KHƯƠNG MẸ CHỒNG NƯỚC VỀ »

*Trong sách « Đài Gương Truyện »
tức « Đàn bà Tàu » trước.*

Xem ở mục « Đạo làm mẹ » bài số 12, trang 26 và trang
27, sách in ở Nghiêm-Hàm ấn-quán 1925.

DỊCH NGUYỄN ÂM THƠ CHỮ HÁN.

Yến yến vu-phi,
Si chi kỳ vũ,
Chi tử vu quy,
Viễn tống vu dã.
Chiêm vọng phất cập,
Khấp thể như vũ.

BÀI ĐIỂN RA THỢ TA.

Kia đàn cái én lượn-lờ,
 Ai về đường ấy xa đưa tới đồng.
 Đồng không đứng lại ta trông.
 Trông theo chẳng thấy, đau lòng tiễn đưa!
 Khóc đầm nước mắt như mưa.

PHỤ DÂN.

Bà Định-Khương lấy vợ cho con trai, chưa sinh nở gì, **con** trai bà chết mà người nàng dâu ở lại nhà hầu mẹ **chồng** và trở chồng mãn tang ba năm. Bà nghĩ thương tuổi xuân của nàng dâu, không nỡ để ở nhà mình, cho con về nhà để liệu tìm đôi lứa khác. Nên nhờ thơ mời tiều-sái, bi-đát nhường ấy.

Dịch xuôi rằng:

*Con yến này con yến kia cùng bay,
 Cánh sập xòe đập lượn,
 Người con gái kia đi về nhà,
 Tiễn đưa xa mãi đến ngoài đồng.
 Khi nhìn không thấy người nữa,
 Khóc tràn nước mắt ra như mưa!*

321. — Thơ tả-tình.

CỦA VỆ PHU-NHÂN CON GÁI VUA NƯỚC TÈ

Trong truyền «Phu-nhân góa ở nước Vệ», bài số 20 trong mục «Đạo làm vợ» ở trang 31 sách «Đài gương truyện» tức «Đàn bà Tần» trước.

Phu-nhân con gái vua Tề, lấy Vệ-hàn. Đám cưới vừa đến thành thì chồng đã chết, chịu tang ở góa thờ chồng; người em chồng có ý muốn lấy, Phu-nhân bất-bình làm bài thơ ngấm độc như sau này :

DỊCH NGUYỄN-ÂM THƠ CHỮ HÁN.

Ngã tâm phỉ thạch,
Bất khả chuyển giã.
Ngã tâm phỉ tịch,
Bất khả quyền giã.

DIỄN NÒM.

Chiếu kia cuốn dễ như không,
Lòng ta phải chiếu? mà mong cuốn dần.
Đá kia thời có người lăn,
Lòng ta phải đá? mà vẫn được chẳng?

PHỤ DẪN.

Hai bài trên ở thiên Quốc-Phong Kinh Thi cũng có và dài hơn.

322. — Thơ giữ trinh-tiết.

CỦA ĐÀO-ANH

Trong truyện « Nàng Đào-Anh, người góa chồng ở nước Lỗ », số 26, trang 47 và trang 48, mục « Đạo làm vợ » sách « Đài-gương truyện » tức « Đàn bà Tàu » trước.

Đào-Anh góa chồng, có con mọn, giữ tiết mà nhiều người rập-rìu; Đào-Anh sợ gần dần ông thì sinh tình ra, không thể giữ gọn tiết sạch giá trong, nên làm bài thơ sau này gián ở vách để xin các bạn trai có tình nên thương người thủ-tiết mà lánh xa cho.

DỊCH NGUYỄN ÂM THƠ CHỮ HÁN.

Bi Hoàng-bạc chi tảo quả hề,

Thất niên bất song.

Uyên cảnh độc túc hề,

Bất dữ chúng đồng.

Dạ bán bi minh hề,

Thất kỳ cố hùng.

Thiên mệnh tảo quả hề,

Độc túc hà thương?

Quả phụ niệm thử hề,
 Khấp hạ sở-hàng.
 Ô hô bi tai hề,
 Tử giả bất khả vong.
 Phi điều thượng nhiên hề,
 Huống ư trình-lương?
 Tuy hữu hiền hùng hề,
 Chung bất trùng-hành.

DIỄN NÒM.

Chim hoàng-hộc thương thay góa sớm,
 Bầy năm trời duyên kiếp lẻ-loi.
 Một mình ngủ chẳng có đôi,
 Chẳng hề dậu lẫn theo đôi các chim.
 Nhớ chim đục, nửa đêm kêu thảm,
 Thôi trời làm, thương cảm mà chi!
 Gái này cũng góa như my, (1)
 Nghĩ nguồn cơn lại đầm-địa lệ sa.
 Trời đất nhẽ! Xót-xa vì thế,
 Kẻ chết đi không dễ mà khuây.
 Dầu lòng quân-tử thương thay,
 Chim kia còn vậy, người này nghĩ sao?

(1) *My* là *mày*, gọi con chim hoàng-hộc góa chồng ra mà nói chuyện với nó; vì người và chim đều cũng ở trong cảnh mất chồng cả.

PHỤ CHÚ.

Nguyên văn chữ *lử giử* (kẻ chết) nói chung cả chim lẫn người, dịch là chữ «kẻ» thì bỏ mất nghĩa nói *chim*. Nay chưa tìm được chữ khác, vậy đành phải dùng tạm, xin nhờ các nhà có tài dịch chữa giúp hộ cho.

TẢN-ĐÀ.

Dịch xuôi rằng :

*Thương thay! Con chim học vàng góa chồng sớm, bây
năm lẻ-loi không có đôi; uốn cổ ngủ một mình không chịu
cùng chim khác đậu chung.*

*Nửa đêm cất tiếng kêu thương thảm vì nỗi mất con chim
đực cũ, sợ mạng trời bắt góa sớm, ngủ một mình thì có can
gì — người đàn bà góa thấy thế ứa hai hàng lệ khóc.*

Than ôi! thương thay! chết rồi chớ nên quên.

Con chim còn thế, hướng người gái trinh.

Dù có con đực tốt, nhưng không muốn lại đi đòi nữa.

**323. — Hai câu thơ tả lòng kiên-trinh
của chị, là vợ KỶ-LƯƠNG-Thực.**

CỦA CÔ MINH-NGUYỆT

Ở cuối truyện số 27 « Vợ KỶ-LƯƠNG nước Tề » ở mục
« Đạo làm vợ », trang 49 và trang 50.

KỶ-LƯƠNG-Thực vì nước đi đánh trận chết ở chốn sa
trường, người vợ còn trẻ ra chân thành ôm thây chồng khóc
mười ngày rồi đâm đầu xuống sông Trung tự tận theo chồng.
Em gái là MINH-NGUYỆT thương chị làm ra hai câu dưới để
tả lòng kiên-trinh của chị.

DỊCH NGUYỄN ÂM THƠ CHỮ HÁN.

Ngã tâm thương bi hê,
Liên dữ tử đồng quy hê.

DIỄN NÔM.

Lòng ta, *chừ*, ngùi thương,
Theo phu-quân, *chừ*, về tuổi vàng.

324. — Dịch thơ xướng họa
CỦA HẠNG-VŨ VỚI NGU-CƠ.

Ở truyện 8 « Nàng Ngu Cơ nước Sở » ở mục « Đạo làm vợ » trong hai trang 50 và 51 sách « Đài-gương truyện » tức « Đàn bà Tầu » trước.

BÀI CHỮ HÁN CỦA HẠNG-VŨ.

Lực bạt sơn hề,
Khí cái thế.
Thời bất lợi hề,
Truy bất thệ.
Truy bất thệ hề,
Khả nại hà.
Ngu hề, Ngu hề,
Nại nhược hà.

DIỄN NÒM.

Sức rồ núi chừ!
Khí hùng đời ai bì!
Thời không lợi chừ!
Con ngựa truy không đi.

Ngựa truy không đi *chừ* !

Biết làm sao ?

Ngu-Cơ *chừ*, Ngu-Cơ,

Tính làm sao ?

BÀI CHỮ HÁN HỌA LẠI CỦA NGU-CƠ.

Hán-binh dĩ lược địa,

Tứ-diện Sở-ca thanh :

Đại-Vương ý khi tận,

Tiện-thiếp hà liêu sinh.

DIỄN NÔM.

Quân Hán đã cướp đất,

Tiếng Sở hát chung quanh.

Anh-hùng khi ngán nổi,

Xá chi phận mong-mạnh.

**325. — Dịch bài thơ của vợ lẽ
ông Cử Lưu.**

*Trong truyện « Vợ lẽ ông Cử Lưu », số 24, trang 60, 61, 62,
sách « Đài gương Truyện » tức « Đàn bà Tàu » trước.*

DỊCH NGUYỄN-THỊ CHỮ HÁN.

Tổ thủ tiêm tiêm phủng ngọc bôi,
Tiêu-lang Nam-khứ kỹ thi hồi?
Thiên-nhai đảo sử sinh phương thảo,
Tu-ký lãng hân tuyết lý mai.

DIỄN NÔM.

Tay tiên chén ngọc rượu đưa mời,
Chàng trở về Nam chóng một hai.
Xuân đón chân trời hoa cỏ mọc,
Tuyết sương nên nhớ một cành mai.

**326. — Dịch bài hát của Ả-Quyên
ngồi thuyền với Giản-Tử
đưa nhà Vua sang ngang đò.**

Trong truyện « Ả-Quyên, người con gái ở bến đò nước Triệu », số 36, các trang 64, 65, 66 « Đài-gương truyện » tức « Đàn bà Tàu » trước, mục « Đạo làm con gái ».

DỊCH NGUYỄN ÂM CHỮ HÁN.

Thăng bĩ a hề, diện quan thanh,
Thủy dương ba hề, điều minh minh.
Đảo cầu phúc hề, túy bất tỉnh,
Chu tương gia hề, thiếp tâm kinh.
Phạt ký thích hề, thực nãi thanh,
Thiếp tri tiếp hề, thao ký duy.
Giao-long trợ hề, chủ tướng quy,
Hò lai trạc hề, hành vật nghi.

DIỄN NÔM.

Trèo lên gò kia *chừ*,
Mặt nhìn sông;
Nước rợn sóng *chừ*,
Sông mênh-mông.
Lê cầu phúc *chừ*,
Cơn say nồng.
Gươm kề cổ *chừ*,
Em chột lòng.

Lệnh vua tha *chừ*,
 Đục lại trong.
 Em mang dầm *chừ*,
 Cầm giầy song.
 Con thường-luồng *chừ*,
 Giúp công.
 Vua ta đi *chừ*,
 Về như không.
 Rô-ta đi *chừ*,
 Đừng ngại-ngùng.

PHỤ CHÚ.

Những bài thơ đề các truyện cổ và trích trong các truyện dịch ra thơ nôm, ta phải biết cả đầu đuôi câu chuyện mới biết hay, xin dùng cả cuốn « Đài-gương truyện » cho đủ. Vả cuốn « Đài-gương Kinh » (sách luân-lý dạy con gái nhỏ các đạo làm người) phụ sau là sách « Đài-gương truyện » (Các truyện thực-hành những đạo ấy ở người xưa cho các cô em soi vào đo ăn ở) là hai cuốn khuôn vàng thước ngọc cho nữ-lưu ta, nhà nào muốn cầu được hạnh-phúc đầy đủ, nên có hai tấm gương đó.

H. S.

Tản-Đà Nhân-dàn, Hài-dàn

*Những truyện dễ lúc nhàn rồi đọc
và truyện vui đùa*

327. — Ông đồ mới và ông đồ cũ.

Có một ông Lý, nhà cực giàu, ở gần tỉnh, chơi thân với hai ông đồ : Một ông đồ chữ Nho là ông đồ cũ ; Một ông đồ chữ Pháp, là ông đồ mới. Một hôm, hai ông đồ cùng đến chơi, ông Lý biếu rượu uống và đem con thỉnh-nghiep, xem nên học về mặt nào.

Ông đồ mới nói :

Chữ Nho bây giờ suy,

Học nữa mà làm chi ?

Ông đồ cũ nói :

Chữ Pháp đúng thời-thế,

Nhưng nhiều quá thời ế !

Chủ-nhân mời cầm chén : Một chén, hai chén, ba chén, bốn chén ; hai bác đều say, câu chuyện pha mùi men, cách nói đã gần giở giọng khích.

Ông đồ mới chơi trước mấy câu :

Nay bác mực,

Mai bác son,

Mỗi bận bác thi hồng,
Bao nhiêu tiền đồng-môn ?
May nhờ Nhà-nước học sư-phạm,
Sáu đồng một tháng sơi cũng ngon.
Bạn này mà bước nữa,
Thời bác về ẵm con.

Ông đồ cũng nóng tiết cự lại :

Nay anh vu (vous),
Mai anh moa (moi);
Mỗi tháng anh diện phố,
Bao nhiêu tiền cổ là ?
Việc rượu trước đã thiếu tiền két (caisse),
Khéo xoay lại được về ký ga (gare),
Bạn này mà cút nữa,
Thời anh về xua gà.

Hai bác cãi nhau, chủ-nhàn thấy mà chán.
Ngồi nghĩ-ngâm riêng :

Chữ Nho theo cũng chết,
Chữ Pháp học cũng rầy.
Thôi lạy cả hai bác,
Cho cháu về đi cày.

328. — Hai con gà.

Có hai anh em ruột, cùng ở liền làng giếng. Vì sự kiện ruộng, người anh bắt con gà thiến lên hầu quan; quan truyền: «Cắt cho nó!». Cậu linh xách con gà để vào sân trong. Buổi hầu chiều, người em lên hầu quan, cũng một con gà thiến. Quan thét: «Cắt đi bay!».

Cậu linh lại xách con gà để gần con gà trước. Con trước thấy con sau đến, ghé mỏ mà hỏi rằng:

— Cửa hầu rồn bề, mình lại chi đây?

Con sau:

— Thế anh?

Nhân cùng hiểu nông-nỗi, cùng tỏ tâm-tình, cùng thương khóc mà cùng bảo nhau rằng:

— Ước gì cho ta được ra, để ta về đậu chốn ở cũ mà gáy một câu tục-ngữ của thế-gian rằng:

*«Khôn ngoan đã đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.»*

329. — Tờ ly-hôn của người học-trò.

Cuộc đời bề dẫu, thói thường ảm lạnh, xu hào nhẹ túi, tình nghĩa quay tơ. Chu-Mãi-Thần truyện xưa, chắc còn thấy mãi ở tai mắt. Cảm nhân-tình thế-cổ, nhân nghĩ chơi một tờ ly-hôn của người học-trò. Đơn từ theo lối mới.

Khai rằng :

Tôi tên là mỗ, (1)	Quê ở vùng đây.
Vì sự vợ bỏ,	Khai như sau này :
Nguyên tôi học-trò,	Nhà nghèo học dốt,
Lấy được mẹ cháu,	Mặt mũi cũng tốt.
Từ ngày lấy nhau,	Duyên nợ vàng thau,
Một ngày là nghĩa,	Trăm năm về lâu.
Không ngờ trời ghét,	Đến nỗi vợ chán,
Quý cửa công-môn,	Thảo đơn vĩnh-biệt.
Từ đây chia cách !	Nam bắc xa nhau !
Mình chê ta khó,	Lấy ai cho giàu.

Một câu cuối dùng câu cũ mà ý khác. Theo văn Pháp thời chữ « lấy » vào « mode impératif ».. (Mệnh-lệnh-cách).

(1) Đọc ngang.

330. — Thơ khóc tết của hai ông đồ.

Cảnh khổ-nghịch thường người ai cũng có. Nhưng ở trong những cảnh khổ, mà tìm được một thú vui, thời là phần riêng của con người có học. Trong làng nho ta lắm người nghèo, mà đến độ gần tết thời cảnh càng khốn quẩn. Trưa hôm 23 tết, có hai ông đồ gần làng-giềng đến chơi nhau, chủ-nhân khoe rằng: — Tôi mới làm được một bài thơ đề khóc tết, xin đọc thử bác nghe.

Đọc rằng :

*Ngoảnh đi ngoảnh lại, lại đến tết,
Ông đến độ này lại thật chết !
Trời cao đất thấp, vợ chưa về,
Tháng tận năm cùng, gạo cũng hết.
Cỗ bàn duy có ba ông công,
Xu kềm cùng không một vầy hén.
Mà ra lúc quẩn vẫn càng hay :
Lại được một bài thơ « khóc tết ».*

Bác kia nghe xong, khen: Nhời nhẽ rất hay, nhưng thơ thẽ thời sái, mà hậu-vận không được khá. Đề tôi cũng họa chơi một bài.

Họa rằng :

*Trời ơi ! ới tết ơi là tết !
Bác hãy còn hơn, lời mới chết !
Gạo tẻ đông chịu, nếp thời không,
Áo vợ rách tan, chồng cũng hết.
Con theo cạnh nách mếu mòi xò,
Nợ réo ầm tai cảm miệng hến.
Trời còn dễ sống đến trăm năm,
Lại mấy mươi bài thơ khóc tết.*

Họa xong, hai bác rũ đầu cười. Tưởng như những lúc bát cô đầu, không đắc-ý được thẽ.

331. — Thu-lôi-tiêm.

*Ngon thu-lôi trên đỉnh nhà đề phòng
sét đánh cho khỏi hại.*

Xưa có một ông Thiên-lôi, tên là Dã-Tràng bị sự xấu, phải xuống làm Thành-hoàng một năm; măm hạn, lại được lên trời làm Thiên-lôi. Một bận, thừa mạng Trời xuống đánh một ông Thành-hoàng có tội lỗi. Thành-hoàng biết Thiên-lôi sắp đến nơi, sai Bộ-hạ ra đón và xin lễ hai con ngựa ngoài cửa đền cùng một bộ đồ thờ bằng đồng. Thiên-lôi ta nhận xong lại sợ Trời không nghe thấy tiếng đánh thời có lỗi; nhân đánh liều vào một cây đa ở làng cạnh, chết trụi thui. Ông Thành-hoàng làng ấy nghĩ tức lắm, làm một bài thơ rằng :

*Ai bảo Thiên-đình chỗ chi-công ?
Thiên-lôi sao cũng bén hơi đồng ?
Cối trần nhem-nhuốc bao nhiêu sự,
Thượng-đế ngồi cao có biết không ?*

Bài thơ ấy truyền-tụng lên đến tai đấng Thượng-đế, ngài giận lắm, đòi các Thiên-lôi ra hỏi, thời là anh Dã-Tràng. Mắng rằng :

— Máy mới ở trần-gian có một năm mà đã học ngay được những cái cách như thế! Xem một sự này thế thời dưới trần chắc đã nhiều các sinh-vật bị đánh oan-uổng lắm, cho nên tao thường vẫn nghe tiếng chúng nó kêu « Trời » luôn luôn mãi bên tai.

Nhân truyền kết-án tên ấy phải 999 năm khổ-sai, cho đi xe cát để lấp bể. Tức là truyện *Dã-Tràng xe cát bể Đông*.

Xong cái án ấy, ngài lại truyền yết-thị cho người ở trần-thế biết rằng : Thiên-dinh thời cao xa, nghe một tội Thiên-lôi bây giờ làm lắm sự phi-pháp. Vậy cho phép người thế ai nấy đều được liệu cách mà phòng-bị những kẻ tham-những ấy.

Từ đấy, thế-giới mới có *Thu-lôi-tiêm*.

332. — Thổ-công phải đòn.

Trong một xứ, một khoa thi, có hai truyện :

Một nhà có con gái đã hứa gả cho một người học-trò nghèo và nuôi cho đi học. Đến khoa ấy, anh đồ hỏng thi, về bị vợ bỏ.

Một nhà khác, con trai khoa ấy đi thi đỗ, về bỏ vợ.

Cuối năm, sỗ giã-thủ đệ lên đến Thiên-tào, đức Ngọc-hoàng giận lắm, sai thảo trát đòi hai Thổ-công ở nhà ấy lên, phán rằng :

— Ta cho các người xuống làm Thổ-công nhà người ta, ngày giỗ, ngày tết, mừng một, ngày rằm, khi dựng nhà, lúc bán lợn, đều com no rượu say, là cái chức-phận phải giữ cho cửa nhà người ta, đạo vợ chồng là trọng. Vì chi một sự khoa-danh nhỏ mọn, đến nổi con bỏ chồng, thằng rẫy vợ ! Việc danh-giáo còn đổ nát như thế, thời các người ở đấy coi việc gì ? (!)

Đức Ngọc-hoàng phán xong, truyền lấy vò nọc đánh mỗi tên 30 roi và cách tuốt chức Thổ-công. Xong, ngài đòi ông xếp (Chef) (1) Tòa Tư-văn lên bảo rằng:

— Một sự thi-cử ở trần-gian, đã sinh ra hại đến luân-lý như thế, thời thôi từ đây bỏ hẳn đi.

Ông Tư-văn cố xin mấy khoa nữa. Ngài cho các xứ khác còn được thi ba khoa; một xứ ấy thời làm nghị-định bỏ lập-tức. Vì thế cho nên ở xứ ấy bây giờ không có khoa thi.

Hai bác Thổ-công, sau lúc đã mòng-cách, đi mất. Hai chú Tào-quân ở nhà, không thấy Thổ-công về, rủ nhau đi hỏi thăm, mới biết chuyện. Cùng phì cười bảo nhau rằng: «Ừ thôi, cũng may cho chúng ta, ăn xó mó niều hóa lại ít tội vạ.» Nhân cùng làm chơi một bài thơ bốn câu rằng:

Khéo thay đổi vợ với thay chồng,

Ba chục roi đòn đit Thổ-công.

Nhấn bảo trần-gian cho nó biết,

Kẻo chi bận nữa đến phùng ông.

(1) Hồi ấy nói hay pha tiếng Pháp vào lấy làm sự khôi hài. Sau thành quen, cách nói pha tiếng Pháp vào lấy làm thường.

333. — Hà-nội.

Hà-nội ba mươi sáu phố-phường, là một chỗ đồ-hội của nước Nam. Thượng vàng hạ rau, so với các nơi đều hơn cả. Dầu thế, nhưng vật không có vẫn không có, là tiên và quỷ.

Có một ôn ; hiếu-sự, đem hai người nhà quê ở đồng rừnng cho về Hà-nội chơi. Bịt mắt từ nhà đem đi, về để một chỗ kín. Rồi thuê riêng nhà chớp bóng một tối, chớp cho mỗi người xem một trò (film). Lúc đã khai chớp, thả một người vào, cho mở mắt ra mà xem ; gần hết trò, lại bịt mắt đem đi. Người nữa cũng thế.

Một người vào trò trước, xem thấy : Mây bay nước rợn, rồi các người con gái trông lạ mặt, ăn mặc khác lối thường, có hai cánh rẽ mây bay ra.

Người vào trò sau thấy : núi cao hang sâu, nhiều những người to béo, trợn mắt há miệng, đi lung-la lung-lay.

Cho xem xong, sáng hôm sau, cứ để mắt phải
bịt, đem lên xe lửa, lại đưa trả về chỗ ở.

Hai người về, các thân-thích đến hỏi chuyện
chơi Hà-nội thấy có những gì thú?

Một người nói: « Toàn tiên cả! »

Một người nói: « Toàn quỷ cả! »

Cãi nhau vô-cùng-tận.

334. — Hầu thơ.

Có một ông quan Hậu, nhân ngày chủ-nhật vào chơi hầu một vị quan trên. Ngồi buồn. Cụ-lớn mới đọc cho nghe và bảo rằng: « Bữa nọ, ta làm chơi một bài thơ chuột, hay lắm! Đề đọc cho ông Hậu nghe. »

— Dạ.

— *Chuột kia kiếp trước nó là doi.*

— Dạ.

— *Hai cánh bay cao lừng tận trời.*

— Dạ.

— *Truyền dịch nói chỉ sau lúc chết.*

— Dạ.

— *Khôn như Tô-Tử (1) cũng thua tài.* Nghe vẫn phải biết hay mới được, như một câu đầu là phá nghĩa cách-tri đó.

— Dạ.

— Câu thứ hai thừa xuống rất tiếp mà khẩu-khi có thể phi-dăng (2) về sau lắm.

— Dạ.

(1) Ông Tô-Đông-Pha có bài văn nói chuyện con chuột khôn.

(2) Phi-dăng là bay nhầy.

— Câu thứ ba có ý nói về vệ-sinh.

— Dạ.

— Còn câu thứ tư là điền ông Tô-Đông-Pha, bài phú Hiệt-thử (1) trong Cổ-văn ấy mà...

— Dạ.

— Phàm làm thơ văn, tất phải ý-từ cho rộng mà có điền-cổ như thế mới nghe được.

— Dạ.

Xong buổi thơ, quan Hậu lui ra gặp một ông nhà thơ hỏi rằng:

— Ngài vừa ngồi hầu thơ Cụ ra, có phải không?

— Phải.

— Thơ Cụ thế nào?

— Thơ Cụ-lớn ta hay lắm, không chê vào đâu được. Nhưng mình là phận dưới, cũng không được phép khen.

— Thế Cụ đọc thơ mà ngài cứ ngồi im à?

— Không. Sao lại im! Tôi chỉ « dạ ». Tính tất cả trước sau đầu đến chục cái « dạ ».

(1) Con chuột khôn ngoan giả cách chết để người không đánh, khi người không nhìn đến thì nó trốn thoát.

335. — Hồn chữ.

Ở mạn ngược xứ Đoài (1) gần Mường, có một nhà làm văn, vì sự nghèo lấy văn làm nghiệp. Nghiệp văn mà dốt, dốt mà ngòong, mỗi bận hạ bút như rồng cuốn, như ngựa bay, như nước chảy. Một hôm, đêm đã hơi khuya, đi qua một trường thi vừa thi xong, thấy có tiếng lăm-rầm như nhiều người cùng nhau đứng than-thở. Nhân lắng tai ngồi nghe, phảng-phất được mấy câu như sau này :

« Khốn nạn cho chúng ta ! Trời bắt sinh ra
 « làm kiếp chữ. Đề bị những kẻ làm văn dốt, nó
 « viết mình ra tờ giấy trắng, rồi dấu son chấm
 « chàm (2) lòi đi rách lại. Tủi bao nhiêu, then bấy
 « nhiều ! »

Lại thấy như có tiếng nói lại rằng :

« Tao chẳng oán gì người làm văn ; tao chỉ tức
 « cho cái ngòi bút xỏ-xiên, cái nước mực đen bạc ; vì
 « có nó mà chúng mình mới dơ-duốc đến như thế ! »

(1) Đoài là tỉnh Sơn-tây.

(2) Quyển thi ngày xưa có dấu son, chấm bằng chàm.

Nhà làm văn ta mới nghe tiếng thở-than, tưởng như hồn của những người hồng thi. Nhưng xét ý câu nói thì ra hồn của chữ. Nghĩ không nhẽ chữ lại có hồn. Một hôm khác, đêm cũng hơi khuya, đi qua trước cửa một nhà in, cũng thấy có tiếng lăm-răm như nhiều người cùng nhau ngồi than-thở. Lại lắng tai đứng nghe, phảng-phất được những câu như sau này:

«Tội-nghiệp cho chúng ta! Trời bắt sinh làm
«kiếp chữ in. Để bị những kẻ làm sách ngông, nó
«phơi mình ra tờ giấy trắng; rồi bìa vàng vỏ xanh,
«buôn đi bán lại. Thẹn bao nhiêu, tủi bấy nhiêu.»

Lại thấy như có tiếng nói lại rằng:

«Tao chẳng oán gì người làm sách; tao chỉ
«giận cho cái máy in bất-nhân, cái con chữ vô-sĩ;
«vì có nó mà chúng mình mới nhờ-nhuốc đến như
«thế.»

Nhà làm văn ta nghe xong, nhân nhớ lại bạn đi qua trường thi trước, thời quả-nhiên chữ có hồn! Nghĩ ra, mỗi bạn mình rung đùi mà ngâm, dưới tay đã không biết bao hồn khóc! Từ đấy làm văn, khó-nhọc lắm mới nghĩ được một câu. Rỗng không cuốn; ngựa không bay; nước không chảy.

Tần - Đà Nhân - tướng

Tư-tướng do lúc nhân-lĩnh suy-nghĩ ra

Những câu nhân-tưởng này trong lúc nhân-tĩnh nghĩ-ngợi được ra, cho nên Tản - Đà tiên-sinh mới đặt là « Nhân-tưởng ». Trước in riêng một cuốn, song vì có 101 câu, cho nên phụ dưới tập văn này để cùng độc-giả khi nhân ngâm thơ xong đọc mà suy nghĩ thêm ra chân-lý.

HUONG-SON.

336. — Nhân-tưởng.

1. — Đời là một chỗ bắt người ta phải ở.

2. — Ở đời mà không có sự-nghiệp, như suốt đời đi ở trọ mà không có nhà.

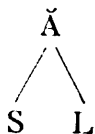
3. — Đời người ta lúc bé đi chữ nhất, nhớn lên thời đi chữ nhân.

Đi chữ nhất là có hai sự: *sống* và *ăn*. Có sống thời phải có ăn, có ăn thời lại có sống.

Đi chữ nhân là có ba sự: *sống*, *ăn* và *làm*. Có sống thời phải có ăn, có ăn thời phải có làm; có làm thời mới có ăn, có ăn thời mới có sống.

Trong thế-gian hoặc cũng có người, từ bé đến già, suốt đời đi chữ nhất.

Ă—————S



4. — Thế-gian đáng quý nhất mà đáng thương nhất, là người đàn-bà còn trẻ tuổi mà ở góa suốt đời.

5. — Tài-hoa, đạo-đức, anh-hùng, người đàn-ông nên có đủ ba cái tính-chất ấy.

6. — Người đàn-ông quý ở tài, mà cũng phải có đức; người đàn bà quý ở đức, mà không cần có tài.

7. — Người đàn ông ở đời, đáng sợ nhất duy có là vợ: duy người vợ có đủ thế lực phá-hoại cái sự-nghiệp cả một đời người đàn-ông.

8. — Việc lớn trong đời không làm nổi, việc nhỏ không muốn làm: cho nên dễ lười.

9. — Ở đời lắm lúc cũng muốn làm việc dễ, nhưng khổ vì việc khó không ai làm cho.

10. — Thiên-hạ khổ-tâm nhất, là cái việc tất muốn làm mà liệu không thể làm nổi.

11. — Sự đời đáng buồn nhất, là con cháu không bằng ông cha.

12. — Trong thế-giới chỉ có giống dân hèn, không có nước nào nhỏ.

13. — Giống người hèn mà phải chịu khổ, thực là luật thiên-nhiên. Sự khổ đó tức là bắt phạt về tội hèn.

14. — Cái nghĩa-lý rất hay của người hèn, cũng là không có giá-trị.

15. — Chim lồng, cá chậu, núi non-bộ, những sự chơi đó có thể làm hại cái tư-tưởng vĩ-đại của người ta.

16. — Người đàn-ông cũng nên hơi có một chút cái tinh-chất tàn-nhân.

17. — Chưa chắc những kẻ thù của mình mà không phải là ân-nhân.

18. — Vô-luận yêu ghét nhau thế nào, người ta đã quen biết với nhau lâu, thường tất có lúc nhớ.

19. — Trong khi nhớ một người, tức là có phụ với nhiều những người khác.

20. — Đương lúc người này nhớ người kia, mà người kia lại nhớ người khác, thời hai cái tư-tưởng đi không gặp nhau.

21. — Bạn hữu mà không có chỗ thân hơn vợ chồng, thời chưa đủ kẻ là bạn.

22. — Ở đời đáng quý, là người bạn chưa biết mặt mà tình thân.

23. — Người ta sau lúc chết mà nếu còn có thiêng thời có nhiều sự bất-liện.

24. — Ở đời nhiều sự không nên biết đến rõ.

25. — Việc đời tám chín, không hứng-thú mà phải làm.

26. — Tội ác xã-hội ngày nay, không gì lớn hơn lợi-dụng sự ái-quốc.

27. — Thương dân yêu nước, là câu dạy về hạng người thứ hai. Nếu ai ai đều tự muốn làm nên hào-kiệt vĩ-nhân, thời xã-hội nhân-quần, tự có nhiều hạnh-phúc.

28. — Những kẻ đại tiểu-nhân, cứ nguyên-chất đều có thể làm nên hào-kiệt.

29. — Ở đời một tài chưa đủ, phải có đức; cả đức cũng chưa đủ, phải có phúc. Cho nên người ta thường nói « phúc-đức ».

30. — Người ta cứ làm nên công-nghiệp to, thời cái lỗi nhỏ không đủ kể.

31. — Các vật ở đời, dè-tiện nhất là cái công-danh nhỏ con.

32. — Muốn có danh-dự giá-trị với một cái xã-hội nhỏ con, thời cái danh-dự giá-trị ấy tất cũng nhỏ con.

33. — Người ta nhớn bé không hơn nhau là bao nhiêu, mà không biết những đại-đức đại-tài chứa ở bộ-phận nào trong thân-thể?

34. — Trong xã-hội vẫn mong có hào-kiệt; hoặc có hào-kiệt, khỏi dân xã-hội không ghét ghen.

35. — Nếu không phải là sự lợi hại thật thiết thân, ít ai chịu nghe nhời ai nói.

36. — Trong cái xã-hội nhỏ con, mà chỉ những hiềm-oán nghi-ky lẫn nhau, thời ai biết cùng ai đi lại.

37. — Minh có sự đáng giận, mà người ta không giận, thực là một sự đáng cảm ơn.

38. — Những kẻ chi hư-ác, thường có chỗ hơn người.

39. — Tiết-kiệm khiêm-cung, không phải là cái đức tốt của hạng người đại-trượng-phu, chân-nam-tử.

40. — Tiền của chưa hẳn là vật đáng tiết-kiệm; ân, uy, cần, mẫn, thời nên phải tiết-kiệm. Duy có một sự hiếu không thể nói tiết-kiệm.

41. — Kẻ có tiền, không có tài, kẻ có tài, không có tiền. Cho nên việc đời khó làm.

42. — Đợi có nhiều tiền mới làm việc, thời việc ấy không bao giờ có làm.

43. — Ai có tài gì, trời cứ phải bắt làm việc ấy.

44. — Người không có thực-tài mà học thói ngang-tàng, thời cũng như con ngựa không chạy giỏi mà lại bắt-kham.

45. — Tài đức chưa hơn ai mà ra người đứng-dẫn, vậy thời giống như cây tre cằn.

46. — Ở đời nếu muốn sống một cách như cái cây thời có nhẽ cũng không khó.

47. — Người mà không có lo nghĩ, như cái cây dễ trong râm.

48. — Phàm những người đứng chủ một công việc, thời công việc ấy to nhỏ thế nào, đều là cái tư-cách tự-lập.

49. — Các hạng người trong thế-gian, không cứ khôn hay dại, sang hay hèn, làm đầy tớ lẫn nhau cả.

50. — Các giống người trong thế-giới, kết-cục rồi lại cả.

51. — Những câu nói cứu-thời, thường không hợp chân-lý.

52. — Luân-lý như một cái bức rào rất đơn-sơ, chỉ ngăn-chắn được những người không muốn vượt.

53. — Không có sự chơi hư, thời không biết được nhiều tình-trạng trong xã-hội.

54. — Các sự chơi hư đại, nếu không tự tìm thấy cái đáng chán ở trong ấy, thời ít ai dễ chừa.

55. — Dầu anh-hùng hào-kiệt, những cái lỗi nhỏ giữ được thời vẫn hơn.

56. — Sự khôn của một người, thường khi khó chịu cho nhiều người khác.

57. — Bè-bạn sơ-nhau, phần nhiều do ở vợ.

58. — Thế-gian những sự rất bất-bình, thường do ở những người rất thân-ái.

59. — Hai vợ chồng lấy nhau, nếu giàu-sang từ mới đến già, thời tình-nghĩa không biết thế nào là thật.

60. — Cầu tình-nghĩa ở trong xóm Binh-kharg, cũng như công-lý ở thế-giới.

61. — Càng những vật có thế-lực ở đời bao-nhiều, thường càng hay đều-giả bấy nhiêu. Xem như đồng tiền.

62. — Ở đời có việc thực vẫn biết là phải, mà vẫn không cam lòng.

63. — Sự thanh-nhã có nhiều khi không quý.

64. — Nếu giang-sơn mà biết nói thời danh-sơn thắng-cảnh, ít có người dám chơi.

65. — Người ta đương lúc nghĩ muốn làm việc gì, tức như đã bắt đầu làm việc ấy.

66. — Việc đời không nên tính kỹ quá.

67. — Người ta không nên ghét cái gì đến quá lắm; bao những cái mà mình ghét lắm, thường hay dính vào mình.

68. — Thiên-hạ thường xấu-hổ cái sự không đáng xấu-hổ, mà không xấu-hổ cái sự đáng xấu-hổ.

69. — Hạng người nào lại ghen-ghét với hạng người ấy.

70. — Người đàn-bà còn trẻ tuổi, bụng thương con không bằng lúc tuổi già.

71. — Người đàn-bà con gái, khóc thời không đẹp mà mếu thời đẹp.

72. — Con kỳ-lân chép ở trong sách nho về thời cổ, có nhẽ chính là con girafe ở phương Tây lạc sang.

73. — Đi xe lửa hoặc xe hơi, mà ngồi ngoảnh mặt về đằng sau, có hại cho cái tư-tưởng tiến-bộ.

74. — Không nhân chúng-tình, thời khó làm nên công-nghiệp to; sợ dư-luận, cũng không thể làm nên công-nghiệp to.

75. — Bàn với người chí-thần, thường không có câu chuyện cao-thượng.

76. — Người đời thường thích tiếng quân-tử, mà cái việc làm thường tiều-nhàn.

77. — Người ta được nhiều người yêu mình, nghĩ cũng là một sự bất-hạnh; cái nợ tiền-bạc có thể trả cho hết, cái nợ ân tình không bao giờ trả xong.

78. — Ở đời ít ai tránh khỏi sự nói dối.

79. — Những nhà văn-sĩ, có thể gọi là lắm nhời.

80. — Dù có nhà triết-học không tin sự quý-thần, đêm tối qua chỗ tha-ma, chưa chắc khỏi chột dạ.

81. — Ở đời nếu không phải sợ ai thời là nhất; nếu còn phải có sợ thời sợ vợ là hơn.

82. — Chắc người ở khác là hơn mình, thực là một sự rất hại.

83. — Thiên-hạ chưa mấy ai đã đại, chỉ vì tính nhàm, cho nên không khôn.

84. — Sau một cuộc gian-nguy đã trải qua, nghĩ lại thường rất có thú-vị.

85. — Người ta lúc tru-cùng hoạn-nạn, mới biết sự thân sơ.

86. — Trong khi tru-hoạn mà chí-nghiệp như thường, trừ-phi có cam-đảm rất nhón.

87. — Mười cái đại, chưa dễ làm nên một cái khôn.

88. — Đi vay tiền mà không được, thời phải mất lãi không.

89. — Nhân-tình thế-thái, càng gặp cái đáng chán, thời đối với người có cảm-tình, cũng cảm-tình càng thêm.

90. — Lấy cảm-tình mà nghĩ, thời can cả thế-giới với một người, chưa hẳn đã bên nào nặng hơn.

91. — Con người ta ở đời, lúc nào cũng coi cái sự sống như là thừa, thời mới mong có công-nghiệp vĩ-dại.

92. — Bốn bề chín châu, chưa quả đã xa hơn gang tấc.

93. — Chữ «*giận*» chỉ nên đề đứng trên chữ «*minh*»: Chỉ có mình giận mình là phải. Còn như đối với người: người không có việc gì với mình thì còn có việc gì mà giận; người đáng giận thì không bỏ giận.

94. — Cái thú đêm thanh, như cả thế-giới chết mà có một mình sống.

95. — Trời ít chiều nhau đến quá lắm.

96. — Sự rất đặc-ý, thường được ở trong khi bất-ý.

97. — Trong thiên-hạ không có việc gì là không xong.

98. — Ai cũng thường có cái cơ-hội hay, mà thường hay đánh mất.

99. — Trong thế-giới có một cái công-lý: thánh-hiền, hào-kiệt, không cấm ai không được làm.

100. — Từ 25 tuổi trở về trước, làm phong-lưu công-tử; từ 26 cho đến 45 tuổi, làm cao-nhĩ văn-nhân; từ 46 cho đến 55, làm anh-hùng hào-kiệt;

từ 56 trở về sau nữa, làm một nhà triết-học làm bạn với non xanh. Một đời người con trai như thế, có nhẽ cũng không uổng.

101. — Yêu-quí nhau về tinh-thần, qui hơn yêu-quí nhau về vật-chất. Cho nên đối với người thật yêu-quí, thời lo vì phúc-trạch, chưa bằng lo vì danh-tiết trong trăm năm.

Tản-Đà gửi người Tri-âm

*Bức thư của Tản-Đà gửi cho người tri-âm
không quen biết*

Muốn biết cái hay trong bức thư này phải đọc cả hai cuốn « Giấc mộng con » và « Giấc mộng lớn » của Tản-Đà và phải biết chuyện người tặng rau sắng và gửi măng-đa giúp khi ra « An-nam tạp-chí ».

337. — Gửi người tri-âm.

Chu-Kiều-Oanh có nói rằng: « Con người ta ở đời, thường hay lấy ít tri-âm làm giận, mà không biết thực tự mình đã phụ biết bao người tri-âm. »

Tri-âm là ai? Ai tri-âm với ai, thời ai tự biết với ai vậy.

Nghĩ như: rau sắng chùa Hương, tấm lòng thơm-thảo; măng-đa Móng-cái, hậu-ý ân-cần.

Quan-hà chan chứa ái, ân,

Nước mây như vẫn như gần như xa.

Giời Kiến-an hai mươi một tháng ba, một cơn gió thổi: mơ-màng « Giấc mộng con, tàn thế-giới », cảm-tưởng bồi-hồi.

Tri-âm ai đó hỏi người!

Đề ai sao khỏi như lời của ai!

Tôi tự khi An-nam tạp-chi nghỉ việc, đi nam về bắc, lẳng-đẳng không ra sao; lại càng trông thấy những chủng-tộc với giang-sơn, mà cảm-hoài lai-láng:

*Dán hai năm triệu ai người lớn?
Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con.*

Ngày tháng như trôi, mây râu đáng chán. Mỗi những lúc đêm quạnh đèn xanh, chiều thu lá đỏ, nghĩ nhớ đến ai ai trong bốn bề, nỗi u-sầu khôn để tả nên thơ.

Nhất lại từ sau ngày hai mươi mốt tháng ba mới đây, giở xem lại bức thư in ở đầu tạp-chi số mười, lại trông thấy những nhời chúc-mong của ai tự năm xưa, mà cái lo đường xa gánh nặng, sông cái thuyền nan, càng thêm như gọi như kêu, không biết cùng ai tính liệu vậy.

Nay « An-nam tạp-chi » chưa có sức tiến-hành, tôi cũng muốn nhân thể mà tĩnh-dưỡng một đôi năm, cho được hưởng cái hạnh-phúc nhàn tịch. Trong thì giờ nhàn-tịch, muốn thu thập các văn khi xưa, in làm hai tập: Một tập văn xuôi, là những bài văn xuôi để in tản-mát ở trong các quyển « Khốì tình », « Tản-Đà tùng-văn » cùng trong các báo chí: một tập là văn tiêu-thuyết dài, ngắn, cũng đã in ở các quyển « Truyện Thế-gian », « Tản-Đà tùng-văn » khi xưa.

Ngoài hai tập văn ấy, có in ra các quyển văn mới, hoặc làm hoặc dịch, phần nhiều cũng chỉ là những văn tiêu-nhàn khiển-muộn, như quyển

« *Nhàn tượng* » đây, tạm gọi là có giao-du với xã-hội mà thôi:

*Riêng ai thân-thế trăm năm,
Ai sẽ liệu tìm nơi kỷ-thác.
Con lắm chưa thác,
Cuộc bề dầu còn sẽ lắm tơ duyên;
Cửa Vĩ không xa,
Hội rồng cá thử xem lớp sóng.*

Thôi vô-luận văn-chương với sự-nghiệp, chia làm hai hay hợp làm một, trong thiên-hạ đã có người tri-âm, trong thiên-hạ tất cũng có người không phụ người tri-âm.

Cuối mùa Xuân năm Mậu-Thìn (1928)

Tản-Đà NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

Bái bút.

Những thơ viếng Thi-sĩ Tản-Đà

Sau khi Tản-Đà tiên-sinh tạ thế (1939), thơ, văn, câu đối viếng bằng Hán-tự, Quốc-văn rất nhiều. Chúng tôi lựa chọn dăm bảy bài in phụ vào cuốn này để tỏ lòng quốc-dân đối với thi-sĩ. Còn các bài khác gia-đình Tản-Đà sẽ có một tập riêng.

H. S.

I

Khóc thi-sĩ Tản-Đà.

Ồ! Sao ác-nghiệp quá, trời!
Còn thơ, còn rượu, còn người nước non!

Đà chưa cạn, Tản chưa mòn,
Cớ sao « người ấy » chẳng còn nơi đây!

Một chiều gió lạnh rắc mưa bay,
Thi-sĩ quen đau hận tháng ngày.
Biết nghiệp bút nghiên cay đắng lắm,
Mà lòng cố-kết vẫn mê say.

Đà-giang theo rồi nước mây,
Trông lên non Tản giải bày lòng yêu.
Bao năm dệt mộng Chu-Kiều,
Cùng « Giấc mộng lớn » vẽ chiều trong sương.

Chua-chát đường đi vạn dặm đường,
Lúc thì quê cũ, lúc tha-hương.
Vi đàn con dại, chăm tìm cá...
Như chiếc bồ-nông hiến ruột buồn...

Cánh hồng dội khắp bốn phương,
Dệt vằn thơ mộng vằn-vương trên đời.

Mong « kiếp sau chớ làm người »,
« Làm đôi chim nhận tung trời mà bay ».

Yêu người trong lúc tuổi thơ ngây,
Đem « Khố tình con » để tỏ bày.
Tập-chí « An-nam » ôi ! chán-ngán,
Mảnh dư-dồ rách tả-tơi bay.

Than ôi ! đã hết mộng đầy,
Thân còn lưu-luyến tháng ngày lênh-đênh.
Vi ai mang nặng chữ tình ?
Vi ai mong nhớ tóc xanh đổi màu ?

Biết người đẹp ấy ở nơi đâu,
Mơ-mộng làm chi để gánh sầu ?
Đã lỡ một ngày đành lỡ hẳn,
Muôn ngàn năm phải ngậm-ngùi đau.

Danh thơm truyền mãi về sau,
Tuy người dấu khuất đã đâu bóng nhòa.
Ôi thôi ! thi-sĩ Tản-Đà,
Vi sao sớm đã tránh xa cõi đời ?

Đề bao châu lệ rụng đôi nơi,
Bao khách văn-chương óc rã-rời.
Non nước lâu dài ghi nhớ mãi,
Văn-chương sự-nghiệp với tên người !

PHAN-NHƯ.

II

Khóc bạn Tản-Đà.

Òi thôi ! Bác Tản-Đà ơi,
Ngờ đâu bác đã chán đời sớm thay !

Căn-bệnh bác bấy nay chẳng tỏ,
Đến chơi tôi cách độ mấy tuần ;
Trong khi trò-chuyện ân-cần,
Dung-quang nào đã thấy phần nào suy ?

Mới biết « tử vô-kỳ » là thế !
Vội-vàng chi bác đề nhớ thương...
Biết nhau vì mối văn-chương,
Yêu nhau hăm mấy năm trường, bấy nay.

Hồi-tưởng lại những ngày mới biết,
Gặp nhau vui như tết khác gì...
Văn-chương đâu khéo ly-kỳ !
Đọc lên sừng miệng, nghe thì sừng tai.

« Văn thuyết-lý », « văn chơi » đủ lối,

« Văn vị đời » vừa mới vừa hay.

Ngọt bùi mặn nhạt chua cay,

Là « văn tiêu-thuyết » dễ say lòng người.

Thương vì nổi văn-tài như bác,

Mà chung-quy kiệt-xác kiệt-xơ.

Ruột tằm kéo mãi ra tơ,

Cuộc đời như thẻ nước cờ phải xoay.

Nước cờ khó mỗi ngày một bí,

Sợ tơ vò se chỉ khó nên.

Sống trong đời buổi đua chen,

« Thiên-lương » trọn vẹn nghèo nàn cố-nhiên.

Hay chẳng chịu đồng tiền cảm dô,

Tiết thanh-cao chẳng hổ phong-trần.

Mặc người « đánh đĩ » kiếm ăn,

Thả lời hoa nguyệt đem văn hại đời.

Hay chẳng chịu theo đòi luồn-lỏi:

Cái xương lưng cứng-cỏi khôn còng.

Giữ-gìn tuyết sạch giá trong,

Trăm năm để lại tấm lòng sắt son.

Người dẫu khuất tiếng còn mãi mãi,

Vốn văn-chương là lãi ở đời.

Từ đây hết kẻ ghen tài,

Đàn văn vắng tiếng ai ai cũng buồn.

Kìa Đà-giang nước tuôn giọt lệ,
 Nọ Tản-phong mây đề áng sầu.
 Nhớ thương giờ biết tìm đâu,
 Mấy mươi năm nữa gặp nhau họa là.

Thùy-Thiên NGÔ-BẮNG-DỊC.

CẦU ĐỐI.

Biết bao nhiêu tâm-não hun đúc lại thành
 văn, hăm mấy năm báo-giới thi-đàn, đất Bắc trời
 Nam đều rậy tiếng.

Xiết kể nổi phong-trần vẫn giữ không biến
 tiết, năm một tuổi Bồng-châu Tiên-đảo, sông Đà
 núi Tản đáng ghi tên.

Thùy-Thiên NGÔ-BẮNG-DỊC.

III

Khóc chú Tản-Đà

Ôi thôi! Hỡi chú Tản-Đà!
Hạc vàng mất hút, lầu thơ lạnh-lùng.
Ngàn năm mây trắng bên sông,
Bức dư-đồ rách giờ không ai bồi.
Rượu thơ trần-giới ai người?
« *Thiên-Lương* » ai kẻ nối đời triết-nhân?
Tài-hoa khôn xóa phong-trần,
Tản-Viên mây quấn mấy lần băng tang.
Đà-giang sóng lệ tuôn tràn,
Tiếc thương cho cả Thi-đàn Việt-Nam.
Ngọn cờ chủ-súy vừa tàn,
Trăm năm mới nửa đà chôn « *Khối-tình* ».
« *Mộng-con* », « *Mộng-lớn* » tan-tành,
Danh thơm còn lại đã thành nghìn thu!

Bồng-lai non nước mịt-mù,
Mải chơi... quên kiếp phù-du dưới trần...

★
* *

Á-châu mờ bóng thi-nhân,
Lần xem di-cảo là lần tiếc thương.
Trọn đời sống với văn-chương,
« Cảnh mai trái núi » đâu thường như ai?
Hồn thiêng chú đã về trời,
Nghìn năm *con, cháu* ngậm-ngùi nghìn năm.

Tháng sáu dương-lịch 1939.

Cháu : NGUYỄN-TỔ.

IV

Kính viếng Tản-Đà tiên-sinh.

Đêm hè Hà-nội nóng như nung,
Rầu-rĩ cảm ve thêm não-nùng!
Trạnh niêm nhớ đến bác ấm Hiếu,
Một nhà Thi-sĩ, người bạn ngông.
Một đời hy-sinh cho Nghệ-thuật,
Lánh xa danh-lợi cam nghèo cùng.
Lấy rượu tiêu-sầu, thơ khiễn-muộn,
Cười đùa năm tháng với non sông.
Anh em biết nhau từng mấy thuở,
Thư-lầu đêm ấy miền tỉnh Đông.
Một cuốn « Dương-Minh » chén rượu nhạt,
Trông ra vầng nhật đã nhòe song.
Lại đây hôm nọ cuối tháng trước,
Bác đến thăm tôi phố hàng Bông.
Mừng bác năm nay tăng khí-sắc,
Đầu hói tóc trắng, da đỏ hồng.

Nói cười hớn-hở như được cửa,
Mà bót-tờ-phơi vẫn rộng không.
Yêu bác cái chỗ thản-nhiên ấy,
Quý bác cái đời sống sạch trong.

Bỗng đâu đọc báo thấy tin bác,
Thực-hành quẫy sách lên Thiên-cung.
Sao chẳng đón ngồi tàn tẩn kịch,
Rốc bầu cười phá cho hả lòng?

Hà-nội, ngày 10 tháng 6 năm 1939.

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT (1)

(1) Nguyễn-Trọng-Thuật, một nhà thi-sĩ lại là một nhà học-giả quê ở Hải-dương, tác-giả truyện « Quả dưa đỏ » cũng đã tạ-thế sau Tản-Đà tiên-sinh độ một năm.

Nguyễn-Trọng-Thuật tiên-sinh thâm Hán-học rất thân-ái yêu kính Tản-Đà một cách chí-thành. H. S.

V

Mấy câu đối viếng.

1

Nặng « Khỗi tình con », tài-tử giai-nhân trời khéo
 cột,
 Còn « Thề non nước », văn-chương sự-nghiệp đất
 khôn vui.

ĐỒNG-SƠN,
 Nam-định.

2.

Côi Vị ngày nào (1), chénh-choảng giang-sơn ba
 chén rượu,
 Hà-đồ số hẩm (2), rõ-ràng sự-nghiệp mấy vần thơ.

NGUYỄN-VĂN-LUẬN,
 Giáo học Nam-định.

(1) Nói về lúc Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu tiên-sinh về
 Nam-định xuất-bản « An-nam tạp chí ».

(2) Nói về việc Tản-Đà xem số Hà-lạc ở Hà-nội.

3

Đôi phen chén rượu câu thơ, «Giấc mộng» còn
 in bên gối đỏ,
 Phút chốc mây ngàn hạc nội, «Khởi tình» nào
 biết gửi ai đây?

Hương-Tri VƯƠNG-THƯỜNG-LIÊN. (1)

(1) «Nhớ ai như nhớ đông trùng», câu thơ đó là Tân-Đà tiên-sinh nhớ ông bạn *Hương-Tri Vương-Thường-Liên* đã đem rượu ngâm «đông trùng hạ thảo» ra mời tiên-sinh một tiệc rất ngon và rất say. *Hương-Tri tiên-sinh* cũng là một thi-sĩ có tài, người Bát-Tràng, ngụ ở phố Lò-Đúc, thơ cổ-diễn rất điêu-luyện.

N. M. B.

MỤC THỨ

Số thứ tự

Số trang

Tản-Đà Trường-thiên

180. Con quốc và con châu-chuộc	7
181. Thu khuê oán	8
182. Hủ-nho lo việc đời	9
183. Zòn chơi	11
184. Hầu Trời	15
185. Tên ông Công lên châu Trời	21
186. Lơ văn ế	23
187. Gầu tết tiền năm cũ	26
188. Thơ mừng tết	28
189. Mừng xuân	30
190. Ngày xuân nhớ xuân	31
191. Thơ ề thay bài tựa Đài-gương truyện (1919)	35
192. Đề truyện « Trần-ai tri-kỷ »	37
193. Lã-Gia.	39
194. Đòi Hạ Trần	40
195. Thăm aả cũ bên đường	42

— II —

196. Chơi trại Hàng-hoa	44
197. La-ga Hàng Cổ	46
198. Khuyên thanh-niên học-hành	48
199. Khuyên người giúp dân lụt	49

Tản-Đà Xuân-sắc

200. Pháo Giao-thừa của nhà Thi-sĩ	53
--	----

Tản-Đà Song-thất

201. Trông hạc bay	61
202. Ngẫu hứng	61
203. Mưa thu đất khách	62
204. Một trứng trăm trai	62
205. Tiết-phụ-hành	63
206. Lưu Nguyễn vào Thiên-thai	66
207. Cảnh vui của nhà nghèo	70
208. Vợ chồng người đốt than	73
209. Nước thu	78
210. Đêm đông hoài cảm	80
211. Ngày xuân nhớ cảnh nhớ người xưa	83
212. Xuân hứng	87
213. Xuân sầu	89
214. Nói chuyện với ảnh	92
215. Đưa thư	94
216. Thư đưa người tình-nhân có quen biết	96
217. Thư đưa người tình-nhân không quen biết	98
218. Thư trách người tình-nhân không quen biết	100
219. Thư lại trách người tình-nhân không quen biết	103

Tản-Đà hát nói

220. Bài hát mừng đức Nam-Phương Hoàng-hậu ra tuần du đất Bắc	109
221. Ngày xuân chúc quốc-dân	111
222. Nhớ ông Gia-Cát sáu lần ra Kỳ-son	113
223. Chưa say	115
224. Say	117
225. Cảm hoài An-nam tạp-chi lại ra đời . . .	119
226. Bài hát chúc báo « Sống »	122
227. Gặp xuân	125
228. Bài hát xuân-tình	127
229. Hơn nhau một chén rượu mời	129
230. Mừng cười	132
231. Mậu-Dần xuân chúc	134

Tản-Đà ca khúc

232. Gửi cô Hiếu	139
233. Kiếp học-trò	140
234. Con chim khôn	141
235. Ôm cầm	142
236. Sầm chợ	143
237. Vì cuộc diễn-kịch ở Lao-kay để lấy tiền giúp nạn-dân Nghệ Tĩnh	146
238. Nói về liệt-dại anh-hùng nước ta	149
239. Nam bằng	152
240. Con chim xanh	153
241. Ổng dùng	154
242. Con sáo sậu	156
243. Anh thợ cạo	157

244. Câu hát Rậm Đò	158
245. Đò đưa	159

Tản-Đà Kịch-văn

246. Hải thuốc	163
247. Mừng cưới	164
248. Tống-biệt	165
249. Giặt lụa, hái rau	167
250. Trường-dinh tiễn-biệt	168
251. Bán rau	173

Tản-Đà thơ dịch

252. Tự-thuật (Đặng-Dung) (Nói về mình)	181
253. Con cá riếc ở trong vết bánh xe	183
254. Tự-thuật (Kim-Thị) (Nói về mình)	185
255. Đại mại tân-nữ tặng chư-kỹ (Bạch-Cư-Dị) . (Thay lời người gái bán củi đưa cho các kỹ nữ)	187
256. Tảo thu độc dạ (Bạch-Cư-Dị) (Sớm mùa thu đêm một mình)	188
257. Tự-khuyến (Bạch-Cư-Dị) (Tự khuyến mình)	189
258. Tuyệt-cú (Câu từ-tuyệt)	190
259. Tự quân chi xuất hỹ (Tự ngậm anh bước ra đi)	191
260. Khuê oán (Nhớ chồng)	192
261. Tam niên biệt (Xa nhau ba năm)	193

262.	Oán tình (Lý-Bạch)	194
	<i>(Buồn vì tình)</i>	
263.	Thu-trùng	195
	<i>(Trùng mùa thu)</i>	
264.	Độc Lý-Bạch tập (Trịnh-Cốc)	196
	<i>(Độc tập thơ Lý-Bạch)</i>	
265.	Ý-châu ca (Vô-Danh-Thị)	197
	<i>(Khúc hát Ý-châu)</i>	
266.	Thính biên-hồng	198
	<i>Nghe chim hồng ngoài biên-ải)</i>	
267.	Dạ-vũ (Bạch-Cur-Dị)	199
	<i>(Mưa đêm)</i>	
268.	Hữu-nhân dạ-phỏng (Bạch-Cur-Dị)	200
	<i>(Người bạn đến thăm đêm)</i>	
269.	Thính giang-dịch tổng Lục Thị-ngự	201
	<i>(Nghe sáo sông, tiễn quan Thị-ngự họ Lục)</i>	
270.	Lâm-giang tổng Hạ-Triêm	202
	<i>(Tới sông tiễn Hạ-Triêm)</i>	
271.	Tặng Uông-Luân (Lý-Bạch)	203
	<i>(Cho Uông-Luân)</i>	
272.	Tặng-nội (Lý-Bạch)	204
	<i>(Đưa cho vợ)</i>	
273.	Chu-trung dạ-vũ (Bạch-Cur-Dị)	205
	<i>(Trong thuyền đêm mưa)</i>	
274.	Tri-thượng (Bạch-Cur-Dị)	206
	<i>(Trên ao)</i>	
275.	Tầm Ẩn-giả bất-ngộ (Giả-Đào)	207
	<i>(Tìm nhà ẩn-dật không gặp)</i>	
276.	Sơn-hạ túc (Bạch-Cur-Dị)	208
	<i>(Ngủ trong núi)</i>	

277.	Tổng Lý Thị-lang phó Thường-châu (Giả-Tri)	209
	(Tiễn Lý Thị-lang đôi lời Thường-châu)	
278.	Độ Tang-kiền (Giả-Đảo)	210
	(Qua bến Tang-kiền)	
279.	Biệt hữu-nhân (Lý-Bạch)	211
	(Tiễn bạn)	
280.	Tổng Hồ-Đại	212
	(Tiễn Hồ-Đại)	
281.	Giang-hành	213
	(Đi trên sông)	
282.	Dịch-thủy tổng-biệt (Lạc-Tân-Vương)	214
	(Sóng Dịch tiễn-biệt)	
283.	Quá Hương-lích tự (Vương-Duy)	215
	(Qua chùa Hương-lích)	
284.	Họa Đỗ Lục-sự đề hồng-diệp	216
	(Họa thơ ông Lục-sự họ Đỗ : Vịnh lá đỏ)	
285.	Nguyệt dạ (Đỗ-Phủ)	217
	(Đêm sáng trăng)	
286.	Tình-thi (Trương-Hoa)	218
	(Thơ tình)	
287.	Thu-tịch lữ-hoài	219
	(Tối mùa thu nhớ nhà)	
288.	Thu-giang tổng-khách (Bạch-Cư-Dị)	220
	(Song thu tiễn khách)	
289.	Vô-đề (Vô-Danh)	221
	(Không có đầu bài)	
290.	Vô-đề (Vô-Danh)	222
	(Không có đầu bài)	
291.	Trung-thu nguyệt (Bạch-Cư-Dị)	223
	(Trăng giữa thu)	

— VII —

292.	Khúc-giang (Đỗ-Phủ)	224
	(<i>Trên sông Khúc</i>)	
293.	Quan-san nguyệt (Bạch-Cư-Dị)	225
	(<i>Trăng quan-san</i>)	
294.	Thu mộ giao-cư thu-hoài	227
	(<i>Cuối thu, cảnh ở quê</i>)	
295.	Văn dạ-trâm	228
	(<i>Nghe tiếng đập áo đêm</i>)	
296.	Ờ dạ-đề (Lý-Bạch)	229
	(<i>Quạ kêu đêm</i>)	
297.	Thảo (Bạch-Cư-Dị)	230
	(<i>Cỏ</i>)	
298.	Tổng-khách qui Ngô (Lý-Bạch)	231
	(<i>Tiền khách về Ngô</i>)	
299.	Khúc-giang túy-hậu, tặng chư thân-cố . .	232
	(<i>Sông Khúc, sau lúc say đưa cho các người thân</i>)	
300.	Đặng-cao (Đỗ-Phủ)	233
	(<i>Lên núi</i>)	
301.	Tặng nội-thị	234
	(<i>Thơ đưa vợ</i>)	
302.	Hoàng-hạc lâu (Thôi-Hiệu)	237
	(<i>Gác Hoàng-hạc</i>)	
303.	Vịnh sử	238
	(<i>Vịnh sử</i>)	
304.	Vọng giang lâu thượng tác (Bạch-Cư-Dị) .	240
	(<i>Trên lầu trông ra sông</i>)	
305.	Sinh ly-biệt	242
	(<i>Biệt-ly trong lúc sống</i>)	

306.	Tự Giang-lăng chi Từ-châu lộ thượng ký huỳnh-dệ (Bạch-Cur-Dị)	244
	(<i>Từ Giang-lăng đi Từ-châu trên đường gửi cho anh em</i>)	
307.	Thu-san (Bạch Cur-Dị)	246
	(<i>Núi mùa thu</i>)	
308.	Tây-Thi vịnh	248
	(<i>Vịnh Tây-Thi</i>)	
309.	Kỷ Vi-Chi (Bạch-Cur-Dị)	250
	(<i>Gửi bạn Vi-Chi</i>)	
310.	Hồ trung đối tửu tác (Trương-Vỵ)	252
	(<i>Trong hồ cùng uống rượu</i>)	
311.	Kinh Hạ-bì Dĩ-kiều hoài Trương-Tử- Phòng (Lý-Bạch)	254
	(<i>Qua cầu Dĩ đất Hạ bì nhớ Trương-Tử-Phòng</i>)	
312.	Yên-ca hành (Ngụy-Văn-Đế)	256
	(<i>Bài hát nước Yên</i>)	
313.	Tần-trung ngâm (Bạch-Cur-Dị)	258
	(<i>Khúc ngâm trong đất Tần</i>)	
314.	Thái-liên khúc	261
	(<i>Khúc hát « hái sen »</i>)	
315.	Tùng-thanh (Bạch-Cur-Dị)	262
	(<i>Tiếng cây thông</i>)	
316.	Văn-ca thi (Mục-Hy-Bá)	264
	(<i>Thơ hát viếng người chết</i>)	
317.	Văn khốc giả (Bạch-Cur-Dị)	266
	(<i>Nghe người khóc</i>)	
318.	Oán ca hành (Ban-Tiếp-Dư)	268
	(<i>Bài hát oán</i>)	

— IX —

319. Trường-hận-ca	269
320. Thơ tiễn con dâu góa chồng về nhà mình	277
321. Thơ tả-tình	279
322. Thơ giữ trinh-tiết	280
323. Hai câu thơ tả lòng kiên-trinh của chị, là vợ Kỷ-Lương-Thực	283
324. Dịch thơ xướng họa của Hạng-Vũ với Ngu-Cơ	284
325. Dịch bài thơ của vợ lẽ ông Cử Lưu	286
326. Dịch bài hát của Á-Quyên ngồi thuyền với Giản-Tử đưa nhà vua sang ngang dò	287

Tản-Đà Nhân-đàm, Hải-đàm

327. Ông đồ mới và ông đồ cũ	291
328. Hai con gà	293
329. Tờ ly-hôn của người học-trò	294
330. Thơ khóc tết của hai ông đồ	295
331. Thu-lôi-tiêm	297
332. Thồ-công phải đòn	299
333. Hà-nội	301
334. Hầu thơ	303
335. Hồn chữ	305

Tản-Đà Nhân-tướng

336. Nhân-tướng	309
---------------------------	-----

Tản-Đà gửi người Tri-âm

337. Gửi người Tri-âm	323
---------------------------------	-----

Những thơ viếng Thi-sĩ Tản-Đà

I. Khóc thi-sĩ Tản-Đà (Phan-Như)	329
II. Khóc hạn Tản-Đà (Ngô-Bằng-Dực) . . .	331
III. Khóc chú Tản-Đà (Nguyễn-Tổ)	334
IV. Kính viếng Tản-Đà tiên-sinh (Nguyễn-Trọng- Thuật)	336
V. Mấy câu đối viếng	338



Hai vai gánh nặng, con đường thời xa.

TẢN-ĐÀ.